



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **26**

(2785)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 29 - 6 - 2013

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

TỪ CHUYỆN MỘT CỤ CỐ LIỆT SĨ

ĐỖ TRUNG LAI

Tại một cửa hàng đánh máy, tình cờ đọc được lá đơn xin "Công nhận là gia đình có công với cách mạng" của cụ bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1940. Thật không biết nên cười hay nên khóc!

Xưa nay, việc làm đơn, xin chứng thực (của xã, huyện, tỉnh...) là chuyện thường tình. Chuyện của cụ bà Nguyễn Thị Lan, do đó, cũng sẽ chẳng có gì đáng nói, nếu không biết những chi tiết sau đây:

Cụ cố thân sinh ra cụ bà Nguyễn Thị Lan, tham gia hoạt động cách mạng cùng thời với ông Đỗ Mười - nguyên Tổng Bí thư Đảng ta - và ông Trần Quyết - nguyên Thứ trưởng Bộ Công an - từ trước năm 1945, và là cơ sở của các ông này.

Cụ cố bị Pháp bắt giam ở Hoả Lò - Hà Nội, sau chuyển lên ngục Sơn La và bị tra tấn đến chết ở đó. Cách mạng đã từng báo tử, đã từng phát bằng "Tổ quốc ghi công" cho nhà cụ cố. Pháp càn, nhà bị đốt, giấy tờ cháy!

Nhưng tỉnh Hà Nam đã kịp lấy tên cụ cố để đặt tên cho xã của cụ. Họ tên đầy đủ của cụ cố là Nguyễn Đình Uy. Tên xã, đặt gọn lại, là xã Nguyễn Uy. Xã Nguyễn Uy thuộc huyện Kim Bảng.

Thế mà đến tận mùa thu năm 2012, khi ta vừa kỷ niệm 67 năm "Mùa Thu Cách mạng", thì cụ bà Nguyễn Thị Lan, do già yếu, vẫn phải nhờ một ông bạn già khác ở Hà Nội, viết hộ đơn, thuê đánh máy, để rồi lại phải về lấy xác nhận của cái xã mang tên bố mình, rồi lại còn phải lên huyện, lên tỉnh, lên trung ương, "xin" được "Xét công nhận gia đình tôi là gia đình có công với cách mạng"! (Vây mà cái xã ấy trả lời rằng, do chưa nhận được chỉ thị của trên, nên không xác nhận vào đơn!).

Cụ ông, bạn già của cụ bà Nguyễn Thị Lan, còn nhớ tôi tìm hộ địa chỉ hiện tại của nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, "Nhân chứng" đang còn sống, "xin ông ấy cho mấy chữ vào đơn", để "địa phương để xác nhận".

Chao ôi! Đã lấy tên cụ cố liệt sĩ để đặt tên cho xã cụ (còn rõ hơn cả "Thành hoàng làng" ngày trước); đã quản lý hộ khẩu, hộ tịch của nhà cụ cố gần một thế kỷ (lại là gần một thế kỷ "Cách mạng" nữa chứ)... mà còn để con cháu cụ cố khổ sở thế!

Cụ cố Nguyễn Uy linh thiêng! Giận, thì cụ cố mắng cho, cụ cố chả thèm xin nữa! Dỗi, thì cụ cố khóc mà chối không nhận; nếu cụ cố chiều cố mà nhận cho, thì chắc là cụ cố vừa nhận vừa khóc; còn nếu cụ cố cực để tính, cụ sẽ cười cả lũ hậu sinh về cái tội, đã đem những thủ tục hành chính phiền hà kia ra "hành" con cháu cụ! Cụ cố sẽ bảo: "Nếu thế, thì còn đem tên ta đặt cho xã ta làm gì?".

Thế cho nên, tôi mới bảo, đọc lá đơn của cụ bà - con gái cụ cố - thật không biết nên cười hay nên khóc!

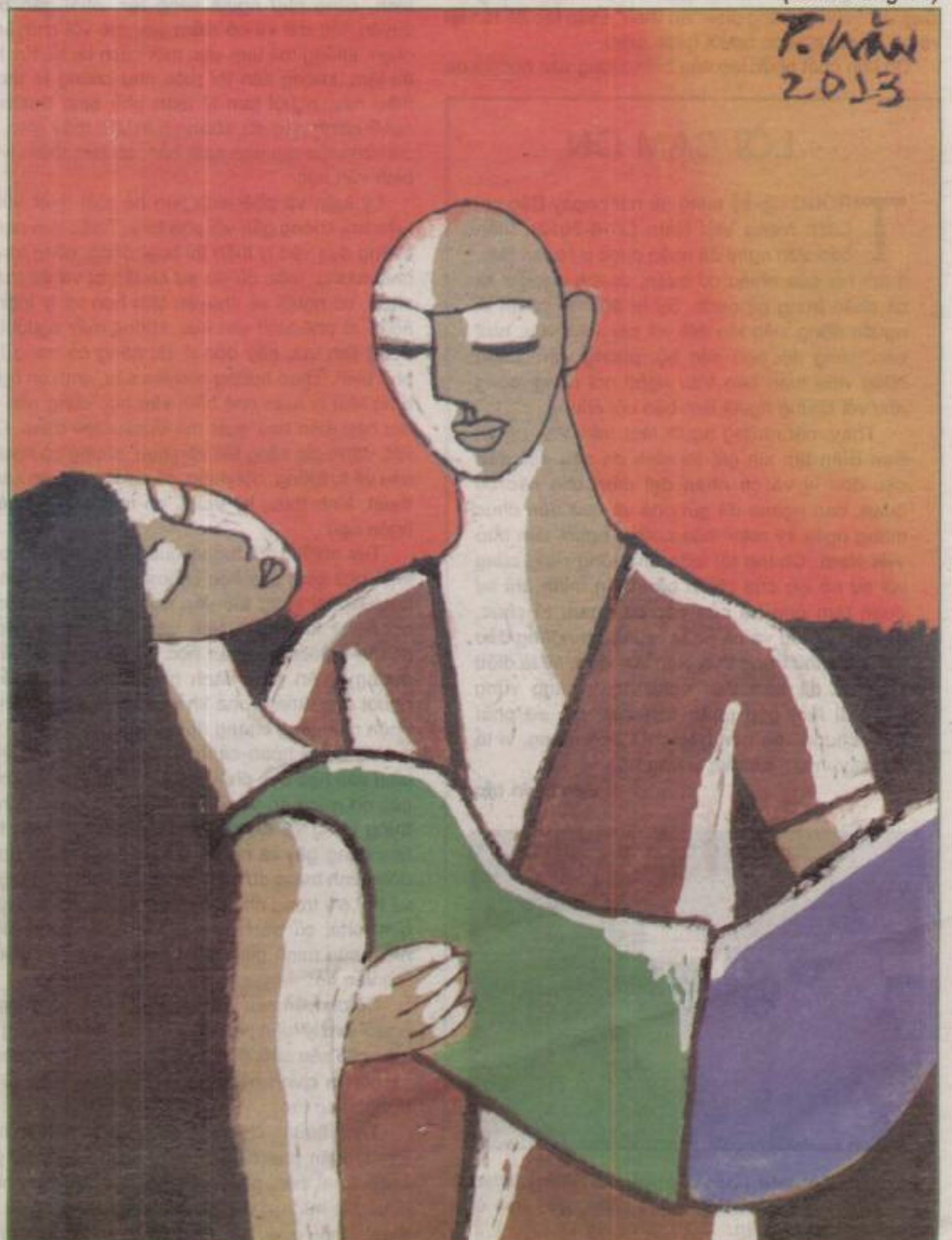
Hình như, phía sau mọi chính sách, phía sau mọi thủ tục hành chính, cần phải có những trái tim? Cụ thể là, phải "tận tâm", phải "chỉ tình", phải "chỉ nghĩa" nữa, như cha ông ta đã dạy.

Nếu không, "Cách mạng" không vui đã đành, mà "người có công với cách mạng" cũng không thể nào hài lòng được. ■

TRÊN ĐỈNH CÔ THÌNH

Truyện ngắn của TRỊNH MINH HIẾU

(Xem trang 14)



Minh họa của PHẠM MINH HẢI



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **25**

(2784)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 22 - 6 - 2013

KỶ NIỆM 88 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21-6-1925 – 21-6-2013)

CHIẾN ĐẤU TRONG VÒNG VÂY

TRẦN MAI HẠNH

21 ngày đêm chiến đấu trong vòng vây dày đặc của 7.000 quân Mỹ, ngụy và chư hầu, tiểu đoàn 3 Quân giải phóng đã viết nên thiên anh hùng ca bi tráng về phẩm chất anh hùng của người lính và sự tàn khốc đến tận cùng của chiến tranh. Cùng sống, chiến đấu trong vòng vây với các chiến sĩ, những trang nhật ký phóng viên của nhà báo Trần Mai Hạnh ghi tại trận được lược trích dưới đây đã được ông lưu giữ suốt 45 năm qua là một minh chứng sinh động về một góc nhỏ, một khoảnh khắc ngắn ngủi trong một cuộc chiến trường kỳ và vĩ đại mà nhân dân Việt Nam đã đi qua. Không những thế, nó còn giúp cho các thế hệ sau này hiểu thêm được phần nào công việc của những nhà báo, và cũng chính là những người lính thật sự, trong những tháng năm gian khổ và ác liệt đó.

(Xem bài trang 4)



Trường Sơn năm 1971

Ký họa của VŨ GIẢNG HƯƠNG

LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC PHẢI CÓ ÍCH VÀ LÀNH MẠNH*

GS. NGUYỄN VĂN HẠNH

... Lý luận phê bình văn học là một lĩnh vực ít để lại những tên tuổi lớn trong lịch sử văn học. Điều này một phần do còn ít những nhà lý luận phê bình chuyên nghiệp, nhưng một phần quan trọng vì đây là một lĩnh vực rất khó, đòi hỏi nhiều công phu chuẩn bị. Để làm tốt công tác lý luận phê bình văn học ở trình độ cao, cần phải có năng lực của một nhà khoa học và một nghệ sĩ. Có năng lực khoa học, lý luận, mà không có năng lực thẩm thấu cái hay, cái đẹp của các hiện tượng văn học nghệ thuật thì dễ đi vào con đường lý luận khô khan, thiếu hấp dẫn. Ngược lại, có năng lực thẩm thấu các hiện tượng văn chương nhưng không có năng lực lý luận, năng lực khoa học, thì dễ chỉ thấy những biểu hiện bề nổi, rời rạc...

Lý luận phê bình văn học và sáng tác văn học luôn đi song hành với nhau, bổ sung cho nhau, để nâng cao chất lượng và hiệu quả từng ngành và phát triển cả nền văn học. Quan hệ giữa lý luận phê bình và sáng tác văn học là quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, cũng có khi là tri kỷ tri âm, của những người cùng chung trách nhiệm và khát vọng chăm lo, phát triển nền văn học, đem văn học làm cho tâm hồn con người và cuộc sống phong phú, tốt đẹp hơn; lý luận phê bình không phải là "cái roi quất cho con ngựa sáng tác lồng lên", cũng không phải "ăn theo" sáng tác để tồn tại và nổi danh, như có người quan niệm.

Do tính chất phức tạp của hiện tượng văn học và do

LỜI CẢM ƠN

TRONG dịp kỷ niệm 88 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21-6-2013), tuần báo Văn nghệ đã nhận được sự quan tâm, thăm hỏi của nhiều cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân trong cả nước. Sự tri ân này chính là nguồn động viên lớn đối với các nhà văn, nhà báo, cùng đội ngũ cán bộ, phóng viên, công nhân viên tuần báo Văn nghệ nói riêng, cũng như với những người làm báo nói chung.

Thay mặt những người làm báo Văn nghệ, Ban Biên tập xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các đơn vị và cá nhân đại diện cho các cơ quan, ban ngành đã gửi hoa và quà đến chúc mừng ngày kỷ niệm của những người làm báo Việt Nam. Chúng tôi luôn tin tưởng rằng cùng với sự nỗ lực của chính bản thân mình, thì sự quan tâm ủng hộ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân, cũng như đồng đạo bạn đọc như trong thời gian vừa qua, sẽ là điều kiện tốt để báo Văn nghệ ngày càng vững bước đi lên, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của nền báo chí Cách mạng, vì tổ quốc, vì nhân dân và vì văn hóa.

Ban Biên tập



Đại diện Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công an tặng hoa chúc mừng báo Văn nghệ nhân ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam.



trình độ dân trí và khoa học hiện nay, nên lý luận phê bình văn học muốn có ích, muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả, thì phải chuyên sâu, chuyên nghiệp hóa, phải trở thành một nghề thật sự. Người làm lý luận phê bình, cũng như người sáng tác, phải gần bó thường xuyên, lâu dài và có niềm say mê với chuyên môn đã chọn, không thể làm việc một cách tài tử, tùy hứng, tiện thì làm, không tiện thì thôi, như chúng ta thường thấy hiện nay, người làm lý luận phê bình thường có một nghề chính nào đó, chẳng hạn làm thầy giáo, nhà báo, cán bộ biên tập nhà xuất bản, rồi làm thêm lý luận phê bình văn học.

Lý luận và phê bình liên hệ mật thiết với nhau, lý luận mà không gắn với phê bình, hoặc làm phê bình mà không dựa vào lý luận thì hoạt động, công trình sẽ kém chất lượng, mặc dù do sự chuẩn bị và sở trường khác nhau, có người sẽ chuyên tâm hơn về lý luận văn học hoặc về phê bình văn học, không mấy người hoạt động trong lĩnh vực này bộc lộ tài năng cả trong lý luận và phê bình. Theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp hóa, từng nhà lý luận phê bình văn học cũng nên có ý thức thu hẹp diện bao quát mà đi sâu vào điểm. Cũng xem xét, đánh giá sáng tác văn học, nhưng có người chuyên sâu về tư tưởng, nội dung, có người chuyên sâu về nghệ thuật, hình thức, kỹ thuật, có người lại chuyên sâu về ngôn ngữ...

Tuy nhiên, đối tượng quan tâm, nghiên cứu của lý luận phê bình văn học không phải chỉ có sáng tác văn học. Ngoài sáng tác văn học, cả trong nước và nước ngoài, lý luận phê bình văn học với tư cách là một ngành nghiên cứu văn học, một khoa học về văn học, đương nhiên phải dành nhiều công sức để tìm hiểu người đọc, khám phá khả năng và khuynh hướng tiếp nhận của công chúng đối với văn học.

Và trong hoàn cảnh cụ thể ở nước ta, lý luận phê bình văn học còn phải chú ý đến thái độ, cách xử lý của các cơ quan có trách nhiệm về văn học nghệ thuật ở trung ương và địa phương đối với các hiện tượng văn học đang gây ra những ý kiến khác nhau hoặc không đồng tình trong dư luận xã hội, đặc biệt về mặt chính trị xã hội, và trong nhiều trường hợp người làm lý luận phê bình phải có trách nhiệm trình bày quan điểm, quan niệm của mình giúp giải quyết những vụ việc văn học "có vấn đề".

Có chuyên sâu vào từng mặt của đời sống văn học, người làm lý luận phê bình mới có được những nhận xét, kiến giải sâu sắc, độc đáo, giúp người đọc, công chúng, xã hội và chính ngay người sáng tác hiểu rõ hơn hoạt động sáng tạo.

Theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp hóa, người làm lý luận phê bình văn học càng phải có ý thức lựa chọn, khai thác, phát hiện mới các phương pháp nghiên cứu, các hướng tiếp cận văn học. Có một đặc điểm đã thành thói quen về phương diện này ở ta là người nghiên cứu thường sử dụng ngay trong một công trình

nhiều phương pháp, mà không chịu chuyên sâu vào một phương pháp tiếp cận nhất định nào. Đây là một cách làm có tính chất thực tế, tiện lợi, thực dụng, nhiều bình diện sáng tác được xem xét cùng một lúc và kết quả có thể thấy ngay, nhưng cách tiếp cận này thường hạn chế về chiều sâu và sự mới mẻ. Lâu nay, trong phương pháp tiếp cận văn học theo quan điểm mác xít, dễ nhận thấy sự vận dụng kết hợp, hỗn hợp cùng một lúc nhiều phương pháp: phương pháp lịch sử, phương pháp mỹ học, phương pháp triết học, phương pháp chính trị học... Theo cách làm này, thế mạnh, tiềm năng của từng cách tiếp cận chưa được khai thác tối ưu. Nếu chuyên sâu, các phương pháp tiếp cận mỹ học, triết học, văn hóa học và cả phương pháp xã hội học thường bị dụng tục hóa, sẽ đem lại chất lượng, hiệu quả mới. Cũng đã đến lúc có thể nghĩ đến việc vận dụng các cách tiếp cận toán học, điều khiển học vào nghiên cứu văn học như một số nước đã làm.

Chuyên sâu, chuyên nghiệp hóa là yêu cầu đối với hoạt động lý luận phê bình văn học nói chung, cũng như đối với từng người làm công tác lý luận phê bình. Do đòi hỏi khách quan, lý luận phê bình văn học vừa phải chuyên sâu, chuyên nghiệp hóa, vừa phải đa dạng hóa về mặt đối tượng nghiên cứu, cũng như khuynh hướng tiếp cận, nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao và rất khác nhau của giới sáng tác, của công chúng, của xã hội.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động lý luận phê bình văn học thì người làm phê bình phải có hiểu biết rộng rãi và sâu sắc về sinh hoạt văn học phong phú và đa dạng đang diễn ra trên cả nước, khen chê có chủ kiến, có căn cứ, có sức thuyết phục; mà lý luận cũng cho ra lý luận, tránh tình trạng lý luận thuần túy, lý luận suông, lý luận chỉ vì lý luận, chẳng gắn gì với thực tiễn văn học, với cuộc sống, với tư tưởng của thời đại. Về lý luận phê bình cũng nên tránh thái độ thụ động, lệ thuộc quá mức vào lý luận văn học hiện đại phương Tây, mà không chú ý, không nghiên cứu thấu đáo truyền thống, thành tựu, đặc sắc lý luận phê bình của ông cha ta và của phương Đông.

Lý luận phê bình cần cho nhà văn một phần, nhưng cần cho công chúng rộng rãi, cho xã hội nhiều hơn. Do đó, phải biết chú trọng đến những vấn đề gì công chúng quan tâm, và có cách nói, cách diễn đạt sao cho phù hợp, cho người ta thông cảm được, hiểu được. Những mục tiêu lớn chỉ phối hoạt động văn học nghệ thuật và hoạt động của con người nói chung là chân, thiện, mỹ. Nhưng càng nhiều tuổi đời, tôi càng trân trọng mục tiêu có ích và lành mạnh trong hoạt động của con người ở bất kỳ lĩnh vực nào.■

* Trích tham luận tại Hội nghị LLPB văn học lần thứ III

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

ĐỂ HÀI HÒA CÁC NHÓM LỢI ÍCH

Nhà thơ LÊ THU

Hồi nhỏ tôi ở với bà ngoại, được ngoại rất cưng, muốn gì cũng được. Nhưng khi tôi muốn theo đám trẻ trong xóm đi ra đồng mót lúa thì ngoại không cho, vì sợ nắng. Tôi bèn bày trò "mót" lúa trong sân. Cứ thợ gặt ném gánh lúa xuống sân, có bao nhiêu hạt no tròn đẹp nhất ở đầu bông lúa rụng ra là tôi hốt hết để riêng, coi là mình "mót" được. Ngày nay, thấy kiểu hoạt động của các công ty nhà nước Việt Nam, tôi lại nhớ mình hồi nhỏ...

Đất nước ta đang thực hiện mô hình "Cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa". Thật tuyệt vời, nếu thực hiện được đúng như thế thì còn gì bằng. Bởi vì cơ chế thị trường sẽ kích thích kinh tế phát triển theo đúng quy luật, sẽ mở rộng và khuyến khích mọi tiềm năng sáng tạo, không còn bị ràng buộc bởi ý chí chủ quan mà ta thường gọi là "duy ý chí"; và "định hướng XHCN" nói nôm na là sử dụng công cụ sản xuất và phân phối thành quả lao động một cách công bằng, không có cảnh người áp bức người, cảnh kẻ ăn không hết người lán không ra - cái mà chế độ Tư bản không thể có được. Mấy mươi năm qua, chẳng phải vì cái đích lấp lánh ngọt ngào đó mà các tầng lớp nhân dân Việt Nam từ thành thị đến nông thôn, trẻ già trai gái đã không nề gian khổ, không tiếc máu xương, đã tự nguyện hy sinh tất cả để chiến đấu giành độc lập, tự do cho đất nước và dân tộc đó sao?

Tất nhiên, đã gọi là "định hướng" thì không phải là hiện hữu trước mắt mà còn phải đi một đoạn đường dài. Nhưng thử hỏi, nếu chúng ta cứ để thả sức cho các nhóm lợi ích tung hoành, tòm té những lợi thế của quốc gia để làm giàu cho một số ít người theo kiểu "mót lúa trong sân bà ngoại" (mà đầu phải chỉ là "mót", họ vơ vét) bỏ mặc cho đại đa số người dân điều gì? Vì giá cả đắt đỏ, vì ô nhiễm môi trường, vì cạn kiệt tài nguyên, vì thối quan liêu hống hách của cán bộ... thì hình ảnh tương lai đất nước này có còn giống một đất nước XHCN công bằng, dân chủ, văn minh hay không?

Gần đây, Chính phủ mới đưa ra một số giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định dân sinh như thắt chặt tiền tệ, cắt giảm đầu tư công vào những lĩnh vực nhiều rủi ro và chưa cần thiết... Đó là những động thái chúng tôi trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong chỉ đạo ở tầm vĩ mô. Nhưng đó là những "giải pháp tình thế", chưa kể có thực hiện được hay không, vì ở đây có sự mâu thuẫn giữa các nhóm lợi ích! Và quả nhiên, chỉ được một thời gian ngắn, đã nghe hô hoán "nổi loạn" tiền tệ, tiếp tục cho vay đầu tư chúng khoán, bất động sản... bất chấp rủi ro; mặc dù nợ xấu đã lên đến cả 100 ngàn tỷ đồng!

Kêu gọi "từ tâm" của những kẻ đang hưởng lợi kếch xù trong các lĩnh vực kinh tế trọng yếu: Ngân hàng, Đầu tư, Xây dựng, Điện, Xăng dầu, Xuất nhập khẩu, khai thác tài nguyên... nghe thật hài hước! Tại sao không có những định chế rõ ràng, ví như: Các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và vợ con của mình không được dùng danh nghĩa Chủ tịch HĐQT các Tổng công ty chi phối của Tập đoàn kinh tế Nhà nước; Việc cấp phép đầu tư ở những lĩnh vực liên quan đến tài nguyên và môi trường chỉ được thực hiện khi đã thông qua sự thẩm định nghiêm túc của các nhà khoa học; Người "bảo lãnh" vay ngân hàng phải có trách nhiệm trả nợ bằng chính "tiền túi" của mình nếu vi phạm phần trăm mà "bảo lãnh" sai, dẫn đến hậu quả "nợ xấu"; Xử lý nghiêm minh những "chủ dự án" đầu tư công làm thất thoát vốn của nhà nước... Cán bộ lãnh đạo không được mở tài khoản ở ngân hàng nước ngoài dưới bất cứ hình thức nào...

Chỉ khi nào nhà lãnh đạo có đủ "dũng khí" đưa ra những quyết sách mạnh mẽ như thế thì may ra nạn tham nhũng, lãng phí và sự tác oai tác quái trong xã hội mới mong "dừng lại và đẩy lùi", lòng dân mới yên và niềm tin vào Đảng, Nhà nước mới được hồi phục.

Kỳ họp Quốc hội lần này thảo luận rất sôi nổi về chủ trương "tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng vốn trái phiếu của chính phủ". Nhiều ý kiến khá thẳng thắn, sâu sắc. Nhưng có một điều, chẳng biết các vị Đại biểu có nghĩ đến hay không: Thực ra "lãng phí" cũng chỉ là một "chiều" của tham nhũng mà thôi. Và vấn đề là "xử lý" thế nào, chứ không phải chỉ là "kiểm điểm rút kinh nghiệm" rồi tiếp tục "phát hành trái phiếu" tiếp tục "đầu tư kém hiệu quả"...

BÀN VỀ VĂN HÓA CÔNG BỘC

BÙI ĐÌNH PHONG

Những người phục vụ dân mà không có văn hóa sẽ trở thành lực cản lớn nhất, phức tạp nhất trên đường phát triển.

BÁC HỒ nhiều lần nói đến hai chữ "đầy tớ" mà gốc là hai chữ "công bộc" vốn có nghĩa là người phục vụ chung của xã hội (serviteur public).

Với thắng lợi mở đầu là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, qua mấy cuộc kháng chiến chống xâm lược, người dân từ thân phận nô lệ bước lên địa vị làm chủ. Còn Đảng, Chính phủ, cán bộ, đảng viên là công bộc của dân. Từ đây, những người serviteur public mang một giá trị mới, đó là văn hóa công bộc, văn hóa của những người đầy tớ, phục vụ dân. Dân chủ của dân là một giá trị. Được phục vụ dân cũng là một giá trị lớn.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt của văn hóa công bộc là theo đúng đường lối nhân dân. Bác Hồ nói Đảng phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Nhưng lãnh đạo là thế nào? Theo Bác, "lãnh đạo là làm đầy tớ nhân dân và phải làm cho tốt". "Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được".

Nội dung của đường lối nhân dân là gì? Là đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết; liên hệ chặt chẽ với nhân dân; việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; sẵn sàng học hỏi nhân dân; tự mình làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, để nhân dân noi theo.

Đối lập với đường lối nhân dân là quan liêu, tức là cái gì cũng dùng mệnh lệnh, ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra bắt dân chúng theo.

Quan liêu có nhiều biểu hiện như: xa nhân dân; khinh nhân dân; sợ nhân dân; không tin cậy nhân dân; không hiểu biết nhân dân; không thương yêu nhân dân. Đây là biểu hiện của sự thấp kém về văn hóa công bộc. Điều này vô cùng nguy hiểm. Bởi vì công bộc thì tự cho mình "làm tròn nhiệm vụ", làm được mau, lại không rầy rà, còn mọi khó khăn, phiền toái, tổn kém đều đổ lên đầu người chủ nhân dân. Bác Hồ dạy: "Làm theo cách quan liêu thì dân oán. Dân oán, dù tạm thời may có chút thành công, nhưng về mặt chính trị, là thất bại". Về mặt chính trị ở đây là lòng tin của dân. Làm theo cách quan liêu thì mất lòng tin của nhân dân, mà mất lòng tin của nhân dân là mất tất cả. Người còn nhấn mạnh: "Cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại".

Văn hóa công bộc là cán bộ, đảng viên phải trọng dân, kính dân, thương dân; biết học dân, hỏi dân, hiểu dân để hiểu mình. Tại sao phải học dân, hỏi dân, hiểu dân? Vì dân thông minh, tài giỏi. Bác Hồ chỉ ra rằng "dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra".

Dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta. Một đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay so sánh. Họ so sánh bây giờ và so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và so sánh toàn bộ phận. Họ so sánh cán bộ này với cán bộ khác. Do so sánh, họ thấy chỗ khác nhau. Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng, là vì tai, mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy. Vì sự so sánh kỹ càng đó, mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình.

Phải học hỏi quần chúng nghĩa là người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên hiểu thấu. Kinh nghiệm cho thấy sự hiểu biết và kinh nghiệm của người lãnh đạo cũng chưa đủ cho sự lãnh đạo đúng đắn. Ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng để thêm cho kinh nghiệm của mình.

Văn hóa công bộc là người lãnh đạo phải nắm vững dân tình, dân tâm, dân ý, lắng tai nghe ý kiến của nhân dân, của những người "không quan trọng".

Văn hóa công bộc là cán bộ phải hy sinh, ít lòng tham muốn về vật chất, hết lòng, hết sức, tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân. Bác Hồ dạy cái gì lợi cho

dân là chân lý. Không gì hạnh phúc bằng được phục vụ nhân dân. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có lợi ích nhà nước, lợi ích doanh nghiệp, lợi ích cá nhân, lợi ích của người dân. Khi buộc phải cân nhắc, lựa chọn giữa các loại lợi ích đó thì bao giờ cũng phải ưu tiên, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết. Đảng và Chính phủ cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm việc. Không có nhân dân thì Đảng và Chính phủ không thể tồn tại. Không thể vì Đảng mà quên dân. Bác dạy, không có dân thì không có Bác; có dân là có tất cả. Người viết: "Có người nói rằng, mọi việc họ đều phụ trách trước Đảng, trước Chính phủ. Thế là đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Họ phụ trách trước Đảng và Chính phủ, đồng thời họ phải phụ trách trước nhân dân. Mà phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm các việc, và cũng phụ trách trước nhân dân. Vì vậy, nếu cán bộ không phụ trách trước nhân dân, tức là không phụ trách Đảng và Chính phủ, tức là đưa nhân dân đối lập với Đảng và Chính phủ".

Văn hóa công bộc là người cán bộ phải gom góp ý kiến, kinh nghiệm rời rạc của quần chúng thành hệ thống, tuyên truyền, giải thích cho quần chúng, làm thành ý kiến của quần chúng. Bác Hồ nhiều lần nhấn mạnh cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan để nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc.

Văn hóa công bộc với Đảng còn phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của quần chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta.

Hiện nay, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên "miệng thì nói dân chủ" nhưng làm việc thì họ theo lối "quan chủ". Miệng thì nói phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân nhưng hành động thì trái với lợi ích của quần chúng.

Không biết học cách làm dân, không hiểu dân, những người đầy tớ đối thoại với dân, trả lời chất vấn của nhân dân thao thao bất tuyệt hoặc vòng vo tam quốc. Họ đổ lỗi cho nhau, trốn tránh trách nhiệm, dựa vào Đảng, dựa vào tập thể, không dám chịu trách nhiệm cá nhân trước nhân dân. Họ không hiểu một lẽ giản đơn: nhân dân không cần lý luận suông, họ cần những cái thiết thực. Nhân dân không cần biết những số liệu về GDP, về thông số kỹ thuật, về kinh nghiệm các nước trên thế giới, về chuyên gia các nước tư vấn, giúp đỡ chúng ta, về quy trình công tác cán bộ..., những điều mà các công bộc của dân hay nói. Nhân dân rất cần biết công bộc ở chỗ phục vụ họ như thế nào? Lúa gạo xuất khẩu nhất thế giới mà tại sao dân vẫn còn nghèo? Có một bộ máy quản lý khổng lồ mà tại sao nhân dân vẫn phải dùng thực phẩm bẩn? Tại sao gia cầm, gia súc nhập lậu, mũ bảo hiểm rơm tràn lan? Ghế xe máy hàng chục ngàn đồng? Nộp phí bảo trì đường bộ mà vẫn cứ phải mua vé đường bộ? Quy trình công tác cán bộ chặt chẽ mà vẫn mua chức bán quyền được? v.v. và v.v...

Những cán bộ có chức quyền và trình độ học vấn nhưng thiếu văn hóa công bộc, đang tự đánh mất mình, xa rời đội ngũ nhân dân và đang tạo ra một khoảng trống giữa họ với nhân dân, từng bước cắt đứt mối liên hệ giữa cán bộ với nhân dân. Chính họ - những đầy tớ của dân, do thiếu văn hóa công bộc, nên "việc gì cũng dùng cách quan liêu, cũng chỉ ra mệnh lệnh, thế là không phụ trách trước nhân dân. Thế là đem hai chữ "mệnh lệnh" làm thành một bức tường để tách rời Đảng và Chính phủ với nhân dân, tách rời lợi ích của nhân dân với chính sách của Đảng và Chính phủ".

Thiếu văn hóa công bộc, hậu quả khôn lường! ■

1 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.222.

2 Sđđ, t.12, tr.555

3 Sđđ, t.5, tr.293.

4 Sđđ, t.5, tr.286

5 Sđđ, t.5, tr.294

6 Sđđ, t.5, tr.294

VẤN ĐỀ HÔM NAY

NHÌN LẠI 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA VIII

Năm 2013 là vừa tròn 15 năm toàn Đảng toàn dân ta triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa VIII (ban hành ngày 16-7-1998) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một Nghị quyết mang tính chiến lược về văn hóa, xác định rõ trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc trong thời đại mới.

Trong những ngày này, tại tất cả các địa phương trong cả nước đang náo nức diễn ra các hoạt động tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa VIII. Đây là một cơ hội để chúng ta nghiêm túc nhìn lại và đánh giá một cách thẳng thắn, khách quan nhất về những việc đã làm được cũng như chưa làm được trong quá trình thực hiện một Nghị quyết có tính chiến lược, mà nhiều người đã đánh giá là chỉ sau Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 của Đảng; để từ đó rút ra những bài học, những kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn tiếp theo, là việc làm hết sức cần thiết và có ý nghĩa.

Một thực tế rất rõ ràng là trong thời gian vừa qua, đặc biệt là trong 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa VIII, đất nước ta đã phải đối mặt với rất nhiều những thách thức cả về kinh tế lẫn chính trị, từ những thăng trầm của kinh tế thị trường, đến những biến động lớn lao của thế giới. Tuy nhiên có một điều cần phải được khẳng định là dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam, nhờ có một bề dày về lịch sử và văn hóa mà đã đứng vững.

Thành công là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên bên cạnh những thành công đó không phải là không có những điều chúng ta đã làm chưa đúng, chưa tốt. Để góp phần thiết thực vào việc đánh giá lại 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, tiếp theo sau bài viết Bàn về văn hóa công bộc của tác giả Bùi Đình Phong trên số báo trước, từ số này, Văn nghệ sẽ tiếp tục đề cập các vấn đề từ góc nhìn văn hóa trong một số lĩnh vực khác của đời sống xã hội để chúng ta cùng suy ngẫm, trao đổi...

Xin chân thành cảm ơn các nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu đã tham gia chuyên mục này.

VĂN NGHỆ



Một tiết mục trong chương trình nghệ thuật "Bản sắc văn hoá Việt" chào mừng Ngày văn hoá các dân tộc Việt Nam 2013.

BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG CHIẾN LƯỢC VĂN HÓA

TRỊNH ĐÌNH KHÔI

BẢN sắc dân tộc là vấn đề lớn khi bàn về văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) ban hành ngày 16-7-1998 là một nghị quyết mang tính chiến lược về văn hóa (sau Đề cương văn hóa năm 1943 của Đảng) trong giai đoạn cách mạng mới. Chủ trương "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" là một chủ trương hoàn toàn đúng cho ngày nay và cho mai sau. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là một văn kiện công phu và đầy tâm huyết của Đảng, thể hiện ý chí, tâm nguyện của toàn Đảng toàn dân, xác định rõ trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc trong thời đại mới. Một trong những luận điểm cơ bản của Nghị quyết này là chỉ ra sự cần thiết sống còn của việc duy trì và phát triển "bản sắc dân tộc" của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ CNH - HĐH và hội nhập quốc tế.

Văn hóa phải trở thành sức mạnh nội sinh trong lòng dân tộc và ở đó, văn hóa dân tộc phải giữ vai trò chủ đạo, cái mà chúng ta sinh ra đã có, đã nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta và các thế hệ mai sau. Soi vào đó, ta thấy ta; ta thấy tâm hồn, tính cách người Việt hiện lên, trầm tích một cốt cách. Xét đến cùng, một dân tộc tồn tại và phát triển hay không là ở chỗ có nền văn hóa của mình hay không? Các nền kinh tế thường thường giống nhau; có sắc thái văn minh tiến bộ hoặc lạc hậu tùy vào mức độ thành công hay không thành công của nền kinh tế đó, nhưng văn hóa nói lên bản sắc dân tộc và sự khác lạ độc đáo và duy nhất của mỗi quốc gia, dân tộc thì không mấy phụ thuộc vào sự thành bại của một nền kinh tế. Cha ông ta nói "đói cho sạch rách cho thơm" là vì lẽ ấy. Trong những năm tháng chiến tranh, mặc dù nền kinh tế nước ta bị tàn phá kiệt quệ, nhưng phẩm cách con người Việt Nam thì vẫn sáng ngời, được bạn bè thế giới gọi là "lương tâm của nhân loại". Giữ được văn hóa dân tộc là còn dân tộc. Có lẽ quán triệt được điều đó mà từ Đề cương văn hóa năm 1943 đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, vấn đề dân tộc trong văn hóa rất được chú trọng. Bước sang thế kỷ mới, sức mạnh của văn hóa thế giới được nâng lên đa dạng và phong phú, giàu màu sắc, với xu thế toàn cầu hóa và sự hỗ trợ của cuộc cách mạng về công nghệ thông tin, các sắc thái văn hóa xa lạ dễ dàng du nhập thậm chí lấn át các yếu tố văn hóa bản địa nếu văn hóa nội sinh không đủ sức mạnh. Cho nên một nền văn hóa muốn phát triển thì phải tiếp thu được các yếu tố "tiên tiến" của văn hóa nhân loại nhưng phải đậm đà bản sắc dân tộc để luôn giữ được mình. Mình vẫn là mình trước khi du nhập ngoại lai và chỉ tiếp thu những tinh hoa tiên tiến để bổ sung và làm mới mình. Vấn đề dân tộc trong văn hóa như tình yêu của con người, như ánh sáng của mặt trời, không bao giờ xưa cũ. Cuộc đi đến văn hóa của một dân tộc cũng khó khăn, nghiệt ngã như cuộc lữ hành đầy vất vả. Đề cương văn hóa năm 1943 và Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là hai dấu son tiêu biểu cho tinh thần văn hóa của Đảng. Nhưng những tiến bộ văn hóa

không thể kể theo bước đi của thời gian. Thời gian năm năm, mười năm chưa phải là dài. Nó không giống như kinh tế có những đột biến, thành công bất ngờ nếu chủ trương đúng. Chúng ta đã có những quyết sách đúng đắn về văn hóa, song còn phụ thuộc không ít vào những bước đi, vào cách làm và phải có thời gian cho sự lắng đọng của các thành tố văn hóa mới. Vì sản phẩm văn hóa cần tài năng và tâm hồn, cần có cả sự hòa đồng, các chính sách là rất quan trọng; nhưng suy cho cùng cũng chỉ có giá trị đòn bẩy.

Nhìn lại mười lăm năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nhằm đánh giá đầy đủ quá trình thực hiện Nghị quyết, chỉ rõ cái gì đã đạt được, cái gì chưa đạt được. Nhưng chủ yếu là nhìn lại xem Nghị quyết đã đi vào đời sống, vào văn hóa nhân dân như thế nào; có tác động gì đến đời sống xã hội, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế? Có gì nên phát huy, có gì cần bổ sung? Vấn đề là triển khai thực hiện Nghị quyết này thế nào? Vừa qua, trước những thăng trầm của kinh tế thị trường, trong một thế giới đầy biến động, rõ ràng con người Việt Nam nhờ có văn hóa mà đứng vững. Văn hóa truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc nhờ có vị thế vững chắc sâu đậm trong lòng dân tộc nên vẫn tồn tại và phát huy trong kinh tế thị trường, không bị "con dã thú kinh tế thị trường" tàn phá. Vì thế Nghị quyết nhấn mạnh văn hóa thực sự vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển và là nền tảng của xã hội. Trong hào quang của phát triển kinh tế, con người dễ lãng quên và làm tưởng đồng tiền và vật chất là trên hết, tiền đang đứng trên đạo đức, văn hóa và cả trên luật pháp. Giàu có vật chất là điều kiện để tồn tại nhưng không thay thế cho sự tồn tại. Cần phải coi những chủ trương, chính sách về văn hóa trước hết không phải vì bản thân văn hóa mà vì sự phát triển xã hội và tồn tại của dân tộc. Qua đánh giá tổng kết và dư luận xã hội, chúng ta thấy rõ văn hóa thực sự có nhiều tác động trong đời sống, duy trì và cân bằng xã hội, tạo ra những giá trị đạo đức, những thuần phong mỹ tục của cộng đồng. Tuy vậy, do mãi mê với kinh tế để duy trì sự sống thường nhật mà con người đã sao nhãng nếp sống, chưa đề cao những giá trị văn hóa. Các cơ quan quản lý văn hóa cũng đã ít nhiều bị "con lối thị trường" làm cho chao đảo. Nhiều thiết chế văn hóa chúng ta đã dày công xây đắp trong những năm tháng chiến tranh và cả những năm còn bao cấp đã bị xóa bỏ hoặc vô hiệu hóa. Nhiều rạp chiếu phim, rạp hát hoặc hệ thống "Hiệu sách nhân dân", câu lạc bộ bị giải thể hoặc thiếu nội dung hoạt động, chưa kích thích sáng tạo và phổ biến văn hóa. Nhiều nhà văn hóa trở thành "nhà văn khóa" cửa đóng quanh năm, hoặc trở thành nhà hàng quán nhậu ồn ào và ô trọc... Sự phát triển kinh tế theo hướng thực dụng đã làm mờ nhạt các giá trị văn hóa truyền thống. Con người với công đồng, với xã hội đang ít dần sự giao lưu thân thiện, quan tâm đến buồn vui sướng khổ của nhau. Đồng tiền lấn át những giá trị văn hóa đạo đức, khiến cho nó trở thành thứ yếu, đóng vai phụ trong đời sống. Đó không

chỉ là sự xuống cấp đáng buồn của xã hội mà thực sự đã là "sự lâm nguy của văn hóa".

Tuy nhiên, văn hóa truyền thống đạo đức dân tộc luôn trường tồn và có sức đề kháng khá mạnh mẽ, luôn là hạt nhân cố kết con người và là động lực cho sự tiến bộ của xã hội. Nhiều địa phương đã biết phát huy sức mạnh của văn hóa, tạo nền tảng cho việc xây dựng con người mới, cho khoa học kinh tế phát triển một cách hài hòa. Mô hình phát triển kinh tế gắn chặt với phát huy các yếu tố văn hóa truyền thống đã thành công ở rất nhiều nơi trong cả nước. Trong sự phát huy sức mạnh mềm của văn hóa thì yếu tố bản sắc dân tộc đã được nhấn mạnh, vì đó là chỗ mạnh và điểm nhấn của văn hóa Việt Nam. Trong các lĩnh vực sáng tạo, yếu tố dân tộc cũng luôn là âm hưởng chủ đạo bao trùm, từ các bộ môn nghệ thuật từ dân gian tới bác học, từ dân chúng đến cung đình, từ không chuyên đến chuyên nghiệp. Ở đó, tâm hồn Việt Nam lặn sâu vào tác phẩm hoặc phổ biến ra ngoài văn rõ nét bản sắc Việt Nam, con người Việt Nam.

Vừa qua chúng tôi may mắn được dự Hội nghị tổng kết mười lăm năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII do Tỉnh ủy Thanh Hóa tổ chức. Bản báo cáo của Tỉnh ủy và các báo cáo điển hình đã nêu bật được ưu khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết, chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại cần khắc phục và những quyết sách tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, xây dựng đời sống tinh thần cho nhân dân trong tỉnh. Chúng tôi đặc biệt hứng thú khi được nghe về những sáng tạo trong công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy về vận dụng việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII vào việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở Thanh Hóa. Rõ ràng nền văn hóa mới mà chúng ta đang xây dựng phụ thuộc rất nhiều vào việc hình thành thế hệ những con người mới. Văn hóa Việt Nam đến ngày hôm nay vẫn gắn chặt với nông nghiệp và nông thôn, vì vậy những yếu tố văn hóa, nhất là những yếu tố mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt, trong chiến lược xây dựng nông thôn mới ở nước ta là vô cùng quan trọng.

Trong những ngày này, các thành ủy, tỉnh ủy trong cả nước đang tiếp tục tiến hành việc tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa VIII. Hy vọng đây là một cơ hội để chúng ta nghiêm túc nhìn lại những gì mà chúng ta làm được và chưa làm được, những gì làm tốt và những gì còn làm hỏng, làm sai trong quá trình thực hiện một nghị quyết có tính chiến lược về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm nền tảng để dân tộc chúng ta có đủ sức mạnh để tiến vào thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta bước vào hàng ngũ những đất nước phát triển, những dân tộc văn minh trên thế giới.■

VẤN ĐỀ HÔM NAY

BÁO CHÍ TRONG THỜI ĐẠI
TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH

CÓ một điều tưởng như nghịch lý là trong thời đại mà sự phân công lao động ngày càng cao, càng chi tiết thì bằng sự phát triển của công nghệ, hoạt động của con người dường như đi ngược lại xu hướng này. Với sự trợ giúp của công nghệ, một người hoàn toàn có thể thích ứng với nhiều vị trí công việc khác nhau trong cùng một đơn vị. Tại các cơ quan báo chí, báo điện tử, nhà xuất bản một người có thể sẵn sàng làm quản lý, biên tập, xây dựng các nội dung báo chí, ấn phẩm, bia sách... Tại các hãng truyền hình, hãng sản xuất phim, một người có thể là quản lý, biên tập, xây dựng các chương trình truyền hình, phim điện ảnh, xử lý âm thanh, hình ảnh trước khi phát sóng, thiết kế các nội dung truyền hình, hay làm các kỹ xảo điện ảnh... Tại các công ty quảng cáo, một người có thể thiết kế bao bì, nhãn hiệu sản phẩm, thiết kế logo, làm phim quảng cáo... Tại các công ty phát triển phần mềm, một người có thể làm thiết kế giao diện, thiết kế chức năng, xây dựng nội dung các website... Nhưng vấn đề còn là ở chỗ, bằng sự trợ giúp của công nghệ, một người không chỉ có thuận lợi trong việc dễ thích ứng với nhiều vị trí công việc mà còn là việc một người cùng lúc có thể thực hiện nhiều công việc ở những vị trí khác nhau.

Cũng theo cách thức trên đây, những người hoạt động trong lĩnh vực báo chí, truyền thông phát triển những khả năng nghề nghiệp của mình như một sự thích ứng phù hợp với sự mở rộng không giới hạn của công nghệ. Ngày nay yêu cầu đa chức năng đối với nhà báo hiện đại đã trở thành đòi hỏi bình thường. Chẳng có gì lạ nếu người ta hình dung về một nhà báo hiện đại là người vừa sử dụng máy tính bảng vừa dùng điện thoại di động định vị vệ tinh, lại có thể thêm một máy ảnh, một camera... Cách thức mà các nhà hoạt động báo chí và truyền thông nhập cuộc và thực hiện sự tương tác với cộng đồng đã thay đổi căn bản.

NHỮNG HIỆU ỨNG TÍCH CỰC...

Những tiến bộ vượt bậc về công nghệ của thời đại chắc chắn giúp ích rất nhiều cho phương thức sống của con người. Nó thỏa mãn nhiều khám phá và trải nghiệm trước đây chưa từng có trong hầu hết mọi sinh hoạt đời sống từ hoạt động khoa học, giáo dục, kinh doanh, quản lý xã hội đến sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí... Công nghệ cũng làm cho hoạt động báo chí và truyền thông có thêm nhiều lợi thế. Những người làm báo chí, làm truyền thông sẽ thuận lợi rất lớn trong việc đáp ứng những nhu cầu phức tạp và đa dạng của công chúng. Hoạt động báo chí, truyền thông ngày nay không chỉ đơn thuần là cung cấp thông tin, các loại hình giải trí mà đòi hỏi sự trực quan và tương tác cao. Nhờ công nghệ họ có thể có được những sản phẩm sáng tạo thỏa mãn xã hội ở những khu vực khác nhau nhất một cách nhanh chóng, kịp thời và thuận tiện nhất.

Truyền thông đa phương tiện là một phương thức hoạt động báo chí mới, và nhiều phần chắc chắn sẽ là chủ đạo trong tương lai rất gần. Không chỉ ở các nước phát triển, cuộc cạnh tranh để vươn lên trong nghề nghiệp đối với các nhà báo ở mọi khu vực hiện nay và tới đây sẽ rất gay gắt. Nhà báo bị buộc đòi hỏi không thể chỉ chuyên vào một lĩnh vực

Sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin đã làm thay đổi căn bản cuộc sống của con người ở mọi nơi trên thế giới, trong đó báo chí và truyền thông là một trong những lĩnh vực ứng dụng công nghệ nhanh và nhạy nhất. Những người hoạt động trong lĩnh vực báo chí và truyền thông đứng trước cơ hội rất lớn để nâng cao và mở rộng các năng lực sáng tạo của mình đáp ứng đòi hỏi phát triển của công chúng cũng trong môi trường mà tốc độ và sự thay đổi đòi hỏi nhanh chưa từng thấy. Trong điều kiện đó, sự phát triển những kỹ năng đa phương tiện vừa là một nhu cầu phát triển tự thân vừa để tránh khỏi bị đào thải trong quá trình cạnh tranh nghề nghiệp. Nó giúp cho năng suất làm việc của mỗi cá nhân tăng lên không ngừng và có thể cùng lúc đáp ứng mọi vị trí công việc khác nhau trong cùng một lĩnh vực. Tuy nhiên những năng lực được hay buộc phải phát triển trong tương quan với sự phát triển của thời đại công nghệ cũng cần được xem như một yếu tố làm giảm sự tập trung năng lực tự nhiên ở con người. Cũng có thể nói như vậy về công chúng của thời truyền thông đa phương tiện. Đó là công chúng mà sẽ đến lúc phần lớn những nhu cầu của họ không còn dấu vết của tâm hồn truyền thống nữa. Đối với họ sản phẩm truyền thông ngày càng phải nhanh hơn, nhiều hơn, ngắn hơn, trực tiếp với giác quan hơn và ít phải động não hơn.

Không chỉ có thế, các cơ quan truyền thông khác nhau đều có mong muốn hướng tới một mô hình tổng hợp bao gồm hầu hết các sản phẩm, từ ấn phẩm in giấy, sản phẩm điện tử, cho đến phát thanh, truyền hình... Thuật ngữ **multimedia - truyền thông đa phương tiện** ra đời để phản ánh hiện tượng phát triển đa dạng và mạnh mẽ của các mô hình báo chí, truyền thông đó; và các nhà báo trong thời đại này cũng được gọi là **multimedia journalist**.

Phát triển trong bất kỳ lĩnh vực nào của đời sống xã hội đều là một xu hướng tất yếu, trong đó khoa học và công nghệ luôn là những lĩnh vực tiên phong. Tuy nhiên để có được một sự đồng bộ giữa sự tiến bộ của công nghệ với nhu cầu và khả năng nhận thức của con người thì không phải ở bất kỳ đâu và vào bất kỳ lúc nào cũng có được những kết quả như mong muốn. Và sự phát triển cùng với việc ứng dụng đa phương tiện ngày càng nhiều trong hoạt động báo chí, truyền thông hiện nay cũng không nằm ngoài quy luật đó...



Các phóng viên ra tác nghiệp tại đảo Đả Tây, thuộc quần đảo Trường Sa.

như phóng viên ảnh hay phóng viên viết bài. Trường hợp phóng viên ảnh ngoài việc cung cấp phóng sự ảnh, họ còn có thể phỏng vấn, ghi âm, quay phim, hiệu chỉnh âm thanh, hình ảnh video và thậm chí cả thiết kế đồ họa, flash thì điều đó chắc chắn cũng là đòi hỏi đối với phóng viên viết bài, phóng viên quay phim. Cũng không có gì là quá phóng đại nếu như tự bản thân một người có thể trở thành một "cơ quan" cung cấp sản phẩm truyền thông đa phương tiện cho cộng đồng nhờ biết ứng dụng các loại máy móc và công nghệ.

Như vậy, sự phát triển công nghệ đem lại cơ hội chưa từng có để giúp mở rộng khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Bản thân những người hoạt động báo chí, truyền thông thời đa phương tiện là người có những kỹ năng tổng hợp trên cơ sở việc ứng dụng sáng tạo các thành tựu công nghệ thông tin.

VÀ NHỮNG HỆ LỤY KHÓ TRÁNH KHỎI

Tuy nhiên, sự phát triển những kỹ năng tổng hợp của những người hoạt động trong lĩnh vực báo chí truyền thông,

bên cạnh những mặt tích cực dễ nhận thấy cũng không phải không còn có những điều hệ lụy. Bản thân những hệ lụy này nằm ngay trong chính sự phát triển những kỹ năng tổng hợp để đáp ứng đòi hỏi của mô hình hoạt động đa phương tiện ngày nay.

Có rất nhiều cái có thể bàn đến, nhưng trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập một khía cạnh, đó là sự mâu thuẫn giữa tốc độ phát triển và chiều sâu của sự phát triển. Mâu thuẫn giữa sự mở rộng các khả năng hoạt động của con người và những đòi hỏi chính đáng đối với sự phát triển chiều sâu trí tuệ cần thiết (và thậm chí là cả vẻ đẹp nữa) trong từng khả năng của nó.

Có nhà tư tưởng từng phát biểu đại ý, đối với bản thân con người, với tư cách một sinh thể theo quy luật tự nhiên thì mỗi bước tiến về văn minh là một bước thụt lùi về năng lực. Ở khía cạnh năng lực tự nhiên của bản thân con người, đây là một nhận xét sâu sắc. Chỉ sau vài trăm năm tiến bộ của nền văn minh, con người hiện đại hầu như không còn giữ được những bản năng tự nhiên sau hàng triệu năm tiến hóa. Sự ra đời của phương

tiện kỹ thuật đã thay thế cơ bản các hoạt động con người từ lao động cơ bắp đến năng lực giác quan hay trí não. Máy móc làm con người lười đi, máy móc làm cho con người phụ thuộc. Nhưng điều quan trọng hơn cả là con người dường như đến lúc tin vào máy móc hơn là tự tin vào bản thân mình. Chính sự phát triển vượt bậc về khoa học và công nghệ đã làm ra điều đó.

Nói về quan hệ giữa con người và sự phát triển của công nghệ thông tin chúng ta đã nói đến nhiều giá trị mang lại hạnh phúc cho con người. Đó là những năng lực vượt trội, đó những tiện ích, những ứng dụng kỳ diệu, là những sáng tạo vô tận nhờ sự trợ giúp công nghệ...

Tuy nhiên, dù khả năng con người nói chung được coi là vô hạn thì trong phạm vi từng cá nhân nó lại là hữu hạn. Công nghệ có thể giúp cá nhân thích ứng và mở rộng các kỹ năng trong những điều kiện nhất định, song cũng vì thế, nó rất có nguy cơ làm thui chột các năng lực tự nhiên ở con người. Đáng lẽ một nhà báo có thể trở thành một cây bút viết phóng sự sắc sảo và chỉ cần như thế là đủ thì anh ta lại trở thành một nhà báo đa phương tiện. Thay vì tập trung mọi năng lực để sáng tạo những tác phẩm có tầm cỡ thì anh ta lại chỉ có thể viết được những phóng sự khá khá bởi còn phải phân phối khả năng cho việc xử lý những công việc khác như chụp ảnh, quay phim, ứng dụng phần mềm công nghệ để xử lý sản phẩm. Bởi vì anh ta càng ngày càng phải tăng năng suất làm việc để kịp thời phục vụ công chúng đang đòi hỏi rất cao trong hướng thụ. Tuy nhiên đây là công chúng (mà nhu cầu hướng thụ phần lớn cũng bị tha hóa) vốn chỉ quen dùng những sản phẩm thiên về thỏa mãn giác quan trực tiếp và không phải động não nhiều. Điều đáng nói ở đây là dường như ở cả hai phía, công chúng và những nhà hoạt động truyền thông dần trở nên tương hợp trong cùng một môi trường, cùng những tiêu chí.

Và như vậy, dường như không có cách nào khác, chúng ta đang trong tình trạng không thể cưỡng lại xu thế chung. Cái xu thế mà tất cả mọi sản phẩm phục vụ đời sống đều phải thỏa mãn được đòi hỏi *nhANH, NHIỀU, TỐT*. Đây cũng chính là chỗ gọi khổ cho chúng ta nhiều suy nghĩ mà trong phạm vi bài viết này dù rất muốn cũng không thể nói sâu hơn và giải quyết được thấu đáo vấn đề hơn nữa.

Trong thời đại ngày nay, với sự trợ giúp của công nghệ thông tin, tất cả mọi người đều có cơ hội để học hỏi và phát triển rất nhanh chóng. Nếu muốn, một cá nhân có thể đồng thời phát triển những năng lực tưởng chừng hết sức khác nhau để phục vụ những nhu cầu và đòi hỏi của cuộc sống hiện đại. Tuy nhiên, như vậy nếu như một người trẻ tuổi hoạt động trong lĩnh vực báo chí, truyền thông mà không đáp ứng những đòi hỏi của công chúng đa phương tiện thì có lẽ không hẳn là người đó không thể thích ứng với thời đại. Họ hoàn toàn có thể lựa chọn đi theo một con đường riêng để bảo tồn và phát triển những năng lực tự nhiên và thiên bẩm của mình khỏi bị cơn lốc của thời đại đa phương tiện nuốt chửng!

Có phải chăng chúng ta càng ngày càng hiếm hoi những năng lực chuyên biệt trong thời đại truyền thông đa phương tiện?!

BÚT KÝ - PHỎNG SỰ

SÔI BÓNG SÔNG QUÊ

Bút ký của LƯU THỊ BẠCH LIÊU

RẤT nhiều người không biết Thái Nguyên có sông Cầu. Dòng sông thơ mộng này lững lờ và hiền hòa hàng đời nay trong dân ca vùng Kinh Bắc nên nghiêm nhiên tạo cho người ta trí tưởng rằng sông Cầu là của riêng các liến anh, liến chị.

Tôi không những biết Thái Nguyên có sông Cầu, không những biết đoạn sông đẹp nhất mềm mại uốn quanh thành phố, nơi có cầu Gia Bẩy và khách sạn Dòng Sông Xanh, nơi gần như đã đóng đinh trong các tác phẩm nhiếp ảnh về vẻ đẹp của sông Cầu ở Thái Nguyên, tôi còn biết đại bộ phận lãnh thổ của Thái Nguyên thuộc hệ thống con sông này. Đã có một báo cáo chỉ ra rằng cứ mỗi ki-lô - mét vuông diện tích tự nhiên của Thái Nguyên là có gần một ki-lô - mét sông thuộc hệ thống sông Cầu. Thế mới biết, sông Cầu nặng lòng với xứ chè đến nhường nào!

Suốt chiều dài gần ba trăm ki-lô - mét, bắt nguồn từ xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, trước khi xuôi dòng về thành phố Bắc Ninh, qua thị xã Phả Lại rồi đổ ra biển ở cửa Thái Bình, sông Cầu đã dành phần lớn hành trình để lãng du suốt từ Bắc chí Nam của tỉnh Thái Nguyên, hào phóng dâng đắp phù sa cho biết bao ruộng đồng, vườn tược. Người ta bảo, những vùng chè ngon nhất của đất chè đều hoặc nằm ven sông Công, hoặc nằm ven sông Cầu. Rong ruổi nơi thượng nguồn, sông Cầu có cái thư thả nhàn nhả của kẻ rảnh rang, biết rõ phía trước mình là ngày rộng tháng dài. Càng về hạ lưu, sông mới càng trở nên vội vã, lưu luyến những vùng đất mình vừa qua, những con người mình vừa gặp.

Trên bản đồ tỉnh Thái Nguyên, về tận cùng phía Nam, có một rẻo đất chia ra giống y như mẩu ruột thừa, có lẽ đã được tạo thành từ sự dùng dằng của sông Cầu trước khi lìa xa mảnh đất lưu giữ phần lớn cuộc đời của nó. Thôn Phú Cốc, xã Tân Phú, huyện Phổ Yên - làng nghề dâu tằm tơ nổi tiếng của xứ Thái, nằm trọn trong vòng ôm da diết và tuyệt vọng của dòng sông.

Chầm chậm chạy xe trên đường đê, ngắm những thảm cỏ xanh mượt, những thửa lúa vàng ruộm điểm xuyết bằng những hồ sen, lổn lổn phía trước là quãng sông trong vắt hiền hòa chảy, con gái tôi quá đỗi ngỡ ngàng. Cháu cứ trầm trồ mãi vì ngỡ chỉ trong ti vi mới có những cảnh thiên nhiên tươi đẹp đến vậy.

Bên này sông là đất Phổ Yên, Thái Nguyên, bên kia sông thuộc huyện Hiệp Hoà tỉnh Bắc Giang. Tôi nghĩ, bất cứ ai sống ở đó, không, chỉ cần một lần qua bến sông này là đã muốn viết ra một điều gì hoặc cất lên tiếng hát, ngâm lên một câu thơ. Qua bến Chã, qua Nghè Văn Trai - nơi thờ Nhân Uyển Công chúa, theo truyền thuyết, đây chính là bà Tổ nghề tằm tang của vùng, đón chúng tôi là những ruộng dâu xanh như không thể xanh hơn.

Thôn Phú Cốc nằm trọn vẹn ở "khúc ruột thừa", cánh đồng dâu xanh mượt là một đường viền mềm mại giữa làng và sông. Chiều mùa hè nắng gay gắt, bóng đa làng như lòng mẹ hiền tỏa mát, từ dòng sông, hơi nước và những làn gió thổi lên, dập dìu qua ruộng dâu, quạt

không khí tinh khiết, tươi mát về phía làng. Người Phú Cốc đầu tiên mà chúng tôi gặp là ông lão chân bò tên Trần Thái Long. Thật may mắn, ông Long nguyên là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã dâu tằm tơ Tân Phú nên chúng tôi đã thu thập được rất nhiều thông tin về sự thăng trầm của một làng nghề lâu đời. Ông cũng bật mí một số công dụng của con tằm. Nhìn vẻ nhanh nhẹn, tráng kiện của ông cụ ở tuổi tám mươi mốt, chúng tôi nhanh chóng vào làng...

Tại nhà anh Trần Văn Hiệp, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Tân Phú, chị Nguyễn Thị Tư, vợ anh và cô con dâu Nguyễn Thị Phương đang nhanh tay nhặt kén. Dù bận rộn là vậy, chị Tư vẫn hết sức niềm nở và nhiệt tình giải đáp trí tò mò của khách.

Chị Tư bảo chẳng có ai trong thôn biết nghề tằm tang - nghề trồng dâu nuôi tằm được gọi đơn giản như vậy, đã có từ bao giờ, từ đời cụ kị, mở mắt chào đời là đã thấy nông tằm. Chị cũng vậy, từ thuở lẫm chẫm đã chơi với tằm, với kén rồi theo nghề lúc nào chẳng hay.

Theo nhiều tài liệu, nghề trồng dâu nuôi tằm phát tích từ Trung Quốc, được gắn với Hoàng hậu Xi Ling Shi là người

đầu tiên đã tình cờ phát hiện ra tơ tằm vào khoảng năm 2640 trước công nguyên. Nhờ loại hàng hoá có giá trị nhất thời bấy giờ mà "Con Đường Tơ Lụa" đã mở đường cho giao lưu hàng hóa và các luồng giao lưu văn hoá, nghệ thuật, tôn giáo... Bí mật của ngành dâu tằm tơ được người Trung Quốc giữ kín rất lâu, phải gần một nghìn năm sau ngành nghề này mới được để lộ và lan truyền sang các nước lân cận qua Con Đường Tơ Lụa. Đầu tiên là lan truyền sang Triều Tiên vào khoảng năm 1200 trước Công nguyên, sau đó là Nhật Bản vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên và ấn Độ giữa thế kỷ 2 trước Công nguyên.

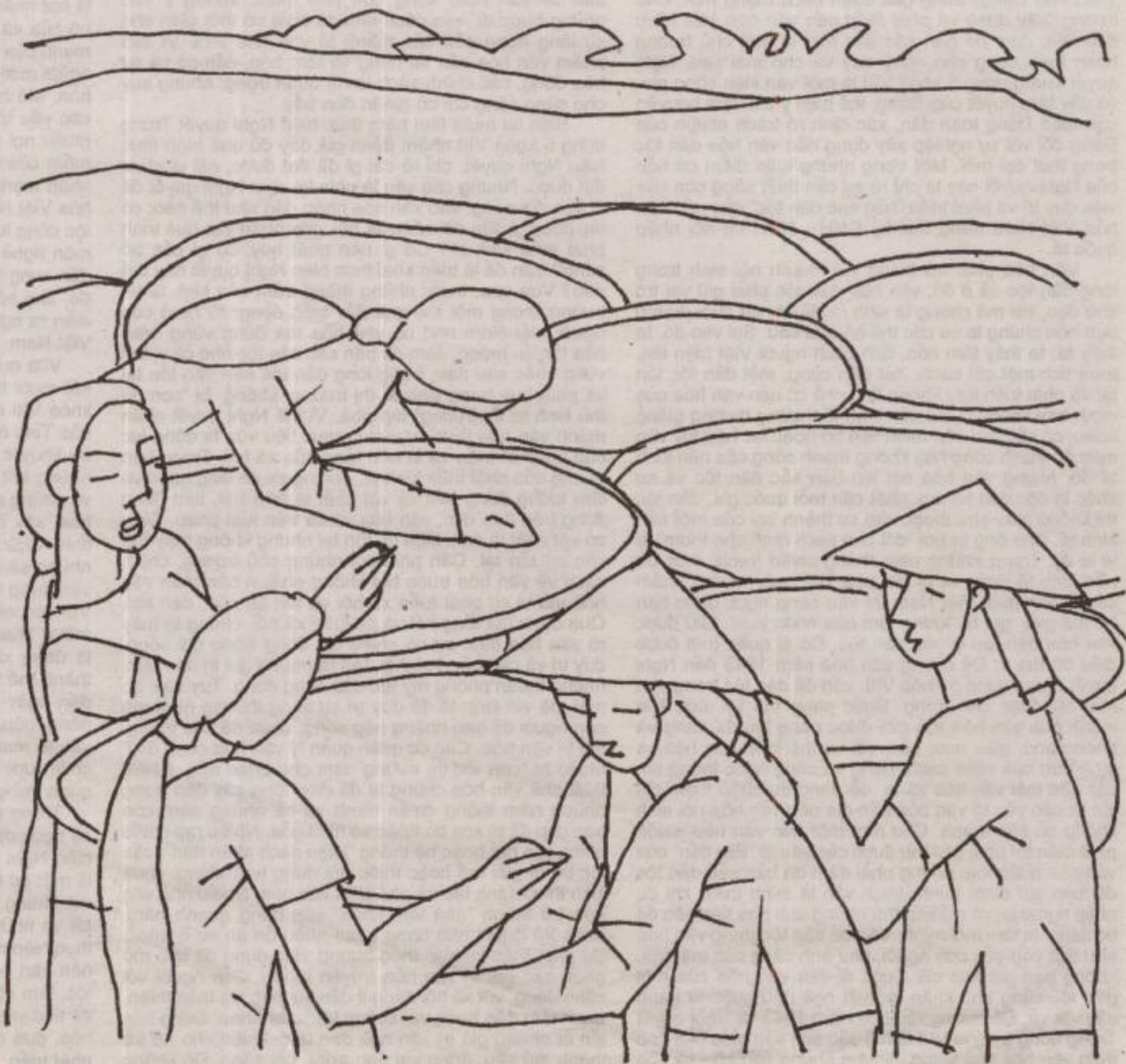
Theo các nhà lịch sử Ấn Độ, nơi nuôi tằm đầu tiên ở đây là thuộc vùng núi Hymalaya. Khi người Anh đến Ấn Độ, do buôn bán tơ lụa mà nghề dâu tằm được phát triển và lan rộng sang vùng khác như Mysore, Jamu, Kashmir. Vào thế kỷ 4, Ấn Độ như là trung tâm nghề dâu tằm của châu Á và tơ lụa được xuất khẩu tới Roma (Ý). Đến thế kỷ 6, người Roma đã học được kỹ nghệ sản xuất tơ, từ Ý, dâu tằm được phát triển tới Hy Lạp, Áo và Pháp... Sợi tơ tằm được tôn vinh là "Nữ Hoàng" của ngành dệt, nó

tô đậm màu sắc hàng đầu thế giới về một thời trang tơ tằm, vì lý do đó nghề dâu tằm vẫn là một nghề phát triển ở các nước phát triển như: Nhật, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ...

Nghề trồng dâu chăn tằm, ươm tơ dệt lụa ở Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Công chúa Thiều Hoa. Theo các tài liệu văn hoá và lịch sử, khoảng hai ngàn năm trước nghề trồng dâu nuôi tằm ở nước ta đã đạt đến trình độ khá cao. Từ miền Bắc đến miền Nam đã hình thành những vùng ươm tơ, dệt lụa nổi tiếng như Lĩnh Bưởi, Lương The, Nhiều Hồng Đô (Thanh Hoá), Lụa Hạ (Hà Tĩnh), Tân Châu (An Giang)... Trước đây người dân nuôi giống tằm đa hệ cổ truyền kén vàng. Giống tằm lương hệ kén trắng, chất lượng cao mới được đưa vào nước ta từ đầu những năm 60 của thế kỷ trước.

Như hầu hết các vùng dâu tằm miền Bắc, Phú Cốc nuôi độc một giống tằm dâu kén vàng. Thôn Phú Cốc gồm bốn xóm với hơn 500 hộ, còn hơn 300 hộ theo nghề tằm tang. Chị Tư bảo theo nghề tằm hàng đời nay, vẫn lúa được lúa mất nhưng so đi bù lại thì vẫn gấp mấy lần làm lúa, chăn lợn.

Thời thịnh vượng nhất của nghề



KỶ NIỆM 88 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21-6-1925 – 21-6-2013)

CHIẾN ĐẤU TRONG VÒNG VÂY (*)

TRẦN MAI HẠNH

NHỜ có giấy giới thiệu của Bộ chỉ huy mặt trận IV và chỉ thị trực tiếp của Tư lệnh, tôi theo trình sát đi cật lực, chiều tối thì tôi được sở chỉ huy tiểu đoàn 3 đang đứng chân ở xã Điện Phước, huyện Điện Bàn. Trận chiến đấu ác liệt cuối ngày vừa dứt, các đại đội đang về sở chỉ huy báo cáo tình hình. Chính trị viên trưởng Dương Nguyễn Hiệp xem giấy giới thiệu, biết tôi là phóng viên chiến tranh của Việt Nam Thông tấn xã từ Hà Nội vào, đã bắt tay rất chặt và cho phép tôi dự họp. Sau đúng một tuần quần nhau ác liệt giữa vòng vây của bảy ngàn quân Mỹ, Ngụy và chư hầu trong phạm vi ba xã Điện Thọ, Điện Phước, Điện An, huyện Điện Bàn, quân số của tiểu đoàn thương vong mất gần một phần ba. Chiều nay, điện đài 15 wat bị pháo phá huỷ, đơn vị hoàn toàn mất liên lạc với cấp trên. Vừa nghe báo trực thăng tiếp vận H34 làm rơi hai thùng đạn cối ở ngã 4 Nông Sơn, hai máy bay HU1A đang quần đảo bắn thị uy để tìm cách lấy lại, chính trị viên đã lệnh cho đại đội trưởng súng cối Nguyễn Văn Diệp bằng mọi cách cướp hai thùng đạn vì đạn cối của tiểu đoàn đã cạn. Lúc Diệp mang được hai thùng đạn về thì đã khuya. Các chiến sĩ đại đội cối lập tức nghiên cứu để có thể bắn được đạn của địch. Chính trị viên chấp thuận cho tôi ở với bộ phận tham mưu tiểu đoàn để tiện lấy tài liệu.

Ngày 29/11/1968 là một trong những ngày ác liệt nhất, suốt từ bốn giờ sáng đến chiều tối chạm địch và đánh địch trên tất cả các hướng, nhiều trận giáp lá cà xảy ra. Gọng kìm vòng vây bốn phía thắt lại, tiểu đoàn bị dồn gọn về thôn Trung Ấp, không thoát ra, có nguy cơ bị tiêu diệt vì bom tạc độ và pháo bắn. Lệnh hành quân về Hạ Nông Dưới được ban ra, các bộ phận nháo nhác chuẩn bị. Bao công việc phải tức thời giải quyết. Anh nuôi thì lo nồi niêu, soong chảo, gạo, mắm muối, thực phẩm. Quân giới thì lo chôn giấu vũ khí chiến lợi phẩm quá nhiều không thể mang theo. Tôi theo tham mưu trưởng Ngô Tấn Bông chạy đi đốc thúc hành quân. Thấy Lê Xuân Bè, phụ trách quân giới, giờ này còn loay hoay tiếc rẻ trước cả đồng súng đạn, nhiều khẩu còn mới toanh, chôn không kịp, mang theo cũng không xong, Bông gắt toáng lên: "Mày cứ quăng mẹ nó vào hố bom ngập nước cho tao!". Pháo vừa ngừng bắn, chuyển làn, lệnh hành quân phát ra, các chiến sĩ người thì khiêng, người thì công thương binh chạy ủa ra cánh đồng trước mặt rồi nhắm hướng hợp đồng về Hạ Nông Dưới. Đại đội 4 chủ công của Đinh Văn Dật đi đầu, tiếp đến là thương binh, các đại đội khác rồi tiểu đoàn bộ và cuối cùng là dân và cán bộ lánh nạn chạy theo. Mỗi chiến sĩ phải đeo 3, 4 khẩu súng, mấy trăm viên đạn, thủ pháo, lạng lẹ tiến lên phía trước trong ánh chớp của đạn pháo. Mỗi khi bộ phận soi đường của Dật chạm địch, đèn, pháo



Nhà báo Trần Mai Hạnh tại mặt trận Quảng Đà năm 1968

sáng lại phụt lên, đạn lửa nổ dày đặc hàng tràng, đoàn người lại nằm rạp người xuống ruộng nước. Pháo sáng nổ sần sập, dù pháo sáng lửa tỏa trên đầu, có quả dù không mở rơi phịch xuống đất cháy sáng quắc như đèn măng xông. Trên trời C47 bắn từng tràng đại liên cực nhanh, C130 bốn động cơ vòng rộng, rít lên. Đi trong ánh pháo sáng, nhìn những xóm làng xa mờ phía trước có vẻ sầm uất nhưng đến gần thì tan hoang, đổ nát. Những bụi tre trơ trụi, cành lá gãy đập, dưới đất loi thôi vài cái lá xanh, cây cối cháy đen đâm bổ lên trời.

Thương binh nặng được cáng trên võng, còn lại cố dò dẫm chống gậy bám theo đoàn. Hoạch, cần vụ kiêm liên lạc của chính trị viên trưởng mới mười tuổi, người gầy xanh, đang sốt, chống gậy lảo đảo cạnh tôi, thỉnh thoảng lại ngã dúi dụi trông rất tội. Thương binh Huyền, quê Nam Hà bị bom xăng lột gần hết da đùi, trơ thịt, không đi được, mặc quần đùi, chống tay lết theo đơn vị, lết qua cỏ gianh sắc như lá mía, gai nhọn cào rách thịt, máu tóe ra nổi thành vệt như ai cầm chổi nhúng vào chậu máu quét theo. Địch cứ theo vết đường mòn bị đâm nát truy theo. Thành thử vừa hành quân tới Hạ Nông Dưới, đội hình chiến đấu vừa triển khai, công sự chưa đào xong thì địch đã ập tới.

Nhưng hôm nay, 1/12/1968 - ngày thứ 15 trong vòng vây - là một ngày rất khác biệt. Gà còn gáy trong sa mù dày đặc mà bầu trời đã đầy chật tiếng động cơ của đủ loại máy bay. Những chiếc H34 nổi nhau đổ quân theo thế lòng chảo, bao vây chặt bốn bề thôn Hạ Nông Trên. Đây là địa bàn đứng chân mới của đơn vị khi đêm trước vừa từ Hạ Nông Dưới thoát khỏi vòng vây, vượt ngược sông Cổ Cò về đứng chân ở đây. Khi hai chiếc OV10

cùng lúc xuất hiện, quần lượn trên trời phát bằng chiêu hồi thì sự thế đã rõ - "Các bạn! Các bạn chiến đấu vô cùng dũng cảm trong 15 ngày qua. Chúng tôi biết các bạn là tiểu đoàn 3 anh hùng của quân đội Bắc Việt, các bạn sẽ chiến đấu tới người cuối cùng. Nhưng hành động của các bạn chỉ là vô ích, không thể chống lại lực lượng lớn của quân đội Hoa Kỳ và đồng minh. Các bạn hãy ra hàng, hãy cử tiểu đoàn trưởng ra gặp đại tá Mỹ trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân..."

Trực thăng đáp xuống tứ bề. Thủy quân lục chiến Mỹ quân phục màu xám, súng đạn đầy người nhảy ra khỏi trực thăng dàn đội hình chiến đấu. Tên xách súng ga-răng, tên xách súng cối, đạn chằng chéo khắp người, một chiếc xeng cá nhân buộc lưng lủng ở ngoài ba lô rất nhiều dây dợ. Hai hôm nay tôi sống với đại đội 4 chủ công của Dật trên cao điểm gò cây đa trấn giữ tuyến tiền duyên của tiểu đoàn nên trông bọn Mỹ rõ mồn một. Trời chiếu nắng gắt, chúng mặc độc chiếc áo giáp lê đầm không thấm, tay cầm Garăng R15, đạn choàng đầy người, túi quần bắt gà đầy lựu đạn M26. Dật lệnh các chiến sĩ tuyệt mật, đợi lính Mỹ vào sát công sự mới nổ súng. Bắn gần chính xác, tiết kiệm đạn, bí mật được hỏa lực và đặc biệt giữ không cho lấy xác, địch sẽ không dám ném bom, dội pháo vào...

Hai ngày cận chiến giáp lá cà, địch chết không lấy được xác, thằng nằm nghiêng, thằng nằm ngửa, thằng giang cả hai chân hai tay như con nhái bị căng ra phơi nắng. Hoàng hôn chạng vạng. Không khí khét lẹt mùi thuốc súng. Những vạt bom xăng cháy dở, âm ỉ khói lên bên những vạt nước lẩn lất lấp loá. Bọn Mỹ liều mạng vào lấy xác, thằng sống kéo thằng chết, lom khom đi bằng cả hai chân hai tay... Nhấp nhóa trong ánh pháo sáng thả sớm, bóng các chiến sĩ ta chạy ngược chạy xuôi, người vác súng, kẻ bê cơm, người khiêng thương, diu nhau xiêu vẹo. Ta và địch ở sát cạnh nhau, trong tình trạng xoi đỗ, suốt ngày súng nổ, suốt ngày đuổi bắt nhau như đèn cù. Sát địch đến nỗi đêm ôm súng phục ngoài công sự muỗi đốt phải vuốt chứ không dám đập. Ở tuyến sau, nhưng tiểu đội anh nuôi Vương Tử Bành chỉ cách lính Mỹ chừng 50 mét. Nấu nướng sao cho khỏi lộ là cả một vấn đề. Anh nuôi nấu cơm nóng ăn buổi tối và nắm cơm cho cả ngày hôm sau...

Hoàng hôn chợt tắt trong cơn giông cực lớn ừn ừn kéo tới mù mịt đất trời. Chớp rạch xé trong những tiếng nổ dữ dội như đánh thẳng xuống gò cây đa. Cái gò như một quả đồi nhỏ trấn giữ tuyến tiền duyên mà đại đội 4 được lệnh phải giữ với bất cứ giá nào. Không chiếm được gò bọn Mỹ không thể đánh sâu vào đội hình tiểu đoàn. Hai ngày quần thảo, hết bom pháo đến cận chiến giáp lá cà, cái gò xơ xác như thân chuối bị băm nát, không còn sợi cỏ nào giữ cho được màu xanh.

Đất cát bị cây xối loang lổ. Không khí đặc sệt bụi khói. Khói thuốc súng, khói quần áo và khói xác người chết bị bom xăng tưới cháy trộn lẫn nhau, hít đến đâu nặng chịch lồng ngực đến đấy. Cây đa cũng xơ xác. Hàng chục cành cây bị phạt cụt chơ vơ. Lửa vẫn âm ỉ cháy trên ngọn đa. Tàn lửa bị cuốn tung trong cơn giông cuối ngày. Bọn Mỹ tháo chạy, quần áo tả tơi, mặt mày đầy máu, thẳng sống kéo thẳng chết thùm thùm trên con kênh nổi và cánh đồng ngập nước trước mặt. Máu loang đỏ trên dòng kênh và đồng nước làm bầu trời cũng như vậy máu, hực lên dữ dội. Thế rồi trăng đầu tháng chợt hiện như lưỡi kiếm uốn cong le lói trên bầu trời đầy mây xám xịt. Không một ngôi sao, chỉ có những đám mây đóng lên nhau tầng lớp chặt cứng như băng. Đêm cuối đông giá ngắt yên tĩnh. Sương xuống âm thầm, dày đặc, mù mịt như khói. Đồng ruộng, xóm làng, dòng sông, hàng tre, bụi cỏ thu mình lặng lẽ. Cối không thấy đập. Pháo sáng không thấy giăng. Mọi cỡ súng bỗng câm bặt. Đàn quạ cũng không còn hoảng loạn, kêu lên những tiếng "qua qua!" như trong ánh chiều chạng vạng nữa. Chúng đã đáp xuống thu mình trên ngọn cây đa. Giữa bốn bề trầm ngâm cảnh vật nửa thức nửa ngủ, cái gò và cây đa như phình rộng và nhỏ lên thành một khối đen sẫm. Mười chín chiến sĩ đứng thành một hàng dài, lặng lẽ, im lìm. Tôi đứng cạnh Dật đại đội trưởng và Hoạch cần vụ chiều tối mới mang lệnh của tiểu đoàn xuống. Rồi Dật nặng nề bước lên, tay trái bị thương đầy băng đeo trước ngực, tay phải buông thõng.

- Các đồng chí! Chúng ta giữ được gò, chúng ta đã thắng - Dật quay lại, giọng rất trầm, những tiếng nói nặng nề như từ lồng ngực dội ra - Hai ngày giữ gò, các đồng chí Nguyễn Hữu Thoại, Trần Văn Kết, Nguyễn Văn Sách... đã hy sinh. Các đồng chí vĩnh viễn yên nghỉ ở cái gò này. Nói đến đây Dật bỗng ngừng bặt, đôi vai rung mạnh. Những hòn đất bị lở rơi trong chiến hào kéo theo âm thanh khô khan, lạc lõng.

- Xin vĩnh biệt các đồng chí!

"Đoàng, đoàng, đoàng!" - Ba loạt súng tiễn biệt dội vào trời đêm. Gió cuộn đón nó đi xa, đi mãi. Những bản nhạc còn trùng đang tấu lên ru rì khắp nơi bỗng câm bặt. Đàn quạ trên ngọn đa hoảng loạn bay xáo xác. Đom đóm trên đồng nước giật mình bay lên kéo theo những chớp xanh nhỏ xíu giữa đêm dày. Và trên cao kia, giữa vắng lặng của thỉnh không, một ngôi sao cô đơn thoáng hiện từ lúc nào đang cháy rực lên rồi vụt tắt, trả lại đêm tối tất cả những gì mung lung, huyền bí, sâu thẳm nhất...

Đã mười bảy ngày trong vòng vây, với tôi thì mới chẵn mười ngày. Mười ngày mà căng thẳng và dài như cả năm trời. Suốt đêm ngày bom rơi, đạn nổ, tiếng lính Mỹ, ngụy và lính Pắc-chung-hy la ré, gào

khoảng chừng mười năm về trước, cả cánh đồng bãi sông Soi Cốc ngàn ngạt những đầu là đầu, trên 50 héc ta. Hiện, những gốc đầu cả chục năm tuổi vẫn đang trở lá biếc cho người nuôi tằm. Nhà chị Tư có hơn 3 sào đầu, chừng tháng rưỡi thu một lứa kén, khoảng đầu gần 30 ki lô gam, tháng hơn bù tháng kém, mỗi năm thu hơn chục triệu từ đầu tằm.

Tận mắt nhìn, chúng tôi mới thấm thía hết nỗi vất vả của nghề, càng thương cảm cho số kiếp con tằm một đời trải biết bao đau đớn để làm ra những sợi tơ óng chuốt.

Chị Tư đem tờ báo đựng trứng tằm cho chúng tôi xem. Chị thả thối vì lứa tằm mới đã nở sớm hơn dự kiến, chúng nhỏ hơn cả những hạt tằm ngo ngoay chuyển động trên bề mặt tờ báo. Chị vui vẻ bảo hôm nay chúng tôi được xem cả 4 giai đoạn của đời con tằm, từ: trứng, tằm, nhộng, ngài.

Thấy tằm đã nở, chị Tư liền đem trải lên chiếc nia, vài ba ngày nữa sẽ tằm tằm bằng lá dâu thái nhỏ tựa những sợi thuốc lá rắc cho tằm ăn, trong ba ngày liền, mỗi ngày 5 bữa, gọi là tằm ăn một. Sau đó tằm sẽ ngủ một ngày. Tỉnh giấc, tằm ăn hai lần trong ba ngày nữa rồi ngủ tiếp một ngày rưỡi. Lần tỉnh giấc cuối cùng, tằm sẽ ăn rồi trong bảy ngày thì chín. Chị Tư sẽ nhìn cỡ tằm mà san bớt tằm sang các nia khác. Tằm ăn lá dâu để tích lũy dinh dưỡng, cơ thể tằm trong giai đoạn này lớn lên rất nhanh, mỗi ngày ăn hàng chục bữa, người chăm phải thức đêm để cho tằm ăn, bận rộn hơn chăm con mọn. Nuôi lợn ăn nằm, nuôi tằm ăn đứng, dân gian đúc kết vậy. Suốt một đời, những con tằm luôn bận rộn chẳng khác gì những hải nhi, vậy mà chúng còn phải bận rộn với sứ mệnh nặng nhọc và không kém phần đau đớn của mình. Tằm đi dinh dưỡng lớn gấp mười nghìn lần so với tằm mới nở, khi chín, tằm dài khoảng 2 đốt ngón tay, to bằng ngón tay út đứa trẻ lên mười, toàn thân vàng óng màu nắng mới.

Như vậy là sau mỗi lần ngủ dậy là một lần lột xác, cả thân bốn lần như vậy, tằm sẽ chín để nhả tơ tạo thành kén. Thực chất, kén được làm từ những sợi protein của cơ thể tằm, tạo lớp vỏ bọc bên ngoài để nhộng tằm tiếp tục hành trình thoát xác đầy nhọc nhằn của nó. Được người luôn mắt bảo vệ, tằm vẫn phải đối mặt vô số kẻ thù. Tằm nhỏ là miếng mồi ngon của lũ kiến, nhện, thạch sùng. Tằm chín là thức ăn ưa thích của bọn chuột. Chỉ khi chui vào trong kén, tằm mới có những ngày yên ổn để mơ giấc mơ hoá bướm ngài. Tằm đã làm xong nhiệm vụ của nó, trong lâu đài vàng này, giờ đây nó đã thành nhộng ngủ suốt bảy ngày đêm, khi cần kén chui ra nó mọc thêm đôi cánh nhỏ. Thật đáng thương cho thân tằm, vì dù dệt ra những sợi tơ óng, giúp con người tạo nên vô số những váy áo kiểu điệu, nhưng bướm ngài lại có một hình dạng thật thảm hại. Một khúc thân béo tròn màu nâu nhạt vụng về gắn thêm đôi cánh bé xíu đồng màu với thân. Đừng nói đến bay lượn, chỉ nội việc cất mình lên, bướm ngài cũng không làm nổi. Nhưng quả thật, bướm ngài cũng không cần dùng đến đôi cánh để bay đến phương trời nào, khi mà ngay tại chỗ, chúng đã được hưởng trọn vẹn hạnh phúc của một kiếp sống. Như thể thiên định, từng đôi bướm ngài kết lại với nhau đầy hoan lạc. Con đực nhỏ bé gọn ghẽ, con cái phồng thực bệ vệ, rất dễ nhận biết. Người nuôi dút con đực vút cho gà vịt ăn và đặt con cái trên mảnh báo cho đẻ trứng, trứng của một con bướm ngài tính theo đơn vị là một vòng trứng. Một vòng tằm, năm vòng kén, đây là cách đong đếm dân gian, còn tính theo khoa học ngày nay thì để có một ki lô gam kén, phải tốn 14 ki lô gam lá dâu. Nghĩa là cứ mỗi vòng trứng, sau hơn hai chục ngày nuôi sẽ thành ra khoảng 15, 17 kg kén nếu được chăm tốt, còn không chỉ được đến 12kg. Mỗi năm, người dân ở Phú Cốc làm khoảng 8 lứa

NHÀN ĐÀM

TỪ MỘT CÂU HÁT RU

THANH THẢO

TÔI cứ nhớ mãi lời ru của má tôi hát ru thằng con đầu của tôi: "Con cá lù dù có mỡ đằng đuôi". Một câu ca dao ngộ nghĩnh và thoát nghe có vẻ hơi vô nghĩa. Cá "lù dù" là cá gì? Đó là cái tên "cúng cơm" của con cá, hay do tác phong của nó "lù dù" mà người ta đặt tên cho nó vậy? Vậy sao nó lại có mỡ đằng đuôi? Có một giống cá có mỡ đằng đuôi, như kỳ đà, hay cá sấu thật sao? Hay đây chỉ là câu hát tiện vần thì bắt vần, tiện nhịp thì nổi nhịp của các mẹ, chị mình ở quê?

Sau rất nhiều năm, gần đây tình cờ về một vùng biển, tôi mới biết, hóa ra, có một loài cá biển mang tên là... lù dù, và quả thật, con cá lù dù ấy ở phần thân sau của nó có... mỡ, nướng ăn rất béo. Thế đấy, những lời ru dù nghe rất vu vơ nhưng không hề là vu khoát. Nó bắt rất chặt vào đời sống, và trong khi nói những điều tận đầu tận đuôi, nó vẫn không hề thoát ly hiện thực đời sống. Những lời ru đã đi với tuổi thơ của con người hay có thể là tuổi ấu thơ của loài người đang mai một. Bây giờ, những người mẹ trẻ, nhất là những "mẹ" ở thành phố gần như không biết hát ru là gì, và họ cũng chẳng thuộc câu hát nào để có thể ru chính con mình những khi nó khóc. Mấy năm trước, ở quê tôi, để "bảo tồn vốn cổ", người ta đã tổ chức những cuộc "thi hát ru". Đã tổ chức thi thì có người dự thi, bây giờ giá ai đó hứng lên tổ chức những cuộc thi... ăn, thi... uống (bia, rượu)... cũng có người xung phong dự thi. Nhưng thi hát ru là một chuyện, còn có hát ru được con mình không, có cái nhu cầu tự thân hát ru con mình không, lại là chuyện khác. Có một câu hát ru ở miệt vườn Nam Bộ mà tôi còn ám ảnh mãi, bởi tôi đã nghe nó lần đầu

bên một dòng kênh Tháp Mười hồi chiến tranh: "Giò đưa cây cải về trời/ rau răm ở lại chịu đời (lời) đắng cay". Có hai câu sáu, tám thôi, mà nghe như muối xát lòng, như người hát ru ôm trọn một nỗi buồn nặng trĩu. Những đứa trẻ nào nghe lời ru ấy, tôi chắc lớn lên đời chúng cũng buồn, hoặc chúng sẽ là những người nhạy cảm. Người ta kể về gốc gác lời ru này, nói nó gần với chuyện buồn của hoàng tử Cải con Vua Gia Long và bà mẹ tên Rằm. Có thể như thế, mà có thể câu chuyện kia được suy ra từ câu hát này, một câu hát rất tình cờ gần với hai loài rau: rau cải và rau răm. Còn vì sao trong lời ru nguyền nguyền ấy, rau cải lại bay về trời, còn rau răm thì phải ở lại "chịu đời đắng cay", cay như chính vị rau răm của nó, thì không ai biết. Tôi nhớ, ngày ấy, khi lần đầu nghe câu hát ru này, tôi đã nghĩ như trong lời ru ấy có gì vừa oán trách, vừa cam chịu. Vừa linh cảm rằng sẽ có một ngày, khi trời yên bể lặng, chiến tranh đã qua đi, những người lính chúng tôi đang hằng ngày sống giữa sự che chở đùm bọc của nhân dân, sẽ trở nên xa cách diệu vợi với những người đã từng nuôi mình, nhường cơm sẻ áo cho mình, và lúc bấy giờ, sẽ chỉ còn những cọng rau răm thương khó nghèo khổ kia ở lại những vùng sâu, vùng xa, ở lại và "chịu đời đắng cay" như đã từng chịu trong chiến tranh. Quả thật, trong lời ru đơn sơ ấy có gì như tiên báo, một tiên báo đau lòng. Bây giờ, hồi trong cả nước này, những vùng nào nghèo nhất, khổ nhất, chắc chắn người ta sẽ nói: đó là những vùng trắng trong chiến tranh, những vùng kháng chiến cũ. Vì sao nghèo? Vì nó ở xa quá. Ấy, nghe một lời ru, đôi khi lại nghĩ bao đồng sang nhiều chuyện như thế.■

tằm gối nhau. Lứa đầu tiên vào mùa xuân, lứa cuối cùng vào mùa thu. Tằm không chịu được lạnh, nên mùa đông chỉ đôi nhà nuôi với mục đích giữ giống.

Chị Tư và cô Phương luôn chú ý trông chừng tằm chín để vào nê cho tằm. Trên tấm phen tre, họ cài nhiều que nhỏ để tằm kéo kén rồi thả tằm đã chín lên phen. Chỉ sau một đêm, tằm đã kéo xong kén, mỗi tấm phen giờ đây chỉ chít những kén tằm vàng óng hình bầu dục, nhỉnh hơn ngón tay cái, óng ánh như những thoi vàng nhỏ. Kén tằm có nhộng ở trong được thu mua với giá từ 60-70 nghìn đồng/kg. Nghe nói, nhiều nhà hàng đặt mua nhộng tằm với giá 250 nghìn đồng/kg nên có người chuyên tìm mua kén để lấy nhộng chứ không se tơ. Tôi đã được đọc một bài báo có tựa đề: "làng giàu nhờ nuôi sâu khổng lồ", bài báo kể về một mô hình nuôi tằm làm đặc sản, khi tằm chín, họ thả tằm vào thùng xốp để ngấm tằm kéo kén, sau vài ngày, tằm sẽ tiêu hao bớt nước, co ngắn lại, ôm chặt khối tơ trong lòng, tằm này gọi là tằm chun, giá rất đắt.

Chị Tư bảo tằm chín là lúc đầy đủ dưỡng chất nhất, nếu rang ăn thì không sơn hào hải vị nào sánh kịp, còn đem ngâm rượu cho các ông uống thì nhất hạng, đảm bảo cụ chín mươi tuổi vẫn sung sức như thời đương trai! Nhiều người vẫn kì công đến Phú Cốc tìm mua tằm chín làm thực phẩm và được phẩm nhưng ít nhà muốn bán, vì họ không nỡ bắt tằm kết thúc cuộc đời khi chưa kịp nhả tơ.

Phú Cốc không có nghề dệt vải, từ xa xưa đã chỉ nuôi tằm để bán kén. Người từ bên kia sông chèo thuyền sang thu mua. Bây giờ, kén tằm bán chủ yếu về làng Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Con trai cả của anh Hiệp, chị Tư đã tìm đến tận thôn Vọng Nguyệt để xem người ta làm gì với những kén tằm của gia đình mình.

Hàng nghìn năm trước đây, con người đã vô tình khám phá ra cách làm tơ tằm từ kén tằm: đó là kén tằm bị mềm đi trong nước nóng và các sợi tơ có thể được kéo

ra, sợi to mảnh, chắc dai, và đồng nhất có thể sản xuất ra vải đẹp và bền. Vài chục năm trước đây, bà của anh Hiệp và chị Tư cũng từng kéo sợi bằng nước sôi đun trong nồi đất. Bà truyền dạy, kén tằm có phẩm chất tốt không nhất thiết phải có kích thước lớn mà cần mịn, nhiều tơ, ít áo kén, để kéo tơ và kén phải giống nhau về hình thức và độ lớn. Vải lụa tơ tằm ngày xưa còn lưu lại là những áo the, thất lung the được cất may từ tơ gốc.

Sau này, lụa tơ tằm Việt Nam được biết đến với rất ít chủng loại và không được ưa chuộng lắm bởi kém bền và dễ bị nhăn nhúm. Mấy năm nay, lụa tơ tằm lại bắt đầu lên ngôi, khách hàng chủ yếu là người nước ngoài và giới thu nhập cao. Lụa trong nước được sản xuất từ làng nghề tơ tằm Vọng Nguyệt. Đây là nơi đầu tiên ở Việt Nam sử dụng kỹ thuật dệt lụa tơ tằm bằng máy dệt kiểm của Hàng Châu (Trung Quốc) theo nguyên lý se sẵn để chống nhàu, chống nhăn, tạo cho mặt vải mịn, đẹp, cho dù giặt xả phòng hay giặt máy cũng không bị nhàu, không gãy. Vải lụa được dệt bằng máy dệt kiểm là một kỹ thuật khá mới mẻ đối với nước ta. Các nhà máy dệt Nam Định, Đà Nẵng, các làng nghề Vạn Phúc (Hà Đông), Nhan Xá hiện vẫn đang dùng máy dệt thoi. So với máy dệt thoi, máy dệt kiểm cho năng suất cao gấp đôi, đặc biệt chất lượng vải tăng gấp nhiều lần. Nhờ áp dụng công nghệ dệt lụa tiên tiến, Vọng Nguyệt đã tạo ra những sản phẩm tơ lụa chất lượng cao tham gia vào thị trường nội địa và xuất khẩu như: lụa Lưu hương, lụa Krếp, lụa trơn 100% chất liệu tơ tằm, không nát, không phai, khác hẳn với vải lụa tơ tằm của các làng nghề, tuy giá cả rất cao nhưng được thị trường săn đón, vì thế, làng nghề này đang mạnh thu mua kén từ các vùng đầu tằm.

Có lẽ, con trai chị Tư chưa hài lòng với việc bán kén tằm mà cậu ta còn ôm hoài bão về một làng nghề với đầy đủ các công đoạn từ trồng dâu, nuôi tằm đến ươm tơ, dệt lụa. Và biết đâu, cậu ta mơ đến một làng du lịch độc đáo từ nghề truyền thống. Nếu đúng vậy, ước mơ ấy không phải thiếu cơ sở để thành hiện

thực. Về yên bình, hiền hòa của làng ven sông, những nông tằm ăn rồi, những né kén vàng hơn nắng, những làn điệu đối đáp đầy lưu luyến vang vọng khắp mặt sông... tất cả những điều đó tạo thành một lời mời gọi khó cưỡng nổi.

Còn chị Tư, gần cả đời gắn bó với nghề, trải qua biết bao thăng trầm, chị đã thấy yên tâm với đầu ra của nghề. Chị chẳng mong muốn gì hơn một công việc tuy không mấy nhàn nhai nhưng lại nhẹ nhàng yên tĩnh và có thu nhập. Không những thế, điều làm chị an lòng nhất là con cháu chị có một nơi yên lành để sinh sống và trưởng thành, có nghề truyền thống để gắn bó.

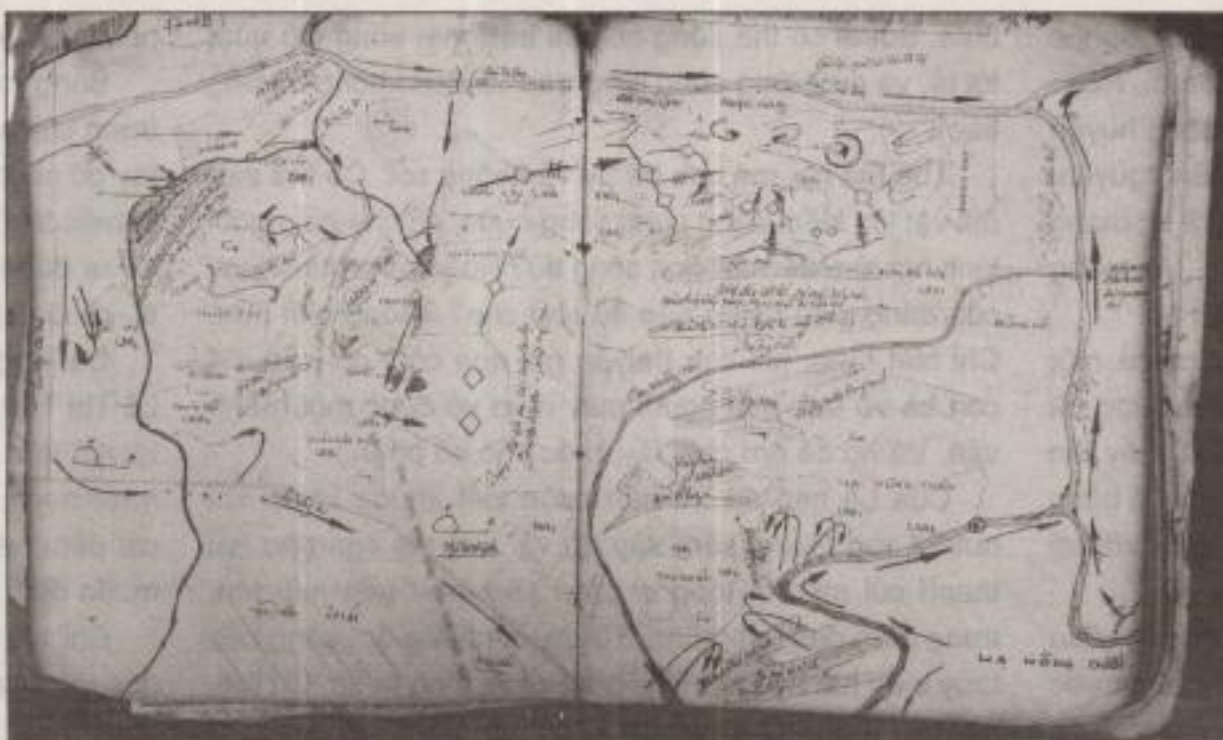
Ở những nơi nào đó, người ta sử dụng vô số những thuốc hóa học và chất kích thích cho rau củ quả, còn ở Phú Cốc, con tằm không chấp nhận bất cứ loại hóa chất nào, chỉ cần có hơi thuốc trừ sâu cách xa hàng trăm mét, cả nông tằm đã ngã chết hàng loạt. Vì thế, người dân Phú Cốc giữ môi trường không khác gì giữ nôi cơm của mình. Đáp lại, vùng đất này được hưởng nhiều ưu ái của thiên nhiên. Chúng tôi cứ nhớ mãi nét cười trên khuôn mặt đã qua tuổi bất tuần của bà cụ thân sinh anh Hiệp và dáng vóc hết sức thanh niên của ông Trần Thái Long.

Cũng như khúc cuối của dòng sông Cầu trên đất Thái Nguyên. Chiều muộn mà chúng tôi vẫn chưa muốn rời Phú Cốc. Thân thương quá những mái ngói nâu thẫm dưới nắng mưa. Con đường làng thơm mùi rơm mới. Đàn trâu bò nhàn tản gặm cỏ bên những đứa trẻ đang tùm tùm vào đám đánh chuyển đánh chất trên triền đê lộng gió. Chúng tôi quá quen với âm thanh ri rầm đầy lưu luyến của dòng sông trước khi từ biệt ngàn dâu biếc. Như quá luyến nhớ, trong phút chia biệt, dòng sông đã đột ngột thực hiện cú ngoặt mãnh liệt để cổ khắc ghi thêm chút nữa hình ảnh của mảnh đất này. Ngay tại khúc quanh ấy, những cô gái đang nhanh tay hái lá trong luống dâu xanh mượt. Tất cả lung linh in bóng xuống khúc sông không khác gì một bức tranh thủy mặc.■

thét. Ngày đánh nhau, chiếu tối chôn cất đồng đội, đêm hành quân cấp tập thoát khỏi vòng vây, mờ sáng tối địa điểm đứng chân mới lại lao vào đào công sự chuẩn bị trận chiến mới. Mỗi chiến sĩ chỉ còn độc chiếc quần đùi, áo rách loà toà, giày dép vất từ lâu, khắp người xây sát gai cào. Bộ đội chỉ còn khẩu súng và cái xềng lúc nào cũng bên mình. Cố gắng lắm tôi mới ghi được nhật ký vẫn tắt các sự kiện, nhờ vậy mới còn được cảm giác thời gian. Nguồn nước chính dùng hàng ngày là nước ở các hố bom. Một hố bom trung bình bị hai, ba quả đại bác rớt trúng và cả chục quả pháo chụp xung quanh hất đất cát xuống thành thử cứ như vũng trâu đầm. Vậy mà ngày nắng nhiều hố bom cạn khô cả nước. Bom xăng, bom lân tinh làm cá chết nổi, rửa trôi khiến nước ở các huyệt bom, cánh đồng xâm ngọt, vàng như dầu phụng. Dưới ánh pháo sáng, lội qua những ruộng nước địch vừa thả bom lân tinh xanh lè, những nhánh, lân tinh bám trên mặt, trên quần áo cứ như đom đóm. Nước lân tinh khét lẹt, uống vào ợ khét đến cháy cổ, phải kiếm bẹ chuối chia nhau ăn cho đỡ khát. Suốt mười bảy ngày đêm không đánh răng, rửa mặt, không cắt tóc, gội đầu, nhiều đêm theo tham mưu trưởng Ngô Tấn Bồng lội nước, lội bùn đi kiểm tra các tuyến phòng thủ về, tôi cứ nguyên quần áo như thế lăn ra ngủ. Cáu ghét đấy người. Tóc tai, móng chân móng tay không cắt, đưa tay cào đầu chỉ chưa đầy xăng-ti-mét đã kẹt cứng vì sạn, đất. Trên mặt từng lớp bùn ghét khó cứng...

Đêm nay là một đêm yên tĩnh hiếm hoi đến lạ kỳ. Địch xiết chặt vòng vây tứ bề, nhưng từ chiều tối bỗng im ắng tiếng súng, pháo không cấp tập mà chỉ cầm canh, đèn dù cũng không giăng trên trời. Không rõ chúng toan tính điều gì. Nhưng thôi mặc, hãy tận hưởng những giây phút hiếm hoi này. Trong căn hầm của C4 chủ công, ngoài đại đội trưởng Dật, còn có phụ trách quân giới và hậu cần Lê Xuân Bè, trợ lý tác chiến Lương Hồng Linh, tiểu đội trưởng anh nuôi Vương Tử Bành, liên lạc viên Hoạch, đội phổ du kích thôn Tây Điện Thọ - Huỳnh Thị Ban và tôi...

Mọi người xúm quanh chiếc hũ gỗ nước đun bằng cục xăng khô của lính Mỹ đang sủi tăm. Linh cao hứng rút ra bao thuốc lá Salem, mấy gói cà phê bột đập mạnh xuống mặt ván lát hầm: "Mẹ kiếp! Giờ sống, lát chết. Có số hết. Ván...ván... vấn đề là mình có dầu từ còi chết trở về!" - Linh chìa cái mũi quặp bị thương quần bông to như nắm đấm xuống các thứ đang bày biện hít hít, về khoái trá ra mặt. Vừa nhấp một ngụm, Bành đã đặt mạnh lon cà phê xuống: "Không được, toàn mùi lân tinh. Để tao lấy nước giếng ngọt về pha cà phê cho đã!". Nói rồi, Bành xách xô đi lấy nước. Chẳng là, chiếu tối qua hành quân về Châu Lâu Làng, tìm nước nấu cơm Bành đã phát hiện ra giếng nước ngọt chưa bị địch giật mìn phá. Giếng nước gần bụi tre, giữa đoạn đường từ hầm anh nuôi tới hầm C4 của Dật. Mang xô nước về hầm, trong lúc Linh đun nước Bành tranh thủ quay lại giếng. Nước sôi rất nhanh, cà phê bột và sữa được trút cả vào hũ gỗ. Linh rút cà phê bốc khói thơm lừng ra những vỏ lon đồ hộp rồi trình trọng bóc bao Sa lem: "Nào xin mời, xin mời. Nhưng khoan hút, ta chờ hoà đầu quân Bành đã!". Cầm lon cà phê nóng bỏng tay, tôi bỗng thấy dội trong tim mình nổi nhớ Hà Nội đến xót xa. Bỗng tiếng pháo cầm canh nổ "oanh" ngay sát cửa hầm. Như có tiếng kêu của Bành. Dật nhao ra thì Bành đã trúng đạn pháo, gục chết, một tay vẫn còn nắm chiếc xô, nước đổ toé ra hoà với máu của Bành loang trên đất.... Thế là tan một giấc mơ, tan cuộc liên hoan.



Bản đồ phác họa vẽ trong sổ tay phóng viên tại cuộc phản kích 21 ngày đêm trong vòng vây 45 năm trước

Những lon cà phê còn bốc khói, những điều thuốc trơ chổng trên mặt ván hầm...

6/12/1968 - ngày thứ 20 trong vòng vây, tình hình thật nguy cấp. Vòng vây ba lớp của địch thật chặt. Có sự yểm trợ của xe tăng, xe bọc thép địch dồn tiểu đoàn vào giữa thôn La Thọ Nam. Chọc thủng phòng tuyến C3, lính Mỹ xộc vào cách sở chỉ huy tiểu đoàn và hầm thương binh vài chục mét. Cận chiến giáp lá cà xảy ra. Thương binh phải chặn hai cửa hầm không cho địch xông vào. Đạn AK phải quật cả băng, thủ pháo phải ném tới tập mới đẩy lùi được địch. Thương binh đẩy chặt hầm, người mắc võng, người nằm dưới ván kê xâm xấp nước vì mưa, bông băng máu mủ hôi thối vô cùng. Có chiến sĩ bị thương vì đạn cối, mất xương hàm và mảng da lên tận gáy, ruột đậu không thêm đuổi, bỏ lúc nhúc ngay dưới gầm trông rất sợ...

Cuộc họp cuối cùng của Đảng uỷ tiểu đoàn diễn ra trong hầm chỉ huy lúc bảy giờ tối, trong không khí hết sức căng thẳng. Các đại đội báo cáo quân số thương vong, tình hình đạn dược. Tiểu đoàn đã giam chân 7.000 quân Mỹ, Ngụy và chư hầu suốt 20 ngày, tiêu diệt gần 1.000 tên. Nhưng vì bị cô lập hoàn toàn, mất liên lạc với cấp trên, không được tiếp ứng nên đến giờ phút này lực lượng đơn vị đã cạn kiệt. Quân số chiến đấu ngày đầu của tiểu đoàn là 192, giờ chỉ còn hơn hai chục cán bộ, chiến sĩ, số còn lại đã tử vong hoặc bị thương nặng không thể tự di chuyển được. Đạn được dùng cạn kiệt, đại liên còn mấy chục viên, AK khẩu còn nhiều nhất vài chục viên đạn, súng chống tăng chỉ còn duy nhất một khẩu B41 với một viên đạn cuối cùng. Biết tiểu đoàn là lực lượng chủ lực ngoài Bắc vào và là đơn vị anh hùng nên địch quyết tâm bao vây diệt gọn. Địch lập vòng vây ba lớp quây chặt đơn vị. Xe tăng, xe bọc thép dàn hàng để sau bom pháo dọn đường sẽ tràn vào chà xát. Trinh sát báo cáo bốn phía không còn đường nào có thể thoát ra. Thương binh nhiều nên không còn khả năng mở đường máu thoát vây. 10 giờ đêm, cuộc họp Đảng uỷ kết thúc với biểu quyết chọn phương án phòng ngự hay phản tấn. Chính trị viên trưởng kết luận, giọng anh trầm và rất buồn: "Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ với Đảng, với nhân dân. Tinh thể cực kỳ hiếm nghèo này buộc Đảng uỷ phải đưa ra quyết định cuối cùng. Nếu ngày mai quyết đánh thì với hơn hai chục chiến sĩ, đạn dược đã cạn hết, đạn chống tăng chỉ còn một viên duy nhất, địch thì hàng ngàn tên với xe tăng, xe bọc thép yểm trợ, chúng ta diệt được địch một số nhưng sẽ nhanh chóng hy sinh, mấy chục đồng chí thương binh cũng sẽ hy sinh hết. Nếu phản tấn sẽ bảo toàn được phần nào lực lượng nhưng sẽ sai với lời thề còn sống

còn chiến đấu. Đảng uỷ chọn phương án phản tấn để có thể hạn chế bớt thương vong là không còn cách nào khác. Đồng chí nào sau này sống được và trở về hãy báo cáo với Đảng. Đảng uỷ cử tám cán bộ, chiến sĩ do tham mưu trưởng Ngô Tấn Bồng làm trưởng đoàn, gồm có chính trị viên phó Trần Văn Thanh, quân y sĩ Vũ Cửu, trợ lý chính trị Trịnh Duy Đây, trợ lý hậu cần Nguyễn Quang Cảnh, phụ trách cơ yếu Phạm Văn Lưu.... tìm đường thoát vây báo cáo với cấp trên, xin bổ sung quân số để giữ lại phiên hiệu tiểu đoàn 3 anh hùng. Các đồng chí còn lại cứ một người kèm hai thương binh, ngay trong đêm đào công sự ẩn nấp, nếu chạm địch sẽ nổ súng chiến đấu tới cùng, kiên quyết giữ vững khí tiết cách mạng. Ai thoát được, đêm mai sẽ tìm về tập trung tại đây. Tôi và cán bộ tiểu đoàn sẽ ở lại sau cùng chỉ huy việc cất giấu thương binh". Chính trị viên quay lại nói với tôi, như ra lệnh: "Đồng chí phóng viên phải tìm mọi cách vượt ra khỏi vòng vây cùng với các đồng chí được cử ra. Đồng chí có trách nhiệm viết lại chân thật cuộc chiến đấu ác liệt này. Đồng chí chưa phải là đảng viên, chúng tôi chưa biết thật rõ lý lịch của đồng chí. Nhưng đồng chí là phóng viên Việt Nam Thông tấn xã được Đảng cử vào chiến trường. Từng ấy ngày sát cánh cùng đơn vị chiến đấu giữa cái sống cái chết, chúng tôi thấy đồng chí hoàn toàn đủ tư cách một người đảng viên cộng sản. Đảng uỷ tiểu đoàn viết giấy xác nhận cho đồng chí!..."

...Tôi cố gắng cương bám theo các chiến sĩ được cử tìm đường thoát vây. Nhưng chiến tranh không sao tính được. Địch phục kích, phát hiện xả súng, mạnh ai nấy chạy. Đảo lộn hết cả. Tôi mò mẫm tránh địch, tìm đường trong đêm tối và cuối cùng lạc vào bãi cỏ gianh và điển thanh rậm rạp ở bờ sông Cổ Cò. Không còn ở giữa vòng vây nữa nên địch không mấy chú ý. Nằm bẹp như con gián giữa bãi cỏ gianh không biết thoát ra thế nào, bỗng tôi nhớ lại mấy hôm trước trong câu chuyện Dật và Linh có nói, nếu chỉ vài người thì thoát chẳng khó khăn gì, chỉ cần bò ra tới bờ sông rồi đêm lặng lẽ bơi dọc sông chừng giờ đồng hồ sẽ gặp sông Thu Bồn đoạn chảy qua xã Điện Thái là khỏi vòng vây. Run rủi làm sao, tôi đã ở bờ sông Cổ Cò, một nhánh của sông Thu Bồn đây rồi. Tôi lấy miếng vải mưa ra, choàng lấy gói buộc túm lại làm phao, nghi trang bằng đám cỏ gianh trôi sông rồi cứ thế lặng lẽ bơi. Trời chuyển dần về sáng, đèn dù không thả nữa, pháo cối cũng thôi không nổ, lính Mỹ, lính ngụy đã mơ màng ngủ, chiến trường bỗng im ắng một cách lạ kỳ...

7/12/1968 - ngày thứ 21 và cũng là ngày cuối cùng của tiểu đoàn 3 trong vòng vây. Trận chiến cuối cùng ác liệt

nhưng diễn ra chưa đầy một giờ đã bật im tiếng súng. Chính trị viên trưởng cùng mấy cán bộ tham mưu với khẩu B41 còn duy nhất một viên đạn đã chặn địch ở tuyến ngoài cùng, bắn cháy một xe tăng, diệt hàng chục lính Mỹ rồi hy sinh khi súng hết đạn và tới lúc phải cho nổ quả thủ pháo cuối cùng. Xe tăng, xe bọc thép M41 tràn vào. Chỗ nào chạm địch, hầm thương binh nào bị phát hiện các chiến sĩ lập tức nổ súng diệt địch, bắn tới viên đạn cuối cùng rồi hô khẩu hiệu "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" và cho nổ quả M26 hy sinh tất cả, không để địch bắt sống.

Phải hai ngày sau, cuộc lùng sục mới chấm dứt. Hàng đàn H34 lạch phạch hạ xuống, cất lên liên tục bốc lính Mỹ đi. Cuối chiều, khi hai chiếc HU 1A quần lượn phóng rốc két quanh khu vực xúc quân, mới rõ là địch đã rút hết. Từ các ngả, các chiến sĩ sống sót lần tìm về La Thọ Nam, địa bàn đứng chân cuối cùng của tiểu đoàn. Tôi gặp lại Nguyễn Văn Điệp, Đinh Văn Dật, Huỳnh Văn Hoạch, Lương Hồng Linh và một vài chiến sĩ khác. Người nào người ấy, gầy rộc đi, chỉ đôi mắt mở to là còn sinh khí trên gương mặt phờ phạc, nhem nhuốc khói súng, quần áo tơi tả bùn đất. Ôm chầm lấy nhau mừng mừng tủi tủi. Thôi sống rồi - Dật nói. Anh mang ra mấy lon đồ hộp nói mọi người ăn lấy sức. Khát cháy cổ. Trước mặt là huyệt bom nước cạn sâu sấp không bị lân tinh. Cả bọn nằm bò vục mặt xuống huyệt bom lặng lẽ uống từng hớp nước, sao mà ngọt và ngon đến thế. Nước cạn tới đáy, mấy con tôm và cá nhỏ khế cựa mình trên lớp bùn. Suốt đời tôi không quên được cảnh tượng ấy. Uống xong, cả bọn nằm dài mà thở. Hoàng hôn trong ráng chiếu phai bạc càng làm cảnh chiến trường thêm thê lương. Bom đạn cày xới tanh bành, đất cát be bét, xe tăng chà đi xát lại nhàu nát từ đường làng tới khóm tre, bụi cỏ. Khói bốc từ những đám cháy dở, âm ỉ, dật dờ trong ánh chiều. Dật quyết định, tất cả phải ngủ một đêm cho lại sức rồi sáng hôm sau mới bắt tay vào việc chôn cất tử sĩ.

...Hơn một tháng sau, tiểu đoàn 3 được bổ sung đầy đủ quân số gồm cán bộ, chiến sĩ chủ lực từ miền Bắc vào, đã làm lễ xuất quân và mở Đại hội chiến sĩ thi đua ngay tại xã Điện Thọ - mảnh đất nóng bỏng chiến công của tiểu đoàn trong 21 ngày đêm đập tan cuộc phản kích của 7.000 quân Mỹ, Ngụy và chư hầu. Chiều đó, tôi tạm biệt tiểu đoàn 3 ngay sau lễ xuất quân để tới Quận đội Quận II Đà Nẵng đang đứng chân ở huyện Duy Xuyên nhận nhiệm vụ mới. Lưu luyến chia tay Dật, Điệp, Linh và Hoạch, những người cùng vào sống ra chết trong vòng vây không biết có còn gặp lại trong những năm tháng chiến tranh ác liệt này, tôi thấy lòng buồn hẫng đi. "Thôi, ráng đi, chiều tối kịp vượt sông Thu Bồn qua Gò Nổi rồi về Duy Xuyên nghe!" - Dật, Điệp, Linh dặn dò, ôm chặt tôi phút chia tay. Sông Thu Bồn! Vào chính cái giờ phút xúc động nhất chiều nay, cái tên rất đời quen thuộc và giàu chất thơ của dòng sông ấy bỗng âm vang mạnh mẽ, làm thức dậy trong tôi biết bao khát khao, suy nghĩ. Tôi bồi hồi cất bước trên con đường mòn màu da lươn băng ngang các đồng cỏ gianh đang nức nở trong hoàng hôn của Điện Thọ, Điện Phước, Điện An. Chính trị viên trưởng Dương Nguyễn Hiệp, người con của Thái Bình và hơn trăm người con của nhiều vùng quê khác ở miền Bắc trong phiên hiệu tiểu đoàn 3 anh hùng đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây...■

Mặt trận Quảng Đà, tháng 11-12-1968

(*) Trích trong *Khoảnh khắc cuộc đời*.

TÔI hí hửng chạy xe về nhà anh nồn nống không chờ đến trưa được. Sáng nay chúng tôi đã kiếm được một món hời lớn. Nắng sớm hanh hoe vàng, trời se lạnh, gió như đùa giỡn trên khuôn mặt trần lơ thơ bụi bám. Con đường quanh co sỏi đá, có đoạn này tung tung cả người lẫn xe. Hai bên đường, cây đại và keo tai tượng mọc xanh um, lá cây phủ một lớp bụi đỏ mỏng trông xa như rừng lá đỏ.

Cửa nhà anh nhốn nháo người. Những khuôn mặt ngái ngủ trong khu tập thể hình như đã bị đánh thức. Hàng xóm ào đến, túm đông túm đống. Vây chặt cả cửa chính, cửa sổ. Tôi chột dạ dựng xe. Người lao đao. Cảm giác vui sướng, hí hửng bỗng biến mất. Trong nhà anh, bốn người đàn ông lạ, mặt mũi bặm trợn tay, lăm lăm chiếc gậy, tra khảo anh.

- Mày nói đi. Con Ngao đâu rồi?

Anh đứng giữa nhà. Về mặt bình tĩnh.

- Tao không biết con Ngao nào cả. Chúng mày ở đâu ra mà đến đây gây chuyện. Hãy biến ra khỏi nhà tao ngay.

Anh cúi nhất ngay con dao trên bàn phòng thủ.

- Mẹ kiếp! Thành này già mồm! Thế đây là cái gì? Thành chỗ nào ôm vắt con chó lên xe, biến số xe đây, mày cãi hử? Còn cái thằng đồng bọn của mày đâu rồi?

Một thằng dí sát cái điện thoại vào mặt anh. Sắc mặt anh hơi tái.

Một thằng khác lúng lúng khắp nhà. Khi quay lại tay cầm một bình xịt hơi cay, một dùi cui điện và một cái thông lọng ném xuống mặt anh chứng minh mọi sự.

- Mày còn cãi nữa không? Nói đi? Con Ngao đâu?

- Tao không biết. Chúng mày biến đi khỏi nhà tao ngay lập tức. Ngoài đường tao không cần biết, còn đây là nhà tao.

- Thằng này già mồm không nhận! Chúng mày xử nó!

- Đi ngay đi!!!!

Anh nhìn vào mắt tôi ra giọng lệnh rồi lao vào chúng chiến đấu. Mắt tôi chạm phải tia chớp của anh giết bản mình. Tôi biết đó là lời anh ra lệnh cho tôi chứ không phải nói với bốn thằng mặt mũi bặm trợn kia. Tôi lúng kúng không đi. Chân không nhúc nhích nổi bởi đám người hiếu kỳ từ đằng sau dồn đẩy, chen lấn về phía trước. Tôi run rẩy. Chiến hữu của tôi đang bị người ta vây đánh. Tôi nghe thấy tiếng bụp, tiếng hự nặng trĩu và những tiếng trẻ con bắt đầu khóc ré lên, xé tan khoảng không gian. Bầu trời tối sầm lại. Nắng hanh hoe trốn mất để lại màu mây xám ngoét, âm u.

Thì đi làm ca về, chen vào vãi lạng vãi nước. Thì lần vào người anh chấp tay lạy sống chúng xin đừng đánh. Ngọn lửa hận trong mắt chúng càng dập càng bùng lên. Mấy người đàn ông hàng xóm chạy vào ngăn chúng lại. Đám đàn bà sợ mất vía, đứng dùm vào nhau lên lên nhìn.

- Muốn cho thằng này sống thì nồn ra ba chỉ vàng. - Đó là lời của tên cầm đầu ra giá.

Thì tròn tròn mắt lạ lùng. Thì kêu đắt quá. Hai tên liền thọc tay vào nách anh lôi xềnh xệch ra cửa. Máu từ chân anh lết vệt dài trên sàn nhà. Thì túm chặt lấy gấu quần hần.

- Tôi lạy anh. Cho tôi chịu! Mấy bữa nữa tôi kiếm trả.

- Ngày mai! Sáng ngày mai phải có, rõ chưa?

Chúng quảng bốn cây gậy dính máu xuống giữa nhà anh, phủi tay, xốc lại cổ áo rồi lên xe phóng đi.

Mặc cho anh đau đớn, tím tái. Thì dùng tay đánh thùm thụp lên người anh. Thì trách, Thì mắng sớm biết có ngày này mà nói anh không nghe. Mặt anh lăm lè chịu đựng. Mọi người diu Thì dậy và đưa anh lên xe đi cấp cứu.

Thì ngồi sau ôm chống, nước mắt vẫn rùng rùng hai hàng. Anh bặm môi cảm nín. Cái chân quệt xuống đường. Thì nâng cái chân anh lên. Máu lại chảy từ kẽ tay Thì ra. Chiếc xe ậm ạch nổ, phi chầm chậm, trút lại đằng sau khói đen hắc xìt. Mọi người quay sang nhau buông lời xì xào chỉ trích. Có nhà từng bị mất con chó, có nhà bị mất con mèo to hay con gà trống thiện. Không ngờ...không ngờ...bấy lâu nay sống chung dây với thằng ăn trộm. Miệng tôi cứng ngắc. Lòng đau hùi hụi mà không thanh minh được. Có lần anh thấy tôi nhìn chằm chằm vào một con chó của một nhà cùng dãy. Anh bảo tôi đi kiếm ăn xa chứ không được đụng đến của hàng xóm láng giềng. Toàn công nhân nghèo. Có con chó đêm hôm sủa inh ỏi trong nhà, phòng những khi có thằng bắn cùng vào khu vực khoảng mấy cái nôi, cái chậu thì lấy gì sinh hoạt? Vậy mà vì sự tình đó bề, hàng xóm đổ xuống đầu anh lọ trầm đen đũa. Rồi như chợt nhớ ra việc cần làm. Mỗi người một ngã, ai về nhà nấy, lục đục đi làm.

Trong nhà, ba đứa trẻ con anh, nép vào góc giường, ôm nhau khóc dấm dút. Nỗi sợ hãi hiện lên, đổ sập xuống ánh mắt trong veo ngấn nước. Tôi nghe trong lòng nồn nao, người như bị người ta chém ra từng đoạn một. Tê dại và buồn. Cả đời tôi nợ anh đôi chân này, món nợ không bao giờ trả nổi. Tối hôm qua, lúc uống rượu anh bảo "tao chỉ làm nốt vụ này rồi giải nghệ thôi. Không

làm nữa. Kiếm cái việc gì trong sạch mà làm. Sống bằng mồ hôi, xương máu của người khác, nhiều lúc nghĩ nhục lắm, mặt không sao ngẩng lên được". Vậy là đã dừng lại thật rồi! Tôi không níu với anh được nữa. Ngay từ đầu tôi đã lòi anh vào chuyện này. Kiếm ăn lúc tranh tối tranh sáng, một việc làm chớp nhoáng. Con Ngao này là món hàng mà chúng tôi chú ý từ lâu. Một sáng, chúng tôi đi qua biệt thự của một ông lớn trong thành phố thấy rạp chằng kín cả cái sân rộng. Hương án được lập giữa sân. Những con ngựa, con voi bằng giấy to như ngựa thật, voi thật xếp ngay cạnh đó. Xe ô tô chờ đỗ lể vào, đám thợ bảo nhau cẩn thận không dập, vỡ. Trước cổng chằng đèn kết hoa với dòng chữ "lễ cầu siêu dòng tộc". Chúng tôi trầm trở ngược nhìn. Khi người ta no đủ người ta thường tìm đến những điều không thực tin tưởng đến mụ mị, còn những kẻ bụng đói sẽ lần tìm đến những điều thực hơn. Và mắt chúng tôi cùng long lanh khi thấy con Ngao hết chạy ra lại chạy vào. Lòng xù, mặt sư tử, đuôi cong vắt, đáng đi oai vệ. Chẳng ai bảo ai nhưng chúng tôi biết đó là giống chó quý. Sáng nay khi vệt

nứt toác từng văng, vài đám cỏ lau lách đất mọc lên trở bông trắng bạc bay phất phơ phất phơ.

Căn nhà đầu tiên của dãy tập thể hẹp nhưng thênh thang gió. Gió vào cửa trước ra cửa sau, quảng cánh cửa đập thình thình. Tôi diu anh nằm ngửa trên giường gọi con Lam đang lục cục nấu cơm đằng sau:

- Lam đi! Khép cái cửa lại. Gió to quá.

Cùng lúc ấy gió như ra đòn quyết định giáng cánh cửa cái rầm. Bụi từ mái ngói cũ bay là tả xuống người phủ xuống mặt anh một lớp bụi mỏng. Anh không kịp né bụi, đưa tay dụi mắt thì ngay lập tức đợt gió khác lại ném đám bụi từ nóc nhà rơi xuống. Tôi vội vã buông màn chắn bụi. Con Lam bê chậu nước lấy khăn ướt lau mặt cho anh. Mới tám tuổi nhưng nó đảm như đàn bà có gia đình. Từ bé em, dút cho em ăn, tắm giặt, đi chợ. Việc nào ra việc đấy. Anh nhần nhó trở mình.

- Bối đau quá à?

Anh không trả lời. Khi quay lại đã thấy con Lam mang đến một chén nhỏ nước vàng ươm.

- Bối uống đi cho khoẻ.

- Cái nước gì vậy?

- Sấm bố ạ. Mẹ bảo chúng nào bố mệt, yếu thì rót một ít cho bố uống.

Anh trừng mắt đưa tay hất một cái, cái chén văng xuống đất vỡ toang, nước lã trên mặt sàn nhà.

- Vứt đi! Tao không cần thứ này. Sao tao không biết chuyện này hả?

- Con xin lỗi bố. Hôm con gặp mẹ ở hiệu thuốc. Tại mẹ cứ bắt con phải cầm...

- Từ giờ tao cầm. Tao cảm! Nhớ rõ chưa?

Con Lam hốt hoảng mặt rần rần nước. Nó dạ rồi đứng dậy dọn dẹp.

Cái đáng mừng kẹp nhanh nhẹn lau chùi. Chiếc áo rộng cổ để lộ ra hai cục xương trên bả vai nhô lên bằng ngón chân cái. Khuôn mặt anh co lại, thấp thoáng sự hồi hần.

Anh nằm thẳng đuồn, các nếp nhăn vô tình xếp thẳng hàng trên trán, anh nhìn vào hư vô như giấu nỗi trốn hèn đang bữa vầy. Mắt anh chứa cái nhìn vô hồn. Tôi đã thấy hình ảnh này sáu tháng trước sau khi anh mổ ghép xương. Tôi sợ phải nhìn vào cái khoảng mắt thần thờ ấy. Nó chênh chao là buồn, mờ mịt cả chân trời rộng lớn. Nó ẩn cả một thân thể to lớn vào sự hoang hoải, nát như. Cảm giác như người đi mãi một con đường mà ngỡ ngàng không nhận ra ngõ ngách để về nhà. Ngay từ khi chúng tôi cùng chung tay làm cái việc khốn nạn kia thì bầu không khí đã bị bụi làm khó thở và lúc này đây cuộc sống càng trở nên tối tăm. Thay vì làm tám tiếng như trước, nhà máy đã không thể cầm cự đến tháng chín. Ngọn lửa từ hầm lò nung đốt gạch ngói đã tắt ngấm để lại mặt đất lạnh tanh. Đám công nhân nghĩ lè tè tìm việc từ trước đó. Rồi sau nghĩ không kỳ hạn ở nhà. Mọi người tá hoả đi tìm việc mới. Tôi rời màu đất đỏ nửa năm. Lăn lộn vác hàng thuê ngoài cửa khẩu Móng Cái. Rồi cấm biên. Hàng loạt xe tải đủ loại nằm chờ xuất hàng, hàng hoá ứ đọng, mọi hoạt động giao dịch bị ngừng trệ. Tôi trở về khi hay tin anh vừa mổ rút đinh ở chân. Chúng tôi bây giờ giống nhau, hai bàn tay trắng, đặt dờ sống.

- Tối nay mày ở đây uống rượu với tao. Ngoài đó mày sống thế nào? Ổn không?

- Anh nên lo cho sức khoẻ của mình. Chân cẳng anh thế này rượu chè gì?

- Kệ nó chứ? Đói còn gì để mất đâu. Mày có việc gì không cho tao theo?

- Cửa khẩu cấm biên rồi anh ạ. Không biết chừng nào thì hết. Em tính em cũng về thôi. Đầu cũng trời đất đấy. Không khấm khá và tốt đẹp hơn chỗ mình. Đợi chân anh khỏi hẳn rồi tính tiếp.

Con Lam chạy đi chạy lại rứt củi bếp. Dáng vẻ nhanh nhẹn, cái đầu nghiêng nghiêng thổi lửa, lọn tóc buộc ngả sang một bên lộ ra chiếc lưng hơi cong. Tôi chợt giật mình hỏi anh:

- Con Lam...Anh có nhận thấy điều gì không?

Anh gạt đầu:

- Nó càng lớn càng giống con mẹ nó.

Tôi ngồi im chấp nhận câu trả lời.

Thì bỏ công nhân xin được vào khách sạn dọn buồng. Một ngày Thì không về. Anh hốt hải đi hỏi thăm người cùng làm với Thì thì Thì đã lên xe đi với một người đàn ông. Đó là ông A Cố người ngân choản, mặt bị thịt, đáng bị khệnh khạng, luôn đeo chiếc túi ngang bụng. Thì ba mươi ba, nước da bánh mật, mắt đen láy, má cá bóng với hai lúm đồng tiền mà mỗi lúc cười hút hồn người khác. Lúc còn ở xưởng, anh như con nhím đục xù lông bảo vệ con cái những khi cánh đàn ông trong xưởng ngắm nhìn vợ hoặc lại gần buông lời tán tỉnh.

Vậy mà chỉ trong nháy mắt, anh mất Thì.

Thì trở về vào một ngày mưa mùa hạ.

Anh ngỡ ngàng mở to mắt khi Thì từ trên xe ô tô bước xuống. Chiếc dù chắn ngang những giọt đàn chéo xối xả trên đầu. Chiếc váy xê thân ôm trọn lấy thân hình tròn lẳn của Thì.

Tiếng giày cao gót nện trên sàn nghe xa lạ, khô

ĐẤT ĐỎ

Truyện ngắn của HẠNH VŨ

được nó, vất vả lắm chúng tôi mới đưa được lên xe và không chế nó.

Tôi nhìn quanh đây nhà thấp lè tè hiện lên màu cũ kỹ, mái ngói nâu bạc màu thời gian, những cánh cửa cũ kỹ, những bức tường, trẻ con vẽ chẳng chịt vết gạch đỏ hay than đen. Đôi chỗ nứt đã được vá lại, đôi chỗ tróc từng mảng hết như mất một miếng thịt trên da.

Nhà nọ cách nhà kia một bức tường. Họ bên này thì bên kia cũng nghe tiếng. Có đến hai, ba thế hệ sống chung trong căn nhà ba chục mét vuông. Giữa các giường thường chỉ có tấm rèm mỏng mảnh ngăn khoảng cách. Người ta bắt buộc học cách giả vờ im lặng hoặc tăng lời khi địa phận bên này hay bên kia xảy ra những đụng chạm nho nhỏ. Mọi người phải nhìn nhau "thoảng" hơn vì chật chội, tù túng. Miễn sao nhà cửa không có chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh thì vẫn còn dễ thở chán.

Mảnh sân trước cửa đường như không một khoảng đất trống nào bị bỏ sót. Ngày nghỉ họ tranh thủ xới lại mảnh đất rắc vài hạt rau xuống đó phòng nhờ bữa mà chợ thì xa. Lũ trẻ con thích nhất tuần đầu bố mẹ chúng lĩnh lương. Lúc đó tay mẹ chúng xách lĩnh kinh bao nhiều là quá. Người đàn bà sẽ tất bật vào bếp cải thiện những ngày nhai cá khô, lạc rang mặn sái quai hàm. Và bỏ qua những con số khổng lồ nằm ở cuốn sổ mấy hàng quán cho ghi nợ. Cứ đến ngày lĩnh lương, con nợ đi trước, chủ nợ theo sau, bầm riết cho đến khi tiền vào được túi. Suốt cuộc đời họ chưa bao giờ bước qua cái vòng luẩn quẩn ăn - nợ - trả nợ - nợ. Những ngày sung túc rất ngắn ngủi vì sau đấy lại trở về vị trí ban đầu nên người ta phải vội vàng tận hưởng, vội vàng bù đắp. Con đường ven đồi, đất sạt lở thành ụ to, có cây bạch đàn bị gãy gập làm đôi, gục ngọn xuống đất. Lốp nhựa đã chảy quanh thớ gỗ bị xé dài. Tôi nghĩ đến sự lạnh lặn của cái cây tồn tại trước khi gãy. Liệu có vực dậy, vươn thẳng được như cũ khi đất đã rỗng rão không giữ được mình và hất xuống vực sâu tất cả cỏ cây.

Gió heo may đến sớm, thổi xao xác những ngọn cây phía đối. Trời đã sang thu nhưng nắng vẫn gắt gỏng như bà già khó tính trải khắp mọi nơi. Khô. Nóng. Bụi từ con đường đất đỏ như chơi trò cút bắt, hồng hộc đuổi nhau chạy trên mặt đường rồi lao vào ẩn nấp nơi tán lá cây điệp, cây bàng và cuối cùng trú ngụ ở những gian nhà tập thể lụp xụp liến kề nhau. Hơi nước từ chiếc hồ đồ ngẫu không dịu đi sự khắc nghiệt của thời tiết. Bãi đất ủ

CUỐI cùng, vị phu nhân khả kính và nghèo khó ấy đã được Thần Biển về đón đi. Hoặc lão Vay đón đi. Trong một đêm trăng huyền ảo và thơ mộng. Bà hoàn toàn mãn nguyện, sau hơn sáu mươi năm đợi chờ vô vọng. Bà ra đi, mang theo những tháng năm lạc loài ở cõi người. Và mang theo cả sự trinh trắng cao quý của người đàn bà.

Với vị phu nhân Thần Biển ấy, lão Vay có cả một khối tình sâu nặng và bí hiểm. Không ai biết được. Siết chặt, xót thương, kính trọng và mê hoặc. Đã mấy lần Vay bất chấp tất cả, chết cũng cam lòng, quyết có bằng được Thuyền, người con gái xinh đẹp đã gắn với số phận Vay từ tấm bé. Thế mà đành bất lực...

Như mọi trẻ con làng biển, Vay đánh trống, đầu cạo trọc, chỉ để lại một vệt tóc vàng hoe cháy sém trước trán như cái vেম. Ngày mấy lần nhảy ùm xuống biển như con hải cẩu. Và chính Vay vô tình cứu được cái Thuyền, lúc đó như cái xác chết tấp bên bờ cát ướt, để sau này nó thành phu nhân Thần Biển...

Ông Nốc cha Vay, quyền uy cả vùng. Ông nhất quyết cứ phải theo lệ ngàn xưa, hai năm một lần, tổ chức lễ tế long trọng Thần Biển. Bất di bất dịch. Ông

chết. Bởi ai có thể sống nổi khi trên mặt sông gió quạt tới tấp, và dưới lòng sông tung trào va đập không thương tiếc?

Thế mà hai mẹ con bà ấy vẫn sống sót. Có thể một đời vật lộn kiếm sống cùng sông nước, đủ cho hai người kinh nghiệm để vượt qua sóng dữ? Hoặc có một bàn tay của đấng siêu nhiên nào đó đỡ che? Không biết nữa. Chỉ biết rằng, khi con thuyền già nua còm cõi của mẹ con bà vỡ tan, mỗi người may mắn vớt được một mảnh vụn. Và họ đã ôm chặt lấy, mặc cho số phận...

Cửa Lệ hẹp đã trở nên cuộn xiết khủng khiếp khi nước Long Giang sầm sập đổ về. Hai mẹ con như hai thanh củi mục bị tống ra biển khơi như một mũi tên, trong đêm đen mịt mùng. Từ đó, bị những đợt sóng của thủy triều hất ngược trở lại bờ. Rồi lại tống ra xa. Cứ thế, hai con người như hai cái xác lạnh giá và tê cóng, bị sóng ném ra tung vào không biết bao lần. Cho đến khi gió lặng. Bão tan. Mưa ngớt. Và biển một nhòai nằm thờ phỉ phò sau cơn cuồng nộ. Mây cũng kéo nhau đi đâu, để lộ khoảng trời bình minh quang quẻ. Và dải cát vàng rực tình khôi trải dọc bãi bờ, bắt đầu từ vịnh biển chạy tít về hướng nam.

nhỏ bé này.

Bỗng một sáng tinh mơ, làng biển đang thiêm thiếp trong cái lạnh giêng hai, chợt sôi lên sùng sục. Anh mở tay gõ miếng loa, phát đi lời của lý trưởng Nốc, tổ chức lễ hiến tế Thần Biển, trước khi vào vụ cá nam. Người ta đổ ra đường, ới nhau thất thanh. Đứa mô, con cái nhà ai, sẽ là vị phu nhân Thần Biển năm nay?

Cả làng thở phào nhẹ nhõm và ái ngại, khi cái tên Lê Thị Thuyền được xướng vọng. Bà Bến hực lên, ngả khuỵu trên cát. Mãi sau, bà cũng tìm được cách huyền hoặc mình, rằng thân xác cái Thuyền đã là của ngài từ cái đêm hai mẹ con vật lộn với bão tố biển khơi. Ngài muốn đem nó đi lúc nào là quyền của ngài.

Chỉ tội thằng Vay. Cu cậu nén khóc rầm rút trong góc tối, ngay khi cha cậu và các chức sắc bàn chọn vợ cho Thần Biển. Nó thương cái Thuyền ngao ngán. Nhưng cũng sợ Thần Biển một phép. Nó chưa lần nào thấy Thần Biển. Nhưng nhìn cung cách sợ hãi và cung kính của cha, cùng thấy Tri phủ thủy, đủ cho cậu kinh khiếp mỗi lần nghĩ đến ngài. Cha cậu, chỉ ho một tiếng là cả làng dạ ran. Còn thấy phủ thủy Tri chỉ vài cây nhang, mùa nhì nhằng trong không khí, lũ ma quỷ phải im re. Thế mà cả hai quý mọp, si sụp lạy đến gãy lưng mỗi lần tế lễ ngài.

Vay có mấy lần được xem lễ tế. Đó là những ngày vui nhộn nhất mà nó mong đợi. Trống chiêng inh ỏi, cờ xí rợp trời. Người người ăn vận chỉnh tề theo hàng đôi. Đi đầu là đám chức sắc theo thứ bậc, hoặc mũ cánh chuồn và áo lụa chữ thọ, hoặc khăn đóng áo the. Họ kính cẩn tháp tùng một vồng xanh lóng vàng sang trọng. Trên vồng là tàn phu nhân Thần Biển. Mặt non choẹt tuổi mười ba. Vẹn đôi lụa trắng tinh khiết, trang điểm theo kiểu cô dâu. Đầu đội vương miện bằng tre đan phát giấy điệp vàng, do chính tay thầy Tri chế tác. Đoàn nước dẫu đi từ đình làng, thẳng ra bãi đất làm nơi lễ tế xưa nay, cạnh vịnh biển sâu xoáy, nước xanh đến rợn người. Trên khoảnh đất sát mép vực, đã dựng lên từ hôm trước, một đài cao bằng các thân tre tươi. Trên mặt đài rộng nhỉnh hơn cái mẹt, đặt một cái ghế có tay ngai, mặt hướng về đám đông, lưng quay về vịnh biển, cũng được kết bằng tre tươi. Đó là nơi ngự lãm cuối cùng của vị phu nhân Thần Biển trên dương thế.

Phu nhân Thần Biển được vồng đến sát chân đài. Từ đó cô gái leo lên bằng những nấc thang tre. Và ngồi lên chiếc ghế tre có tay ngai vừa vặn thân người. Khi phu nhân Thần Biển yên vị, các chức sắc và dân chúng trong làng lần lượt vái lạy. Đoàn đang ra hai bên, dành chỗ cho các màn múa bông và hò chèo cạn. Lời ca của các màn hát múa là cầu mong trời yên biển lặng, cá đầy khoang và tôm nặng lưới...

Màn múa hát vừa dứt, lý trưởng rũ áo, trịnh trọng và kính cẩn sụp vái ba lạy. Đoàn đọc bài văn tế thuộc lòng, bằng thứ giọng ai giọng trầm vốn có, ca ngợi công đức Thần Biển, cầu xin sự an lành và được mùa cho dân làng Phú Hội, cá về ập thuyền tràn nốc. Cuối cùng, ông xướng tên người con gái trinh trắng và xinh đẹp nhất làng, xin dâng Thần Biển làm vợ. Ông chưa dứt lời, thấy Tri đã thực hiện bài đánh quỷ đuổi ma bốn phương tám hướng quanh đàn, không cho chúng tơ tưởng đến dung nhan vị phu nhân Thần Biển. Ba cây hương trong tay thấy múa lia lịa và chầm đứng những phong pháo treo quanh chiếc đàn, khiến chúng nảy lên đành dạch, nổ xé óc xé tai. Khói bay mù mịt. Khói trùm kín chiếc đàn tế. Khi khói phả tan hắt, trên đài đã không thấy vị phu nhân Thần Biển đâu nữa. Dưới vực sâu nước xanh lè như đáy đại dương, chỉ còn cái ghế tre có tay ngai nổi trôi chơ chỏng...

Cái Thuyền làm vợ Thần Biển được hai năm, thì Cách mạng nổi lên giành chính quyền. Vì thế, đó là lần tế lễ cuối cùng mà Vay chứng kiến. Người ta đưa cái Thuyền ra khỏi nhà độ nam hôm, trước khi lễ tế xảy ra. Nó ở cách ly trong ngôi nhà phía hậu đình. Con bé tuồng như không biết gì, ngây thơ và vui vẻ. Thậm chí nó làm những việc người ta hướng dẫn một cách thích thú. Đến nỗi, khi ngồi lên chiếc ghế tre có tay ngai,

PHU NHÂN THẦN BIỂN

Truyện ngắn của HỮU PHƯƠNG

bảo, không tế lễ, cái làng biển này có mà làm mối cho Hà Bá. Rồi bao thanh niên trai tráng, cùng thuyền bè, chỉ vui xác đày đại dương! Lại nữa, không dâng gái đẹp đồng trinh cho ngài, biển đâu chịu yên hàn, cá tôm đâu chịu vào lưới cho ta quây bắt? Mọi sự đều do một tay ngài vun vén, giúp rập. Vậy thì, được dâng một gái đồng trinh cho ngài làm vợ, là phúc đức cho ai được chọn, và cũng phúc đức cho cả cái làng này!

Nói vậy, nhưng từ khi Vay có hiểu biết đến nay, các gái đồng trinh được chọn dâng cho Thần Biển, toàn con cái nhà cùng đình. Cuộc sống họ khác chi mảnh buồm và vùi, tả tơi sau bão tố. Các cuộc bình chọn diễn ra thâu đêm tại nhà Vay. Các chức sắc trong làng đều tìm cách né tránh con gái mình. Nhưng năm đó, quả thật, dân cùng đình làng Phú Hội không nhà nào có con gái ở vào cái tuổi ấy. Hoặc còn quá nhỏ dại, hoặc đã dính chồng con. Các vị vớt óc một cách sợ hãi khi nghĩ đến con gái mình phải dâng mạng. Mãi đến lúc gà gáy te te, một vị bỗng xướng lên: "Có con mẹ Bến vừa xin ngụ cư, nhà ở rìa làng. Đứa con gái mụ cũng đã bước vào tuổi mười ba..." Lúc đó, các vị đồng thanh ồ lên, phải rồi, phải rồi!

Thế là Thuyền được chọn.

Mẹ con bà Bến xuất hiện ở làng chài này không phải theo hướng đất liền, mà từ phía biển. Bão miền Trung thường kèm với mưa to gió lớn. Mưa như trút phía thượng nguồn, khiến cho dòng Long Giang dâng tràn cuộn cuộn. Cuốn phăng bờ bãi cây cối nhà cửa hai phía bờ sông. Con thuyền vừa là nhà ở vừa là phương tiện sinh kế của hai mẹ con, sau ngày người đàn ông trụ cột gia đình mất đột ngột, đã vùng vẫy trong mớ hỗn độn ấy, giữa biển nước trào sôi đỏ ngầu và rền xiết. Tất cả chen nhau đổ về, và tống ra biển khơi một cách phũ phàng. Ai cũng nghĩ hai mẹ con bà Bến cái Thuyền đã

Cu Vay mười hai tuổi, tổng ngổng chạy theo bãi cát, đôi mắt lão liêng tìm những vỏ ốc vỏ sò hình thù kỳ quái, hoặc những vật dụng từ đâu xa, được sóng biển đưa về đêm qua. Và nó đã vấp phải một mảnh ván thuyền ngậm nước, trên đó có một xác chết nhỏ bé. Mặt nó tái xanh, vেম tóc vàng hoe dựng đứng. Nó hốt hải chạy lùi, mắt không rời cái xác. Một mảnh buồm cũ vùi trong cát đã ngáng chân, làm nó ngã lăn. Nó giật mình, hốt vía bay đầu mất. Lại lồm cồm bò dậy. Nhưng lần này nó không chạy nữa. Đứng sững nhìn xác chết. Lát sau lấy hết can đảm, nó bước đến cạnh cái xác. Một bé gái trạc tuổi nó, nhằng như con nhái bén, bạc bệch vì ngâm nước. Bỗng dưng nó sụp xuống, áp tai lên ngực con bé. Những tiếng đập mơ hồ. Không biết là tim con bé hay tim nó? Nó liến xốc con bé lên vai, chạy ngược về làng.

Người ta cũng vớt được mẹ con bé, ở một quãng khác của bờ cát ướt.

Hai mẹ con bà Bến cái Thuyền tạ ơn các đấng trời đất đã tái sinh mẹ con bà. Và cũng ơn nặng cứu mạng của dân làng biển Phú Hội nghèo khó này. Họ được giúp rập, dựng một túp lều nhỏ ở doi cát cuối làng. Bằng mấy tấm tranh tre và cả những mảnh buồm cũ nát. Bởi thế, mẹ con bà Bến không nề hà mọi nhờ vả thuê mướn của bất kỳ ai. Từ việc gánh nước ngọt, gạo muối lên thuyền cho cánh đàn ông ra khơi mỗi chiều, đến việc gánh cá, mổ mực phơi phóng giúp cánh đàn bà khi thuyền cập bến mỗi sớm mai. Công cán ít nhiều được trả bằng sản phẩm của người đi biển. Kẽ mớ cá, người mổ mực tùy lòng. Bà Bến cấp nách lên cái chợ xép xó quê cách đó vài cây số, đổi gạo khoai rau dưa. Dân sông nước hòa nhập rất nhanh với cuộc sống biển khơi. Cái Thuyền được cậu Vay hướng dẫn, nó đã biết lặn mò cào hến và xúc chếp chếp nơi biển cạn. Cuộc sống đời khó và bình yên, ngỡ không có gì biến động ở làng biển

khóc. Thằng út thấy mẹ về nhảy cẫng ôm chặt lấy mẹ, rúc vào nách Thi. Mẹ con gặp nhau mừng tủi lẫn lộn.

Con Lam và thằng Thứ mừng không kém. Chúng quần lấy mẹ, mắt long lanh.

Anh nhìn Thi cầm cầm. Thiếu nước lấy xẻng hất vào mặt. Thi ầu ỹm con nhưng vẫn dè dặt chia cái nhìn sang anh. Thi cầm túi quà bảo con Lam chia cho em.

Ba đứa hí hửng xách túi quà vào gian trong. Chỉ còn anh và Thi.

- Cô còn dám quay về đây ư? Đồ thói tha..

Thi không để ý đến lời nguyền rủa của anh, lấy trong túi xách đặt lên bàn ít thuốc và một ít tiền hình ông Mao Trạch Đông cái cúc kín cổ.

- Anh cầm lấy để chăm con...

Anh vợ bọc thuốc và tiền ném thẳng vào mặt Thi rít qua kẽ răng:

- Đồ thói tha! Mày cũng nghĩ đến con cơ đấy. Chúng nó không có mẹ như mày...

Mặt Thi tím tái. Tóc trên mái xổ ra bay lất phất trước mặt. Thi cúi xuống nhặt thuốc và tiền đặt lại trên bàn.

- Anh nghĩ về em sao cũng được. Em chết dầm hay thối rữa... Nhưng em vẫn là mẹ chúng...

Thi đứng dậy, bước vội ra cửa rất nhanh. Chiếc taxi vẫn đứng ngoài mưa nằm chờ. Anh cầm nắm tiền gắng sức ném rượt theo Thi. Nhưng Thi đã kịp chui vào xe để những đồng tiền bay lên gặp mưa rơi lạnh ngắt xuống đất trôi theo dòng nước. Tội nghiệp lũ trẻ con, mãi quà mà không để ý mẹ chúng đã đi mất sau màn mưa trắng xóa.

Từ đó Thi không trở lại.

Và anh không thể ngờ trời đất run rủi sao lại sắp xếp một cuộc gặp gỡ bất ngờ. Tôi đã gặp lại Thi. Bữa đó, phố vắng, trời nhập nhoạng tối. Đám củ vụn xa vợ, rồi việc rủ nhau đến quán Hoa Sương xả hơi cho bỏ những ngày chịu đói chịu khát. Một dãy nhà, đèn hồng mờ ảo, đập diu đàn ông đủ tuổi ra vào. Các em đứng vẫy khách từ bên trên đưa thẳng xuống dưới. Một sự mời gọi thẳng thắn và rõ ràng. Mấy thằng choai choai từ đâu chạy đến ngã giá như con buôn. Có một ả liến dạng hai chân vỗ phành phạch vào vùng nhạy cảm, miệng vát lên lời chửi tục sỗ sàng. Chúng cười hô hố rồi phóng đến một quán khác. Không gian bên trong ẩm thấp, các phòng liến nhau, sát vách, sức nức mùi nước hoa rẻ tiền và mùi nhục dục. Khi vào phòng, người tôi như run lên khi thấy tiếng chốt cửa bị đẩy vào. Ánh đèn màu hồng bao trùm căn phòng. ả sà đến cạnh tôi, bàn tay vuốt ve rất gái, rất nhuần nhuyễn, lành nghề như trước khi con người ta biết đến mặt đất này, người ta đã biết nâng niu đàn ông.

Tôi sẵn đến dần ả ra giường, tay sục sạo khắp lượt. Và khi hai khuôn mặt chạm nhau, tôi mở to mắt căng tròn nhận ra Thi.

- Thi???

Thi luống cuống đẩy tôi ra, từ giường vọt xuống đất và ngồi sụp xuống.

Một phút choáng ngợp, tôi mới nhìn thẳng vào Thi. Sao lại đến cơ sự này vậy Thi? Sao người ta bảo Thi sống với tên A Cỗ hạnh phúc lắm mà. Sao Thi lại bỏ bố con anh ở lại để đến nơi này làm đi? Sao???

Có muốn vấn câu hỏi sao tôi muốn hỏi Thi nhưng không cất lời nổi. Thi quay mặt vào tường bối rối. Căn phòng tối tàn màu hồng như bị đông đặc bởi cảm giác ngượng ngùng, khó tả. Phía phòng bên cạnh bắt đầu vang lên những tiếng rên rỉ. Cả tôi và Thi lạng người đi.

Thi vụt đứng dậy chạy ra ngoài.

- Thi không nhớ con sao?

Tôi đã thấy Thi đứng chân sau câu hỏi ấy nhưng Thi không quay lại phía tôi. Chứng một lúc, sau khi ngẫm nghĩ điều gì đó. Thi bỏ hẳn ra ngoài để mình tôi với căn phòng trống, lạc giữa không gian đậm sắc ái tình.

Tôi ra về trong cảm giác bồn chồn. Bỗng Thi xuất hiện trước mắt tôi với khuôn mặt ướt át, phấn son lác mắt nhau, bờ phờ, nhàu nhĩ. Thi dúi vào tay tôi mà không nhìn tôi cũng biết đó là tiền.

- Khương...Khương cầm về cho bố lũ trẻ...giúp tôi...

- Bố con anh ấy rất cần Thi. Thi nên về...

- Không! Tôi không thể...

Rất nhanh, Thi lại biến mất vào bóng đêm mà tôi không thể định dạng nổi nơi góc tối nào đã giấu Thi đi.

Anh quờ quạng tay tìm chiếc nạng gỗ. Tôi diu anh đứng lên. Anh cả nhắc đi ra cửa. Mặt trời chỉ còn ló chút ánh sáng trong màn mây màu tro xám bao quanh. Mây bay là là ngọn cây, rù bóng tối xâm chiếm mặt đất. Nhà bên cạnh đã bắt đầu chất bếp, khói cuộn từng vầng vẩn vũ toả vào không gian mùi dầu ám trên cùi cháy khét lẹt.

- Trời đất gì mịt mùng.

Ông hàng xóm nhà bên cời trần, mặc quần đùi, quạt bếp phành phạch nhướng mắt lên chào chúng tôi rồi lại cúi xuống tiếp tục công việc của mình. Tôi nhìn lên dây phơi quần áo nhà ông hàng xóm thấy treo bộ quần phục bảo vệ mới. Tất cả đã thay đổi. Mọi người trong dây tập thể người đã tìm được việc, người thì chưa, người đã ký được hợp đồng dài hạn hay vẫn còn trong thời gian thử việc ở công ty môi trường, ở nhà hàng khách sạn, hoặc



Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY

đi làm nên...Mạnh ai người đẩy chạy, cố gắng lật cục trong họ hàng hoặc bạn bè một chốn yên ổn. Những đôi tay lành nghề, lướt trên mặt đất tạo ra vô số các loại mẫu hình trang trí nhà cửa như gạch, ngói, mũi hài, mũi cổ...sẽ trong màu áo mới thơm tho hoặc có thể lại vất vưởng ngoài ngã ba, phơi mặt làm củ vụn.

Hai thằng con anh ở đầu te tái chạy về. Mồ hôi ướt đẫm trên hai khuôn mặt gầy và nhếch nhác. Sang năm, thằng Thứ vào lớp một. Cũng chẳng mẫu giáo gì sất. Anh bảo nó cứ nhè nhều đòi đến lớp như các bạn nhưng mình anh chèo lái, chịu không nổi nên mặc. Ở nhà con chị kèm thằng em. Những khi con chị đi học, hai đứa tự trông nhau, trông nhà. Tôi tự hỏi không biết Thi có biết trời đất chỗ này ngày càng mịt mùng không?

Dòng suy nghĩ của tôi và anh hình như vừa gặp nhau nên anh hậm hực quay ngoắt lê đôi chân cả nhắc đi vào nhà.

Tối, chúng tôi uống rượu suông. Rượu vào đến đầu nóng rần rần đến đó. Vị cay, vị đắng không hoà loãng được nỗi lo âu trong lòng. Cả hai ngửa cổ dốc. Khi anh ngà ngà say bỗng cất giọng hát "Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành phần ai. Ai cũng một thời trẻ trai, cũng từng nghĩ về đời mình...Phải đâu may nhờ rủi chịu phải đâu chung đụng cũng đành. Phải không anh, phải không em. Chân lý thuộc về mọi người không chịu sống đời nhỏ nhoi, xin hát về bạn bè tôi những người sống vì mọi người...".

Ba đứa con anh ngồi chum ở mé giường nhìn chúng tôi e ngại. Chúng nhếch nhác và ngơ ngác. Những khuôn mặt thiếu mẹ. Nghĩ mà thương chảy lòng. Có chiều đông, tôi bắt gặp thằng Thứ dẫn em chơi ở sân, trên người chúng mỗi manh áo quần cộc cộc. Rét tái tím cả da thịt. Kể có mẹ, mẹ nó sẽ lôi tuột vào nhà mà nhồi nhét vào người chúng khăn khổ, áo bông cho khỏi lạnh. Nhưng cái lạnh vẫn vô tình thổi qua những đời người.

- Em đã gặp chị Thi anh ạ.

- Cái gì?

Giọng anh gần xuống, mắt đỏ ngầu trùng trùng nhìn tôi.

- Cô ta ở đâu mà mày gặp?

- Ở Móng Cái. Chị ấy gửi tiền cho anh.

Tôi đặt tiền lên mặt bàn, anh ngồi bất động nhìn, mặt lạnh tờ tựa như mặt hồ mùa thu. Khuôn mặt anh như bị bóc mất linh hồn. Buồn bã và sầu thảm. Rồi khuôn mặt bỗng méo xệch đi rưng rưng. Hình như anh đang cố kìm nén cảm xúc. Lát sau, anh dầm thùm thụp vào ngực mình.

- Tao là thằng đàn ông khốn nạn. Khốn nạn! Cô ta không lấy tao có khi không ra nông nổi như bây giờ?

Anh khóc tu tu như đứa trẻ bị oan uổng rồi cứ thế đập đầu xuống bàn. Tôi cứ tưởng anh sẽ giận dữ ném tiền đi, sẽ điên tiết chửi tục một hơi, sẽ nguyền rủa nhưng có lẽ cơn sóng lòng đã dịu lại, vô tình nhích thành thật với chính mình. Lúc say là lúc con người ta thường thể hiện bản chất con người rõ ràng nhất.

Tôi để anh lại một mình giục bọn trẻ đi ngủ. Hình ảnh bố trong mắt chúng hôm nay chắc đã khác đi rất nhiều. Cơn giận dữ của anh về Thi đã vơi đi, đôi chút dần vật trách nhiệm, đôi chút yêu thương còn níu giữ.

Giá mà ở xa Thi cảm nhận được điều này.

Chúng tôi có mặt ở ngã ba từ rất sớm. Nơi đầu đường, lối nhỏ mũ nón của những người củ vụn đi sớm hơn chúng tôi. Chúng tôi tìm một chỗ thuận tiện để ngồi. Sương từ tán bàng đầm nước rơi tí tách xuống người. Gió đông lạnh bỗng thổi đám lá khô xô dạt về cuối đường. Nhà cửa hai bên đường vẫn đóng im ỉm. Thi thoảng có những chiếc xe hàng chạy vụt qua rất nhanh. Không gian mở sương. Chỉ có những ngọn đèn đường cao lều đều đứng như ngủ gật.

Ở ngã ba này, tập trung đủ loại lao động. Những người có mảnh, mới thi để kiếm việc hơn. Có đám thợ chuyên đi bốc hàng, có đám chuyên phu hồ, có đám chuyên nhận lau dọn nhà thuê. Cuộc chờ đợi của chúng tôi ngày nào cũng dài vô hạn. Có buổi không kiếm được việc còn về không. Ngày nào cũng có những va chạm trong lúc tranh việc làm. Có vụ thanh toán nhau bằng sức mạnh sần cõ, bằng gạch đá, bằng tất cả những gì có thể để dằn mặt nhau. Chúng tôi kiếm được bữa cơm đạm bạc cho con, lay lắt kiếm tìm việc làm ổn định.

Một chiếc xe tải từ xa lao tới và dừng lại trước mặt chúng tôi. Khi ca bin vừa mở, rất nhanh, anh chạy trước, tôi chạy sau leo lên xe. Và tôi biết đằng sau chúng tôi còn có một đám người khăn, túi chạy theo, cổ lách một chân vào để tranh giành bát cơm nóng hổi.

- Hai người thôi!

Chân tôi bị giăng níu lại. Tôi thẳng chân đạp. Khi nhìn lại, bất giác giật mình tê tái. Gót giày của tôi vừa dẫm vào giữa mặt một người đàn bà gầy gò lau sậy. Khuôn mặt bị khăn bông kín nhưng có đôi mắt ướt, cảm giác rất quen thuộc, như nó ở sẵn trong tim tôi, mở ra là thấy.

Chiếc xe vội vàng lăn bánh. Gương phản chiếu lại cái ngồi bó cứng của người đàn bà ở ven đường với dáng vẻ ngơ ngẩn thảm thương. Tôi nhìn hoài mà không thể nào rời mắt ra được. Tôi là đảng trưởng phụ, người ta là đàn bà cô yếu lau mề. Bất chợt tôi thấy hổ thẹn với lòng mình. Có những nhìn cũng không quay ngược được thời gian nữa rồi. Người đàn bà đã chống tay đứng dậy, phui áo quần. Mắt tôi vẫn không rời và bị hút chặt vào trong gương. Dáng vẻ quen thuộc, cả cái nhìn đau đầu cũng quen thuộc, không lẫn vào đâu dù đang ở chốn đông người. Tôi nhủ mày rồi quay sang anh buột miệng:

- Chị Thi? Chị Thi anh ạ?

Anh nhìn tôi lạ hoắc.

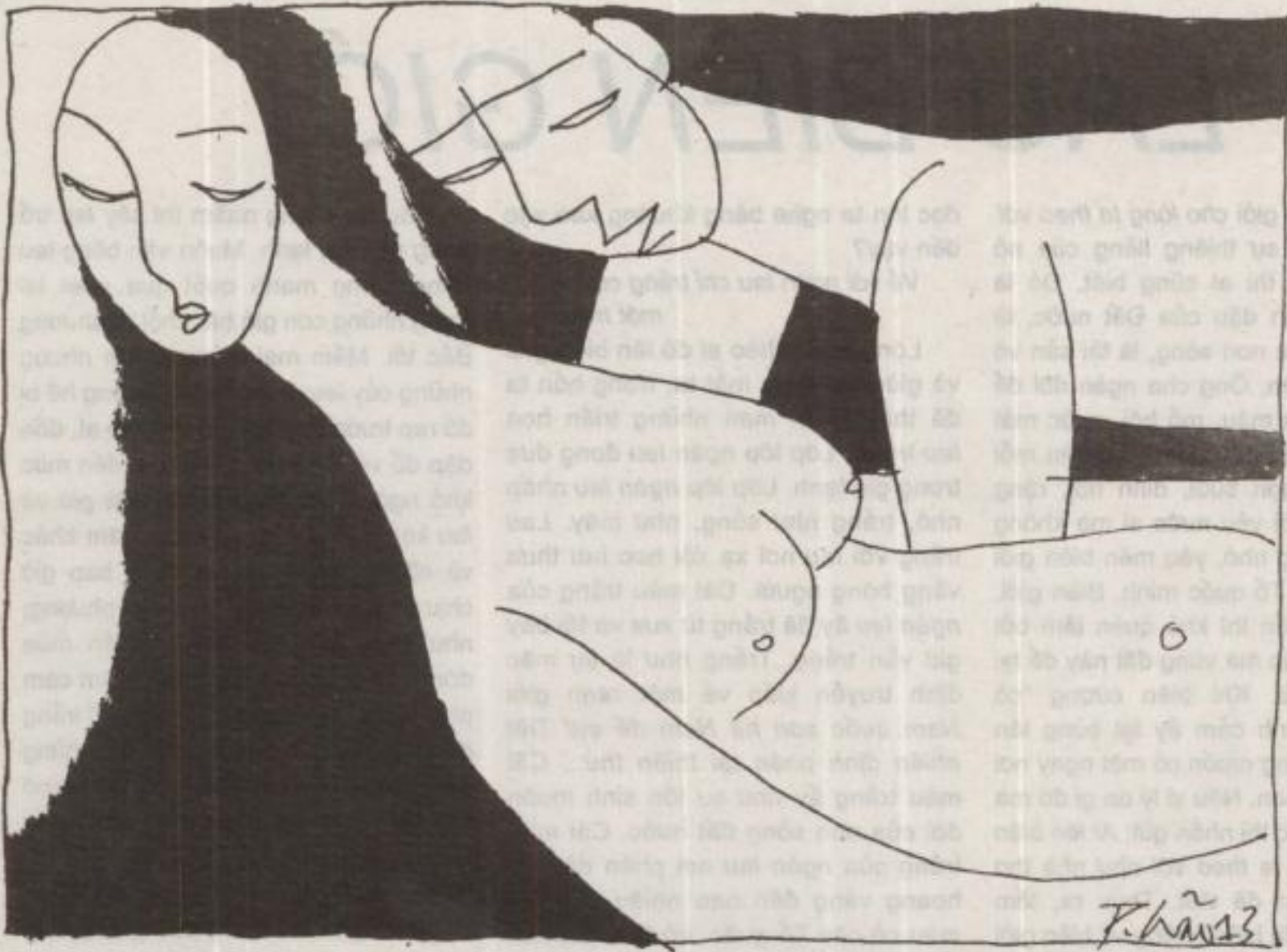
- Cái gì?

- Chị ấy đúng là chị Thi?

Anh nhìn theo hướng tay tôi. Người đàn bà vẫn đứng đó nhìn theo. Tôi thấy mắt anh loé sáng. Anh đập mạnh tay vào cánh cửa xe:

- Lái xe! Lái xe! Dừng xe lại.

Tôi thấy anh chạy rất nhanh để trở lại chỗ cũ. Hệt như người chạy để tìm một vật đã đánh rơi. Không biết họ nói gì với nhau nhưng khi hai người cùng đi lại xe, tôi thấy chị bên lên đi sau, tay cầm chùm chìa khoá nhà của anh, mà trước đây còn là của chị.■



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

miệng nó còn nhòe cười phở hằm răng lấp lóa nắng. Và đôi mắt thâm đen liếc quanh tìm bóng thằng Vay ở đâu. Còn Vay, không chịu nổi cảnh chia ly, đã lên ra, chui vào một hốc đá. Ở đó, cậu thấy rõ phần vịnh biển phía dưới chân đài tế thần. Và cậu đã chứng kiến, cái Thuyền như một bông hoa trắng, gieo xuống mặt nước thăm xanh, tạo nên những vòng sóng chấp chới, rồi mất hút. Cậu đã khóc xé lòng. Đã vùng chạy như điên. La hét một cách uất ức. Song những âm thanh dồn đau ấy, bị trống kèn, phèng la, náo bạt nuốt chửng.

Nhưng cái Thuyền đã không chết, như các vị phu nhân Thần Biển những năm trước. Nó trở về lúc rạng sáng. Bộ đồ lụa trắng dính bết người, bị móc rách đôi chỗ. Nó lạnh lén và tươi tỉnh. Không có dấu hiệu gì là mệt mỏi của một đêm vật lộn tìm về cõi sống. Dân làng Phú Hội lại rộn lên thất thanh. Hết thầy tức thì đóng cửa lại. Ma cái Thuyền về rồi bà con ơi! Cửa nhà thấy Tri buộc chặt nhất. Lão thấy phù thủy một tay cầm dao, tay kia cầm thẻ hương, nhảy lộn quèo dọc các hàng cột trong nhà, miệng lầm bầm đọc thần chú đuổi ma. Chỉ có Vay là không sợ. Cậu ta chạy đến cầm tay cái Thuyền giật giật, như thể khẳng định con bé bằng xương bằng thịt hẳn hoi, chứ không phải ma. Vay hỏi, có gặp được Thần Biển không? Không gặp. Thuyền đáp thần nhiên, cười nói tiếp, dưới ấy chỉ toàn đá tổ ong. Chạy dài hàng mấy dặm biển. Như những đảo chìm nổi nhau. Có đảo khi rặc, nước chỉ đến đầu gối mình. Cái làng cát Phú Hội này, té ra đang nằm trên một dãy núi đá ong đấy. Thảo nào, giếng nhà tau đào xuống vài mét, gặp toàn đá tổ ong. Vay gật gù xác nhận. Mà biết không, Thuyền nói tiếp, ở đó cơ man là tôm hùm sinh sống. Mi nhìn rõ à? Vay ngạc nhiên hỏi. Dễ ợt, Thuyền bấu môi, nước rặc, chúng bò ngời lán lén. Nhưng mi biết không, Thuyền lại tiếp, có một cái lạch sâu thông từ vịnh ra ngoài khơi, nước chảy rất xiết. Sao mi không bị cuốn trôi? Vay hỏi. Có chi mô, cứ bám chắc các gờ đá tổ ong, lựa thế đu lên bãi cạn. Rồi đứng chờ trời sáng. Vay nhớ ra, à phải, mi bơi lặn còn giỏi hơn cả rai cá mà!

Lão Vay nhớ, nhờ biết có lạch sâu, về sau khi lớn thêm chút nữa, lão đã hiểu xác của các phu nhân Thần Biển bấy lâu đi về đâu. Nó đã bị cuốn theo cái lạch sâu thông từ vịnh ra ngoài khơi. Sau chắt dạt vào một bến bờ nào đó trong đất liền. Và về sau nữa, khi lên làm chủ nhiệm hợp tác xã Phú Hội, lão đã chủ trương khai thác tôm hùm trong các rạn đá, và được đi báo cáo điển hình khắp nơi.

Tin vị phu nhân Thần Biển đột ngột trở về, khiến ông

Nốc giật mình như phải bỏng. Hồng! Hồng mất rồi! Hồng cả rồi! Ông gắm lên. Không biết rồi Thần Biển sẽ nổi trận lôi đình với làng chài Phú Hội thế nào đây?..

Nhưng chưa thấy Thần Biển nổi giận, đã thấy dân các làng trong huyện nổi giận đùng đùng, rần rạt vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền khắp nơi. Khí thế ngất trời. Lý trưởng Nốc đi nghe ngóng một buổi, trở về vội vàng cởi bỏ quan phục, thay bộ nâu sồng dân chài lưới, lấy khăn điều gói ấn triện đem dâng cho ủy ban khởi nghĩa huyện. Nhờ hành động này mà về sau, lý lịch của Vay được thơm lây. Vay và Thuyền hằng hải theo các đoàn người đốt phá các tàn tích phong kiến để lại, chùa chiền miếu mạo, sách vở mê tín dị đoan. Lão Vay nhớ, thấy Tri run như cầy sấy, chưa kịp moi cát giấu bộ áo mũ chuông mõ nghề cúng bái, đã bị dân quân xộc vào lôi ra, cùng mấy kẻ sách nặng trĩch, lối chữ như mớ củi nẻ gác chống gác chéo, chất đống giữa sân nhà chàm lửa đốt.

Vay tham gia dạy binh dân học vụ. Vay thích nhất được cầm tay Thuyền tập viết. Bàn tay mới nóng ấm làm sao. Hơi thở mới nồng nàn làm sao. Và khuôn ngực cũng phập phồng như thủy triều lên xuống. Làm ngực Vay cũng ngót thở. Nhớ hôm Thuyền lội sóng trở về, sau buổi hiến tế Thần Biển, bộ đồ lụa trắng ướt sũng không che được thân hình gầy nhẳng, nom rõ hai chũm cau mới nhú trên khuôn ngực xép ve. Thế mà giờ tuổi mười sáu, Thuyền rục rịch như bông hoa trên cát. Đêm thanh niên đi cổ động, hay tập văn nghệ, hai đứa lén tìm tay nhau trong bóng tối.

Một hôm, Vay quyết định thưa với ông Nốc. Cha ơi, con muốn lấy vợ. Phải rồi, ông Nốc gật đầu nói, hỏi cha tuổi con, đã có vợ mấy năm. Nói xong, ông hỏi tiếp, chứ con để ý ai rồi? Con muốn cái Thuyền. Không được! Quyết không được! Ông Nốc nghiêm mặt. Nó là vợ Thần Biển. Nó ở đây, như có ngai ở đây. Nghe rõ chưa? Thưa cha, làm chi có chuyện Thần Biển? A! Mi dám phỉ báng ngai đó hả? Lão Nốc quát mắng, rút lưỡi mác đâm cá xanh ngồi nước thếp từ mái nhà, đe vào mặt thằng con trai, mi còn lèng phèng, tau chặt ba khúc ném xuống vực cho cá rĩa, nghe chưa?! Vay cự nự, cha lạc hậu, cha mê tín! A, cái thằng hư đốn! Cái thằng mất dạy! Cái thằng... Lão Nốc mồm hét, tay múa cây mác sáng loáng, mặt sứt khí đằng đằng lao đến. Vay quay lưng, nhằm động cát phía sau làng phóng như bay. Hai cha con đuổi nhau chạy ngoằn ngoèo qua tràng cát mọc đầy thứ cỏ lông chông nhọn sắc và thứ cây mọc biển bò nhì nhằng. Được non cây số, lão Nốc thở ph

phò, mắt hoa cả hoa cải, đành quay về.

Sau cái hôm bị lão Nốc rượt chém, Vay có giấy gọi nhập ngũ. Ấu cũng là dịp may để hai cha con tạm thời không xáp mặt nhau. Đêm chia tay, đôi uyên ương bí mật kéo nhau lên động cát cao không mấy ai đặt chân đến. Cát phẳng lý tình tươm, chỉ gợn những con sóng lăn tăn, do gió thổi để lại sau ngày. Trăng rằm bột lóng lánh. Sóng vỗ về man man ngoài xa. Không còn gì, và không còn ai ngăn cản nữa. Họ ghi riết lấy nhau, lăn tròn trên cát. Cơ mưa nộ hôn vồ vập tưới lên môi lên mắt, lên bờ vai và hai cánh tay trần, đầm mướt trắng. Cơ khát cháy đợi chờ bao năm, giờ như trời hạn gặp mưa rào...

Thế mà bỗng dưng, Vay hoa mắt. Vay tỉnh người. Khi anh vực khuôn mặt trai trẻ vào bầu ngực thơm tho của nàng thì ở đó, phần trên giữa hai bầu vú căng cứng, một hình ảnh phát sáng, ngời ánh lân tinh. Cái gì thế này? Vay thẳng thốt hỏi. Em không biết. Thấy Tri đã xăm nó, vào cái đêm trước hôm lên đài hiến tế. Thuyền trả lời, như thể vô tình bị cái gai cào, không có gì nghiêm trọng. Nhưng trong Vay dâng lên nỗi sợ hãi và lo lắng. Đó là gương mặt quốc thước của Thần Biển, với mái tóc bóng bẩy lượn những con sóng. Hết thầy dân làng chài Phú Hội, già trẻ gái trai lớn bé, không ai không biết. Bởi nó được chạm khắc tôn nghiêm trước đầu mỗi con thuyền. Những cô gái mang trên ngực hình ảnh này, như một chứng chỉ hôn thú của Thần Biển. Vay nhòm dấy. Lặng người. Và không còn chút sinh khí...

Thuyền đẹp hơn xưa, ngày Vay giải ngũ trở về. Một vẻ đẹp thanh khiết, cao sang và kín đáo. Được giấu trong trang phục nền nã của gái xứ biển. Sức hút tình yêu của họ mạnh mẽ qua bao năm xa cách, giờ nồng đậm hơn. Cuồng si hơn. Mê đắm hơn. Những năm cầm súng đánh giặc, đã cho Vay niềm tin vào sức mạnh con người. Anh chị lại bí mật lên chỗ cũ, nơi chỉ có hai người và bóng tối. Lần này, Vay nhắm tịt mắt lại, quyết không nhìn cái hình ảnh ấy, nếu nó tồn tại. Nhưng không được. Đến thao tác cuối cùng ấy, không hiểu sao, mắt anh chột bùng mở. Và gương mặt Thần Biển lại chói ngời trên khuôn ngực ngồn ngộn đầm hương của nàng...

Quyết không bỏ cuộc, họ thay đổi địa điểm. Và lần này, Thuyền rút ra một dải băng đen dày, bịt kín mắt Vay. Vay tận hưởng sự nồng nàn của nàng trong bóng đêm đen đặc. Nhưng lạ thay, đến lúc sắp nếm quả ngọt, gương mặt Thần Biển lại hiện ra lóe sáng. Bất chấp lớp vải đen dày. Và thân thể Vay trở nên rã rượi...

Sau mấy lần thất bại trước Thần Biển, hai người bình tĩnh hơn và quyết tâm hơn. Họ lao vào công tác để dần ra một thời gian. Việc đầu tiên khi được bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã, Vay cho dựng lên cái cửa hàng mua bán, trên nền đất làm chỗ tế lễ xưa. Và đưa Thuyền về làm việc tại đấy. Vị trí đó không ai tốt hơn Thuyền. Bấy giờ họ không còn gặp nhau ngoài bờ ngoài bụi nữa. Đã có tường gạch phòng kín. Thần Biển khó quấy rầy. Nhưng rốt cục, Thần Biển vẫn xuất hiện, chói ngời trên vầng ngực dậy mùi hương trinh trắng của nàng.

Sự si mê đối với Thuyền vẫn không vơi giảm, nhưng giờ đây Vay bình tâm hơn trước cuộc tình lạ lùng của mình. Và anh tưởng như hiểu rằng, Thuyền đã thuộc về một thế giới khác, mơ hồ và linh thiêng, của làng chài Phú Hội. Không thể thuộc về riêng anh, hoặc một ai khác.

Nhưng Thuyền đâu đã chịu đầu hàng. Như bao phụ nữ khác, nàng khao khát được làm vợ, làm mẹ, được thương yêu chiều chuộng người đàn ông của mình. Một hôm, khi chỉ có hai người trong đêm vắng. Nàng tựa đầu vào vai Vay, thăm thĩ, hình như cái vết xăm ấy mờ phai rồi, anh ạ. Vay sáng mắt. Có thể lắm! Có thể ma lực của Thần Biển đã hết linh nghiệm. Và, hai người lại bùng cháy trong nhau, sau thời gian dài kim giữ. Thần Biển hẳn đã buông tha họ. Nhưng họ đã nhầm. Một lần nữa, vị Thần Biển đáng ghét ấy lại xuất hiện. Đùng lúc hai cơ

(Xem tiếp trang 8)

TẢN VĂN

1.
NGOÀI ba mươi tuổi đến định cư ở Vũng Tàu, hàng chục năm sau vẫn chưa một lần nhúng chân xuống biển. Một dạo cái lưng gồng cứng đau ê ẩm, ông thấy thuốc khuyên: buổi sáng chịu khó chạy bộ ra tắm biển, chẳng có thứ thuốc nào hiệu nghiệm bằng. Chạy bộ, tập thể dục thường xuyên, cái lưng hết đau, nhưng lời thấy vẫn chỉ lọt vào tai một nửa. Đến tuổi xế chiều, mắt ngủ trầm trọng, bạn lại giục: tắm biển đi, có kho thuốc tiên ngay bên cạnh như thế mà bỏ phí à? Bấy giờ mới chịu sắm đôi quần soọc, chiều chiều chạy xe ra Bãi Sau, ngâm mình xuống nước khoảng nửa tiếng. Nhưng cũng chỉ được mười bữa rồi thôi. Đêm vẫn thức chong chong, nhiều khi nghe rõ cả tiếng sóng ào ào mùa biển động...

Năm nay cái lưng đau lại, bác sĩ phòng mạch tư chụp X quang đọc phim mặt nghiêm trọng: thoái hóa đốt sống, thoát vị đĩa đệm. Choáng, nhưng vẫn làm ra vẻ cứng bồng vĩa, gương cười: tưởng gì, hơn bốn mươi năm công chức mài đũng quần như tôi mà không loãng xương thoái hóa chệch đĩa đệm mới lại! Lần này không đợi ai khuyên, tự mình mày mò trên mạng. Gõ cụm từ "lợi ích tắm biển", trong 0,32 giây Google cho ra 1.340.000 kết quả, hầu hết khẳng định tính chất kỳ của cái liệu pháp với người ở đâu thì rắc rối khó khăn, chứ với các công dân thành phố Vũng Tàu thì quá ư đơn giản. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh tác dụng của nước biển đối với những người mắc bệnh xương khớp.

Chẳng có thứ thuốc đánh răng nào trên đời sánh được với ba ngụm nước biển súc miệng lúc sớm mai. Ngâm mình dưới biển thường xuyên hàng ngày chừng nửa tiếng đồng hồ thì cao hổ cốt tinh luyện, rươi ngũ xà hạ thổ ba tháng mười ngày còn phải gọi bằng cụ. Bà chủ quán cà phê cóc đầu hẻm nhà mình năm nay ngót nghét bảy mươi mà vẫn nhanh nhẹn dẻo dai như đàn bà

tuổi băm. Mười một đứa con theo nhau ra đời, đến năm ngoài bốn mươi mỗi khi đặt mình xuống giường bà chỉ ước gì cứ thế nằm luôn không dậy nữa. Xương cốt rệu rã, đau nhức đến mức ngửa lưng không dám gãi. Nhà nghèo, tiền mua gạo chẳng đủ, chỉ biết mỗi phương thuốc không tốn xu nào là ngày ngày chịu khó ra Bãi Trước tắm mình xuống biển. Ròng rã như thế hơn ba chục năm, bà lấy lại "phong độ" như bây giờ. "Bây giờ tôi nghiện tắm biển như đàn ông xóm này nghiện cà phê" - bà Tám cá phê cười. Rồi nói tiếp: nhưng chú muốn biết lợi ích tắm biển như thế nào thì phải đến hỏi bà cụ Giăng.

Bà cụ Giăng từ ngoài Bắc vào ở với con, làm hàng xóm của bà Tám hơn mười năm nay. Ngoài sáu mươi lưng bà đã còng gập. Một dạo than mỗi người, vào bệnh viện, bác sĩ nửa đùa nửa thật bảo đảm con cháu theo hầu: "Xương bà cụ mỗi một hết rồi. Bây giờ cần cụ ngã, chỉ cần ai đó sơ ý vỗ vào người là bộ khung rã ra hết đấy". Nghe nói bà Tám nhớ tắm biển mà cũng cấp trở lại, anh con trai bà Giăng cũng chịu khó chiều chở mẹ ra bãi tắm. Chỉ dám để mẹ ngồi sát mép nước, cho sóng xô lên ướt người. Tắm như làm phép thế, mà hóa ra "phép màu" linh ứng thật: ba tháng sau bà hết nhức mỏi. Một năm sau không khiến con, tự đi tắm một mình. Bây giờ chiều nào ở Bãi Trước, tắm 5 giờ cũng thấy một bà cụ để nguyên cả quần áo chống gậy lội xuống nước. Ngâm mình chừng nửa tiếng, lại thấy cụ lóp ngóp chống gậy lội lên, lướt thướt đi về nhà. Cây gậy tre của bà nước biển cũng ngâm vào lâu ngày làm cho đen xạm, rần đánh

như gậy sắt.

2.
Viết đến đây, tự nhủ mình phải "thăng" bớt lại cho ngòi bút khỏi quá sa đà vào việc ca tụng biển.

Bây giờ đều đặn mỗi sáng ra biển chừng bốn mươi phút đồng hồ. Một tuần 5 buổi, trừ thứ 7, chủ nhật "nhường" cho du khách từ Sài Gòn và các nơi khác đến tắm đông. Cái lưng đau chưa thấy chuyển. Nhưng không hề gì. Mình đã tới cái ngưỡng không còn quá bận tâm trông đợi vào thành quả của mọi thứ trên đời. Đi không nghĩ nhiều đến đích. Viết không nghĩ nhiều đến in. Mỗi tối trước khi lên giường, bắt chước người Tây Tạng, xếp đôi dép đi trong nhà quay mũi vào trong cho thật ngay ngắn. Tự nhiên thấy thích một câu cửa miệng tỉnh cờ nghe được của người miền Trung: "Từ từ rồi khoai cũng nhủ"... Sáng mai thức dậy, khuya khoảng mấy động tác thể dục, thay bộ đồ, phóng xe ra biển khi các ngã tư đường còn chưa kịp đèn xanh đèn đỏ, thấy khoan khoái lạ lùng.

Không ai bảo ai, những người phụ nữ tắm sớm (chủ yếu là các bà tuổi đã sồn sồn), xúm xít một chỗ gần bờ. Mấy đứa trẻ con cũng tụ tập đùa nghịch với nhau. Chỗ của mình dành cho bọn đàn ông cứng tuổi và mấy ông già về hưu. Dân tắm "chuyên nghiệp", buổi đầu còn lạ, vài ngày sau đã quen mặt. Nhưng tắm, bơi là chính. Chuyện trò cũng chỉ hỏi han vài câu xã giao...

Có một ông khiến mình chú ý. Lần nào ra biển cũng thấy ông ngồi ở đó rồi. Mặc xà lỏn, cởi trần, chỉ ngồi đứng một chỗ ấy trên bãi cát. Biển có ngày động

ngày êm. Nước triều có hôm rút ra xa, có hôm dềnh vào sát bờ. Mặc. Người đàn ông chừng ngoài năm mươi vẫn ngồi bất động chỗ cũ, có vẻ như đang thiền, hai chân khoanh tròn, hai tay đặt trên lòng, nhưng mắt mở nhìn xa xăm. Ông nhìn sóng, nhìn hải âu, nhìn tàu thuyền nhấp nhô phía chân trời... hay nhìn gì không rõ. Nhưng bao giờ mình cũng nhẹ nhàng vòng ra phía sau ông mà đi qua.

Một lần bỗng nghe cái ông đang tắm bên cạnh mình bình luận bằng quơ:

- Nhìn thần thái thẳng Q hồi này khá lên nhiều rồi.

- Có phải bác nói cái ông đang ngồi thiền kia không?

- Nó đó.

- Thiền được như bác ấy thì còn phải nói!

Ông bên cạnh nhếch miệng cười:

- Ừ. Nhưng giá như biết thiền sớm hơn...

Câu nói và cái cười nửa miệng khiến mình tò mò. Hỏi thêm, mới biết Q vừa được trả tự do sau 3 năm ngồi "bóc lịch" trong khám. Một vụ làm ăn kinh tế bất minh bị đổ bể, đại loại thế. Sóng có khúc, người có lúc. Số phận cứ đưa đẩy tự nhiên. Xưa nay lường trước những khúc quanh hiểm nghèo của nó để chuẩn bị cho mình một tâm thế vững vàng vượt qua, thật không phải ai cũng làm được.

Khi mình chuẩn bị lên bờ thì Q cũng kết thúc buổi thiền, từ từ lội xuống biển. Ra đến chỗ nước ngang ngực, ông ấy bắt đầu lặn ngụp, nín hơi nằm ngửa nổi lênh phênh, cổ lúc lại ngóc đầu vung chân vung tay tùm tùm kiểu bơi chó... Nhìn ông ấy khoan khoái vùng vẫy, không hiểu sao cả tuổi thơ nước ngập mình bỗng đồng chiêm trũng của mình lại hiện về. Thăng bé cời trướng tóc râu ngô, đội áo quần sách vở trên đầu, ôm thân chuối vượt qua mùa lụt đến trường. Một niềm vui nho nhỏ, một chút băng khuâng nhẹ nhõm muốn được sẻ chia.

Rồi mình chợt hiểu, vết thương tinh thần của Q đang được biển chữa lành... ■

BIỂN

TRẦN ĐỨC TIẾN

SỔ TAY THƠ

Người miền Trung đi đâu cũng nhớ
Quê nhà cát trắng, núi xanh xa...
Có lúc mỗi ngon, ly rượu mạnh
Cũng thêm ăn một chén cơm cà.

Phiêu bạt quê Nam, rồi quê Bắc
Cải giọng trầm, nặng những âu lo
Vất vả trăm nghề quên mất tất
Đời tha phương chưa dám hẹn hò.

Người miền Trung tiếc thương từng đồng bạc
Giữa nghĩa tình không chút đắn đo
Lúc đối mặt cần vung tay quá trán
Chẳng hề chi, hào phóng ra trò.

Vẫn cứ nhớ cơn mưa dầm thúi đất
Vẫn cứ thương cơn nắng gắt quê nhà
Ngày gió cát lung trần trên ruộng sỏi
Đau đầu lòng một quê ấy nơi xa.

Lòng cứ mở toang ra trước biển
Núi dựa lưng trầm nổi gồ ghề
Nên giọng nói không lẫn vào đâu được
Dẫu muôn phương không quên một lối về.

Người miền Trung, người miền Trung thương nhớ
Biết đắng lòng sau mỗi cuộc rượu tan
Người xa xứ nâng niu người xa xứ
Dẫu biết mình mai một có lang thang...

TRẦN HOÀNG VY

NGƯỜI MIỀN TRUNG

Lời bình của NGUYỄN ĐỨC THIÊN

MỘT buổi tối ở quán Hiến, giữa cánh đồng tiếp giáp giữa thị xã Tây Ninh và Châu Thành, Trần Hoàng Vy đã đọc bài thơ *Người miền Trung* của anh. Từng lời thơ cứ vang lên nhẹ nhàng, thấm thía. Nhà văn Trần Đức Tiến, hai nhà thơ Đàm Chu Văn và Trần Ngọc Tuấn cứ gật gù tâm đắc từng lời.

Miền Trung, xứ sở nhắc đến là thấy nắng, gió, mưa đập vui và bão nổi tàn phá làng quê thôn xóm. Và cát nữa, cát đến trắng đất, ran nóng giữa trời nắng lửa. Thế mà người Miền Trung đời này qua đời khác cứ trụ bám đất ấy mà sống. Bởi thế, nên người Miền Trung sống quật cường mà chan chứa tình người.

Người miền Trung đi đâu cũng nhớ/ Quê nhà cát trắng, núi xanh xa.../ Có lúc mỗi ngon, ly rượu mạnh/ Cũng thêm ăn một chén cơm cà.

Trần Hoàng Vy chấm phá nhanh về quê người miền Trung là vậy. Không phải đó là tất cả, nhưng đầy đủ. Để bắt đầu từ nét chấm phá đó anh mở rộng hơn tinh cách của người miền Trung. Nhà thơ đã mượn tâm tình của người đi xa vọng về xứ sở mà nói về người miền Trung. Có lẽ nhà thơ ý thức rằng, mình vốn là người miền Trung, có khi sống xa vậy mà mình có thể nói đúng hơn về người xứ mình chăng.

Vẫn cứ nhớ cơn mưa dầm thúi đất/ Vẫn cứ thương cơn nắng gắt quê nhà/ Ngày gió cát lung trần trên ruộng sỏi/ Đau đầu lòng một quê ấy nơi xa.

Và người miền Trung cũng cứ thế mà dần dần hiện ra. Đây là sự tiết kiệm trong cuộc sống: "Người miền Trung tiếc thương từng đồng bạc." Nhưng rồi người Miền Trung vì cái tình cái nghĩa mà chẳng tiếc cái gì. Hào sảng sống, hào sảng với bạn bè: "Giữa nghĩa tình không chút đắn đo/ Lúc đối mặt cần vung tay quá trán/ Chẳng

hề chi, hào phóng ra trò". Rồi người miền Trung một đời phải toan lo cho cuộc sống riêng mình, gia đình mình. Hình ảnh lòng người mở toang trước biển, trăm mối lo toan mà làm nên giọng nói riêng biệt, không lẫn vào đâu được làm cho người đọc thêm thương mến người miền Trung hơn. Ta càng cảm thông hơn với người miền Trung xa xứ. Nỗi nhớ quê hương trong họ tưởng như không lúc nào nguôi ngoai được. Khi người ta mượn được men rượu mà tỏ lòng mình thì lúc đó họ được sống chân thật nhất. Bao nhiêu nhớ thương được tràn ra và được nhân lên khi những người miền Trung cùng xa xứ mà bên nhau, mà nâng niu nhau, mà nhắc với nhau những hoài niệm về một miền quê gian lao vất vả kia.

Trần Hoàng Vy đã mang hết tâm trí của mình mà làm bài thơ *Người miền Trung*, nên bài thơ đậm đà từng câu, từng chữ một. Có câu nghe nhói nhói trong lòng: "Vất vả trăm nghề quên mất tất/ Đời tha phương chưa dám hẹn hò". Tự hỏi, hẹn hò gì vậy? Một cuộc ngao du, một cuộc rượu bạn bè, hay một cuộc hẹn đưa nhau về quê xa? Nhưng rồi gian nan vất vả mà không thể hẹn. ? Lại càng nao lòng hơn khi Trần Hoàng Vy viết: "Nên giọng nói không lẫn vào đâu được/ Dẫu muôn phương không quên một lối về." Có nghĩa là không thể nào quên được miền Trung, nơi trăm đắng, ngàn cay, vất vả nghìn trùng kia để người thơ luôn hướng về. Bởi thế mà:

Người xa xứ nâng niu người xa xứ

Dẫu biết mình mai một có lang thang...

Đọc bài thơ ta hình dung ra một dòng người viễn xứ, lưu lạc phương xa nhớ về quê hương bần quẩn. Ta đọc được ở đây một tình yêu quê hương da diết. Thật đúng là: "Đau đầu lòng một quê ấy nơi xa."

Đêm nào trong quán Hiến giữa đồng hoang, tôi đã rưng rưng nghe Trần Hoàng Vy đọc *Người miền Trung*, như đọc tấm lòng của anh với miền quê yêu dấu của mình. ■

SỞ TAY THƠ

LAU BIÊN GIỚI

*Ai lên biên giới cho lòng ta theo với
Về với ngàn lau chỉ trắng có một mình
Những ngàn lau đứng canh cho bờ cõi
Suốt một đời cùng với gió giao tranh.*

CHẾ LAN VIÊN

Lời bình của NGUYỄN HỮU QUÝ:

C HỮU nghĩa trong một bài thơ tứ tuyệt hay như những chiến binh tinh nhuệ, ít mà mạnh. Sức mạnh của ngôn từ thể hiện khả năng dồn nén cảm xúc và ý tưởng của người viết để khi đến với bạn đọc nó bùng tỏa theo cấp số nhân gợi ra cho họ những bến bờ mới. Vì chỉ có 4 câu nên sự cân nhắc trong chọn lựa hình ảnh, ngôn từ phải rất công phu kỹ càng. Mỗi hình ảnh phải mang nhiều ý nghĩa, có bề mặt và có chiều sâu; cái đích của bài thơ thường nằm ngoài đối tượng được đề cập cụ thể trong bài, nó thuộc tầng dưới, tầng âm và ở ngoài những con chữ gánh vác vai trò ẩn dụ và biểu tượng kia.

Ai lên biên giới cho lòng ta theo với
Biên giới, sự thiêng liêng của nó không nói ra thì ai cũng biết. Đó là vùng đất phên dậu của Đất nước, là cương vực của non sông, là tài sản vô giá của Tổ tiên, Ông cha ngàn đời để lại. Bao nhiêu máu, mồ hôi, nước mắt của dân tộc đã đổ xuống đó, trên mỗi thước đất, ngọn suối, đỉnh núi, rừng cây... Là người yêu nước ai mà không diết da thương nhớ, yêu mến biên giới biển đảo của Tổ quốc mình. Biên giới, đã một lần đến thì khó quên lắm bởi những cảm xúc mà vùng đất này để lại trong lòng ta. Khi biên cương "có chuyện" thì tình cảm ấy lại bùng lên dào dạt, ai cũng muốn có mặt ngay nơi bờ cõi giang sơn. Nếu vì lý do gì đó mà chưa đến được thì nhẩn gừ: *Ai lên biên giới cho lòng ta theo với* như nhà thơ Chế Lan Viên đã viết. Thực ra, tấm lòng nhà thơ đã luôn hướng về biên giới rồi. Ai, duy nhất có từ ấy chỉ con người. Còn toàn bộ 3 câu thơ còn lại là nói về *lau*, một thứ cây mọc bạt ngàn nơi biên cương xa vắng. *Lau* là gì, *lau* là ai mà

đọc lên ta nghe bằng khuông xào xạc đến vậy?

Về với ngàn lau chỉ trắng có một mình.

Lòng ta đã theo ai đó lên biên giới và giờ đây trước mắt ta, trong hồn ta đã thấy miên man những triển hoa *lau* trắng. Lớp lớp *ngàn lau* đông đưa trong gió lạnh. Lớp lớp *ngàn lau* nhấp nhô, trắng như sóng, như mây. *Lau* trắng với *lau* nơi xa xôi heo hút thưa vắng bóng người. Cái màu trắng của *ngàn lau* ấy đã trắng từ xưa và tới bây giờ vẫn trắng. Trắng như là sự mặc định truyền kiếp về một ranh giới *Nam quốc sơn hà Nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư...* Cái màu trắng ấy như sự tồn sinh muôn đời của non sông đất nước. Cái màu trắng của *ngàn lau* nơi phên dậu dù hoang vắng đến bao nhiêu cũng là màu cờ cây Tổ quốc, nó là một phần của đất đai thiêng liêng yêu dấu.

Những ngàn lau đứng canh cho bờ cõi.

Suốt một đời cùng với gió giao tranh.

Nếu tôi không nhầm thì cây *lau* trở bông về mùa lạnh. Muôn vàn bông *lau* trắng mong manh quét qua quét lại trong những cơn gió bắc thổi từ phương Bắc tới. Mềm mại mỏng mảnh nhưng những cây *lau*, bông *lau* ấy không hề bị đổ rạp trước bao đợt gió lạnh ào ạt, dồn dập đổ về. Dẻo dai, nhẩn nại đến mức khó ngờ. Cuộc *giao tranh* giữa *gió* và *lau* kéo dài từ năm này qua năm khác và những *ngàn lau* kia chưa bao giờ chịu thua, chịu khuất phục đối phương; như khúc luân hồi bất tử, đến mùa đông khi những trận gió lạnh cầm cầm phủ phàng tràn sang thì *lau* lại trở trắng bông. Những *ngàn lau* ấy là những chiến binh, dân binh đứng canh cho bờ cõi. Là ngàn ngàn cột mốc đánh dấu chủ quyền của Tổ quốc ta. Bến bãi. Nhẩn nại. Mềm mại. Can trường. Lặng lẽ. Như *ngàn lau* đứng đầu gió, những người lính, người dân biên cương xưa và nay bám rễ, trụ lại trên mảnh đất ông cha với sứ mệnh canh giữ vẹn toàn lãnh thổ. ■

PHU NHÂN THẦN BIỂN

(Tiếp theo trang 7)

thể hùng hực sắp tan chảy...

Đôi khi, Thuyền có nghĩ đến những người đàn ông khác. Biết đâu họ không bị ám ảnh Thần Biển như Vay? Khốn nỗi, trai làng Phú Hội đối xử với nàng, như tình cảm của thần dân đối với vị phu nhân Thần Biển. Gần gũi đấy mà xa vời đấy. Thèm muốn đấy mà kinh sợ đấy. Có lần Thuyền trèo đầu, đi vào một khúc đường vắng, nơi nghe nói đàn bà con gái hay bị một số đàn ông sàm sỡ. Quả thật Thuyền đã gặp may. Từ một gốc dương tối tăm, một bóng đen bịt mặt lao ra vỗ lấy nàng. Hấn xốc người đàn bà đang quẩy đạp yếu ớt đi ra phía sau lùm cây. Hấn đè chồm thân hình vạm vỡ lên, hai tay giật phanh dải yếm ngực người đàn bà. Và vực khuôn mặt lờm chờm râu với cổ họng khát cháy vào vắng ngực múp mướt ấy. Nhưng hấn chợt giật nảy mình, mắt hoa đom đóm. Ở đó, lóe ngời gương mặt Thần Biển ngạo nghễ. Hấn vùng dậy, bỏ chạy mất tăm! Thuyền thở dài trở về. Tuổi ba mươi, rồi tuổi bốn mươi. Lặng lẽ đi qua. Âm trầm và lạnh lẽo...

Bây giờ, lão Vay đã ngoài bảy mươi, sống cật nhừ vào con cái. Và vị phu nhân Thần Biển ấy cũng đã ngoài bảy mươi, cô đơn và lạc lõng giữa đời. Bao biến cố đã đi qua. Cái hợp tác xã nổi tiếng một thời của lão Vay đã lụi tàn. Cái cửa hàng mua bán do Thuyền phụ trách rộn ràng một thuở, cũng tan rã. Chỉ còn bãi đất trống đầy lá rụng với nhiều cây cao đã thành cổ thụ. Làng chài Phú Quang đã lên phố lên phường, với đường ngang lối dọc láng nhựa, và những lầu cao ngói đỏ kiểu cách tân thời. Chỉ riêng mỗi vị phu nhân Thần Biển là còm cõi trong mái lều tranh. Và ngày hai buổi, ăn vận bình dị nhưng vẫn giữ vẻ sang trọng và khoan thai trong mỗi bước chân. Với đôi quang gánh nhẹ tênh, bà đi đến mỗi con tàu vừa cập bến. Không còn cái tuổi trẻ người ta thuê gánh cá gánh nước, hay mang gạo muối lên tàu, bà đi như một thói quen, của các đấng tu hành theo dòng tu khổ hạnh. Và từ các con thuyền, người ta kính cẩn bỏ

vào gánh của vị phu nhân Thần Biển, khi vài con cá nhỏ, khi mấy con mực, con tôm. Bà đã sống lay lắt và lặng thắm suốt tháng năm như một chiếc bóng của tuổi về già. Không ai hắt hủi, không ai khinh thường. Nhưng cũng không ai để ý.

Chỉ có lão Vay là xót thương một cách bất lực. Một hôm, lão bước ra khỏi nhà, đi lang thang. Lòng nặng anh ạch. Không biết lão giận trời giận đất, hay giận người. Nhưng bước chân lại đưa lão đến trước cửa nhà thằng cháu đích tôn. Nó vừa được bầu làm chủ tịch xã. Cái thằng có học hành tử tế, nhưng sao cái đầu cạo trọc lốc như đầu cá chai. Vừa trông thấy lão, nó đã cười nhạo rằng, sao trông ông buồn thế, nhớ bà Thuyền à? Rồi nó nói như đọc được ý nghĩ ông. Rằng, giá trị văn hóa là bền vững lắm. Chúng cháu đang chọn lọc để gìn giữ. Sẽ không khôi phục lệ tiến cống gái đồng trinh cho Thần Biển, nhưng Lễ hội cầu ngư hằng năm vẫn được tổ chức vui vẻ và trọng thể. Thần Biển không có, nhưng phu nhân Thần Biển vẫn còn một người. Giờ làng có trách nhiệm với bà lúc về già. Lão Vay định nói, cháu phải chăm sóc *ngài*, như chăm sóc bà nội mình. Nhưng không hiểu sao lại thôi.

Lão Vay bây giờ thỏa mãn đến hỏi lòng hỏi dạ. Ngày hai buổi không quên ghé thăm bà Thuyền, trong ngôi đến thờ Thần Biển mới dựng. Trên mảnh đất dựng đàn tế lễ xưa. Hai người quăn quýt nhau trong ngậm ngùi thương nuôi số phận bầy đặt trở trêu. Họ sống trong tình yêu về già, không còn nóng bỏng khao khát xác thịt, mà nồng đượm, sâu kín và trong veo...

Thế mà số phận vẫn chưa buông tha họ. Lão Vay đã chết. Người ta nói lão chết vì nhồi máu cơ tim. Nhưng không ai biết rằng, lão chết trong cuộc vùng lên trước Thần Biển. Không ai ngờ, thường ngày lão Vay nhu mì là thế, khép nép và cung kính trước Thần Biển là thế, trong một đêm lại gan lý đi tìm Thần Biển hỏi tội. Lão đã chỉ cây mào cá vào kẻ có khuôn mặt quắc

thước, tóc lượn những con sóng điệu đà, trong bộ áo giáp bạc lóng lánh tựa vảy cá. Rằng, chính ngài đã bày ra trò trở trêu trong tình yêu của tôi và Thuyền. Để chúng tôi không bao giờ có được tình yêu thực sự của con người! Và rằng, ngài đã để quên một người đàn bà, khô héo, cô đơn và lạc lõng ở chốn con người!.. Thần Biển nhìn lão không nói gì, khẽ nhếch mép cười nửa miệng. Nhưng những ngón tay như những cái vôi bạch tuộc của ngài, cuốn chặt lấy người lão Vay. Và siết lấy cổ lão ằng ặc...

Bà Thuyền không tin lão Vay đã chết. Nhất định người đàn ông của bà đang ra khơi. Và bà vẫn ngồi chờ lão ở mỏm đá quen thuộc, nơi bà từng ngồi chờ suốt những năm ông đi đánh giặc. Cả những năm theo các đội thuyền đánh cá khơi xa. Người đời thì nghĩ là bà đang chờ Thần Biển. Quả thực, từ sâu xa tâm tưởng, bà có hai người đàn ông. Một, Thần Biển, mơ hồ và không mấy may chút xúc cảm nhớ thương, do dân làng Phú Hội huyền hoặc. Và một nữa, lão Vay, choán ngập trái tim bà. Mê đắm tâm hồn bà. Trùm phủ cuộc đời bà. Từ thuở ấu thơ. Sang thời thiếu nữ. Suốt tuổi thanh niên rồi trung niên. Cho đến về già. Bởi thế giờ đây, khi cuộc đời bóng bẽnh giữa hư và thực, trí nhớ bà không còn mạch lạc nữa. Có người hỏi, bà chờ Thần Biển đấy à? Bà lặng yên, không nói gì. Bà không biết. Minh chờ Thần Biển, hay lão Vay?

Bà ngồi yên lặng, mắt ngóng ra xa, nhìn hút vào bóng những con thuyền từ đó đang trở về. Cho đến khi hoàng hôn buông xuống. Và mặt biển chìm trong màn đêm tím biếc...

Ai cũng tưởng sự đợi chờ của bà là vô vọng. Nhưng Thần Biển đã trở về thật. Ngài trở về vào một đêm trăng rất sáng. Trên một con thuyền giống hệt thuyền lão Vay. Đậu ngay vịnh biển. Và từ đó, một chiếc cầu gỗ như cái cầu tàu của làng chài Phú Hội, bắc đến chỗ vị phu nhân của ngài đang ngồi. Trên cầu, Thần Biển trông hệt lão Vay, đang sải chân bước tới. Và không chịu đợi chờ thêm giây nào nữa, bà đã lao ra, ngã vào vòng tay rắn chắc và êm ái của ngài...

Bà hoàn toàn không hay rằng, đó là một ảo ảnh, và nó đang huyền hoặc bà. ■

PHAN THÁI

Ta về nhốt gió ngày xưa

Sớm chiều má nhọ bùn non
Đêm sương giá lại lo đơn mạ gầy
Bốn mùa trông đất trông mây
Bão giông bọt bọt rạc cây luà mềm

Nhọc nhàn quấy nằng vào đêm
Làng như mẹ áo bạc thêm heo may
Gió đi hoang trẻ trảng ngày
Biết đâu muối mặn gừng cay ở đời.

Lo toan theo dọc kiếp người
Rạ rơm vương cả trong lời ru xanh
Tiếng cười chật nẹp nhà tranh
Chẳng ai lấy cái rách lành để so.

Bến sông ngơ ngác cảnh cò
Qua cầu thêm tiếng "ơ đờ"...xa xôi
Trăm năm làng cũng da mới
Nắng om chín cả mớ hôi trên đồng

Bờ đê cong nhịp gành gống
Mảnh ao lờn nắng phấp phồng đợi mưa
Ta về nhốt gió ngày xưa
Nhật câu hát một thời chưa là mình.

Vốc trăng tằm lại chữ tình
Cho thơ có một mái đình để neo!

Thương lắm bà ơi

Ngoài bảy mươi
Bà bảo các con đóng cho cỗ quan tài
Kê sẵn bên chái bếp.

Bao năm
Cổ áo để dành ông lên màu gió.
Nắng đeo bóng gầy
Bà tằm lại cho làng những lời tiên tổ.
Chưa thành người thiên cổ
Bà làm câu kinh kệ giữa đời.
Qua tuổi sợ ma
Tôi mở nắp quan tài
Nhiều đêm lên vào quần rơm tránh rét
Ngủ mơ toàn gặp tiên.
Mấy bận ốm liệt giường
Ngắm cỗ quan tài
Bà cười vui đến lạ
Chẳng nhớ bề dẫu lam lũ đời mình
Xác xơ tóc phủ ngày như dấu ngã.

Chưa đựng bà
Cổ áo ngày giáp hạt đựng ngô
Bố hồng bện đêm
Khởi rạ vương quanh giần sàng thúng mùng...
Giờ dưới cỏ xanh bên đồng chiêm trũng
Hư ảo khói nhang.
Thương lắm bà ơi!
Cái cò cái vạc
Bay lên với vợ hôn làng!



NGÔ VĂN TUẤN

Nơi tôi sinh ra

Mặt trời lên mồn đỉnh núi
Mặt trời chìm cả dòng sông
Lũy tre làng cong theo dáng Mẹ
Tháng tư ruộng gò đất nẻ chân chim
Trưa bến sông
Nắng bùng lên từ cát
Bóng chị nghiêng bãi vắng gót chân mòn
Mùa của nóng
Bờ tre im như ngủ
Chút gió về từ chiếc quạt mo cau
Khúc hát ru buổi trưa buồn với vợ
Cổ Mẹ khô câu hát ứa ngân dài
Nơi tôi sinh ra
Tháng mười trời dư nước
Nước đầy sông ố ạt kéo nhau về
Nước từ mưa ngày đêm tuôn xối xả
Mở rơm đun không sém nổi chủ để bầu
Chiếc nổi đất buồn so trên xô bếp
Tiếng khóc than nghe mãi đến vô tình
Nơi tôi sinh ra
Một miền quê đất Quảng
Sông chia dòng bên cái bên con
Mùa bão lụt qua rồi để lại
Lớp phù sa bồi đắp những tâm hồn
Cơ cực vậy mà mấy ai đành bỏ xứ
Nặng lòng quê đã máu thịt bao đời
Tre vẫn xanh và câu hò vẫn ứa
Giông bão qua rồi tiếp lại mùa vui.

Đầu xuân uống rượu Bàu Đá

Đầu năm gặp nhau
Bạn mời ta rượu quê Bàu Đá
Nhập chén nồng thành quách chao nghiêng
Đêm huyền ảo Chiêm nữ cười trảng tóa
Vọng ngàn xưa ta say,ta mơ.
Thêm chén nữa
Gươm khua, ngựa hí
Đoàn quân đi rung đất nghiêng rừng
Cờ đào phất phời
Vua Quang Trung áo vải tuốt gươm thế
Hồn dân tộc trào dâng máu huyết
Vọng người xưa ta say,ta mơ.
Một chén nữa
Mộ buồn thơ lạnh buốt
Bơi trong trăng -Hàm Mạc Tử ở kia!
Đêm Gành Ráng sáu lên biển vắng
Gió Quy Hòa thổi thức nhớ Thi nhân
Cạn bầu rượu Đá
Ta say,môi cay
Ngàn xưa, người xưa.

ĐÀO KHANG HẢI

Anh còn có mỗi nửa ngày
Bút nghiên nửa gành thơ say nửa vô...
Trăng vàng nửa cái trời cho
Chèo khua nửa mái, cầm đồ đợi ai
Việc đời khôn dại nửa vai
Trà chuyên nửa ấm, thức hoài nửa đêm
Nửa gian nhà sách thánh hiền

Bốn năm năm xa xứ,
Quê nhà không còn ai.
Long đong nơi đất khách
Mất khổ, lòng u hoài.

Chị thì nằm trên núi,
Chị đi lấy chồng xa.
Bốn phương đầy mây trắng
Từ dạo tôi xa nhà.

Bè bạn thưa thớt dần,
Tôi lui ngày một vắng

HUỲNH HỮU VÕ

Khúc hát Chiêm nương

Mỗi năm ngày lễ hội em đội cơm lên chùa
Khởi trầm hương nghi ngút ẩn hiện hiền nhân xưa.

Người về từ xa lác giữa vô cùng thâm sơn
Người về từ muôn kiếp Đố Bàn thờ vàng son.

Mỗi năm ngày lễ hội em đội cơm lên chùa
Tiếng kinh như tiếng suối trên thác ghềnh tuổi thơ.

Tháp Châm đang sừng sững trầm mặc trong hơi sương
Xa từng đoàn Chiêm nữ đội cơm trên lối mòn.

Mỗi năm ngày lễ hội em đội cơm lên chùa
Ngõ lòng như mây trắng bay giữa trời mộng mơ.

Hãy nhìn từng vò nước hãy nhìn từng mâm cơm
Từng đôi mắt Chiêm nữ có chút gì tơ vương!

Buôn Đôn
mùa hoa Pơ Lang⁽¹⁾

Gởi H.Nơm Bkrông

Bên dòng Sêrêpôk hiền hòa⁽²⁾
Một bông hoa Pơ Lang tím tím
Khép nép giữa ngàn hoa
Màu trắng tím hồng giữa bình minh rực sáng
H.Nơm Bkrông - Pơ Lang

Bên dòng Sêrêpôk hiền hòa
Buôn Đôn xanh một màu xanh tít tắp
H.Nơm Bkrông bỗng cất cao tiếng hát
Theo nhịp guitar
Khúc hát ru tình ngày mai chia xa.

Dãy thêm nhà rồng nhẵn bóng⁽³⁾
Chiếc thuyền độc mộc nhẵn bóng
Những bộ cổng chiêng nhẵn bóng
Kho báu vẫn còn lưu giữ một thời
Một thời hưng hực lửa Tây Nguyên.

Chiếc cầu treo nổi hai bờ Sêrêpôk
Vẫn đông đưa theo tiếng hát
Tiếng H.Nơm Bkrông hòa cùng tiếng gió
Chảy vào tôi chảy vào đêm
Vang vang khúc ru tình.

- (1) Hoa Pơ Lang biểu trưng DakLak
(2) Sông Sêrêpôk chảy qua DakLak trước khi đổ về Mê Kông
(3) Dây nhà rồng nơi trưng bày hiện vật Tây Nguyên

Lục bát riêng mình

Chữ tâm thì nhỏ, chữ tiền ngu ngơ
Nếp nhà khi tỏ khi mờ,
Đa đoan chín khúc, tơ vò năm canh

Tiếc rằng em chẳng của anh
Không mây của gió, không xanh của trời.
Không là cây của núi đồi,
Nên thơ không ấm mỗi người thăng giêng.

Bốn phương đầy mây trắng

Chiều mưa rồi sớm nắng
Ấu cũng là lẽ đời.

Rượu uống một mình thôi
Cả ngụm cay, ngụm đắng
Nửa đời không may mắn
Câu thơ như lửa nung.

Bốn năm năm xa xứ
Mãi bon chen ngược xuôi
Ngoảnh đầu về quê cũ
Mây trắng phủ đầy vai.

TRẦN HUY MINH PHƯƠNG

Mời bạn cùng tôi ra biển

Mời bạn cùng tôi ra biển Đông
ngắm mặt trời hồng soi mắt cá
trông hoàng hôn uống sóng đón trăng lên

mời bạn cùng tôi ra biển Đông
coi con cá lớn nó thế nào
quẩy sóng đập khơi tung hoành biển Mẹ
bốn mùa sóng hát, trọn đời sóng ru

mời bạn cùng tôi ra biển Đông
hải đảo choàng vai ôm chầm nhò đất
sông chồm lên những ngọn gió phi lao
đồng chí anh đón đồng chí em ra đảo cười hề ha...
trái bằng vuông đung đưa đung đưa nhịp ghita tung
bùng mở Hội

mời bạn cùng tôi ra biển Đông
tình biển bao la lòng người còn lộng gió
sao ngân được giọt hồng loang trong máu
và bay lên bay lên theo nhịp gióng trống đồng

thuở bên nôi nghe bà ru ngày ấy
tôi còn nghe tiếng tre quạt từ tay chàng Giông
tôi còn nghe cộc nhọn Bạch Đằng giang
tôi còn nghe muôn năm tay giờ lên một lòng
nước Mẹ!
đất Mẹ!
tôi lớn lên trong cái chia tay vội vã
đã bao lần vội vã trao cho người
một tia nắng ấm, một giọt sương trong, một ý
niệm lành
và tôi ơi!
biển Đông chồm sóng réo
con cá chiếu nay buồn nhớ neo...
ngọn gió hơi ru trong tôi xanh miền man ru...

LÊ VĂN HIẾU

**Uống rượu
cùng cháu ngoại...**

Thằng bé đi học còn mang bình sữa
Thế mà thấy Ngoại uống rượu là đòi nâng ly
chạm cốc.

Nó nhắm mắt – ngửa mặt – khà
Ta tự nghe lưỡi ngọt .

Nhìn miệng nó cười
Ta thấy vị thơm ngon .

Đối tác ngồi uống rượu vừa mọc bốn chiếc răng non
Nó bóc mỗi miếng cho ông , như là nó “mâm mâm”
vậy đó .

Nó vỗ tay hoan hô – ông giới
Mắt nó ngời ngời – ông bỗng hòa trẻ con .

Cả nhà cười – nhìn nó lon ton
Lại nâng cốc – lại mời ông ly nữa .

Rượu không ép – rượu vừa nóng – ông vừa nghe
ấm dạ
Và đến giờ - ông vừa thấy lằng lằng ...

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

Tự ru

Ngủ đi... cái ngủ cô đơn
Trời đang thối rởn từng cơn gió mùa
Nửa chân nửa chiếu vẫn thừa
Nửa gian tập thể sương lùa bốn bên
Đêm nay là mấy mươi đêm
Ước mong tiếng trẻ, khát thêm “à đi...”

Ngủ đi... giấc ngủ lẻ loi
Từ xa cánh võng về nơi ruộng vườn
Lỡ thì chậm bước không con
Yêu thương lấy lớp mầm non làm nhà
Con người coi tựa con ta
Ngày ngày chầm lữa tuổi hoa vợ buồn!

NGUYỄN HIẾU

Nhịp riêng này cho ta

Ấu thơ một thời
Phơi ngựa lá bằng non
Đàn bướm lượn vòng hoang dại
Lung nhể nhại, chiếu loang mây tái
Ba vạn sáu ngàn ngày trời veo
Trăng trong veo thoát trắng nhân nhèo
Nhện giăng mùng.
Vườn xưa, đóm đóm lạ.
Lông mày cong cái then trưa nắng loá
Ngực trống quân nhưng nhức thì thùng

Bộn bề cuối trời
Lá trấu vàng úp xấp .
Vị cay nghẹn cuống thâm
Ngò sen dấu tận đáy đầm
Nhở tèo lòng mà không dám gập
Kiếp người gang tay. Cuống vó ngựa phi
Chưa nếm ngọt đời.
Đời đã nhạt đi.
Vậy mà hoa sáng nay vẫn hương .
Lại có nàng thả lời vấn vương.
áo xanh chùng chằng xuân .
Canh ba thức giấc ười đắm lá dâu.

Chàng màng hỏi về đầu
Đầu sông bướm xa vượt gió.
Cuối trường thổ non ăn cỏ
Rượu bỏ đào chưa chạm đã say
Cà cuống chết không tàn vị nồng cay .

THÁI VINH LINH

Cá thồn bơn

Tự ép xác mình đến mỏng dính như chiếc lá
Tự hoà màu da mình vào màu cát vàng
Cả đời mắt cũng chịu xếp về một bên cái đầu bẹp lép
Hạn chế cử động đến tột cùng
Sợ bất cứ một hành vi nào làm lộ mặt
Thậm chí cả cái ăn cũng cấm hơi lợm lặt
Có thể chỉ mấy chú chàng lách nhách tẹp riu
Khi cần sẵn sàng dùng tạm rong rêu
Không hề phát một lời ca thân
Ai cười cổ, dề đầu
Ai dẫm lên đành nằm chịu nạn
Tuyệt đối không, đầu một cử chỉ nhỏ phản hồi

Vậy mà rồi nó vẫn bị người ta tóm cổ bỏ vào ọi
Họ còn khào nhau, giống này càng dễ bắt
Với cái tính luôn cam chịu cúi đầu.

TRẦN QUANG HIỂN

Cầu nối

Chiếc cầu cong như bờ mi
Dòng sông đôi bờ gần lẹ
Cuộc tình xa nhau là thế
Em về nơi ấy trăng rơi!

Mảnh tan, sông vỡ thành lời
Chân cầu ngắm đầy nỗi nhớ
Nước trôi, phủ sa duyên nợ
Ai là ai của nhau đây!

Em đi anh ở bên này
Lung lay bóng cầu, bóng nhớ
Chân cầu phía xa rộng mở
Hương tình mặn chát đôi môi

Dòng đời, dòng chảy, dòng trôi
Chiếc cầu hai đầu ghim lại
Mắt em vẫn thời con gái
Ngược dòng anh đuổi. Sông sâu...

HUỠNH NGỌC PHƯỚC

**Tiếng đàn nhật nắng
Tân Châu**

Tân Châu
Chiều buông
Mặt sông thoáng tiếng đàn
Nao nao bay dài sợi gió
Nao nao lục bình trên sông
Thả mình trôi!

Tân Châu
Chuyến phà đưa
Đồng bằng nhật nắng
Tiếng đàn chạm nhẹ thỉnh không
Chạm mùa cần khô biên giới
Mãi nước buồn nghiêng
Còn lặng lẽ bao điều?

Tiếng đàn chạm nỗi nhớ, nỗi đau
Chạm nét mặt hạnh hao viễn xứ
Nước mắt người đánh đàn rơi vào chiếu mệnh mộng
Thấm dây đàn. Thấm cả chòm râu nửa đen nửa bạc.
Ông gượng cười rồi lặng lẽ đi
Về phía không có hoàng hôn khóc cuối chân trời.

TRẦN SANG

Mùi khói

Mười năm con xa mùi khói
mười năm con lảng lác đời
mẹ mười năm chờ đợi
mười năm mẹ nhóm bếp mỗi ngày...

mười năm con tập làm người của phố
tập nói cười hờ hững
tập bắt tay xã giao
với những lời chào hỏi vội vàng
tập bán mua đổi chác những giá trị đời thường...

mười năm con tập cụng ly ở những nhà hàng sang trọng
tham dự những buổi tiệc tùng chúc tụng ngợi ca
tập nói những lời nịnh nọt sáo rỗng
tập dạ thưa, cúi đầu kính cẩn trước những người xa lạ
nhưng chức vụ cao...

mười năm con cũng không biết bao nhiêu lần con
nóng lạnh với thời tiết cuộc đời, và cũng bấy nhiêu lần
con uống những chén thuốc đắng mà đời mang lại...
không phải là chén thuốc nam mẹ hay nấu cho con
uống mỗi khi đau ốm
không biết bao nhiêu lần con nếm cảm giác uất
nghẹn tận gan ruột
không phải những lần roi mẹ đánh con khi con sai trái
mà nước mắt mẹ lưng tròng....

mười năm đã bao lần con vấp ngã
rối lại tự đứng lên như lời mẹ dạy ngày xưa
nhiều đêm con gọi mẹ thẳng thốt trong mơ...

mười năm
con vẫn không phải là người của phố
nhờ khói bếp nhà mình quá
mẹ ơi!

Mười năm sao con không rút ra được phố?
con cũng không biết mình đang chờ đợi một điều gì
mắc nợ một nơi để đi về
mệnh mộng thương nhớ...

mười năm chấp chờn mùi khói
mười năm giấc ngủ không yên
nửa đêm giật mình
xống xọc vào giấc mơ
khói bếp dẫn con về...

DUYÊN NỢ VỚI VIỆT NAM

THÚY TOÀN

CÁCH đây ít lâu, nhờ ông bạn Phan Trác Cảnh, chủ Nhà sách số 5 phố Bát Đàn, mà lần đầu tiên tôi được biết đến tờ tạp chí **LÁ LỬA**, cơ quan của Chi hội Văn nghệ Nam Bộ. Ở số 1 năm 1951, số đặc biệt - Hội nghị kiểm thảo văn nghệ Nam Bộ, tôi để ý thấy một chi tiết nhỏ nhưng khá lý thú, đối với các thế hệ bạn đọc ngày nay có lẽ xem là lạ. Ở trang 17, tường thuật lễ khai mạc Hội nghị cán bộ văn nghệ Nam Bộ, diễn ra trong những ngày 7, 8, 9 tháng 1 năm 1951, có đoạn viết:

"Đúng 15 giờ 40 ngày 7 tháng 1 năm 1951 Hội nghị khai mạc. Nghi thức thường lệ. Các đại biểu được giới thiệu:

Hội nghị bầu Chủ tịch danh dự: **HỒ CHÍ MINH, QUÁCH MẠC NHƯỢC VÀ ILYA ERHENBOURG.**

Hội nghị bầu Ủy ban và phân công nhiệm vụ ba vị lãnh tụ tiên phong của nền văn nghệ dân chủ tiến bộ chiến đấu cho Hòa bình thế giới".

Từ lâu trong lễ khai mạc các Hội nghị ở ta không còn giữ cái thủ tục đó. Nhưng nhắc đến các bạn trẻ ngày nay biết thêm một chi tiết, tuy "ấu trĩ" nhưng cũng ghi nhận tấm lòng của thế hệ trước chúng ta đối với các danh nhân, và cũng nhân dịp này tôi muốn được cùng mọi người tìm hiểu thêm sâu một chút tên tuổi nhà văn Nga Ilya Erenburg mà ngay từ thời đó đã được nhân dân ta quý trọng, đặt ngang bằng với tên tuổi Bác Hồ, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc ta lúc đó đang lãnh đạo toàn dân kháng chiến giành độc lập tự do cho đất nước, nhà văn Trung Quốc Quách Mạc Nhược, ngọn cờ đầu của văn học Cách mạng Trung Quốc lúc đó.

Erenburg Ilya Grigorevich (1891-1967) - nhà văn Nga Xôviết, nhà hoạt động xã hội. Tác giả nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó nổi bật là bộ ba tiểu thuyết **Paris sụp đổ** (1941-1942, Giải thưởng Nhà nước Liên Xô 1942), **Báo táp** (1947 - Giải thưởng Nhà nước Liên Xô 1948) và **Ngọn sóng thứ 9** (1951-1952), các truyện dài **Mùa tuyết tan** (1954-1956), **Sự biến thiên của lòng sông cảm**. (Những bài viết trong chiến tranh về quốc vĩ đại, 1965); hay bộ hồi ký **Con người, năm tháng cuộc đời** (1-6 tập, 1961-1965), v.v...

Nhà văn Nga Xôviết Ilya Erenburg được biết đến ở Việt Nam ngay từ những năm 30 thế kỷ trước. Trong Hồi ký **Nhớ lại buổi đầu gặp gỡ** của mình, nhà văn Như Phong (1917-1985) ghi nhận, sau tác phẩm **Người mẹ** của Gorki, mặc dù viết trước Cách mạng tháng Mười, thế hệ thanh niên ta những năm 30 vẫn quen coi đó là tác phẩm tiêu biểu của Văn học Xôviết, họ "say mê tìm đọc hết các tác phẩm của Văn học Xôviết mà trong thời kỳ đó người ta có thể kiếm được bằng cách này hay cách khác: **Thép đã tôi thế đấy** của Nikolai Ostrovski, **Đất đỏ hoang** của Mikhail Solokhov, **Thất bại** của Phadaev, **Trapaev** của Phurmanov, **Không kịp lấy lại hơi thở** của Ilya Erenburg..."¹. Như vậy là Ilya Erenburg đã nằm trong số các nhà văn Xôviết đầu tiên có duyên được bạn đọc Việt Nam tìm đến ngay từ những năm 1930 của thế kỷ qua. Tiếp theo "từ năm 1950, biên giới Việt Nam phía Bắc mới được mở rộng để đón chào văn nghệ Xôviết, ngay trong thời kháng chiến trước những năm 1954, những tên tuổi, ngoài Gorki và Maiakovski, như Aleksei Tolstoi, Ilya Erenburg, Konstantin Simonov, Mikhail Solokhov, Boris Polevoi, Galina Nikolaeva... đã trở nên quen thuộc với giới văn nghệ Việt Nam và một số tác phẩm của Maiakovski, Erenburg, Simonov, Polevoi đã được dịch ra và phổ biến rộng rãi cả trong miền rừng núi và nông thôn Việt Nam..."², nhà văn lão thành Vũ Đức Phúc nay đã ngoài 90, từng khẳng định như thế. Thiếu tướng - nhà văn, nhà lãnh đạo tư tưởng, văn nghệ quân đội trong bài **Những kỷ niệm** cũng đã cho biết: "Trong những năm chiến tranh chống Pháp 1946 - 1954, tôi là người say sưa tìm kiếm các tiểu thuyết Xôviết để đọc. Lúc ấy chúng tôi gặp được những tiểu thuyết của Erenburg, của Phadaev, của Solokhov, Kazakievich, Polevoi, Simonov..."³. Và rồi một cây bút của chúng ta, nhà báo - nhà văn Thép Mới, đã trực tiếp được gặp nhà văn Nga Xôviết Ilya Erenburg. Năm 1950,



Ilya Erenburg

sau khi biên giới phía Bắc của ta được giải phóng, người của ta bắt đầu được cử đi đến các nước để giao lưu. Thép Mới nằm trong số những người đó. Trên tạp chí **Văn nghệ** kháng chiến số 30 ra ngày 16/9/1951 ông đã cho đăng bài **Chúng tôi đã được gặp các nhà văn Xôviết**. Trong số các nhà văn Nga Xôviết có tên tuổi lần đầu tiên tiếp những người viết Việt Nam, có Ilya Erenburg. Thép Mới ghi lại "Đồng chí Phadaev (tác giả của **Chiến bại** đã dịch ra tiếng Việt sau này; lúc đó đang lãnh đạo Hội Nhà văn Xôviết) ngồi ở đầu bàn, tóc bạc phơ. Nét mặt hiền hậu vô cùng. Chúng tôi ngồi bên tay phải đồng chí. Trước mặt chúng tôi là nhà văn Erenburg, vẫn trong bộ đồ xanh rêu, vẫn cặp mắt sâu xa, nét mặt trầm ngâm suy nghĩ như lần chúng tôi đã được gặp ở Praha (Tiệp Khắc)..."⁴. Về nước, Thép Mới bắt tay vào dịch các bài văn chính luận của Ilya Erenburg viết trong những năm tháng chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Các bản dịch tác phẩm của Ilya Erenburg ra tiếng Việt của Thép Mới đã được phổ biến một số trên tạp chí **Văn Nghệ**, về sau NXB Văn nghệ đã ấn hành thành tập sách nhỏ có tên **Thời gian ủng hộ chúng ta**. Trên sách báo của ta xuất hiện tiếp các bản dịch tác phẩm khác của Ilya Erenburg. Chẳng hạn, cũng trên **Văn Nghệ**, bạn đọc được đón đọc **Bức thư ngỏ của E-ran-h-bua gửi các nhà văn Tây phương** do nhà thơ Xuân Diệu dịch⁵. Về sau các tác phẩm khác của Ilya Erenburg lần lượt được nhiều người chuyển ngữ sang tiếng Việt: **Paris sụp đổ**, **Báo táp**, **Chân dung người đương thời** (trích **Con người, năm tháng, cuộc đời**), v.v...

Tác phẩm của Ilya Erenburg đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng nhiều bạn đọc Việt Nam. Trong bài **Kỷ niệm về văn học Nga Xôviết** của nhà thơ Giang Nam⁶ có tâm sự "Nếu tôi không nhớ lầm thì tác phẩm văn học Xôviết đầu tiên mà tôi được đọc trong một chuyến đi công tác ra vùng tự do Khu 5/1950 là một bài báo ngắn, một tùy bút văn học. Đó là bài viết về cái tháng sáu năm 1941 đau thương và căm giận của Ilya Erenburg, được đăng ra tiếng Pháp và đăng trong tạp chí của Đảng Cộng sản Pháp. Bài báo nói gọn trong 3, 4 trang giấy khổ nhỏ mà toát ra một sức mạnh kỳ lạ, một sức thôi miên không cưỡng lại nổi. Tôi đọc 1 lần, 2 lần rồi 3 lần. Đối với tôi, đúng là một sự phát hiện. Quả thật, cho đến lúc bấy giờ, tôi vẫn không thể hình dung con người có thể viết về chiến tranh, về kẻ địch, về nhân dân và Tổ quốc thân yêu của mình với tất cả sự cháy bỏng của tâm hồn đến như thế. Những tài liệu được dẫn ra chân thực một cách đáng sợ. Một cô gái bị treo cổ lên cành cây; các gia đình không còn đàn ông, những người phụ nữ Nga làm việc lặng im, những con mắt không có nước mắt. Hình như cuộc sống đã bày sẵn mọi dữ kiện, không phải lựa chọn, sắp xếp, thêm thắt gì cả... Vậy mà từng dòng, từng dòng, tác phẩm cuốn hút người đọc, dẫn từ bất ngờ này đến bất ngờ khác và cuối cùng lay động cả tim anh ta, thôi thúc anh ta đứng dậy, can rằng lại cầm chắc súng, quyết bảo vệ những gì tốt đẹp nhất, nhân đạo nhất,

thiên lương nhất không chỉ của tâm hồn Nga, đất nước Nga mà của cả mọi tâm hồn, mọi đất nước. Trước sự tấn công của một lũ phát xít cực kỳ man rợ. Phải chăng cũng là người lính nên chúng ta dễ hiểu nhau hơn? Phải chăng trong bài báo ngắn tưởng không có bàn tay sắp xếp của người nghệ sĩ hết sức nhạy cảm này đã làm cho mỗi trang viết của Ilya Erenburg thực sự là một bài hịch đánh giặc đi thẳng vào lòng người. Bài hịch ấy được viết bằng một phong cách giản dị, chính xác, đầy chất thơ nên có sự thuyết phục lớn".

Còn thế hệ chúng tôi, lúc bấy giờ đang ở lứa tuổi 11, 12 cũng ghi nhớ nhiều câu văn của Ilya Erenburg được nhà văn Thép Mới dịch ra tiếng Việt, thuộc lòng cho đến tận bây giờ, khi chúng tôi đều đã thuộc thế hệ vượt ngưỡng "cổ lai hi" cả. Một người bạn đồng môn thuở thiếu thời, đồng tuế (tuổi Hồ - Mậu Dần) - học giả, nghệ sĩ, nhà hoạt động xã hội Trần Quân Ngọc trong **Ghi chép về những cuộc gặp với các nhà văn Nga** đã viết: "Cho tới nay tôi vẫn còn thuộc lòng từng đoạn văn của Erenburg qua bản dịch của Thép Mới: 'Lòng yêu nước bạn đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất, yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh'".

Cách đây để đã đến gần nửa thế kỷ, vừa theo học khóa tiếng Nga 2 năm, về nước làm phiên dịch xây dựng nhà máy Supe photphat Lâm Thao, anh bạn Ngọc của chúng tôi đã "điếc không sợ súng", viết một bài báo bằng tiếng Nga gửi sang Liên Xô cho tạp chí "Bảo vệ hòa bình", chỉ ghi tên người nhận là nhà văn Ilya Erenburg, bấy giờ là Đại biểu Xôviết tối cao Liên Xô, Phó chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới. Sau bao tháng ngày hồi hộp chờ đợi, cuối cùng Ngọc đã nhận được thư phúc đáp của chính nhà văn:

"Mátxcova, ngày 28 tháng 11 năm 1960

Bạn Trần Quân Ngọc thân mến

Xin cảm ơn bạn về sự tin cậy. Rất tiếc tôi không tự sửa được bản thảo của bạn, vì tôi bận đi công tác nước ngoài trong một thời gian dài. Tôi đã chuyển bản thảo của bạn cho Bộ biên tập tạp chí **Bảo vệ Hòa bình** (V.Zashitu mira). Tôi nghĩ rằng bạn sẽ nhận được thư trả lời của họ. Dù sao với ba năm học tiếng Nga, bạn đã nắm tiếng Nga không đến nỗi tồi.

Chúc bạn nhiều tiến bộ

Ilya Erenburg"

Bài báo của Ngọc sau đó được đăng vào một số tạp chí **Bảo vệ hòa bình**. Hơn thế nữa, ít lâu sau, Ngọc được cử đi học tiếp và trở lại Mátxcova. Trong một lần trường đại học của Ngọc được đón nhà văn Ilya Erenburg đến thăm. Tuy bữa ấy Ngọc có việc đi xa, trở về trường muộn, buổi đón tiếp nhà văn Ngọc không được dự, nhưng trở về đúng lúc nhà văn ra xe và Ngọc may mắn đã kịp nắm được tay nhà văn và trao đổi đôi lời: "Ilya Grigorevich! cháu là sinh viên Việt Nam, cháu tiếc không được nghe bác nói chuyện hôm nay!". Tay trong tay, họ nói chuyện với nhau qua cửa xe ô tô chừng mấy phút. Nhà văn nói: "Ồ, thế à, thật là thú vị được gặp một sinh viên Việt Nam ở đây hôm nay! Cháu xa nhà đã lâu chưa? Bác rất tiếc là chưa có dịp sang thăm đất nước cháu. Tuy vậy bác cũng có vài cái may mắn là đã được gặp mặt và quen biết Chủ tịch Hồ Chí Minh của cháu khi Người còn trẻ, đang hoạt động trong Quốc tế Cộng sản tại Mátxcova vào những năm ba mươi, và sau đó tại Paris vào năm 1946, khi Người sang thăm nước Pháp. Đó là một con người tuyệt vời, kiến thức sâu rộng, vô cùng giản dị và đầy lòng nhân ái. Bác rất tiếc là còn biết ít về nền văn hóa Việt Nam. Ngày còn trẻ, bác có để tâm nghiên cứu chút ít nền văn hóa của dân tộc Chăm sống trên dải đất Việt Nam..."

Hiện tôi có trong tay cuốn sách của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: **Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp năm 1946**, do Trung tâm UNESCO Bảo tồn và Phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam ấn hành năm 2003, tại Hà Nội, trong đó ở trang 91 có ghi lại sự kiện "ông Ilya Erhenburg đến thăm Cụ Chủ tịch" vào 2 giờ, ngày 21 tháng 7 năm 1946.■

1. Lá lửa số 3, 1951, trang 17
2. Tuyển tập Như Phong, NXB Văn học, 1994, T2, trang 252
3. Xem Những kỷ niệm không để gì phai nhạt, NXB Văn học, 1997, trang 703.
4. Như trên, trang 703.
5. Tạp chí Văn nghệ, số 30, 16-9-1951.
6. Giang Nam, Tạp chí Văn học, số 2/1983. In lại trong Những kỷ niệm không để gì phai nhạt, NXB Văn học 1997, trang 308-310.
7. Những kỷ niệm không để gì phai nhạt, trang 307.
8. Xem Tạp chí Văn học nước ngoài, số 6/2006, trang 174-176.
9. Xem Tạp chí Văn học nước ngoài, số 6/2006, trang 174-176.

VỊ TRÍ CỦA PHỤ NỮ TRONG VĂN HỌC DỊCH

ALISON ANDERSON* (Mỹ)

Tôi chưa bao giờ giỏi toán, hay cứ nói thẳng ra là, tôi chưa bao giờ thích học toán. Tôi thậm chí chẳng có lấy một lần được điểm tốt ở bộ môn này khi còn đi học. Vì vậy, tôi cũng không biết làm thế nào để phân chia được 3% hay 26%. Đó là lý do tôi tìm đến Internet để hoàn thành bài nghiên cứu của mình. Như hầu hết mọi người đã biết, 3% là ước tính sơ bộ số lượng trung bình các bản dịch từ ngôn ngữ khác sang tiếng Anh trong một năm. 26% là tỷ lệ tác giả nữ được công bố trong các bản dịch so với tổng số.

Khi làm việc với văn chương, điều quan trọng hơn nhiều so với những con số là giá trị tượng trưng của nó. Những phát hiện bất thường thúc giục chúng ta phải nghiên cứu, tìm hiểu. Trong bốn năm qua, sự hiện diện của phụ nữ trong những tạp chí lớn hay những đánh giá sách vẫn chiếm một con số khiêm tốn. Trang web **Vidaweb.org** đã thực hiện một số thống kê của họ trong hầu hết các ấn phẩm văn học tại Hoa Kỳ và Anh quốc. Kết quả được đưa ra thật sự rất ảm đạm. Mặc dù phần lớn độc giả của tiểu thuyết là phụ nữ, nhưng tác giả nữ vẫn là một con số vô cùng khiêm nhường so với nam.

Một tuần trước Hội chợ sách London thường niên năm nay, tôi đã quyết định phải xác nhận rõ ràng về những gì mà tôi luôn nghi ngờ hoặc hoặc trong những năm làm việc với tư cách là một tác giả dịch văn học. Tôi muốn biết con số cụ thể giữa nam và nữ trong văn học dịch. Tôi bắt đầu ngồi xuống trước máy tính của mình và chọn ra bốn chỉ số cơ bản làm cơ sở cho việc điều tra chính thức. Một cơ sở dữ liệu và ba giải thưởng văn học, đó là những gì mà tôi tìm được.

Cơ sở dữ liệu về dịch được biên soạn bởi Thư ngỏ (Open Letter Books) tại Đại học Rochester, New York. Trong hai năm qua, phụ nữ chiếm 26% tiểu thuyết hay thơ ca được xuất bản tại Hoa Kỳ.

Trong giải thưởng dành cho sách dịch xuất sắc nhất, cũng theo Thư ngỏ, trong ba năm qua, phụ nữ chiếm 17% ở vòng sơ khảo, 21% trong tổng số tiểu thuyết và thơ ca kết hợp.



Đối với giải thưởng PEN dịch, trong hơn hai mươi năm qua, chỉ có 3 phụ nữ giành được giải thưởng, chiếm 15%.

Cuối cùng là giải thưởng Independent Foreign Fiction (IFFP) dành cho những tiểu thuyết gia độc lập người nước ngoài, trong ba năm qua, phụ nữ chiếm 13% số sách ở vòng sơ khảo và 16% trong danh sách rút gọn. Và, chỉ có duy nhất một nữ tác giả đã từng giành được giải thưởng này kể từ khi nó được thành lập vào năm 1990.

Phát hiện liên quan đến IFFP là một điều đáng tiếc, đồng thời, nó cũng là một trong những vấn đề được bàn luận một cách sôi nổi tại Trung tâm văn học dịch của Hội chợ sách London năm nay. Sẽ thật thiếu sót khi vắng bóng các tác giả nữ trên các danh sách rút gọn của các giải thưởng. Nếu như họ không được đề cập đến trong các danh sách ấy, dù còn rất rụt rè, tôi cũng sẽ nâng cao cánh tay của tôi lên và yêu cầu một lời giải thích.

Thật may mắn là câu hỏi của tôi đã được đưa đi. Các thành viên hội đồng, trong đó có Boyd Tonkin - nhà phê bình và biên tập viên của Independent, Gabriel Josipovici - tiểu thuyết gia, nhà phê bình

và lý luận văn học người Anh, Elif Shafak - tác giả người Thổ Nhĩ Kỳ, cùng tất cả các thành viên trong ban giám khảo của giải thưởng đồng ý luận bàn về câu hỏi được đưa ra trên một điện tổng quát. Bà Shafak đã ngay lập tức chỉ ra sự thiếu hụt của người phụ nữ với một chút gay gắt. Tuy nhiên, vẫn không ai có thể cung cấp một lời giải thích chính đáng.

Vấn đề không phải ở những con số hay danh sách, mà nằm trong tiến trình gia nhập. Nữ tác giả dịch văn học đang ở đâu? Tại sao lại không có họ trong các bản dịch tiếng Anh? Hai phần ba các tác phẩm được đề cử cho giải thưởng IFFP có bản gốc là của tác giả nữ. Vậy thì tại sao lại không có nhiều nữ dịch giả dịch những tác phẩm này? Có phải đơn giản là vì phụ nữ ít hơn so với nam giới trong việc viết bằng những thứ tiếng như Na Uy, Urdu, Hy Lạp hiện đại? Hay phụ nữ thì khó được nhận xuất bản? Hoặc phụ nữ thì khó để có thể đạt được những danh tiếng hay sự công nhận ở một số quốc gia, đặc biệt là trong thế giới văn chương?

Tôi nhớ mình đã từng tìm kiếm một cách vô vọng tại Paris trong một vài năm trước đây. Tôi cố tìm một người nào đó từ ban biên tập của Tạp chí văn học Lire để phản ánh về việc vắng bóng phụ nữ trên các trang viết của họ mà không được. Trong khi đó, tại bất kỳ cửa hàng sách nào của Pháp, tỉ lệ giữa số lượng sách của tác giả nam và nữ lại có vẻ khá cân bằng.

Bao nhiêu phần của sự việc này là do vô thức, thiếu tự nguyện trong vấn đề bình đẳng giới? Có phải lý do phụ nữ ít có khuynh hướng gửi bài, viết đánh giá và sáng tác tiểu thuyết hơn nam giới, là nguyên nhân? Hay đây chính là điều mình chứng cho thái độ gia trưởng trong một số quốc gia đối với nữ giới?

Có phải các nhà xuất bản ở Anh và Mỹ chỉ miễn cưỡng nhận tác phẩm của các dịch giả nữ? Tôi đã làm việc chăm chỉ trong suốt những năm tháng đời mình. Tôi đã dịch 17 cuốn sách của các nam tác giả và 20 cuốn sách của các nữ tác giả. Theo kinh nghiệm mà tôi có qua thời gian đó,

phần lớn các cuốn sách dịch của phụ nữ không được nhận bất cứ một đánh giá nào, thậm chí là cả trên Amazon, cũng không có bất cứ một quảng cáo nào dành cho họ, ngay cả trên Facebook. Sách dịch hiếm khi nhận được đánh giá, nhưng một số tác giả nam mà tôi dịch lại được những tờ như New Yorker hay New York Times gật đầu cái rụp.

Hội trường của Trung tâm văn học dịch năm nay tại Hội chợ sách là một giảng đường nhỏ với ghế gỗ. Tôi, một thành viên trong ban hội thẩm phần dịch, nghiêm túc lắng nghe cuộc phỏng vấn với Dasa Dmđic, một nữ tác giả có mặt trong danh sách rút gọn của IFFP. Vậy là cũng có một nữ tác giả, dù chỉ là một nữ tác giả duy nhất trên danh sách. Dasa Dmđic đã đọc cho tôi nghe một trích đoạn được thiết lập trong Chiến tranh thế giới II, khu vực thăm sát và hỗn loạn ở vùng biên giới giữa Italia và Nam Tư, trong cuốn sách của bà. Đó là một văn bản tuyệt vời. Bạn sẽ không thể phủ nhận điều đó khi tiếp xúc với nó.

Tôi đã đến để gặp Dasa ngay sau cuộc phỏng vấn. Chúng tôi nói về thực tế Dasa là tác giả nữ duy nhất, và rằng nếu bà thắng cuộc, bà sẽ là tác giả đầu tiên trong giải thưởng. Dasa Dmđic đã nói vui với tôi rằng, bà đã nghĩ đến việc tới lễ trao giải với một bộ vec cài nơ đỏ và một bộ ria mép cũng cũng nên! Tuy nhiên, chiến thắng đã đến với Gerbrand Bakker, một nam tác giả người Hà Lan với tác phẩm **Đường vòng** (The Detour).■

VŨ THỊ HUỆ
Theo Book Trust

*Alison Anderson sinh ra trưởng thành tại bờ Đông, Hoa Kỳ. Tuy nhiên, cuộc sống của bà không dành cho nơi này. Phần lớn thời gian của Alison là ở Châu Âu như Thụy Sĩ, Pháp, Anh,... Bà là người thông thạo ba ngôn ngữ Anh, Pháp và Nga. Là người có đam mê lớn đối với văn học, Alison dịch rất nhiều tác phẩm. Bà đã trở lại Hoa Kỳ sau 20 năm sống ở nước ngoài. Công việc của Alison Anderson, ngoài dịch thuật còn giảng dạy tiếng Anh và sáng tác.

NHÂN KỶ NIỆM 100 NĂM SINH WEORES SANDOR (1913-2013)

THẾ GIỚI NÀY LÀ CON CHIM SẺ



WEORES Sandor, một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của nền thơ ca Hungary và thế giới trong thế kỷ XX, sinh ngày 22 tháng 6 năm 1913. Ông là con trai duy nhất của một gia đình dòng dõi quý tộc, người bố từng là sĩ quan kỵ binh, giải ngũ trở thành đại diện chủ nổi tiếng ở miền Tây Tổ quốc, mẹ là con gái gia đình tư sản giàu có và gia giáo (biết đọc, nói thông thạo bốn thứ tiếng). Chưa đầy 4 tuổi, cậu bé Weores đã học chữ, toán, tiếng Đức và Pháp... Lên 6-7 tuổi, cậu đã đọc các tác phẩm của Shakespeare, Shilley, Goethe. Rồi cậu cũng tập sáng tác văn học.

Tác phẩm đầu tiên mà Weores cho

đăng trên báo chí địa phương là một truyện ngắn vào năm 14 tuổi. Các năm tiếp theo, với hàng loạt các bài thơ được đăng cả trên báo chí văn học tầm quốc gia, Weores Sandor nổi tiếng là một thần đồng, quen biết hầu hết các nhà thơ, nhà văn, nhân sỹ lớn đương thời lúc ấy ở Hungary như Babits, Ady, Kosztolanyi, Kodaly...

Sau khi học tiểu học, rồi trung học ở nhiều nơi, Weores trở thành sinh viên Trường đại học Pecs năm 20 tuổi, đồng thời cũng cộng tác với nhiều báo chí, đặc biệt là tờ Phương Tây, tạp chí văn học nghệ thuật danh giá nhất của Hungary nửa đầu thế kỷ XX. Năm 1934, nhà thơ trẻ này cho in tập thơ thứ nhất

nhân đề *Trời lạnh*. Năm sau thì nhận giải thưởng Baumgarten, giải thưởng lớn nhất ở Hungary lúc bấy giờ. Từ đó, Weores cho in đều đặn hàng năm các tác phẩm, chủ yếu là thơ ca. Tính đến khi qua đời - ngày 22 tháng 1 năm 1989, ông đã xuất bản tới hơn 40 tập sách gồm đủ các thể loại: thơ ca, tiểu thuyết, kịch thơ, nghiên cứu văn học, tiểu luận phê bình, dịch thuật... trong đó nổi tiếng nhất là các tập *Con sứa*, *Theo hương ven toàn*, *Bobita*, *Nếu thế giới này là con chim sẻ*, *Psyche*. Thế giới thơ ca của ông rất đa dạng phong phú mang những giọng điệu riêng khác hẳn các nhà thơ đương thời. Dù là thơ người lớn, hay thơ thiếu nhi, nội dung thơ ca của ông đều mang tính triết lý sâu sắc với một hình thức, phong cách không thể lẫn vào đâu được. Weores được mệnh danh là nhà thơ có hàng ngàn khuôn mặt. Chúng tôi xin giới thiệu một chùm thơ của ông.

MỘT “BANG CHỦ RỒNG” ĐÃ RA ĐI

CHRISTOPHER PRIEST (Anh)

N GÀY 26 tháng 5 năm 2013, Jack Vance (sinh ngày 28 tháng 8 năm 1916), đã qua đời trong lúc ngủ tại nhà riêng ở California. Ông để lại hơn 50 tiểu thuyết và 100 truyện ngắn.

Jack Vance tên đầy đủ là John Holbrook Vance, là một nhà văn bí ẩn người Mỹ. Ông chuyên về các đề tài khoa học viễn tưởng và thể loại tiểu thuyết sử thi, anh hùng ca. Hầu hết các tác phẩm của ông đều được xuất bản với cái tên Jack Vance. Ông cũng viết khá nhiều tiểu thuyết trinh thám với cái tên John Holbrook Vance và Ellery Queen. Ngoài ra, ông còn sử dụng thêm một số bút danh khác như Alan Wade, Peter Held, John van See, và Jay Kavanse.

Jack Vance đã từng giành Giải thưởng Fantasy World cho thành tựu cả đời vào năm 1984. Ông là khách danh tự tại Giải thưởng dành cho tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vào năm 1992 tại Orlando, Florida. Jack Vance cũng giành được khá nhiều giải thưởng trong suốt văn nghiệp của mình, trong đó có Giải thưởng Hugo năm 1963 dành cho **Những bang chủ Rồng** (The Dragon Masters), và năm 1967 với **Lâu đài cuối cùng** (The Last Castle). Năm 2010, cuốn hồi ký **Tôi đây, Jack Vance!** (This is Me, Jack Vance!) tiếp tục lấy về cho ông thêm một Giải thưởng Hugo nữa. Jack Vance còn nhận được một Giải thưởng Nebula vào năm 1966, cũng cho **Lâu đài cuối cùng**. Ngoài ra, còn có Giải thưởng Jupiter vào năm 1975; Giải thưởng dành cho tiểu thuyết viễn tưởng vào năm 1990.

Với 60 cuốn sách đã được xuất bản, Jack Vance được xem là một bậc thầy của khoa học viễn tưởng và sử thi Mỹ. Cách hành văn của ông khá kỳ lạ, giàu cảm xúc cộng hưởng, âm thanh và rất chi tiết. Ông đã từng mô tả người ngoài hành tinh với những năng lực kỳ lạ bằng những dòng văn dài lê thê, đôi khi khủng khiếp, nhưng chúng lại in rất đậm trong lòng người đọc.

Ảnh hưởng của Jack Vance đối với



Nhà văn Jack Vance

thế giới văn học có thể thấy được khá rõ trên các tác giả khác. Nhiều nhà văn đã công nhận rằng, chính cách thức sáng tạo của ông đã giải phóng cho trí tưởng tượng của họ. Các nhà văn như Ursula K Le Guin, Jack L Chalker, Michael Moorcock, George RR Martin, và Gene Wolfe là những người chịu ảnh hưởng rất nhiều từ Jack Vance. Nhưng, chính Vance lại chưa từng nói rằng, ông là người sinh ra và sống vì nghệ thuật.

Jack Vance luôn tuyên bố, ông không quan tâm đến nghệ thuật viết, ông chỉ đang kiếm tiền. Bằng cách làm việc nhanh chóng và mãnh liệt, ông đã đạt được mục tiêu mà ông muốn trong cuộc đời: sống nhờ vào văn bản của mình. Cái cách giới thiệu bản thân là một nhà văn thương mại không phải là một bất thường đối với các nam nhà văn thế hệ Vance. Ông đã xuất hiện lần đầu tiên trên tạp chí thương mại. Đó là một thị trường mà nhà văn bị đối xử khá tồi tệ, tiền thanh toán nghèo nàn, không có nhận xét, phê bình từ phía người đọc và thường xuyên bị cắt xén tùy ý vì lý do thiếu không gian. Vance

đã tự nhận mình là một người viết bình thường, không có tham vọng hướng đến thế giới văn chương hay cái gì đó to tát. Ngay cả khi được xuất bản rất nhiều sách với các hình ảnh biên tập bắt mắt, đẹp đẽ, ông cũng vẫn gọi bản thân là một người kiếm tiền nhờ nghệ thuật. Mặc dù vậy, tác phẩm của Jack Vance vẫn được bán ra một cách nhanh chóng.

Vance được sinh ra bên bờ Thái Bình Dương, San Francisco, và là người con thứ năm trong gia đình. Mẹ ông thuộc tầng lớp thượng lưu trong khu vực, còn cha là một thành viên thuộc hội Chữ thập đỏ tại Pháp. Người cha này chỉ trở về nhà duy nhất một lần trước khi chuyển tới Mexico. Cũng kể từ đó, Vance không gặp lại cha bất cứ một lần nào nữa.

Năm 1937, Vance vào trường Đại học California ở Berkeley. Đây cũng là nơi ông viết những câu chuyện ngắn đầu tiên của mình. Những câu chuyện đó sau này được khai triển thành phần đầu của các tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Các giáo sư của Vance đã bác bỏ những tác phẩm đầu tay của ông với một thái độ khinh thị. Vance bức tức muốn ném hết ra ngoài, nhưng nghĩ lại, dù sao cũng là những tác phẩm đầu tiên và những nhận xét đầu tiên, nên thôi.

Đầu năm 1941, vì chán học, Vance đã tham gia vào lực lượng hải quân Mỹ và được đưa đến Trân Châu Cảng, Hawaii. Cuộc sống hải quân mà ông luôn mơ ước hóa ra lại rất bình thường và đầy đau khổ. Vance xin từ chức và bị quăng ra khỏi đội với những thành kiến xấu. Một tuần sau, Nhật phát động cuộc tấn công.

Vance trở lại trường đại học và tốt nghiệp năm 1942. Sau đó, ông gia nhập Merchant Marine như một thủy thủ bình thường và đã hai lần bị trúng ngư lôi. Ông bắt đầu viết truyện để xuất bản từ khi lệnh ngừng trên biển lần ấy.

Năm 1946, Vance đã gặp và cưới Norma Ingold, họ sống cùng nhau trong một ngôi nhà ở Oakland, California, và có một cuộc hôn nhân lâu dài suốt đời. Norma vô cùng chăm chỉ trong việc hỗ

trợ cho Vance. Bà cũng sinh cho ông một con trai là John. Vance đã sống một cuộc sống yên bình và hạnh phúc từ đó. Ông hiếm khi đồng ý chấp nhận các cuộc phỏng vấn về nghệ thuật viết lách của mình. Ngay cả khi viết tiểu sử, ông cũng không cung cấp nhiều chi tiết về thực tế cuộc sống của ông. **Tôi đây, Jack Vance!** chỉ chủ yếu là các kỷ niệm với gia đình và các kỳ nghỉ kéo dài trên toàn thế giới của ông với Norma.

Đầu những năm 1980, Vance được chẩn đoán là bị bệnh tăng nhãn áp và sau đó là bị mù. Ông tiếp tục sáng tác với sự hỗ trợ của Norma, và sau đó là sự trợ giúp của các phần mềm máy tính với màn hình đặc biệt. Thành tựu trong đời sống văn học của ông được ghi lại với 3 giải thưởng Hugo, một giải Tinh Vân và một giải Viễn tưởng quốc tế trọn đời. Năm 1997, ông vinh dự nhận Giải thưởng SF Grand Master, một giải thưởng lớn dành cho Khoa học viễn tưởng của các nhà văn Mỹ.

Michael Moorcock, một cây bút cũng trong lĩnh vực khoa học viễn tưởng, đã nói với tạp chí Guardian rằng, “Voi tôi, có 2 nhà văn viễn tưởng người Mỹ đứng đầu. Một là Fritz Leiber và người còn lại là Jack Vance.” Tác phẩm của Jack Vance không chỉ gây ảnh hưởng trong khu vực mà còn lan rộng trên thế giới. Ông là một nhà văn tuyệt vời và xứng đáng với những phần thưởng danh dự trong đời.

Tác giả khoa học viễn tưởng bán chạy nhất John Scalzi mô tả Vance như là “Một thương hiệu chính hãng trong lĩnh vực này.” Tác phẩm của ông có một sức hút kỳ diệu không chỉ với độc giả mà còn với các đồng nghiệp và giới phê bình. Steven Gould thì gọi Vance là “một trong những tác giả khoa học viễn tưởng lớn nhất của thế kỷ XX”. Ông còn thừa nhận là, cuốn tiểu thuyết **Những bang chủ Rồng** của Vance đã “bắt giữ tôi và chưa bao giờ thả tôi đi.”

THÁI LƯƠNG
Theo Guardian.co.uk

9 TRUYỆN HAY CỰC NGẮN

Từ mỗi truyện ngắn này có thể viết thành kịch bản phim, nhạc kịch, hài kịch rất chất lượng, hay chuyện ngụ ngôn đậm triết lý, chỉ cần bổ sung thêm những chi tiết, phát triển các hình tượng là có thể thành cuốn tiểu thuyết dày dặn. Nhưng không nên làm thế, bởi ngắn gọn là bậc thầy của tài năng, và nó luôn tạo hiệu quả tối đa.

“CỬA SỔ”. Jane Orvis.

Từ khi Rita bị sát hại dã man, Cater ngồi lì bên cửa sổ. Không tivi, sách báo, thư từ. Cuộc sống của nó là những gì thoáng qua rèm cửa.

Nó phớt lờ người đưa đồ ăn, thanh toán các hóa đơn. Nó không rời phòng. Cuộc sống của nó là những người tập thể dục chạy qua, các mùa trong năm thay đổi, những ô tô lướt qua, bóng hình của Rita.

Cater không hiểu rằng, mọi căn phòng nhốt người điên thì đều không có cửa sổ.

2. “CÁU HỒN”. Larissa Kirkland.

Đêm đầy sao. Thời gian thích hợp nhất. Ăn tối trong ánh nến. Nhà hàng Italia sang trọng. Trang phục đen bình thường. Tóc sum sê. Mắt sáng ngời. Tiếng cười trong trẻo. Hai năm rồi bên

nhau. Thời gian tuyệt vời! Tình yêu chân thực, bạn tốt nhất, không còn ai khác. Săm-banh! Hân chia tay và trái tim. Quý một chân. Mọi người nhìn? Kề họ! Nhấn kim cương tuyệt đẹp. Hai má ửng hồng, nụ cười mê hồn. Thích, không?!

3. “BÓNG MA”. Charles Enright.

Ngay khi chuyện xảy ra, tôi vội chạy đến báo tin buồn cho vợ hân. Nhưng dường như nàng hoàn toàn không nghe tôi. Nàng tuyệt nhiên không chú ý đến tôi. Nàng nhìn xuyên thấu qua tôi, rót đồ uống, bật tivi.

Đúng lúc đó chuông điện thoại reo. Nàng tới nhấc điện thoại.

Tôi thấy mặt nàng nhăn rúm. Nàng khóc đau khổ.

4. “CÁM TẠ”. Andrew Hunt.

Cái chân chiến vừa nhận ở quỹ từ thiện ôm khéo đôi vai lão, còn đôi ủng lão tìm thấy hôm nay trong thùng rác cũng không quá chặt.

Đồng lửa trên hè phố làm người ấm lên, khoan khoái sau cả đêm buốt giá... Vạt công mặt ghế công viên quá quen cái lưng già khó nhọc của lão.

“Ồn trời, - lão nghĩ, - cuộc sống quá tuyệt vời!”

5. “QUỲ MUỐN GÌ”. Bryan Newell.

Hai cậu bé nhìn quỳ sa-tăng dần mất dạng.

Ánh mắt thoi miên của nó vẫn làm đầu chúng choáng váng.

Này, nó muốn gì ở cậu?

Linh hồn tớ. Còn cậu?

Đồng xu gọi điện thoại công cộng. Nó cần gọi gấp.

Cậu muốn ta cùng đi kiếm cái gì ăn không?

Có chứ, nhưng tớ nhẩn túi rồi.

Lo gì. Tớ khỏi.

6. “VẬN RỦI”. Alan E. Mayer.

Tôi thức giấc vì cơn đau nhức toàn thân. Tôi mở mắt, thấy cô y tá bên giường mình.

Ngài Fudzima, - cô ta nói, - Ngài may mắn sống sót sau trận bom ở Hiroshima hai ngày trước. Nhưng hiện ngài đang ở bệnh viện, không còn gì đe dọa ngài nữa.

Thoi thóp, tôi thều thào:

- Đây là đâu?

- Nagasaki, - cô ấy đáp.

7. “SỐ PHẦN”. Jay Rip.

Chỉ một lối thoát, bởi cuộc đời chúng tôi đã dính vào mớ giận dữ và hoan lạc quá rồi rắm để quyết định mọi chuyện khác đi. Chúng tôi phò thác vào bốc thăm: sắp - chúng tôi sẽ cưới nhau, ngựa - chia tay mãi mãi.

Đồng xu được tung lên, keng một tiếng, xoay tròn rồi dừng hẳn. Sắp.

Chúng tôi định thần nhìn nó phân vân. Ngay lập tức cả hai đồng thanh: “Có thể tung lần nữa?”

8. “ĐI TÌM SỰ THẬT”. Robert Tompkins.

Cuối cùng, cuộc tìm kiếm của y kết thúc ở làng nhỏ hẻo lánh, u tịch.

Trong lều cũ nát, Sự thật ngồi bên đồng lửa. Y chưa thấy người phụ nữ nào già nua, dị dạng đến thế.

- Bà là Sự thật?

Mụ yêu tình nhân nhúm trịnh trọng gạt đầu.

- Bà bảo tôi phải nói gì với thế giới? Truyền đạt điều gì?

Bà già nhổ vào đồng lửa, nói:

- Cứ nói với họ là ta trẻ, đẹp!

9. “Y HỌC HIỆN ĐẠI”. August Salemi.

Ánh đèn pha chói mắt, tiếng ken két inh tai, cơn đau buốt thấu, sau là ánh sáng xanh da trời, ấm áp, quyền rũ. John cảm thấy mình hạnh phúc, trẻ trung, khoáng đạt, anh lao vào luồng sáng.

Cơn đau và bóng tối tràn dần tới. John tắt từ hế cặp mắt sung vũ. Toàn bông, gác, thạch cao. Hai chân không còn. Vợ khóc nức.

- Anh yêu, anh được cứu rồi!■

LÝ CHIÊM

Nguồn: fresher.ru, 21/3/2013.

VIẾT SEX HAY KHÓ LẮM

Sheba Karim, người biên tập cuốn Thuật giả kim: Sách gợi tình 2 của vùng Tranquebar, phần tiếp theo của cuốn Lòng vũ nhiễm điện, tuyển tập gợi tình đầu tiên được xuất bản ở Ấn Độ - là nhà văn chuyên sáng tác cho lứa tuổi thanh niên trở lên. Trước đây, bà từng hành nghề luật, rồi theo học chương trình Học giả Fulbright-Nehru để lấy bằng MFA trong lĩnh vực sáng tác hư cấu tại trại viết Các nhà văn bang Iowa (Hoa Kỳ). Dưới đây là phần trả lời phỏng vấn của bà về cuốn sách mình biên tập, cả về truyện ngắn của chính bà in trong đó.

- Điều gì hấp dẫn bà trong dự án này?
- Một trong những truyện ngắn của tôi đã được dùng trong tập đầu tiên của vùng Tranquebar, và tôi nghĩ sẽ rất vui, cũng rất bị thách thức nếu biên tập tập thứ hai. Tôi vốn thích nghề biên tập. Công việc đó có vai trò sống còn với các dự án kiểu thế này.
- Tiêu chuẩn chọn truyện phải là thế nào?
- Viết tốt, tất nhiên rồi. Và hiển nhiên là viết về sex. Nhưng sẽ dễ dàng hơn nhiều khi làm việc với các tác giả lớn, để tăng hay giảm liều lượng sex trong một tác phẩm, so với việc biến một tay bút dở thành một nhà văn.
- Theo bà, mục đích của văn học gợi tình là gì?
- Ồ..., thật rõ ràng- Để chiêu đãi, để tạo cảm hứng cho độc giả, hẳn rồi. Điều tôi cho là quan trọng để phân biệt chuyện gợi tình có là văn học hay không, ngoài việc liều lượng và mức độ miêu tả, còn là cách dùng sex để khám phá những khía cạnh khác nhau của bản chất và các mối quan hệ con người. Sau cùng, sex là động lực nguyên thủy của hành vi nhân loại. ấy thế mà rất nhiều nhà văn đã xấu hổ, không dám nhìn vào nó, điều đó khiến cho việc bổ sung nhánh đề tài này lại càng cấp thiết.
- Cuốn cẩm nang 50 bóng xám đã làm được gì theo hướng đó?
- Vâng, tôi nghĩ nó đã đại chúng hóa vấn đề. Có rất nhiều ý nghĩa từ sự xuất hiện của cuốn sách, và những người phụ nữ trước đây thường ngượng ngùng, e lệ khi nói chuyện sex, giờ đây đọc văn học gợi tình một cách thích thú. Tôi thực sự muốn nó đáng ra phải được viết hay hơn, bởi tôi nghĩ cần phải để lại những ấn tượng tốt đẹp hơn nữa về văn học gợi tình.
- Theo bà, văn học gợi tình khác gì với sách con heo?
- Khác nhau nhiều lắm. Thậm chí còn rõ ràng hơn khi so sánh hai thể loại tâm lý và khiêu dâm trong điện ảnh. Phim tâm lý dĩ nhiên cần có cốt truyện, nhân vật với những tính cách phân biệt, trong khi phim khiêu dâm chẳng có gì, ngoài những cảnh kích động. Nhưng văn học còn rộng lớn hơn nhiều với khả năng miêu tả tâm lý, sức chuyển hóa, và trường nhân vật, để dành đưa độc

giả vào thế giới tưởng tượng hấp dẫn. Như tôi từng nói đôi lần trước đây, cần phải dứt khoát loại trừ sự nhập nhèm khái niệm "văn học gợi tình viết dở". Phải gọi thẳng đó là loại sách con heo bệnh hoạn, chẳng đáng xuất bản, chứ đừng nói chữ "văn học" ở đây.

- Mạng Internet có giúp cải thiện cách tiêu dùng văn học gợi tình không, thưa bà?

- Chẳng lẽ lại có thứ gì đó Internet không làm thay đổi? Độc giả có thể truy cập văn học gợi tình mọi lúc, mọi nơi. Có cả tốt lẫn xấu cho mọi đối tượng. Bạn chỉ cần đánh một chữ "gợi tình", lập tức có cả đống có thể xem, đọc, cất giữ...

- Bà thích truyện nào trong tuyển tập này?

- Mọi truyện tôi đều thích, bởi đủ thứ lý do. Truyện **Matinee** của Mohan Sikka hay ở cách nắm bắt một sự thức tỉnh tình dục. **Người ngoại quốc** của Amitava Kumar thì đầy chất uy-mua. **Kính viễn vọng** của Lopa Ghosh lại trữ tình diễm lệ. **Chữ F dành cho lửa cháy** của Abeer Hoque thì miên man, trôi dạt...

- Theo bà, văn học gợi tình thì thuộc về lĩnh vực nào, xác thịt, quyền lực, hay giới tính?

- Thường thì cả ba. Thật khó tách rời chuyện xác thịt khỏi quyền lực và giới tính. Truyện ngắn **Cái miệng** tuyệt vời độc đáo của nữ nhà văn M. Svarini chẳng hạn, cả ba khái niệm đó cùng xảy ra theo cái cách bạn không thể hình dung nổi.

- Bà có thể nói gì về truyện ngắn **Năm tới ở Taj** của bà trong tập? Đó là tình yêu, sự mất mát, hay sự bóc lột?

- Khá buồn cười, nhỉ? Tôi dự định nó là câu chuyện về sự mất mát, để truyền đạt cái cảm giác khi Rahul quyết định trở về và "hạnh phúc như chưa từng" sau đám cưới, nhưng thực ra lại quá muộn. Tuy nhiên, tôi đọc được một số phản hồi của độc giả, họ nghĩ Rahul trở về và sẽ cứu thành công cuộc hôn nhân đã đổ vỡ, và tôi nhận ra rằng, mình đã viết truyện đó như một kẻ yếm thế. Có thể nhân vật chính sẽ có được "cái kết hạnh phúc", dù cả hai đều sẽ phải làm rất nhiều việc để vun đắp cuộc tình.

- Phải chăng truyện ngắn sẽ thích hợp hơn tiểu thuyết trong mảng đề tài này?

- Vâng, viết sex hay là rất khó. Do vậy, trong khía cạnh này, viết ngắn thì dễ hơn. Bạn sẽ phải đụng chạm rất nhiều đến việc chế ngự bản năng, để những thành tố khác như sự phát lộ tính cách, mạch căng của cốt truyện, những tình tiết tự sự... có chỗ khai triển. Nhưng nếu bạn có khả năng giải quyết tốt những điều đó, thì một tiểu-thuyết gợi tình ít nhất cũng thành công ngang với truyện ngắn, chưa nói là hơn.

- Bà nghĩ gì về văn học gợi tình?

- Tôi thực ra không bán khoán nhiều. Tôi chỉ viết những câu chuyện làm tôi hứng khởi. Và tôi dành sự phân loại cho những người khác.



- Bà có tin rằng những chuyện tục tĩu đang ngày càng được kính trọng hơn?

- Chà, tôi không có ý tưởng gì về "sự kính trọng". Nó nghĩa là gì nhỉ?

- Vậy từ những chuyện tục tĩu có thể lặng lẽ rút được ra điều gì hay ho không, thưa bà?

- Việc "rút ra" ấy thì sao phải "lặng lẽ"? Hợp kin thì vui sao được? Chẳng qua các bạn xấu hổ là vì các bạn không có khả năng tìm thấy cái chất liệu gây hứng khởi cho mình, không khao khát và nhập cuộc một cách khỏe mạnh đấy thôi. Nếu thực cái gọi là "khả năng được kính trọng" đem những truyện sex đến được với nhiều người hơn, thì nó thật đáng quý. Hãy cởi mở đi, là mình nhiều hơn, và bản năng lành mạnh được giải phóng sẽ cho bạn thêm sức sống.

- Nhưng văn học kiểu kinh điển cũng đang đến khúc quanh tuổi, gợi. Bà nghĩ sao?

- Một trong những loạt truyện thích thú đầu tiên đối với tôi là **Người đẹp ngủ** của A.N. Roquelaire (tên thật là Anne Rice). Tôi nghĩ sẽ rất hay nếu văn học Ấn Độ kiểu truyền thống tiếp tục theo cách đó. Thật kỳ lạ, lãng mạn, và đầy chất sinh sắc giới.

- Bà có tin vào những dự luật chặt chẽ cho thể loại văn học này?

- Tuyệt đối không. Làm gì có chuyện những sáng tạo lại bị dìm lấp hay kiểm tỏa chặt chẽ.

- Theo bà, Ấn Độ đã thực sự sẵn sàng cho văn học gợi tình?

- Đã rất sẵn sàng. Hàng nhiều thế kỷ trước rồi kia. Khi những ngôi đền Khajuraho được dựng lên, hàng nghìn bài thơ và bức tranh đã được sáng tác. Chúng ta có truyền thống dài và sống động về những tác phẩm "tục" bên cạnh "thanh". Có thể nói, về văn học gợi tình, chả có gì là quá mới hay gây sốc đối với người Ấn Độ được nữa, những người biết rõ lịch sử và bản chất dân tộc mình qua hàng nhiều nghìn năm tồn tại.

- Xin cảm ơn nhà văn.■

ĐÀM NGỌC XUYẾN
theo Thehindu.com

Người đàn ông già nua

Chào mừng

Chỉ vì một ngày thôi
- cái ngày duy nhất ấy
Tôi sinh ra xứng đáng làm người.
Khi tôi biết yêu
Còn họ yêu tôi không, tôi không hỏi.
Chỉ ngần ấy thôi trong cuộc đời này
Tôi khỏi rơi vào không cùng vực thẳm
Chỉ vì một ngày ấy
Cái ngày duy nhất đó
tôi sinh ra xứng đáng trên đời.

Ông ta sống tội nghiệp
Như ngôi nhà trống không
Cứ coi chừng từ phía
một mình ông lặng thẳm.
Chủ nhà thật hà tiện
Cánh cổng không cho làm
hai cửa sổ tạm bợ
Dán bằng giấy mỏng tang.
Nhìn thấy mà sợ hãi
Đường giết mình chạy đi
Ngón ngoèo về đâu hời?
không ai, buồn nào nề
Cứ chờ hoài, chờ mãi
Cái cổng mở, đâu rồi?

Nếu mặt trời chiếu lên đồng cỏ

Nếu mặt trời chiếu lên đồng cỏ
Chiếu vào trung tâm vào giữa

mênh mông

Các bạn ơi đi thôi cả lũ
Đem theo đồ chơi, trái bóng tròn
Ta hãy tìm nơi mà giăng bẫy
Vun vút ngọn roi quất chuốt đồng.
Buổi tối quây quần trên đồng cỏ
Ngồi vào, đi vào giữa trung tâm
Ta hãy tìm vàng nàng tiên để lại
Khi đêm về tối đen
Giò bác thổi ào ào mặc kệ
Giấc mơ trở về ta ngủ yên.

Nếu thế giới này là con chim sẻ

Nếu thế giới này là con chim sẻ
Trong tạp dề em, nó hát ca
Đem lẫn ngày nó đều làm thế
Nó là con chim sẻ thôi mà.
Thế giới này nếu là con chim sẻ
Tạp dề em bé quà không vừa
Em lấy đầu ra tạp dề như thế
Chứa thế giới này con chim sẻ đơn sơ?

VŨ NGỌC CĂN
dịch và giới thiệu

MỖI TUẦN GẶP MỘT NHÀ VĂN

Nhà thơ Anh Vũ sinh năm 1943, quê Trang Liệt - Đông Quang - Từ Sơn. Bắc Ninh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. Đã công tác qua ngành giáo dục, văn nghệ tỉnh Hà Bắc. Có thơ in báo từ năm 1966. Ngoài làm thơ còn nặn tượng, vẽ tranh, viết truyện thiếu nhi, biên khảo...

Tác phẩm chính: Miền quê Quan họ (thơ, in chung 1983), Quan họ ra nguồn (trường ca, 1984), Lục bát bằng quơ (thơ, 1990). Đồi mười quan họ (thơ, 1986), Gốc cón (thơ, 1997), Đồng hành (thơ, in chung 2002), Vệt chân chim (thơ, 2003), Lòng chào khác (trường ca, 2008), Ba sáu và một (thơ, 2012), Tỉnh chợ tỉnh (thơ, 2012), Mặt trời trắng (trường ca, 2012)...

Giải thưởng cuộc thi viết về rừng của Tổng cục Lâm nghiệp - và Hội Nhà văn năm 1970. Giải Ba Bộ Quốc phòng (2009) với trường ca Lòng chào khác.

ĐÔI CÁNH THƠ ANH VŨ

NGUYỄN THANH KIM



BÂY giờ tôi và vợ con đã chuyển về Hà Nội, nhưng trong tất cả các bạn viết ở Hà Bắc, người tôi không thể quên được đó là nhà thơ Anh Vũ. Nhớ giọng đọc thơ cất vang như muốn dồn hết hồn vía vào câu chữ, nhớ mái tóc dày hoa râm buồng xỏa ngang vai nhưng vẫn để lộ khuôn mặt hiền, nhớ cái dáng đi đứng tạc tượng, người trắng đằm bụi thạch cao mà tiếng cười sáng trưng góc vườn, ấy ai cuối bộn cười vang nhất. Nhớ, nhớ lắm.

Thị xã Bắc Ninh những năm 1958-1959 thật yên tĩnh. Người vào hợp tác xã, ăn gạo sổ và thực phẩm thì đều tem phiếu. Tôi quen Anh Vũ từ cái thuở mặc quần đùi chạy ra phố. Mê anh đến mức, tôi góp tiền mua từng thếp giấy men để anh viết từng chương hồi theo kiểu kiếm hiệp Lý Ngọc Hưng - những tác phẩm thịnh hành hồi đó. Mẹ mất sớm, hai anh em ở với bố. Nhà khó, anh ngồi dệt vải nhưng mắt không lúc nào rời những trang sách. Anh Vũ thích nhất là thơ Nguyễn Bính và Yến Lan. Cái man mác, dịu ngọt của giọng điệu quê mùa thấm vào anh - một cậu bé theo bố từ vùng quê Từ Sơn lên thị xã nhỏ bé, có lẽ hợp với với cách cảm của anh hơn cả... Và tôi cũng lấy máu của anh. Sợ gì, tôi cũng làm thơ...

Bằng đi một thời gian dài, tôi không gặp anh. Anh đi học trung cấp sư phạm mỹ thuật Hà Nội. Ra trường, anh được phân công dạy họa ở trường sư phạm Hà Bắc. Còn tôi thì học trung cấp vật tư Hà Tây. Thỉnh thoảng, Anh Vũ có viết thư cho tôi. Những bài thơ đầu tiên: Gửi Yến Thế, Gắn nhau trong mùa hạ quê hương, Dáng núi... với sự non nớt, phập phồng câu chữ ban đầu được in trên tập san của Ty văn hóa Hà Bắc, phần lớn là nhờ Anh Vũ động viên tôi sáng tác. Chiến tranh phá hoại của Mỹ ngày càng lan rộng ra miền Bắc. Cái thị xã vốn đã vắng vẻ lại càng điêu hiu hơn. Không một ánh lửa, người thị xã sơ tán về các vùng lân cận. Cái địa chỉ số nhà 50 - Nhà Chung - thị xã Bắc Ninh - nơi Anh Vũ ở là địa chỉ tin cậy của chúng tôi những năm tháng ấy. Đỗ Chu từ Hà Nội về, Trần Ninh Hồ từ Ty văn hóa xuống, Trần Anh Trang từ trường địa chất sang... Vui và hồ hởi khi gặp nhau. Mừng lắm khi Phù sa, Trong những món ăn truyền lại, Tỉnh biển cả... được in và trao giải văn nghệ. Lại nhớ giọng đọc thơ của Anh Vũ mà da diết nhớ quê:

Bánh đa quà của mẹ

To hơn cả vắng trắng
Cánh mỏng con chuồn chuồn
Cũng đập vào nỗi nhớ

(Khi đã thành kỷ niệm)

Có lẽ tôi và Anh Vũ gần nhau hơn cả khi tỉnh Hà Bắc thành lập Ban trụ bị Hội Văn nghệ do Ngô Thực khởi xướng. Chúng tôi vừa là anh em, vừa là đồng nghiệp của nhau. Anh Vũ là trưởng ban biên tập tạp chí Văn nghệ Kinh Bắc. Do sáng kiến của phó chủ tịch Hội Ngô Thực đổi với lấy giấy nên hội làm được khá nhiều việc. Sách của nhà văn Đỗ Chu, Nguyễn Phan Hách...ra được. Rồi lần lượt Anh Vũ, Duy Phi, Đỗ Nhật Minh và tôi cũng dẫn được "trình làng" những ấn phẩm đầu tiên của mình. Riêng với Anh Vũ, trước khi về hội là lặn lội hơn cả. Có người gặp Anh Vũ cười dễ nhận ra cái răng khuyết nơi cửa miệng trông thật ngộ! Hồi thì anh không nói. Có người bạn văn "bịa" ra Anh Vũ gãy răng là do trồng cây chuối để tìm cảm hứng xuất thần trong thơ! Đó là chi tiết đùa vui chứ thực ra không phải thế. Chuyện kể về Anh Vũ thì nhiều nhưng riêng tôi là người gần với Anh Vũ lâu nên biết sự thể như thế này. Hồi Mỹ leo thang ra miền Bắc, hoạt động giao thông chủ yếu về đêm, không một tàn lửa nhỏ hắt sáng. Nhà thơ Anh Vũ đạp xe từ Bắc Giang về Bắc Ninh. Đi qua vùng Sen Hồ, mùa này sen cũng đang nở rộ, hương sen ngầy ngất lan tỏa khắp mọi vùng hồ. Vốn bản tính ưa mơ mộng và chất thi sỹ trong anh trỗi dậy, tâm trí anh miên man mê đắm trong làn hương kỳ ảo ấy thì chiếc xe đạp anh vấp phải hòn đá, nên xảy ra nông nỗi ấy. Sau này khi kiểm lại thì khuyết cái răng nơi cửa miệng để lại nét cười duyên của "Vũ sút răng" theo cách đùa của bạn bè. Thế đấy, lỗi ấy chỉ tại làn hương sen bên hồ...

Vượt lên gian khổ đời thường, anh vẫn lặng lẽ viết, những trang tiểu thuyết Ấp Suối Lửa của Anh Vũ cứ dày lên dần và hàng trăm bài thơ ngắn ngọn chất sống mang đậm giọng điệu anh chẳng lẫn vào đâu được.

Dây phanh thì đứt, mòn dép lốp
Đường xa sơ tán khô màu rơm

(Đường xa)

Quả nhiên, trời không phụ công người. Anh Vũ được giải thơ Lâm nghiệp (giải A) do Bộ Lâm nghiệp và Hội nhà văn tổ chức. Rồi chùm thơ Rừng được in ở tạp chí Tác phẩm mới được bạn đọc yêu thích:

Đi trong cây thấy thừa mũ nón
Mưa dạt trên đầu, mưa cũng mỏng
Cái nắng nóng thành nắng xanh veo
(Chơi với với rừng)
Cái màu đen nặng như đá - em biết
Chỉ màu vàng như tiếng gà trưa
Màu đỏ ấm như là hạt thóc
Màu của tiếng suối, của bóng hoa
(Màu xanh của em gái núi)

Rồi trường ca Quan họ ra nguồn, Đồi mười quan họ, Gốc cón, Lòng chào khác... liên tiếp ra đời khẳng định một giọng điệu Anh Vũ chầm bập, thiết tha đậm phong vị Kinh Bắc tài hoa. Thơ mỗi người một vẻ - nhưng theo tôi có hai nhà thơ tiếp nhận được hơi hướng quan họ huê tình, đằm đuối và đậm chất Kinh Bắc hơn cả là Hoàng Cầm và Anh Vũ ... cả hai khối tình ghen và căm này làm phong phú hơn trong tiếp cận văn hóa quan họ đều không thể bỏ qua được.

"Thi trung hữu họa" (trong thơ có họa), không hiểu Anh Vũ trong ngôn từ không đủ diễn đạt được ý tứ của anh mà tìm đến ngôn ngữ của khối hình, đường nét, của đất, đá, thạch cao... Điều này với tôi, người gần bó với anh lâu, không lạ lắm!

Vườn tượng của nhà thơ - nhà điêu khắc Anh Vũ được hình thành tọa lạc trên một sườn đồi trung du xum xuê hoa trái, cách đường cao tốc không xa, mấp mé địa giới thành phố Bắc Giang đang mở rộng.

Gần như sự ước hẹn, cứ ngày nghỉ cuối tuần có dịp, tôi lại về đây. Về để thả hồn trong bóng trưa tĩnh lặng, để người bớt những bận rộn thị thành. Về để ngắm nhìn dáng nhà thơ thắm đằm bụi đất cát, bụi xi măng, thạch cao. Về để cảm nhận sáng tạo điêu khắc biến hóa trong những khối âm khối dương...

Chơi với Anh Vũ bao năm, tôi biết, với anh những động cựa của văn của chữ trên những trang sách mở chưa đủ. Còn phải là những khối những hình hiện hiện trong gỗ đá, nhôm, đồng và nhất là đất nung.

Khuất nẻo đầu đó là tượng Chí Phèo - Thị Nở, mẹ Đốp, Thị Mầu... với nét cười tươi tắn của cách điệu dân gian. Góc vườn kia nhón nhơ chú Cóc gốm sành qua ngàn độ lửa lên màu men da lươn ngựa mặt nhìn giới. Vòng tròn cá chép hóa long bay lên như một đài phun nước với lũ ếch, nhái, cá sấu, châu tuần. Bên tượng còn hừng hực ánh lửa chín, có

tượng mốc mác rêu phong mưa nắng, hàng trăm pho tượng từ những chất liệu vô tri vô giác trở thành những hình hài sống động, qua bàn tay, khối óc sống động của nhà nghệ sỹ.

Được biết chủ nhân của vườn tượng này từng kỳ công tô điểm cho cơ ngơi của mình hàng mấy chục năm ròng. Anh nghèo thì lấy công tích tụ làm vốn. Dần dà mỗi ngày một tỷ, anh kiếm tìm từng cây lạ, từng phiến đá, từng cổ vật trôi nổi để làm phong phú cho khuôn viên. Ngoài những tác phẩm mỹ thuật của vợ, các con trai, gái và bạn bè, bản thân nhà thơ Anh Vũ cũng từng ngày sáng tác tự làm giàu cho khoảng vườn tượng đã trở nên mỗi ngày mỗi chật.

Điều khắc Anh Vũ gắn liền với tình hoa truyền thống văn hóa xứ Kinh Bắc. Con người chân chất của anh đắm mình trong đời sống thôn dã nên có nhiều dịp thăng hoa trong sáng tạo nghệ thuật. Tâm hồn giàu chất nghệ sỹ ấy đã thấm vào cổ cây hoa lá với những khối hình sống động khiến cho vườn tượng hài hòa cảnh sắc, đậm triết lý nhân sinh. Khi tôi lên thăm, anh còn mãi cùng con trai cả, cũng là một nhà điêu khắc trẻ, đắp đất xây lò nung gốm nghệ thuật. Ngoài ra thì lo đục, đắp tượng và sửa sang nhà, vườn... là công việc thường xuyên.

Vườn tượng Anh Vũ không chỉ thanh khiết và nuôi dưỡng tâm hồn anh mà còn lan tỏa cùng những ai từng đến đây, chiêm ngưỡng và bầu bạn. Công trình xếp đặt nghệ thuật, theo tôi là một sáng tạo gắn kết với thiên nhiên trong một tổng thể cảnh quan khép - mở và buồng lơi.

"Xuân lan thu cúc, cảnh vật minh hy
Văn phủ thư thành, thanh phong
nguyệt bạch"

(Xuân lan thu cúc, cảnh vật sáng sủa
hy vọng)

Chốn văn nhà sách, gió mát trăng
trong)

Ấy là đôi câu đối cổ, chả hiểu chủ nhân vườn tượng sưu tập được ở đâu. Và cái nền sơn then đen mờ mờ kia tự đứng thành một dấu nhấn đặc địa chỗ Hiên Không cuối vườn tiếp bạn gần xa này. Ý nghĩa của từng nét chữ thiếp vàng bạc cổ nhân gửi lại, hình như riêng cho vườn tượng là lũ tượng vườn lồ lộ đó đây kia...■

MỖI TUẦN GẶP MỘT NHÀ VĂN

Hồng Thanh Quang, tên khai sinh là Đặng Hồng Quang. Sinh năm 1962 tại Hà Nội. Quê quán: Nguyễn Hòa, Phú Cù, Hưng Yên. Tốt nghiệp kỹ sư vô tuyến điện tại Liên Xô năm 1986. Cử nhân báo chí. Từng là phóng viên tờ tin Binh đoàn Tây Nguyên (1987 - 1988) và báo Quân đội Nhân dân (1988 - 2002). Từ tháng 12/2003, là phóng viên báo An ninh Thế giới và báo Công An Nhân dân. Hiện là Đại tá An ninh Nhân dân, Phó Tổng biên tập Báo Công an nhân dân - chuyên đề An ninh thế giới. Đã xuất bản trên 10 tập thơ và sách dịch.

Giải thưởng cuộc thi thơ do tạp chí Văn nghệ Quân đội tổ chức năm 1998 - 2000. Bằng khen về các tác phẩm dịch thơ Nga - Xô viết do Trung tâm hợp tác Quốc tế về khoa học và văn hoá trực thuộc chính phủ liên bang Nga trao năm 2001. Giải thưởng Nguyễn Cảnh Toàn năm 2008.



“MỘT MÌNH TA ĐÃ QUÁ CHẬT TA RỒI”

TRẦN VŨ LONG

C ŨNG không rõ lý do gì mà tôi đã nghĩ ngay đến cái tên Hồng Thanh Quang, khi lên kế hoạch chuẩn bị bài cho số kỷ niệm ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6). Xét về khía cạnh thơ ca thì anh cũng chẳng phải là nhà thơ tài năng thực sự xuất sắc. Xét về khía cạnh báo chí thì cái tên Hồng Thanh Quang cũng chẳng có gì quá nổi trội. Xét về quan hệ thì anh với tôi cũng chỉ là biết mặt biết tên nhau mà thôi, chứ chưa một lần ngồi trò chuyện. Mà, các nhà văn nhà thơ đi làm báo ở nước ta có nhiều, thậm chí là rất nhiều. Nhưng rõ ràng, cho dù ở lĩnh vực văn chương hay báo chí, dường như Hồng Thanh Quang đã làm cho công chúng không lãng quên cái tên của mình. Dẫu không quá nổi tiếng, nhưng anh cũng đã tạo dựng được uy tín, xác lập một chỗ đứng riêng cho mình để không bị trộn lẫn. Vậy có nghĩa là anh có những đóng góp nhất định trong cả lĩnh vực văn học và báo chí, để được công chúng nhớ đến. Thiết nghĩ đó cũng là thành công đối với người cầm bút.

Cách đây khoảng 20 năm, tôi đã có ấn tượng về nhà thơ Hồng Thanh Quang. Sự ấn tượng không phải vì những bài thơ, bởi thú thực khi đó tôi cũng chưa đọc thơ của anh. Tôi ấn tượng với anh trong vai trò làm người dẫn chương trình cho các sự kiện văn hoá nghệ thuật. Trong cái ấn tượng ban đầu đó của tôi về Hồng Thanh Quang, vừa có mặt tốt lại vừa có mặt không tốt. Nói ra điều này có thể Hồng Thanh Quang sẽ chạnh lòng hoặc ai đó không đồng tình nhưng đó thực sự là cảm nhận của tôi về một góc nhỏ của anh từ 20 năm trước. Điều mà tôi không thích lúc đó là cái giọng nói của anh, hình như nó không được truyền cảm cho lắm trong vai trò người dẫn chương trình. Có lẽ do chất giọng hay tại vì âm lượng mà anh phát ra to quá, nhanh quá khiến cho tôi cảm thấy vậy chăng. Nhưng ngược lại tôi thấy anh có cách dẫn dắt nhiệt huyết, ngẫu hứng, linh hoạt, sắc sảo của một người thông minh và am hiểu. Còn bây giờ, cũng lâu quá rồi tôi không được nghe anh dẫn chương trình. Hồng Thanh Quang giờ đã là đại tá, Phó tổng biên tập báo Công an Nhân dân, với bộn bề công việc của mấy tờ báo, chẳng có thời gian đâu để nghĩ đến chuyện lúc nào đó sẽ lên sân khấu dẫn chương trình. Hoặc cũng có thể với cương vị hiện tại anh sẽ cảm thấy ngại khi làm công việc đó. Nhưng, trong thâm tâm tôi nghĩ rằng Hồng Thanh Quang vẫn yêu thích công việc làm MC. Có lẽ, anh đã từng nghĩ về điều đó khi đang mơ màng ngồi trên chiếc ghế bành của ông phó tổng biên tập.

Con phố Yết Kiêu, nơi mà toà soạn báo Công an Nhân dân tọa lạc, đối với tôi cũng không có gì lạ lắm, bởi tôi và một số anh em bạn bè vẫn thường hay lang thang cà phê, chè chén trên con phố này. Cũng chính vì thế mà ngôi nhà cổ được xây dựng từ thời Pháp, mang số 100 tròn trịa, nơi mà Hồng Thanh Quang đang giữ trọng trách Phó Tổng biên tập, cũng không có gì xa lạ với tôi. Nghe kể, ngôi nhà đó trước đây vốn là của gia đình danh họa Tô Ngọc Vân, Chỉ cách đó mấy nhà là ngôi nhà của gia đình một con người tài hoa khác, đó là nhà thơ, nhạc sĩ Văn Cao, cha đẻ của bài quốc ca.

Sau khi đi qua các tầng dưới được treo rất nhiều

tranh, tạo cảm giác như bước vào một gallery đầy màu sắc, bước chân lên đến tầng bốn, cũng là tầng trên cùng của ngôi biệt thự cổ, nơi có phòng làm việc của Hồng Thanh Quang, dường như không khí tĩnh lặng thể hiện trong những gam màu sắc được trải lại như về vốn có của ngôi nhà.

Hồng Thanh Quang quê gốc ở Hưng Yên, nhưng anh lại được sinh ra và lớn lên giữa trung tâm phố cổ Hà Nội. Đó là phố Hàng Đào, một con phố buôn bán sầm uất bậc nhất của khu 36 phố phường. Chính vì vậy mà ta dễ dàng thấy được hình ảnh của phố thị hiện lên rất rõ trong thơ anh, kèm theo chút hào hoa lãng mạn của chàng trai Hà Nội. Hồng Thanh Quang sinh ra trong một gia đình có bố là bộ đội, mẹ làm công nhân. Cuộc sống gia đình cũng khá vất vả. Cái tổ chức lơ lơ, mơ mơ của một thi sĩ đã bộc lộ trong con người anh ngay từ nhỏ. Chính vì vậy mà Hồng Thanh Quang đã bị chúng bạn cho là khác người. Cậu bé Hồng Thanh Quang không ham những trò chơi bình thường như chúng bạn khác, mà chỉ suốt ngày ngồi mơ mộng và chúi đầu vào những trang sách. Anh vẫn còn nhớ như in cái tủ sách nhỏ xinh của mình hồi bé. Đó chính là vật dụng đầu tiên trong cuộc đời, thuộc quyền sở hữu của anh. Cái tủ sách đó được mua từ những đồng tiền lẻ mẹ cho mà anh đã dành dụm. Ngay từ khi còn là một cậu học trò, Hồng Thanh Quang đã có những câu thơ tình như thế này: *"Ngang vai tóc thả mượt mà/Nhìn ai ánh mắt thoảng qua nét cười?/Địu dằng khê mim bờ môi/Chắc em không biết có người hôn em!"* Thử hỏi các bậc phụ huynh khi đọc được những câu thơ tình được viết từ thẳng con trai đang tuổi thiếu niên của mình, sẽ cảm thấy thế nào nhỉ. Tá hỏa. Long óc. Chắc chắn rồi. Nhưng bài thơ đó đã được ra đời ở hoàn cảnh vô cùng dễ thương và hồn nhiên của một cậu bé sớm đa tình. Đó là khi cậu bé Hồng Thanh Quang nhận được một tấm ảnh chân dung của cô bạn học cùng trường mà cậu mến mộ. Vậy là chút tình cảm với người con gái bấy lâu như có một chiếc chìa khoá mở cửa cho những cảm xúc được thể hiện, nhưng cũng chỉ dành riêng cho mình mà thôi. Hồng Thanh Quang cũng từng nói, dường như trong anh luôn tràn ngập những ý thơ, chỉ chờ có một tác động tình cảm nào đó là những câu thơ sẽ được vang lên, đôi khi nằm ngoài ý muốn của mình.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Hồng Thanh Quang thi vào trường Đại học quân sự và đủ điểm đi học ở Liên Xô, chuyên ngành vô tuyến điện. Học xong, về nước, Hồng Thanh Quang làm phóng viên cho tờ tin tức Binh đoàn Tây Nguyên. Chỉ một năm sau anh về công tác tại báo Quân đội Nhân dân. Năm 2003, Hồng Thanh Quang chính thức chuyển sang báo An ninh Thế giới, sau một thời gian dài cộng tác. Hồng Thanh Quang còn tham gia cộng tác với nhiều báo và đã để lại những dấu ấn đáng ghi nhận: báo *Văn nghệ Trẻ*, báo *Hoa học trò*, làm MC cho các chương trình truyền hình, đặc biệt có thời gian dài anh dẫn chương trình cho chuyên mục Câu lạc bộ người yêu thơ của VTV. Thỉnh thoảng, ta lại thấy Hồng Thanh Quang xuất hiện trên truyền hình với tư cách là khách mời hay thành viên ban giám khảo một cuộc thi nào đó. Vậy là với tấm bằng tốt nghiệp ngành

vô tuyến điện loại ưu đã chẳng thể níu chân anh khi rẽ sang ngã khác với những con chữ. Hồng Thanh Quang bảo, tất cả những người bạn cùng học nghề vô tuyến điện với anh đều vô cùng giấu cổ. Nhưng anh đã không nhầm khi chọn con đường chữ nghĩa này, bởi anh đã được làm công việc mà mình yêu thích, cuộc sống vật chất cũng chẳng đến nỗi nào.

Có thể nói, Hồng Thanh Quang là người của công việc. Anh suốt ngày giam mình trong phòng và ôm cái màn hình vi tính. Dường như với anh được đắm mình trong những trang sách, lướt mười đầu ngón tay trên bàn phím máy vi tính để phiêu du cùng những con chữ của mình đó là niềm đam mê bất tận. Trung bình mỗi ngày anh viết hơn 1000 chữ. Nói như nhà văn Hữu Ước, Tổng biên tập báo Công an Nhân dân: "Hồng Thanh Quang là người viết khoẻ nhất, đa năng nhất, viết mọi thể loại, mọi lĩnh vực". Hồng Thanh Quang bảo, anh đam mê và đắm chìm trong những con chữ một phần là do công việc phải làm nhưng điều quan trọng hơn là anh muốn được "phát tán" những tình cảm, ý tưởng, suy nghĩ của mình đến với người đọc. Chính vì vậy mà dường như viết bài cho báo thôi chưa đủ, anh còn viết cả blog, viết facebook. Khi nghe tôi hỏi đùa: "Anh phát tán những con chữ của mình nhiều thế, nhanh thế, không sợ lây lan thành đại dịch sao?" Anh ngó thẳng lưng, khua tay rất rộng, rồi lại đưa tay hất lộn tóc xoắn vừa kịp rơi xuống chiếc kính cận vuông cạnh, ánh mắt nhìn thẳng, cái volume như được kích to lên một tí, rồi tươi cười bảo: "Tôi luôn tự biết, nghề báo là nghề có khả năng gây ngộ sát cao. Nếu nhà báo không ý thức được điều đó, mà cho rằng công việc của mình có một quyền năng để ban phát, quyền năng để soi rọi, thì mức độ và tần suất ngộ sát là rất lớn. Tôi nghĩ khi làm bất cứ một công việc gì, chẳng riêng gì viết báo, chúng ta với tư cách là những người tử tế đều muốn làm những việc tử tế nhất cho cuộc đời này. Mặc dù vẫn biết thời bây giờ sống làm người tử tế khó lắm. Bởi tôi đã bị ăn đòn nhiều vì sự vô tư và sự tử tế". Anh là người biết tự cân bằng, nếu không sẽ thật khó sống, khi mà cuộc sống này giống như cái đu quay cứ quay tít thò lò mà chẳng có một cái cột mốc nào để ta định hướng, đôi khi khiến cho chúng ta cảm thấy hoang mang. Trước mọi sự bon chen của cuộc đời, Hồng Thanh Quang luôn đứng lùi lại phía sau. Hồng Thanh Quang giờ đây đã bước qua cái tuổi tri thiên mệnh, nên điều quan trọng đối với anh là được sống là chính mình trong mỗi thời khắc của cuộc đời này. Hồng Thanh Quang bảo, mình có ăn non hơn người khác một chút cũng chẳng sao, còn hơn phải ăn non người nhưng vượt quá năng lực của của mình. Điều đó sẽ giúp cho tâm mình luôn thoải mái.

Hồng Thanh Quang đã từng được bạn bè cùng trang lứa xem như là một biểu tượng sẵn sàng hy sinh tất cả vì tình yêu. Cái biểu tượng đó đã được minh chứng bởi chính cuộc đời anh và cả thơ của anh. Ai cũng biết anh đã từng là chồng của một ca sĩ danh tiếng, đó là NSND Lê Dung. Để có được tình yêu đó, cả hai người phải hy sinh và vượt qua rất nhiều khó khăn để đến được với nhau. Đối với Hồng Thanh Quang thì tình yêu đó giống như một lễ hội. Thiết nghĩ, với một thi sĩ đầy nhiệt huyết

TRÒ CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

VIẾT VĂN MÀ “LÀM VĂN” QUÁ LÀ... PHẢN VĂN

Nói đến nhà văn Trung Trung Đỉnh, không khác được, đọc giả lại nghĩ ngay đến nhà văn chuyên viết về đề tài chiến tranh. Không chỉ Lạc rừng, Lính trận mà cả những tác phẩm viết về đề tài hậu chiến của ông như: Ngõ lõ thủng, Sống khó hơn là chết, Tiễn biệt những ngày buồn... những kỉ niệm về chiến tranh vẫn như là một vết cứa trong lòng của những người đang sống. Chiến trường, sự sống, cái chết, những mất mát và cả niềm hạnh phúc đã “tối luyện” ngòi bút của ông. Viết như một sự thôi thúc, một sự trả nợ những tháng năm tuổi trẻ đã qua, và cũng có lúc viết là để “tiễn biệt những ngày buồn”, văn của ông luôn trĩu nặng những trăn trở về cuộc đời, về phận người, và có sức ám ảnh kỳ lạ.

- Thưa nhà văn Trung Trung Đỉnh, đọc các tác phẩm của ông, có thể thấy rõ một điều rằng, phần lớn các tác phẩm của ông đều viết về người lính trong chiến tranh hoặc trong thời bình. Ta có thể gọi chung đó là mảng đề tài chiến tranh. Và, nếu thiếu đi mảng đề tài đó liệu có đủ làm nên một cái tên Trung Trung Đỉnh không thưa ông?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Bạn hỏi vậy thì cũng giống như hỏi bác nông dân, bác ơi, nếu không trồng lúa trồng khoai thì bác có được gọi là nông dân không ạ. Hay, nếu nghề nông không trồng lúa trồng khoai thì có làm nên cái tên tuổi của ông nông dân không ạ?

Tóm lại là: Tôi không có ý định chọn đề tài mà để tài nó chọn tôi. Cũng như nghề nông nó chọn bác nông dân, chứ bác ấy không chọn cái nghề đã “mặc định” vào thân phận bác ấy! Lẽ dĩ nhiên rồi. Cái số là thế, hay cái “nghịch” cũng là thế.

- Trong tác phẩm của ông, hình ảnh người lính trong chiến tranh luôn rần rở, mạnh mẽ không sợ gian khổ, hỗn loạn, nhưng người lính trở về với thời bình lại có gì đó mong manh trước những thử thách của cuộc sống. Họ có phải là những người lính đi lạc trong thời bình hay không thưa ông? Hay phải chăng đã có sự thay đổi chút gì đó trong sự thay đổi ý thức hệ của nhà văn?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Chính cuộc sống đã thay đổi “ý thức hệ” cho tôi. Cuộc chiến quá ác liệt, quá cam go, nhưng đó là cái ác liệt cái cam go mà thằng lính như tôi đều đã được rèn luyện, trải qua cả sống và chết nhưng nhất định... phải sống và chiến đấu để tồn tại. Còn hoà bình, người lính từ trong cuộc chiến ra, từ trong rừng ra, trăm anh mới có một vài anh tỉnh táo, nhưng “kỹ năng sống” nói như cách nói bây giờ, dù bản tính có lành lặn thì đa số đều vẫn thuộc dạng ngu ngơ. Tôi nhớ hồi mới giải phóng, ở Đà Nẵng, một hôm tôi được mấy anh bạn dân thành phố rủ đi uống cà phê, hẹn tới quán Trà Mi. Tôi xúng xính đi tới quán, về khá sành điệu: cùng quần áo tóc hơi dài, dép sa-po cao cao, cũng đeo mắt kiếng tay cầm cuốn sách dày cộp vào quán ngồi đợi bạn. Cũng lặng lẽ chọn chỗ khuất, mở sách ra đọc như ai, thế mà bà chủ quán bảo với cô tiếp viên: “Mi đem cà phê ra cho chú bộ đội kia đi chờ, rằng để chú ngồi chát ngất vậy”. Tôi hơi ngượng và cũng tạm nhận ra, dù có mặc gì, diễn vai gì thì cái “chú bộ đội” trong tôi nó cũng chia ra trước mắt người ta, không giấu được. Thế rồi biết mình là ai để tôi cũng phải lao vào cuộc chiến đấu với cơm áo gạo tiền lương bổng. Và phải sống. Cũng phải dựng vợ gả chồng nuôi con thơ, xuôi ngược mới có cái ăn cái mặc...Quá trình ấy trui rèn anh ta và anh ta dần dần nhập cuộc, dù “sống khó hơn là chết” nhưng cũng phải “Tiễn biệt những ngày buồn” trong cái “Ngõ lõ thủng” ấy thôi..

- Ông có thể đánh giá một cách khái quát về thân phận người lính trong tiểu thuyết của mình: từ Ngõ lõ thủng, Ngược chiều cái chết, Tiễn biệt những ngày buồn cho đến Lạc rừng, Lính trận?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Đã là lính thì thân phận tất nhiên là hẩm hiu rồi. Chẳng thấy có anh nào khờ khạo một tí. Trong chiến tranh thì lạnh lợi giỏi giang, cứ tưởng hoà bình sẽ oách hơn, khờ hơn một tí, ai dè cuộc sống



luôn luôn “chơi quạ ác” với anh ta. Đi đâu làm gì cũng thấy anh ta lóng ngga long ngóng vụng về “như bò đội nón”, nhưng lại cứ hay...tinh tướng. Thua là cái chắc.

- Có người bảo văn học thời chống Mỹ giống như một đàn đồng ca, ca ngợi cái ta mà thiếu đi cá tính của cái tôi trong sáng tạo nghệ thuật. Ông nghĩ sao về điều này?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Tôi nghĩ có lẽ nói như vậy cũng không sai, nhưng nếu chỉ có nói một vế như thế thì là nói lấy được. Hãy đọc “Sen trong đồng” của Nguyễn Thị đi. Hãy đọc thơ của Thanh Thảo hồi còn ở trong rừng “Những người lính nói về thế hệ mình” đi. Hãy đọc những cuốn sách viết về chiến tranh sau chiến tranh của thế hệ chống Mỹ như “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh. “Bến không chồng” của Dương Hương đi. Đây là ví dụ thôi, họ viết thoải mái tự nhiên trong “cái ta” đó cũng có khối “cái tôi” đấy ạ.

- Các cụ nhà ta vẫn có câu “văn là người”, theo ông điều này có đúng không? Văn chương của ông và con người ông có giống nhau không?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Đúng mà không đúng. Giống mà không giống. Ấy là đúng và là giống vậy.

- Theo ông văn chương có chủ nghĩa không (hiện đại, hậu hiện đại, tân hình thức...)? Điều cốt tử của một nhà văn và của một tác phẩm văn học là gì?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Ô, sao mà bắt bớ nhau vậy? Các cái chủ nghĩa là do các nhà lý sự chủ nghĩa họ lý sự ra nó chứ nhà văn thời nghĩ các cố ngao ngoào lời thôi rắc rối ba cái con chữ làm gì chứ? Điều cốt tử của một nhà văn là viết văn, tức là sáng tác, tức là kể chuyện sao cho người ta tin đó là sự thật. Cũng như ứng xử ở đời, không thật thì có nói giỏi nói bẽ người ta cũng không tin.

- Theo nhận xét của cá nhân ông, thế hệ các nhà văn chống Mỹ và các nhà văn trẻ bây giờ có ưu điểm nhược điểm gì?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Tôi thấy ưu điểm của anh này không bù đắp được cho anh kia. Vì thế theo tôi, anh nọ muốn làm anh kia sẽ không đời nào làm được. Thế nên, cứ yên tâm đi, thế hệ nào cũng sẽ có nhân vật của riêng mình. Lo hết phận mình là lo cho cuộc sống chung. Đi hết cái tôi sẽ gặp nhân loại.

- Với người cầm bút, họ luôn luôn nói rằng cần phải làm mới mình, nhưng đọc tác phẩm của ông vẫn thấy một kiểu viết đó và nó đã làm nên thương hiệu của nhà văn Trung Trung Đỉnh. Ông có nghĩ rằng mình đã tìm ra đúng lối đi cho mình hay sẽ phải làm mới mình trong các tác phẩm sắp tới?

Nhà văn Trung Trung Đỉnh: Cha sinh mẹ đẻ ra tôi đã thế này rồi. Ông Trời đã sinh ra cái tính của tôi nó xiên xiên xẹo xẹo, không làm gì nghiêm chỉnh được rồi. Cái mới dốt khoát không phải ở trong đề tài, cũng không phải thay đổi áo xống, thay đổi giọng nói mà nguy trang được. Chuyện tôi thay đổi trang phục phong thái vẫn lộ ra nguyên hình cái “chú bộ đội” bên trong bản chất của tôi đã khiến bà chủ quán cà phê kia “gọi đúng” sự thật. Viết văn mà làm văn quá là... phản văn. Thế đấy!

TRẦN QUỲNH NGÀ thực hiện

PHAN THỨC

Gạo quẻ vào phố

Người đàn bà đôi vai tròn lẳn
Gánh gạo quẻ hun hút phố dài
Đường lạ, lối quen
Bước cao, bước thấp
Lưng áo đầm trắng giọt sương mai

Bàn chân người đàn bà
Mài trên đường nhựa nóng
Hai đầu đòn gánh
Trĩu nặng bão giông
Chất đầy mưa nắng

Người đàn bà dường như không thấy
Những âm thanh ồn ã phố phường
Những hương vị chỉ phố phường mới có...

Người đàn bà lấm lũi đi trong cốn cào nổi nhô
Cánh đồng đổ nắng nơi quê
Dành mạ non teo tóp góc bờ
Thương cây lúa nhọc nhằn cùng đất
Hạt thóc vàng bao nỗi âu lo

Trưa
Dưới bóng cây
Người đàn bà ngồi đếm từng đồng tiền lẻ
Bán thần!
Bao thứ chiều mua
Chiếc bánh mì trên tay lạnh ngắt
Cơm gạo mới nhà ai
Thơm gió đưa.

NGUYỄN HỒNG QUANG

Người gánh đêm

Hết đêm này sang đêm khác
Người gánh đêm về hưởng mặt trời
Gánh hàng đê vai chùn xuống
Hồn hèn thả ra đằng tai

Chợ gấm cầu Long Biên
Đêm không thấy nụ cười
Nơi không hẹn mà đông cửu vạn
Gánh đêm như một sân chơi

Nghề gánh đêm là nghề nổi dài
Của người nông dân chỉ quen làm ruộng
Ruộng không còn phải xoay tìm đánh vật
Gánh đêm mong khoả lấp nỗi buồn

Người gánh đêm
Không muốn xa chồng con
Không muốn xa làng xóm
Khi tắt lửa tối đèn

Quay gót trở về xóm trọ
Chân không kịp ra da non
Tay duỗi vuốt đồng tiền mọn
Mơ về làng xóm chồng con.

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG

Cha

Cha đi thả lưới trên sông
Giữa mòng mênh sớm giữa mòng mênh chiều
Thuyền nan mòng mành liêu xiêu
Mải dầm rẽ nước đưa chiếu vào đêm
Lưới buồm đưa ánh trăng lên
Thuyền cha lướt giữa một miến sao sa
Mưa to thuyền úp thay nhà
Nước trôi lật lộp cổ gà dưới lưng
Trắng đêm gió cạn mưa ngừng
Cá sa vào lưới nổi mừng áo cơm
Cha về bếp đổ khói thơm
Quít, cam, bông, bưởi trong vườn trổ hoa
Cha ngồi và bão đêm qua
Long lanh mắt lưới hiền nhà nắng lên.

như Hồng Thanh Quang, một người luôn tôn thờ vẻ đẹp của tình yêu thì tình yêu bao giờ cũng là một lễ hội. Bởi chỉ khi ta đốt cháy hết mình trong tình yêu thì ta sẽ chạm được đến hạnh phúc. Cho dù hạnh phúc đó có thể chỉ trong khoảnh khắc. Nhưng than ôi, lễ hội nào thì cũng có hồi kết thúc. Hạnh phúc thì cứ mong manh như những cánh hoa, còn chúng ta không phải lúc nào cũng là những người làm vườn tài ba để gìn giữ và nâng niu sự mong manh đó. Nhưng, có lẽ với Hồng Thanh Quang, tình yêu đó và cả sự tan vỡ đó là những trầm tích mà anh sẽ nâng niu và biết ơn với cuộc đời này:

"...Tôi đã yêu như chết là hạnh phúc
Tôi đã quên mình chỉ để yêu em
Người đàn bà giấu đêm vào trong tóc
Còn điều chỉ em mãi miết đi tìm ..."

Những câu thơ vang lên như một lời tuyên ngôn về tình yêu. Một thứ tuyên ngôn khờ dại của kẻ lụy tình đầy kiêu hãnh khiến cho người đời ghen tị. Tình yêu có thể biến mọi sự vô lý trở thành có lý. Tình yêu có thể biến mọi sự mê muội mù quáng trở thành sáng suốt. Tình yêu phá vỡ mọi lễ lối, mọi quan niệm, mọi ước giáo để tạo cho mình một lối đi riêng. Lối đi đó có thể là hoa thơm cỏ mật, lối đi đó có thể là chông gai và cay đắng nhưng đó là lối đi của sự đắm say mang tên Tình yêu. Và cứ thế Hồng Thanh Quang luôn để cho tình yêu tự dẫn dắt mình:

"...Như chánh chim bị tình yêu đánh động
những kinh nghiệm tháng năm bỗng hoá dư thừa
ta không cần sự từng trải cầm tay ta nữa
đôi mắt mở như lần đầu tự dẫn ta qua..."
Và tận hiến cho tình yêu:
"Nếu hạnh phúc cho nhau
Luật trời ta cũng sửa"

Có thể gọi Hồng Thanh Quang là nhà thơ của tình yêu, bởi phần lớn sáng tác của anh đều viết về tình yêu và được công chúng đón nhận, đặc biệt là những người trẻ. Thơ của anh chính là sự thăng hoa cảm xúc về kí ức, được cất lên có giai điệu, dễ đi vào lòng người. Đối với Hồng Thanh Quang, thơ ca cũng giống như tình yêu. Nó là sự mê muội con người mình nhưng lại để soi rọi cho người khác. Đôi khi để có được một câu thơ hay, nó là sự đánh đổi lớn. Bởi đằng sau mỗi câu thơ không chỉ là sự đau đớn của riêng nhà thơ nó còn là sự hy sinh của những người thân yêu. Và khi nhà thơ làm đau những người thân yêu của mình thì anh ta lại càng cảm thấy đau hơn bội phần.

Có lẽ vì thế mà các nhà thơ luôn tự mình tìm kiếm sự bất ổn, sự chênh vênh trong cuộc đời như để mình chứng cho chính những tuyệt vọng của họ về cõi nhân sinh này. Và rồi thơ đã cứu rỗi họ ra khỏi điều tuyệt vọng đó. Chính vì vậy, không có thơ thì họ còn gì nữa đây. Hồng Thanh Quang dường như cũng không nằm ngoài cái ngoại lệ đó. Anh bảo cho dù cuộc đời anh có lộn độn với thơ bao nhiêu thì cũng không phải do thơ mà do số của mình như thế. Anh là kẻ luôn phá vỡ sự vuông tròn của cuộc đời mình để tìm đến sự lộn độn. Bởi không làm như thế anh cảm thấy cuộc đời thật tẻ nhạt biết bao. Đối với người bình thường thì sẽ cho đó là những quan điểm của kẻ tâm thần. Nhưng than ôi, bản thân thơ ca đã là sự phi lý giữa cuộc đời này mất rồi, huống hồ là các nhà thơ. Và, rất nhiều khi chính nhà thơ là kẻ chán mình nhất bởi họ không hiểu nổi chính mình. Trong một bài thơ tình, Hồng Thanh Quang có viết thế này: "Em đừng khóc đừng van nài ta tôi/Một mình ta đã quá chật ta rồi". Nếu câu thứ nhất là một câu thơ khá bình thường, nhưng câu thơ thứ hai, nó là sự thăng hoa của tài năng và cảm xúc. Có chút gì tuyệt vọng. Có chút gì mệt mỏi. Có chút gì hối hận. Nhưng nếu ta tách câu thơ "Một mình ta đã quá chật ta rồi" ra khỏi bài thơ tình đó thì bản thân nó tồn tại như một bài thơ, với đầy đủ cảm xúc, với đầy đủ những trải nghiệm, với đầy đủ thân phận của một con người trong cõi nhân sinh này.

Trước mặt tôi là: Nhà báo Hồng Thanh Quang, Nhà thơ Hồng Thanh Quang, một ông đại tá Hồng Thanh Quang, một ông Phó tổng biên tập Hồng Thanh Quang. Dường như có điều gì mâu thuẫn. Có đấy, đầu anh không nói ra. Trong mỗi con người bình thường đã có vô vàn sự mâu thuẫn hướng chỉ trong bốn con người mà tôi vừa kể ra ở trên. Hồng Thanh Quang vẫn trò chuyện một cách say sưa, như dự người nghe vào thế giới của mình. Rồi bỗng dừng lại ngồi thẳng lưng, khua tay rất rộng, ánh mắt nhìn thẳng. Rồi lại đưa lên hất lộn tóc xoắn vừa rơi xuống cặp kính cận vuông cạnh. Rồi cái volume được kích to thêm một chút. Rồi cười một cách hiền lành...■

NGUYỄN QUANG THIỀU Độc thoại

T
rên cánh đồng mênh mông, cỏ không đặt ra
nghĩ lễ bốn mùa
Tôi trở về tìm nơi không có tiếng người,
không có bóng cây
Bến bãi hơn sự im lặng, lười cây từ thàng giềng
thuở trước
Dựng lên những luống đất cơn mơ, một người lạ
đến gieo trồng

Giữa cánh đồng mọc lên đỉnh núi mù sương của
trí tưởng tượng, đại bàng đến đậu
Tất cả những mũi tên tẩm độc bắn vào nó đều
hoá thành lông vũ rêu vang
Sức mạnh đại bàng, niềm kiêu hãnh đại bàng
là không than thở
Nhưng sự bất trắc khôn cùng lại chính cái tên

Và tôi bắt đầu cuộc trò chuyện với chính tôi để
chống lại sự can thiệp
Của những gì không là tôi mà lại giống tôi
Một đầu bàn tôi ngồi, đầu kia là ảo ảnh
Bên cạnh chúng tôi đào sẵn huyết sâu

Đặt giữa bàn, ngôn ngữ cuộc trò chuyện,
nửa trắng nửa đỏ
Như quả táo trong truyện Nàng Bạch Tuyết
và bảy chú lùn
Những cái lưỡi để phát nổ những đơn âm bắt đầu
rườn chạy
Một cái chết đang chờ, hoặc ảo ảnh hoặc tôi.

Sau bậc cửa ngôi nhà vô hình

K
hông còn ngôi nhà ấy những cái cây quanh nhà
biến mất
Tôi đi qua ban mai mơ hồ tiếng mở cửa
và tiếng sửa con chó nhỏ ướt át sương đêm
trên cánh đồng phía trước
tôi đi qua tràn ngập tâm hồn mở ra đầm nước
lộng lẫy bấy thiên nga
mang gương mặt thiếu phụ đã chết bay lên
vọng tiếng kêu khe khẽ một đêm ân ái đã lâu
trong những tối thu

Ngôi nhà trôi về đâu con đường mòn chìm khuất
tôi đi qua hoàng hôn tiếng cửa dần dần đóng
bấy thiên nga thiếp ngủ trên sông rì rầm
người thiếu phụ gọi về trong ngày hạ cuối cùng

Biến mất cánh đồng trong bóng tối bất tận
Những ngôi sao dần dần trong, dần dần tinh khiết
hơi ấm bộ lông chó bên bậc cửa, sửa khe khẽ,
khe khẽ sửa trong mơ
người thiếu phụ vẫn thở trong ngôi nhà vô hình
và cái thai dần lớn bởi giấc mơ tôi.

Chiếc gương

K
hông thể tìm lại trong chiếc gương
khuôn mặt xưa của mình
Mọi chiếc gương không mang kỷ ức.
Một người đàn bà khác xấu xí và kỳ dị
giờ nhảy múa trên gương mặt người đàn bà.
Không mang theo kỷ ức, những chiếc gương
luôn chứa đầy hiện tại chân thực nhưng ác độc
và đau đớn
và gương mặt già nua,
xấu xí không ngừng nhảy múa,
không ngừng nhạo báng quá khứ của mình.

Người đàn bà đập vỡ chiếc gương thành trăm mảnh
trong cơn tuyệt vọng
Vẫn không tìm lại được dù một mẩu quá khứ
Và một trăm người đàn bà già nua và xấu xí
được sinh ra
Với trái tim giá băng trong bóng đêm nhảy múa.

Từng bước, từng bước nàng đến gần người đàn bà
xấu xí và già lạnh
Và cúi đầu thừa nhận sự thật của mình
Ngay lúc đó nàng nhận ra gương mặt người đàn bà
già nua, xấu xí
Chỉ là tấm vải rách tối màu bọc gương mặt thuở xưa

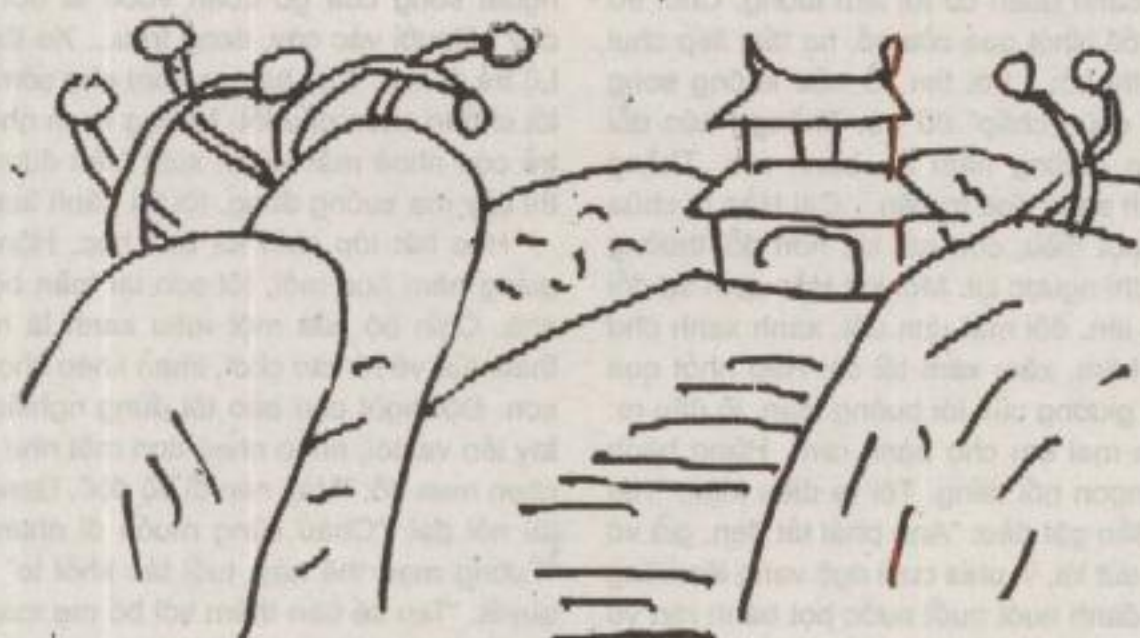
Người thổi kèn rắn

Gửi một nhà thơ
T
ựa tường, ngồi ngủ như đã quên thế gian
trên con đường ven biển.
Chiếc kèn nằm bên đôi giày rách.
Những gì đã diễn ra khoảnh khắc trước đó
giai điệu cây kèn? điệu múa con rắn?
sự quyến rũ của nỗi sợ hãi?

Không trí tuệ, không pháp thuật,
không phải những đồng xu,
chỉ sự điên rồ chẳng? của cả hai ta,
không lời nào để nói.
Không đánh lừa được ai kể cả kẻ điên, chỉ đánh lừa chính mình
Ôi hai ta, những kẻ biết được sự trống rỗng trong
âm nhạc ấy, trong vũ điệu ấy

Cả nỗi hoảng sợ ấy cũng không có thực
Bi kịch đến quá sớm khi ngày chưa tàn
Trong chiếc giỏ nhiều màu không còn con rắn nào
Nhưng không vì thế mà mọi chuyện kết thúc

Vẫn tựa tường ngồi ngủ, hồi người thổi kèn rắn,
du khách đến rồi đi
Bóng tối phủ lên người tấm vải đen,
người vẫn không thức dậy
Phải chăng chính nọc độc của kẻ trong cuộc
đã tìm cách giải thoát cả hai
khỏi sự trống rỗng, đối lừa từng nhân danh
những điều huyền diệu.



BỒN giờ sáng, cả một rừng vùng núi âm u tĩnh mịch bỗng vang lên một hồi chuông dài từ trên đỉnh núi Cô Thình. Lúc đầu, chỉ là những thanh âm dài của kim loại quý va mạnh vào nhau rền, nảy. Sau những thanh âm ấy ngân dần, xoắn xít vào nhau rộn ràng, réo rắt, rồi thưa thớt ngân nga, lan tỏa. Tất cả những thanh âm ấy như đổ tràn xuống thung lũng Cô Thình, nên dần sự đen tối khủng khiếp, huyền hoặc ma quái của vùng đất này xuống tận âm ty, hé mở dần những bí mật của nó. Rồi những thanh âm ấy trườn dần xuống làng, quuyền gió và sương đêm bập bênh trên những mái nhà, có khi lọt cả vào bếp làm cục than hồng lóe sáng. Những chú gà trống đang mở ngủ bỗng bật dậy vỗ cánh phành phạch rồi kéo cẳng cổ thật cao. Cả một đàn âm thanh ồ ồ o o râm ran. Cuối cùng, những thanh âm ấy trườn dần về phía đông tụ lại thành những dải quạt ửng đỏ dần.

Cô Thình trước kia là một vùng rừng núi hoang vu. Hết đời này sang đời khác, hết người này sang người khác, cứ nối

người nghèo lên chùa cứ xức đĩa gạo trong vai mang lên cúng Phật. Cúng xong đem về nấu cho cả nhà ăn để cùng hưởng lộc. Lên chùa cốt đem tâm hướng về Phật. Tiếng sư cụ nhân đức vang xa. Nhiều trường hợp cơ nhỡ đã về xin tá túc.

Một đêm ngâu tháng bảy. Trời tối đen như mực. Sư cụ đi ngủ sớm. Dưới nhà ngang, tiểu Chính còn đang đọc kinh sách thì tiếng chó sủa vang. Con đốm trắng sủa ở cổng chùa vài tiếng lại chạy vào sủa ở cửa phòng tiểu Chính. Ra xem động, không thấy gì, tiểu Chính định quay vào thì con đốm cứ quần lấy chân chủ rồi lại chạy ra hầy hầy vào hai cánh cổng. Tiểu Chính mạnh dạn mở cổng. Ngang cổng chùa, một người con gái nằm bất tỉnh, đầu tóc rũ rượi. Tiểu Chính thất kinh run bắn người chấp tay nam mô a di đà Phật. Thấy con đốm cứ lấy mũi hích hích, luẩn quẩn quanh cô gái, đuôi vẫy xoắn xít, tiểu Chính trấn tĩnh. Chắc điểm lành. Tiểu Chính soi đèn pin quét một lượt. Cô gái còn rất trẻ. Ngực vẫn đang thở phập phồng. Có mùi máu tanh tanh xộc lên. Hay là cô gái bị đâm. Tiểu

lại cho chặt để đứng thẳng rồi đi tiếp. Da thịt mềm mại con gái áp chặt vào lòng tiểu Chính. Một ánh chớp rạch khắp người làm chân tay tiểu Chính bủn rủn như muốn khụy xuống. Hoàn cảnh đã đẩy tiểu Chính vào tội phạm giới một cách bất đắc dĩ. Tiểu Chính đã ngược lên ngôi cao sám hối song vẫn bị cái gì đó thôi thúc, dằng dằng lan tỏa khắp người, làm cả người tiểu Chính chỉ chực đề sát vào. May, lúc đặt xuống giường, lúc sư cụ đi lấy chân tiểu Chính đã kịp đóng lại hai cúc áo cho cô gái.

"Tại sao lại uống nước lá nhọ nôi?". Thỉnh thoảng lại có người dưới làng lên xin để về làm thang. Thứ cây lá nham nháp, sớ vào đen nhem. Có lần làm vườn, tiểu Chính nhổ vứt đi. Sư cụ ngăn lại và nói đây là thuốc chữa băng huyết. Thuốc cứu người đấy con ạ! "Chẳng lẽ cô gái đã có chồng?"

Sư cụ tỉnh dậy khi tiếng chim Tước báo sáng. Sư cụ cười thầm "Chắc tiểu Chính ngủ quên". Ý nghĩ vừa dứt, tiếng chuông chùa đã vang lên. Nhưng thật lạ

giác đem sách kinh ra đọc hết quyển này sang quyển khác, rồi mang cả sách thiếu lâm để tự học võ. Tiểu Chính nghịch ngợm bị các vị già trẻ cho xuống làng lấy vợ. Cậu ta vênh mặt lên cười: "Con sẽ lấy hoa hậu của làng cho các vị xem". Song càng lớn, tiểu Chính càng sống thu mình lặng lẽ, chỉ đọc sách, đánh cờ. Sư cụ thấy vậy càng day dứt. Cụ muốn tiểu Chính càng sớm chọn danh phận càng tốt. Còn mấy ngày nữa tiểu Chính tròn hai mươi tuổi.

Đang mê mải, tiếng chuông như sập vào tai làm cô gái tỉnh dậy. Cô ngạc nhiên một hồi, lảng máng nhớ lại chuyện đêm qua. Sờ tay lên bụng thấy nhẹ bẫng. Cuộc đời đã thay đổi.

Xinh xắn, nhanh nhẹn, con nhà tử tế, vậy mà lấy phải thằng chống nổi tiếng ăn chơi, hư hỏng. Nó tuyên bố: "Tao đã yêu con Yến. Thằng nào nhảy vào đứng trách bố mày". Nó chặn cửa không cho ai vào. Có thằng vừa vào, ra khỏi cổng làng đã bị đánh như đòn. Nó ép phải lấy. Đêm tân hôn, không thấy máu, nó đổ tội đã cho thằng khác. Nó hẳn học không yêu nó. Mỗi lần uống rượu nó lại hành hạ day night. Đã qua tháng hơn chục ngày không thấy, người bả bời. Giữa trưa, đi uống rượu về, nó dựng dậy hành hạ. Không chịu được đẩy nó ra. Đang cơn ghê cổ, nhổ nước miếng xuống đất, chưa kịp ngẩng lên nó đã tát cho cái trời giáng rồi đẩy ngã, tiếp tục trèo lên như kẻ bệnh hoạn. Đồng lửa đã dấm từ lâu, giờ mới bùng lên, đành khăn gói trốn đi. Bụng bảo dạ lên thành phố song bước chân lại quay ngược về phía cánh đồng, nhìn thằng hướng núi mà đi. Vừa đi vừa khóc. Bụng đau quần quai. Thấy ướt ướt, sờ xuống bàn tay đầy máu. Đồng không mông quạnh, tình một bóng người. Trời đen như mực, chấp choàng bước thấp bước cao. Thỉnh thoảng lại rào rào mưa. Văng vẳng tiếng cóc nhái uôm uôm ộp ộp tưởng như ma đang đuổi theo, rón cạp tóc gáy. Vấp ổ gà ngã dầm mưa dãi liên tục. Chưa bao giờ chịu cay đắng tủi nhục thế này.

Tiếng chuông vừa dứt, sư cụ đã bước vào.
- Con thấy trong người thế nào?
- Con mệt lắm. Thỉnh thoảng lại đau bụng.

- Con đã bị sa sẩy. Một bước sẩy bằng bấy lần vượt cạn. Con cứ ở đây tĩnh dưỡng, kiêng cử cho khỏe. Đừng suy nghĩ nhiều hao tâm, lâu khỏi bệnh. Để sáng cụ bảo tiểu Chính đi cắt cho con vài thang thuốc. Chịu khó mà uống.

Sư cụ đi rồi, tiếng gõ mõ, tụng kinh trầm trầm, đều đều dội vào tâm trí đã trấn tĩnh dần những sợ hãi, hoang loạn. Cảm giác được an nhiên, thanh thoát ru rín giấc ngủ. Cô tiếp đi.

Tụng kinh gõ mõ xong, tiểu Chính bước ra lối cổng. Cổng chùa đóng nhưng sương vẫn bay lơ lửng, trào vào đầy đặc lối đi. Mở toang hai cánh cổng. Một luồng gió ủa ạt, nức mũi hoa mộc lan. Đứng trên cổng chùa, tiểu Chính thơ thẩn nhìn về phía làng. Vẫn ngôi làng quen thuộc mấy chục nếp nhà. Lấp lửng trong sương, vài làn khói bếp trắng xanh nhen lên mông mênh. Một dải ruộng đầy nước bao quanh cánh đồng. Không khí yên bình như bao buổi sáng khác. Tất cả đã in sâu tâm trí, tưởng như mấy chục năm, hay mấy nghìn vạn năm sau quay trở về vẫn nguyên vẹn trong ký ức, như Từ Thức đi xa mấy kiếp người mà lòng vẫn rung rung nhận ra làng xóm cũ. Vậy mà, sáng nay như có gì là lạ sừng sốt làm tiểu Chính thấy băng khuỷu. Linh cảm có điều gì sắp xảy ra mà tiểu Chính không rõ. Cảm giác như sắp phải chia tay, nhìn lại để lưu giữ, để nhớ thương, bùi ngùi rơm rớm.

Lấy tay gạt mi mắt, tiểu Chính quay lại tìm dấu vết đêm qua. Đêm đã xóa hết. Còn lại mảnh lá chuối khô tiểu Chính đã xé để lót tay đã bị ướt nhòe. Tiểu Chính ngồi xuống ngẫm nghĩ. Bỗng có tiếng chân người. Một thanh niên xộc lên, hắt hàm hơi:

- Đêm qua có người đẹp nào lên tìm thấy tiểu không?

Nói rồi nó chạy huỳnh huých thẳng vào nhà tổ. Không thấy gì, nó ra sân ngó nghiêng. Khu nhà ngang vẫn im ỉm, không có động tĩnh. Nó đi thẳng luôn xuống cổng chùa. Đi qua giếng nước, nhìn thấy đôi dép, nó nhìn dấn vào, đầu gật gật về tư mần:

- Đổ mắt đây. Rồi mày sẽ biết tay tao!

TRÊN ĐỈNH? CÔ THÌNH

Truyện ngắn của TRỊNH MINH HIẾU

dây nhau mà kể, như thể Cô Thình là báu vật, cần phải lưu truyền và gìn giữ. Chuyện kể rằng, ngày xưa, phía sâu trong núi Cô Thình ngự một chúa hổ. Đó là vị thần trên thiên đình rất tài nhưng lại có tật luôn thèm trịnh sắc. Một lần phạm tội nên bị đày. Chúa hổ nửa người nửa hổ nên không ăn thịt người và chỉ xuống núi khi ngửi thấy mùi thơm của con gái còn trinh tiết đi qua. Hăm hiếp xong chúa Hổ lại lên núi. Lâu không gặp con gái, chúa hổ gấm rổng dữ tợn. Khiếp đảm, nhà nhà chèn cổng không dám ra ngoài. Để được yên, các làng cất cử, cử hạ chỉ, đồng chí, lại dâng hiến vật hai người con gái trinh tiết cho chúa hổ. Năm này qua năm khác, các gia đình đẻ con gái nào loạn, phải đem con đi trốn. Làng còn lại toàn đàn ông. Có người râu tóc bạc phơ vẫn còn giai tần. Năm ấy, một vị pháp sư tới yểm bùa dưới hòn đá lớn nhất trên đỉnh Cô Thình rồi cùng dân làng dựng lên ngôi chùa để niệm Phật thu phục chúa hổ. Một đêm, người ta nghe thấy tiếng chúa hổ gầm lên như than khóc từng hồi không dứt. Phải đến khi tiếng chuông chùa vang lên mấy hồi đóng đá thì tiếng gầm mới dứt. Sáng ra, ngay dưới cổng chùa xuất hiện một hồ nước sâu đến ngập đầu người. Đó là chỗ chúa hổ giẫy giụa, đào hồ để về cõi khác. Hồ bây giờ vẫn còn. Nước hồ trong vắt. Giữa hồ, một gò đất cao nổi lên. Người ta xây một am nhỏ thờ chúa hổ, xung quanh trồng bồ đề rủ mát quanh năm. Người ta nói, thỉnh thoảng trời xanh, nắng đẹp, chúa hổ thoát ẩn thoát hiện, đi lại trên mặt nước nhưng chưa bao giờ hại ai. Cũng từ đây ai cũng tin vào sự linh nghiệm của tiếng chuông chùa. Cứ bốn giờ sáng, chuông chùa lại vang lên để đuổi tà ma, quỷ dữ. Trẻ con đang bị sài giệt, hay lên cơn sốt, người lớn đau bụng quanh quai cả đêm uống thuốc không khỏi, sau khi nghe mấy hồi chuông chùa sẽ đỡ dần rồi khỏi hẳn. Trai gái ái ân vào giờ ấy là bị phạm. Cũng từ giờ ấy, người trong làng dấy nấu cơm sáng, ra đồng hay làm gì mới làm.

Trụ trì chùa Cô Thình bây giờ là một vị sư già đã ngoài tám mươi tuổi, là vị sư từ đời thứ chín. Sư cụ tinh tâm, thương người, thông kinh sử, hiểu lẽ đời. Sư dạy

Chính đứng dậy chấp tay sám hối rồi với tấm lá chuối khô để lót tay. Vén hai gấu áo, một mảng bụng trắng mịn không thấy dấu vết gì. Tiểu Chính lần lên cổ áo, vạch rộng hai lá cổ áo. Cái cổ thon trắng, rõ mấy ngăn cũng không dấu vết. Hơi thở vẫn phập phồng. Một giây thoáng qua trong đầu, vừa tội lỗi, vừa tò mò, tiểu Chính dè dặt cởi một cúc áo rồi phanh ra. Một mảng ngực trắng nổi lên cao dần. Tiếp thêm một cúc nữa. Tiểu Chính không tin vào mắt mình. Lần đầu tiên nhìn thấy tận mắt của con gái. Hai bầu ngực như hai bông sen trắng đang khum khum nở. Một núm tròn nhỏ ở giữa có màu đỏ tím như vỏ hạt sen non. Có tiếng bước chân sư cụ. Tiểu Chính vội lật lại hai ngực áo, bật dậy chấp tay nam mô a di đà Phật. Sư cụ vừa lay vừa gọi:

- Tỉnh lại đi con! - Khi sư cụ cầm nắm tóc mai giật giật, mi mắt cô gái đã hơi động. Sư cụ kéo tay cô gái để xem mạch: Nguy rồi! Ra rồi! Tỉnh lại đi con!

Hai mi mắt động đậy rồi mở ra một cách yếu ớt:

- Cứu con với!

Tiếng nói chìm xuống dần.

- Con bé người này vào gian ngoài cho cụ!

Tiểu Chính lúng túng chưa biết bề bằng cách nào thì sư cụ đã cầm đèn đi trước. Đành liêu, tiểu Chính xốc người con gái lên như người ta vẫn thường làm. Đặt cô gái lên giường, sư cụ sai tiểu Chính ra vườn hái nam lá nhọ nôi để giã vắt lấy nước cho cô gái uống.

Ra đến vườn, tiểu Chính vẫn chưa hết run. Hai bàn tay vẫn về vào nhau rồi lại sờ lên ngực, sờ lên quần, lên áo, lên tất cả những chỗ đã bị cô gái áp vào. Chỗ nào tiểu Chính thấy vấy vấy. Nhất là lúc leo mui mây bạc lên sân chùa, tiểu Chính đã phải xốc cô gái lên cho khỏi rơi. Lần đầu, khi xốc lên, định áp vào người thì tự nhiên tiểu Chính bị vượt hai tay ra làm xuyết rơi cô gái. Lần hai, tiểu Chính xốc mạnh hơn không dám rời ra nữa. Vừa xốc xong thì hai cúc áo chưa kịp đóng bị bung ra xỏa sượt. Hai bầu ngực đầy đặn nồn nà lấp loáng ánh đèn. Chẳng hiểu sao, tay phải ngang ra, đầu cô gái gần chạm đất làm tiểu Chính cúi người theo. Khom người, tiểu Chính xốc

Tiếng chuông không rống rền đều như mọi hôm. Lúc nhanh, lúc chậm, rồi rang. Hồi chuông cuối không còn thánh thót ngân nga như mọi hôm mà lảng bâng mơ hồ. "Chuyện gì đã xảy ra với tiểu Chính?"

Cách đây hai mươi năm, cũng vào tháng bảy rằm rí thế này, bốn giờ sáng, trời vẫn tối đen, thỉnh xong ba hồi chuông thì có tiếng gọi cổng. Một người phụ nữ bụng chửa vượt mặt khóc lóc xin sư cụ rù lòng thương. Được mấy ngày, đúng ngày tuần đầu tháng tám, cô gái trở dạ. Sư cụ đặt tên là Chính. Từ bé, ai cũng gọi tiểu Chính thành quen chứ Chính chưa được làm lễ thụ giới. Tiểu Chính rất ngoan, ăn ngủ thỉn thít suốt ngày. Thằng bé mím mím xinh xẻo nên ai cũng thích bế. Được hơn tháng mà phồng phao bằng lứa ba tháng. Ấy vậy mà mẹ nó vẫn bỏ đi, để lại vài dòng lâm tin: "Con không thể đứng lại nuôi con con được. Con xin trời Phật xá tội. Con xin sư cụ nuôi dạy cho con đứa trẻ này. Ớn sâu sư cụ xuống ba tấc đất dạy con vẫn mang theo. Con biết trước cuộc đời con có nhiều tai ương, không thể hẹn ngày về đón con trai con được. Có thể năm năm, mười năm. Còn lâu hơn, mười năm năm, hai mươi năm, con không về được nghĩa là con đã chết. Xin sư cụ thay con định đoạt số phận cuộc đời con trai con..."

Chớp mắt, mười lăm năm rồi hai mươi năm, mẹ tiểu Chính vẫn chưa quay trở lại. Tiểu Chính càng lớn càng lộ khí chất thông minh. Vóc người cao to, mắt sáng, lông mày rậm. Sư cụ rất hiểu người như tiểu Chính nếu chọn đường tu hành chưa chắc được yên ngôi vị. Ở hoàn cảnh thường, tiểu Chính đã là người đàn ông mạnh mẽ, quyết liệt, dám nghĩ dám làm. Một người như thế mà bị bỏ buộc trong tấm áo cà sa sẽ giống như kẻ lưu đày đơn độc và nghiệt ngã, phải mang vác hòn đá lên đỉnh núi rồi lại lăn xuống chân núi. Cứ như thế suốt một đời.

Lúc bé, sư cụ rất chiều chuộng tiểu Chính. Duy nhất một lần cụ phạt tiểu Chính nằm úp mặt giữa sân chùa để vut roi vì tội bỏ học giữa chừng. Bắt đầu đi học, tiểu Chính đã giao hẹn chỉ học đến biết đọc biết viết. Nói sao làm vậy. Bằng mọi cách sư cụ cũng không bắt được tiểu Chính đi học tiếp. Bỏ học, tiểu Chính tự

CỬA SỔ MỞ RA NGÕ

Truyện ngắn của TRẦN VĂN THƯỚC

CỬA sổ gian chái nhà tôi mở ra phía ngõ chung. Bộ song tròn sáu chiếc và đôi cánh đóng kiểu quân bài đều bằng gỗ xoan vườn.

Thật dễ nhớ, phần gỗ của ô cửa chái bằng tuổi cây nhãn lồng bên cạnh cổng nhà Hào. Ô cửa ấy còn là minh chứng cho một lời ví dân gian: "Một năm làm nhà ba năm làm cửa".

Bốn gian nhà tường chinh, kèo cột tre, mái rạ là di sản của ông bà nội tôi. Năm giữa thập kỷ chín mươi thế kỷ trước, bố mẹ tôi quyết tâm thay ngôi nhà lập kỷ lục "quá đát" sử dụng. Làm nhà, lấy vợ, tậu trâu là ba việc lớn của kiếp con người. Mẹ tôi sang nhà cụ Đoàn làng Trung xin lời chỉ giáo. Cụ Đoàn dòng dõi nho học, nổi tiếng thông tuệ phong thủy, lý số. "Việc mong mỗi từ thời các cụ. Nhị vị chắt chiu từng mẩu với hòn gạch. Xem ra việc không thể trì hoãn nhưng bố mẹ phải năm tuổi xấu, kỳ việc xây cất. Lấy tuổi con trai lớn làm nhà thì rất hưng thịnh an bình nhưng ít nhiều tổn hại đến phụ huynh...". Bố tôi chịu lời bậc cao minh. "Ông bà, bố mẹ nối đời mong muốn con cháu có ngôi nhà khang trang đỡ lo khi bão gió... Thì tổn hại thế nào cũng cam". Năm ấy tôi lên chín.

Ngôi nhà mái bằng kiểu mới được khen là đẹp nhưng chưa thật hoàn hảo. Năm cây xoan vườn nhà thợ mộc tận dụng tối đa vẫn thiếu gỗ khuôn cửa chái phía ngõ. Bố tôi lựa tre nhà cũ ken tấm liếp. Thêm đoạn tre để khi mở làm chống, khi khép làm then cài. Những lời khen tấm liếp ken lóng mốt cái hình quả trám, mốt cặp mây sợi kết đồng tiền "ngang ngựa với lời khen thợ xây thợ mộc cao tay nghệ".

Mãi mãi tôi biết ơn nhà phong thủy tài tình đặt hướng ngôi nhà và người thợ khéo trở ô cửa chái. Buổi sớm mai mặt trời lên độ con sào là ánh nắng ủa qua cửa sổ. Những ngày tuần trăng từ mùng bảy đến mười sáu ánh trăng sáng khắp gian chái. Suốt mùa đông hoa hoàn mới phải hạ, khép cánh cửa sổ gian chái.

Con ngõ chung thẳng bằng "bắp cây", rộng thoải mái cho hai con trâu mộng đầu đầu là sân chơi của lũ trẻ xóm cuối làng heo hút. Đứng trong gian chái ló đầu qua ô cửa sổ là nhìn thấy đủ trò. Quanh gốc cây khế cuối ngõ là chỗ chơi ô ăn quan, chơi chuyền, cờ kim mộc... Quảng cây với nhà chú Man là trận địa đấu con quay, chơi cỗ gà. Trước vòm cổng kết bằng cây vọng cách nhà chú cao có dấu cắm túm lá cướp cờ, vạch thua thắng kéo co. Tôi thường tốt qua cửa sổ để phá rồi trò chơi của bọn con gái và đầu têu đủ trò con trai. Mỗi khi đánh trận giả, ô cửa không cánh không song là cứ điểm bất bại của cánh quân có tôi làm tướng. Chơi trò "nấp xết" thì thôi rồi! Nhót qua cửa sổ, hạ tấm liếp chui vào gầm giường thì có... trời tim. Ô cửa không song cánh còn là "cửa chứa chấp" đủ trò. Thăng Phúc dỗi cơn nhót vào lên giường nằm ăn bánh rán. Thăng Quân trốn việc lính sang đọc truyện... Cái Hào là chúa hay hờn dỗi. Là một điều, con gái khi hờn dỗi thường kém xinh đi, Hào thì ngược lại. Mỗi khi Hào sinh sự dỗi hờn, hai má hồng lên, đôi mắt ươn ướt, xanh xanh như mắt búp bê. Một hôm, xầm xẩm tối cái Hào nhót qua cửa chái lên ngay giường của tôi buông màn, ló đầu ra: "Anh cài chặt cửa mai em cho bánh rán". Hàng bánh rán của mẹ Hào ngon nổi tiếng. Tôi ra điều kiện: "Hai chiếc nhân thịt". Hào gật đầu: "Anh phải tắt đèn, giả vờ như đi ngủ...". Hào dứt lời, vì phía cuối ngõ vang lên tiếng Phúc gọi em. Tôi đành nuốt nuốt nước bọt bánh rán vớ đại cuốn sách dúi vào tay Hào giục đi về lối cửa trước. Hôm sau, Hào vẫn đón đầu ngõ dúi vào tay tôi gói bánh rán nóng hổi. "May mà anh chưa giả vờ lên giường

nằm". Những khi bất chợt trời mưa cả lũ xô lại chen nhau qua ô cửa sổ. Gian chái ẩm ỉ, chỉ choé đủ trò. Vui nhất và cũng hay cãi nhau, cạch nhau là trò thi ném bong bóng mưa. Những mẩu giấy vo tròn tới tấp nhằm mục tiêu bong bóng mưa trôi trong rãnh nước, trên mặt ngõ.

Đường đột tấm liếp chấm dứt vai trò chứng nhân "lịch sử" ngõ "bắp cây". Cơn bão số năm đổ bộ vào vùng châu thổ sông Hồng. Làng tôi lọt trong tâm bão nhưng đã có phòng bị nên thiệt hại không đáng kể. Nhà tôi bị tốc mái bếp, tấm liếp bị gió giật ném sang bên kia ngõ. Bác Thoả sang chơi đúng lúc bố tôi đang cạp lại tấm liếp. Hai người ngồi trên hiên uống nước, bác Thoả chỉ tay về phía cuối ngõ. "Cây xoan cạnh cổng dùng được rồi. Tôi với chú hạ cây, đốt qua lửa rồi ngâm bùn. Cứ này tháng sau ta gọi thợ. Tôi biết chú thím chưa dóc nợ làm nhà. Thím ấy ốm đau luôn, hết viện nọ viện kia. Đừng nói chuyện tiền nong...". Ít hôm sau người bạn lính tặng bố tôi hai cây nhãn lồng. Bố tôi đem một cây sang trồng chỗ cây xoan mới hạ.

Ngày đầu tiên ô cửa chái có cánh có song. Lũ chúng tôi đi học về đúng lúc bác thợ chốt bản lề cánh cửa. Cả lũ vón lại, ngơ ngác. Nỗi buồn tiếc dâng lên đôi mắt, toát ra tiếng thở dài như người lớn buộc phải chấp nhận việc trái ý muốn. Thế là từ nay hết cửa nhót ra nhót vào. Hết nơi ẩn nấp cho những trò hờn dỗi, trốn việc... Tôi - ông "tướng" của "cứ điểm bất bại" còn chịu nhiều "hết"... hơn.

Nhưng không vì ô cửa có song có cánh là gian chái bớt vui. Lũ bạn vẫn đến học nhóm, tán gẫu... Chiếc giường gỗ xoan thênh thang "mét sáu" vẫn là "sân chơi" là chỗ giải lao, ngủ thêm. Hào và Bình em gái tôi bằng tuổi nhau, tình thân "mùi bưởi sè dỗi, củ khoai bẻ nửa". Lắm hôm hai đứa học nhiều kêu nhức đầu mỗi mắt lên giường giải lao rồi ngủ tít. Một lần Hào giận tôi cả tuần vì sợi tóc ngoáy mũi làm mất giấc mơ đẹp. Rồi chính Hào chủ động làm lành. Đang thiu thiu ngủ tôi giật mình vì đầu que chọc chọc cạnh sườn. Sực nhớ ra lời hẹn thằng Quân đi soi chim ngủ đêm, tôi bật dậy, vấp ngay phải mùi bánh rán thơm lừng. Hào lí nhí: "Hôm nọ... tóc gì mà... cứng thế...". Tôi nuốt nước miếng: "Tớ nhỏ tóc tớ đấy - Mà sao chọc mạnh vậy". "Chọc thế mà cũng đau cơ à", "Ừ à không. Lần sau có gì cứ chọc. Cửa sổ không bao giờ khép đâu..."

Năm ô cửa chái có cánh có song tôi mười sáu tuổi. Tuổi ấy vẫn còn những ham chơi, chỉ choé trẻ con nhưng ít nhiều đã biết nhận thức cuộc sống muôn màu. Thời gian vẫn vũ khí "thỏ" khi "rùa" qua ô cửa sổ. Bên ngoài song cửa gỗ xoan vườn là đời sống ngõ "bắp cây". Người vác cây, dong trâu... Xe thổ phân, thổ mạ. Lũ trẻ đi học. Các bà các thím chợ sớm chợ chiều. Đầu lốt chống chen đầu lốt. Những vạch những dấu trò chơi trẻ con nhòa mất rồi lại xuất hiện đương nhiên như tới thì cây mạ xuống đồng, tới thì gánh lúa về sân.

Học hết lớp chín tôi thôi học. Hôm lũ bạn đi khai giảng năm học mới, tôi sơn lại toàn bộ cánh cửa ngôi nhà. Chín bộ cửa một màu xanh lá mạ. Chú Man đi thăm lúa về rẽ vào chơi, khen khéo chọn màu, khéo tay sơn. Đột ngột chú bảo tôi đứng nghiêm. Chú bập bân tay lên vai tôi, nheo nheo con mắt như đang ngắm cây, chọn mua đồ: "Mày nên đi bộ đội". Đang buồn vì sự học tôi nói đại: "Cháu cũng muốn đi nhưng chưa đủ tuổi. "Tướng mạo thế này, tuổi tác khỏi lo" - Chú Man quả quyết. "Tao sẽ bàn thêm với bố mẹ mày".

Tháng mười năm ấy tôi nhập ngũ. Trong hồ sơ quân nhân tôi mười tám tuổi dư ba tháng chín ngày, sức khỏe toàn A- một. Anh xã đội trưởng, cháu ruột chú Man chỉ

cần vài thao tác đã cho tôi chào đời đúng ngày mẹ tôi về làm vợ bố tôi. Sau ba tháng huấn luyện cơ bản tôi đi học lớp bảo vệ, trở thành lính thông tin hải quân. Tôi ở đảo bốn năm, thời gian vừa bằng một chu kỳ sơn lại toàn bộ cánh cửa ngôi nhà.

Bây giờ thì thú thật được rồi. Tôi đi lính không hoàn toàn trong sáng chí trai. Chú Man tính toán như thần. Tôi đi tháng trước tháng sau làng chia ruộng, cấp sổ đỏ. Gia đình tôi diện hộ nghèo cộng thêm tiêu chuẩn gia đình bộ đội được ưu tiên ruộng loại một thửa lớn - đồng gấn.

Chỉ còn ô cửa chái nữa là tôi xong việc định kỳ sơn lại toàn bộ cánh cửa ngôi nhà. Hôm chủ nhật vợ chồng Bình bàn: "Xanh thế mãi rồi. Để chúng em mua thùng sơn màu mới mới". Cô giáo Mơ - vợ Quân sang chơi tham gia "Nên giữ màu truyền thống". Biểu quyết, cũ - mới bằng nhau số phiếu. Tôi ăn điểm quyền huynh thế phụ.

Quân đi họp về rẽ vào giúp tôi lắp cánh cửa đã khô sơn. Đến ô cửa chái Quân lật cánh này cánh kia, mắt xam xoi tay xoa xoa. - Thấy rồi- Quân reo lên.

Tôi dùng tay bắt lại vít bản lề, ngoái nhìn cánh cửa trong tay Quân:

- Có chỗ bị một hả?

Quân chỉ vết gỗ bị hằn nông to cỡ hạt ngô giữa khung cánh cửa..

- Tao chợt nhớ một lần chơi trận giả mày với thằng Phúc chạy vào gian chái, gài chặt cửa liếp. Bọn tao đứng ngoài "pằng pằng" khản cổ mà quân đỏ đếch thằng nào đầu hàng. Tao tức quá vớ hòn gạch ném đại. Chú Man đang phát đậu gọi lại mắng cho một trận.

- Mày nhớ dai thật - Tôi gõ nhẹ tuốc-nô-vít lên đầu tân chủ tịch xã - Lắp cho mau rồi về nấu cơm cho mẹ Huệ! Hôm nay Mơ năm tiết đấy.

Sơn nhà Việt chỉ hơi se khô mùi hắc đã nhạt đi rất nhiều, mùi dầu thông hoa rất dễ chịu như mời gọi người đến hít hà thưởng thức. Tôi bám tay vào song cửa hít một hơi thật sâu. Đan đan vào mùi dầu thông là mùi hoa thiên lý bên vườn nhà chú Man. Năm nay thiên lý sớm mùa hoa, lúa hoa đầu rộ trước tiết lập hạ cả tuần. Năm ngoái chập hoa thiên lý nở lúa đầu mùa Liên đi lấy chồng. Liên là nhà văn lấy chồng bộ đội trên thành phố. Đêm trước ngày Liên về nhà chồng gian chái nhà tôi sáng đèn thâu đêm. Bạn bè đêm đầu thi vắng quá một phần ba nhưng "điểm danh" không thiếu đứa nào. Buổi chiều, tôi đã điện thoại cho mấy đứa ở xa hẹn giờ cô dâu nhận lời chúc mừng. Liên đoạt giải truyện ngắn, trích tiền thưởng đầu tư cho "ô cửa sổ" chiếc điện thoại cố định. Từ ngày ấy bạn bè xa xôi mấy cũng hoá gần, buồn vui tức thì chia sẻ.

Chuông đổ, Tân ở lứa đoàn tăng biên giới cực bắc. Đúng là tác phong nhà binh. Rất đúng giờ hẹn. Cũng rất lính cái sự một câu đùa ba câu tếu. Tôi chuyển ống tổ hợp cho Liên.

Phúc đang đi công tác ở Đà Lạt gọi về. Chẳng hiểu cậu chàng nói gì mà Liên lắc đầu rồi lại gật. Mặt cô dâu thoát đồ bùng. Rất có thể anh chàng Phúc nhắc lại chuyện ngày xưa. Ngày xưa chơi trò đấm cưới, rút thăm chú rể cô dâu, Phúc rất khoái khi được làm chồng Liên. Oái oăm là Liên không ưng lần nào cũng đòi rút lại. Thằng Quân rất giỏi thủ thuật làm thăm. Có rút đến lần thứ bao nhiêu Liên vẫn không thoát vai "vợ" Phúc lém.

Trí ở Sài Gòn gọi ra. Chuyển đi thao giảng ở đại học Y khoa Sài Gòn làm Trí lỡ lời hứa trang trí rạp cưới. Liên ra hiệu cho Bình nói chuyện với chồng. Bình cười, giờ lắc điện thoại di động: "Vừa cả giờ với nhau rồi".

Tổng đài số hoá đến chấy "cầu chì" Phương ở Hải Phòng hẹn sẽ về trước giờ đón dâu mà vẫn cứ buồn đường dài. Mấy vừa úp chuông đổ liên. Buổi chiều gọi cho Trường nghe rõ tiếng hân thờ dài. Ngày mai, ba mươi phút trước giờ Liên lên xe hoa, con tàu viễn dương của Trường nhổ neo ra Trường Sa. Không hiểu anh chàng hoa tiêu nói gì mà Liên vội chuyển ông tổ hợp cho Quân, quay ra úp mặt cần bờ vai Bình nên tiếng cười. Anh chàng Quân cũng cười tít: "Thằng Trường nhớ dai thật. Nó nhắc lại lần ném ô trúng mắt Liên sưng vù cả tuần. Giá như bây giờ chỉ ba cái hôn chụt là hết sưng liền. Liên gạt nhanh lộn tóc xoà trước trán. "Nói giúp là đây chưa quên hẳn còn nợ ba trận ném bong bóng mưa". Quân gạt đầu: "Hắn còn nói nếu về được sẽ bắt cô dâu trước khi lên xe hoa phải hái đầy sọt lá lốt tặng lính đảo cuốn chả. Hắn sẽ bày cho anh em làm chả kiểu mự Huệ và đương nhiên kể chuyện vết sẹo đầu gối con gái bà "lá lốt..."

Ngang qua, nó cười lạt:
- Thấy tiểu đừng có giấu người. Tôi sẽ còn quay lại tìm vợ tôi.

Tiểu Chính vào thưa sư cụ. Sư cụ dặn:
- Con giấu kín chuyện này. Để con bé dưỡng sức mấy ngày đã. Tim thấy con bé lúc này thì nó đánh chết mất. Con xuống khóa hần cửa gian ngoài, tháo tấm liếp thông sang phòng con để thỉnh thoảng cần thiết ra ngoài. Lát nữa con đi cắt mấy thang thuốc về sắc cho cô ấy uống luôn.

Tiểu Chính vàng da nhưng trong lòng không yên. Lỡ đi vắng thành chống cô ấy quay lại thì sao. Bần thần một lúc tiểu Chính mới sửa soạn để đi.

Có tiếng bước chân se se, tiếng đẩy nhẹ cửa liếp, mùi thuốc bắc sức lên khó chịu:

- Cô dậy uống thuốc đi!
Cô bật dậy. Một thấy tiểu đẹp trai cao to như võ lâm tự xuất hiện, tay bưng bát thuốc. Một cảnh trong phim Trúc Lâm làm cô choáng váng. Thấy tiểu tiến sát về phía cô. Cô lắc đầu giãy nảy lên:

- Con không uống đâu. Con sợ uống thuốc này lắm.

- A di đà phật! Cô uống cho chóng khỏi bệnh. Thuốc đắng già tạt.

Thấy tiểu không nói thêm, kiên nhẫn chờ. Cô đành đỡ lấy bát thuốc. Dâng lên lại hạ xuống mấy lần vẫn chưa dám uống. Tiểu Chính đã định quay bước rồi lại chùng chững. Đột nhiên, tiểu Chính cúi xuống cùng nâng bát thuốc cao lên cho cô gái uống:

- Nào! Cô uống đi. Uống cho chóng khỏi. Có bệnh phải uống. Cô nhắm mắt, coi như đang uống nước.

Vừa nói, tiểu Chính vừa đẩy bát, nhìn theo từng ngụm cạn dần. Vừa hết, tiếng ọe rõ to. Tiểu Chính rút lấy khăn khăn trong túi đưa cho cô gái rồi vội quay bước. Ra khỏi cửa, tiểu Chính đứng dựa vào phen liếp, tim đập thình thịch. Ánh mắt biết ơn đầy vẻ yêu đuối của cô gái làm tiểu Chính bối rối. Chưa bao giờ tiểu Chính lại gần gũi đàn bà con gái, lại chăm chút, dỗ dành khéo léo thế. Tiểu Chính vội chấp tay nhìn lên ngôi cao.

Mấy lần sau, đem cơm, đem thuốc vào cho cô Yến nhưng lần nào tiểu Chính cũng quay ra luôn. Thoáng qua, cũng thấy bệnh của cô Yến thuyên giảm rất nhanh, gương mặt tươi tỉnh. Mỗi lần chắt thuốc, xúc cơm vào tô, tiểu Chính lại có cảm giác như đang chăm sóc vợ. Ý nghĩ chợt lóe lên rồi bị ếm xuống ngay. Mỗi đêm liền, tiểu Chính hầu như không ngủ. Một người ở gian phía tây, một người gian phía đông. Hai gian ngăn nhau bằng một bức tường lá cốt ép nên tất cả những động tĩnh đều nghe rất rõ. Nghe tiếng thở đều, thở sâu của cô Yến, tiểu Chính thấy yên tâm, cố dỗ giấc ngủ nhưng ý nghĩ kẻ gian đột nhập cướp cô Yến mang đi, lại không dám. Nghe tiếng khóc, tiểu Chính lại ho đánh tiếng. Tiếng khóc ngưng lại.

Cũng có lúc, tiếng khóc nức nở, tiểu Chính đánh tiếng mấy lần vẫn không chặn được tiếng khóc ấy. Lúc ấy, lòng tiểu Chính như có hàng trăm nghìn con kiến lửa đốt nóng rang. Tiểu Chính muốn chạy ngay vào để động viên cô ấy không khóc nữa nhưng rồi lại không dám, lại nằm quật quã không yên. Tiểu Chính dày vò, day dứt. Tại sao người đàn bà phải chịu nhiều khổ cực cay đắng của cuộc đời trần thế như vậy. Đức Phật từ bi hỉ xả mà cũng không cứu được hết khổ nạn của kiếp người. Hình dung gương mặt xinh đẹp xanh xao đang phải chịu đau đớn về thể xác, tinh thần, lòng tiểu Chính như có dao cắt. Tiểu Chính không thể cắt nghĩa được những tình cảm của mình. Mấy lần ngắm trộm vẻ đẹp của Yến. Đặc biệt, lần đầu tiên bế người con gái, tiểu Chính thấy có một sự thay đổi kỳ lạ trên cơ thể đàn ông của mình. Nghĩ đến Yến đang nằm ngủ say, áo quần trẻ nài, nụ cười còn vương trên môi làm tiểu Chính không cưỡng được bản thân mình. Sự động cựa trong cơ thể đang nhúc nhích lớn dần. Lần đầu tiên, tiểu Chính có ham muốn đàn ông thực sự.

Hôm nay là ngày đầu tháng tám, cũng là ngày sinh nhật, tiểu Chính thấy vui lạ thường. Thắp hương xong, tiểu Chính đánh ba hồi chuông ròn rã. Quay ra để ngồi tụng kinh, tiểu Chính đã thấy cô Yến ngồi từ bao giờ, hai tay chấp lên đỉnh đầu thành kính. Hôm nay, tiểu Chính tụng kinh Dược sư. Lúc đầu tiểu Chính còn tập trung được, sau vừa tụng kinh vừa chấp chớn trong đầu hình ảnh cô Yến. Đến khi chú tâm niệm phật tiểu Chính như bị nhập vào hai cõi khác nhau. Cõi trần và cõi Phật. Tất cả quá khứ, tương lai, hiện tại của cõi trần cứ uả về. Mỗi cảnh đời luân hồi theo từng vòng tràng hạt hiện lên. Tay thỉnh chuông, miệng vẫn niệm đều đều nam mô a di đà phật. Đức Phật trên cao vẫn nhìn xuống độ lượng song hình ảnh cô Yến vẫn chấp chớn mỗi lúc một rõ hơn. Đó là khi tiểu Yến chải tóc, vuốt tóc chảy dài trùm hết bờ vai, làn áo trắng mỏng manh. Khuôn mặt đỏ bừng xấu hổ khi ngồi giường, hai tay đỡ bát thuốc vô tình chạm vào tay tiểu Chính. Khi ánh mắt tiểu Yến ngược nhìn lên yếu đuối sâu thẳm, đầy vẻ biết ơn, hai hàm răng khê mở đều tăm tắp làm lòng tiểu Chính xốn xang, muốn ngay lúc đó muốn ôm sát đầu cô ấy vào lòng, bàn tay vuốt nhẹ mái tóc, rồi khẽ nâng khuôn mặt ướt đầm nước mắt ấy lên, cúi xuống ghé sát mặt vào nhau. ...

Không thể! Tiểu Chính vụt ra khỏi kỷ ức. Đức Phật trên cao vẫn đang nhìn xuống! Đột nhiên, hình ảnh cậu tiểu Chính đầu cạo trọc, quần áo nâu sồng ngày xưa lại hiện về. Lần đầu tiên đi theo trẻ trâu lợi ruộng bắt cào cào châu chấu nướng ăn đến hết cả mồm đã không giấu được sư cụ. Lần lợi ruộng nước be bờ

tát vết để bắt đồng đông cân cần. Mãi mê được mấy con đựng vào lọ, con đĩa vắt ngang bụng chân từ bao giờ, sợ đến tè dầm ra quần. Duy một lần bị sư cụ vụt roi. Không đau vẫn kêu ré lên. Đứng dậy tụt luôn quần xuống gối rồi cười ha ha "À! Không chảy máu". Nhìn lên thấy sư cụ mắt rơm rớm, lại vụt chạy thực mạng, gọi cũng không quay lại...Vòng tràng hạt trên tay tiểu Chính tự nhiên rung lên quay tít. Tiểu Chính hoảng hốt như đang chứng kiến kiếp trước của mình. Tiểu Chính mặc áo cà sa đi sau một chiếc quan tài sơn son phủ đầy hoa trắng. Bền trong quan tài là tiểu Hạnh trong chùa Liên Mục. Không phải! Cô Yến! Yến!

Tiểu Chính đứng vụt dậy chấp chớn.

- Bạch thầy! Nam mô a di đà Phật!

- Nam mô a di đà Phật! Thiện tai!

Thiện tai!

Khóa lễ xong, tiểu Chính bước ra đến

hiên thì cô Yến đã đứng chấp tay chờ.

- Bạch Thầy! Con xin đội ơn...

Tiểu Chính nghe cô Yến nói mà tai cứ ù lên. Chỉ nghe rõ cô ấy xin phép đi khỏi chùa nên vội cất ngang:

- Cô Yến đi đâu? Về nhà à?

- Không. Duyên con coi như đã cắt

xong.

- Cô không thể đi lúc này. Tĩnh dưỡng cho khỏe hần. Nguy hiểm lắm. Có kẻ đang rình rập.

- Vâng. Con biết. Kẻ ác sẽ phá chùa

hại con.

- Cô không thể đi một mình. Hôm nay là ngày Phật thánh, kẻ ác lên đây cũng không làm gì được. Thọ trai lộc Phật xong tôi sẽ thưa chuyện sư cụ.

- Nam mô a di đà phật!

Năm nào, vào ngày sinh của tiểu Chính, sư cụ cũng nấu cá cổ chay, cỗ mặn, cho tiểu Chính vui. Mấy ngày nay bận rộn chăm cô Yến, cơm nước, thuốc thang, song lại thấy tiểu Chính vui vẻ lạ thường, chân sáo đi ra đi vào. Hôm qua, lúc hai thằng thanh niên lên tìm cô Yến, dọa phá chùa, tiểu Chính đã nói từ tốn. Một thằng xông xênh giờ nắm đầm dọa, tiểu Chính đã bẻ ngược hai tay ra sau khóa chéo. Tiểu Chính đã thực sự trưởng thành. Hôm nay tròn hai mươi tuổi. Cũng là ngày cuối cùng hết thời hạn mẹ tiểu Chính quay trở về đón con. Chín giờ đêm, việc xong xuôi, sư cụ gọi tiểu Chính vào chuyện:

... Con đã sinh ra và lớn lên ở ngôi chùa này. Tuy không có công sinh, nhưng ta đã nuôi dạy con từ tấm bé. Kể lẽ này, để biết, con đã là con của ta. Ta tràn trở từ bao năm nay... về cuộc đời của con. Nay, ta mới được...khải tâm xuất thế. Con là người, có tâm theo phật, nhưng lòng con không thể cưỡng được cuộc sống trần tục. Ta biết, con đã yêu thương cô Yến. Cô ấy, đang gặp hoàn cảnh khó khăn... Ta khuyên cô ấy, nên về nhận lấy phận mình, rồi kẻ ác sẽ tu

tâm dần. Cô ấy, nhất định không về đó nữa. Thời nay đã khác... Thân gái, dậm trường. Cứu một người, phúc đặng hà sa. Ta không ngăn cản, con cứu cô ấy. Song thực lòng, ta muốn...nếu, có đi xa, rồi, con sẽ trở về đây, nhưng với thân phận khác. Giờ, đã đến lúc, con phải lựa chọn cuộc sống, số phận của mình. Con hãy, suy nghĩ thật kỹ. Đây, số vàng mà mẹ con đã để lại.

Tiểu Chính quỳ sụp xuống lạy tạ ba lần rồi gục đầu vào hai lòng bàn tay sư cụ khóc như mưa.

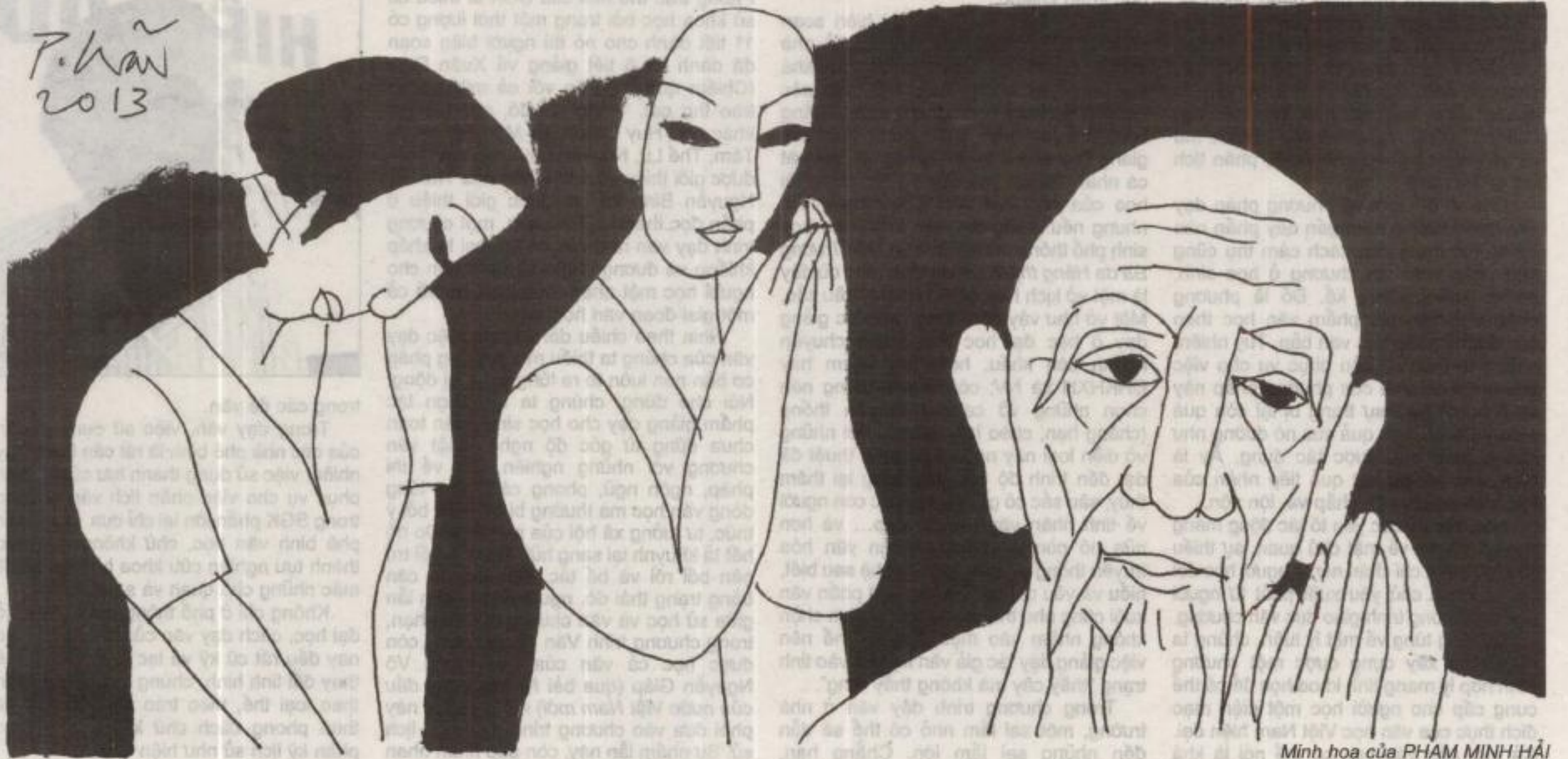
- Con trai tai!

Cả người sư cụ rung rung trên chiếc ghế. Khuôn mặt nhúm lại. Hai tay cụ run run ôm lấy tiểu Chính.

- Con đã định tâm mọi việc. Nay được thỏa nhẽ. Các việc con làm đều là tội cả. Tội của người trần mắt thịt. Con xin bẻ trên xá tội, rửa lòng thương con trẻ đã không qua nổi cửa ải thế nhân.

Tiểu Chính vượt khỏi tay sư cụ hướng lên tam bảo rồi cộc đầu xuống đất lạy tạ ba lần.

Bốn giờ sáng, sư cụ trở dậy rồi bước xuống nhà ngang. Hai cánh cửa khép hờ. Hơi ẩm vẫn thoảng qua. Con đốm nằm hai chân chụm trước. Cái mặt ngườ về một bên như đang khóc. Thấy thương nó quá, sư cụ ngồi thụp xuống. Vừa thì thào, hai tay cụ vừa vỗ về an ủi từng mảng da thịt của nó. Một lúc lâu, con chó ngẩng mặt, cả mảng lông cổ ướt đầm. Sư cụ áp đầu con chó vào ngực, phều phào: "Ngoan nào! Đốm!". Con chó quật lại đuôi sư cụ mới trở lên nhà, từng bước nặng nề. Ba hồi chuông lại tung bùng rộn rã đổ tràn xuống thung lũng bập bênh, ngân nga, thánh thót. Hồi chuông cuối đã dứt mà sư cụ vẫn rưng rưng không ngớt. Tiếng chuông xé lòng thốn thức. "Nợ tình chưa trả cho ai. Hồi tình mang xuống tuyến đài chưa tan!". Khối tình ấy đã mang từ thuở thanh tân. Cả cuộc đời chất chống đốn nặng những yêu thương. Sáng sáng lại gửi lòng cùng tiếng chuông chùa về nơi người ấy chốn cửu tuyền để lòng lại vững chãi thanh thản. Trên con đường bóng tối thăm thẳm, còn bao nhiêu bước chân nhọc nhằn khổ ải nữa đời trẻ mới tới chỗ bình an? Nợ đời đâu bể! Sư cụ ấn tay vào ngực để khỏi trào ra những ụ khí nóng ran rồi cố hết sức kéo dây chuông. Lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng, người dân trong vùng xôn xao khi nghe âm thanh lạ lùng của tiếng chuông vút lên thanh khiết và riết lạnh. Tiếng chuông lạng dần, tụ thành từng dải trắng bao quanh lưng chừng núi. Cả Cô Thinh dậm vào thình không.■



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

Bà "lá lốt" là cách dân ngô gọi vui mẹ Liên. Bố Liên mất sớm vì bệnh hiểm nghèo. Mẹ Liên hết mớ xúc sống xa ngôi gần, chợ sớm chợ chiều lại lên rừng gánh sản gánh chè, Khóm lá lốt mọc quanh gốc cây ổi là "tủ thuốc" của bà Gái. Lá lốt xao rượu chườm lưng đau gối mỏi, nhức đầu. Nước lá lốt ngâm chân tê thấp. Một lần bà Gái đi mò bị ngã treo chân. Oải oải là chiếu hôm ấy Trường xô Liên ngã toác đầu gối. Cậu chàng sửa lỗi bằng việc thay Liên hái lá lốt cả tuần. Thế là bùng nổ bài về: "Ve ve ve ve. Cái ve lá lốt. Chị xinh anh tốt..."

Anh chàng Song lý đang ở Cần Thơ chốt cuộc chúc mừng liên tỉnh. Một hồi lú rú tươi vui Liên thở dài như bà già, giọng nói chợt khác. "Bọn tớ tin cậu. Gặp nhau sau nhé." Bình hỏi ngay: "Anh Song có chuyện gì thế à?". "Song đang lâm thế khó. Tổ kiểm toán chịu tư bề áp lực, cao và mạnh nhất lại từ nơi ông bố bạn gái hẳn. Song là tổ trưởng, chữ ký sẽ quyết định công việc em xuôi hoặc có kẻ dính vòng lao lý. Hẳn bảo bọn mình cứ tin tưởng ở hẳn". - Liên quay sang tôi: "Song nhắc hẳn đừng vui việc mình mà quên việc hẳn nhớ." Tôi quả quyết như thế có Song đứng đầu đó trong gian chái: "Khỏi lo". Ngày kia sẽ đầu vào đấy. Thực ra, nếu không mắc chiến dịch chống rầy thì việc Song nhờ đã xong trước ngày cưới Liên. Trước khi đi công tác Song có điện về nhờ tôi đóng chiếc hộp gỗ cất chiếc búa bổ củi. Cuối năm ngoái sau ngày ông Thơ đi với tổ tiên chính tay tôi đã tìm thấy chiếc búa bổ củi, bôi dầu bảo quản cất góc gian chái. Tôi coi đó là một kỷ vật. Ông Thơ, ngoài việc đồng áng có nghề đánh gốc cây, bổ củi thuê. Những chập nông nhàn ông vác búa đi chia lửa với mảnh ruộng. Việc thuê khoán có khi được trả bằng gốc củi, đoạn cây quy ra tiền. Ông nhận món tiền công về bổ ra bán cho hàng quán, lò gạch. Khuya sớm tiếng búa bổ củi khi mau khi thưa thớt vào đời sống ngô "bắp cây". Ông lão đáng cao sân lần đứng thế công lựa từng nhát búa đã tác dấu ấn không phai mờ trong ký ức dân ngô - Một biểu tượng của con người lam lũ mà kiên cường thanh cao.

Từ này Bình áp "con đế" bên tai chờ cuộc gọi của ai đó. Đột ngột nó chia "đế" ra trước mặt Liên: "Chị gọi số này đi". Nhìn Liên nhấn phím máy bàn tôi biết là số máy của Hào. Đường truyền thông nhưng đằng kia im lặng từ chối. Quân kịp chặn cơn nổi loạn của em gái tôi: "Hôm qua gặp tớ, Hào hứa sẽ đến. Chắc tối nay vợ chồng nó quá bận việc gì đó thôi".

Bất chợt cơn gió quẩn. Tôi kịp đỡ cánh cửa khỏi sập vào khung, sức nhớ ban chiều lấp xong quên gài chốt chống sập. Nhìn thấy vết ánh trăng loang trên mặt ngô tôi thực sự ngỡ ngàng. Tôi đã bị ký ức lan man bắt vít bên cửa sổ hàng tiếng đồng hồ. Vầng trăng muộn mà đậm sáng. Đứng trong gian chái áp mặt vào song cửa nhìn thấu con ngô "bắp cây". Bỗng dưng mắt tôi bị hút vào cây với gần đầu ngô. Cây với nhà chú Lai đang lên tấm cổ thụ, là thứ quả ăn vui nước uống mát cho mấy thế hệ dân ngô bắp cây, cả xóm trong xóm ngoài nữa. Hơn một lần tôi tin rằng tôi đã thật quên nhưng cây với thì mãi nhớ buổi khuya ấy. Thật là thế bởi người ta từng dựa nẹp vào cây. Đó là đêm trước ngày tôi nhập ngũ. Phúc ở lại ngủ chung giường. Đang nằm Phúc bật dậy ra đứng bên cửa sổ, gọi tôi ra chỉ tay ra đầu ngô. "Nhìn xem ai đứng bên cây với". Gió chính nam thổi dọc ngô đem lại mùi thơm quả với chín giòn ngọt chua chua. Tôi bám tay vào song cửa hít một hơi thật đã "Hình như cái Hào". "Đúng là em gái tao, mày đã nói gì với nó chưa?" "Lúc chiều nó bắt tao trèo hái với chín. Tha hồ mà ăn. Châm học vào.". "Còn nói gì nữa không.". "Còn nói gì nữa nào". "Đồ ngu. Ra nói thêm đi". Tôi né cú dúi của Phúc, lên giường trùm chăn. Đã qua tiết lập đông, đêm tháng mười dài và lạnh. Sáng hôm sau, đeo ba lô lên xe tôi nhận ra trong rất nhiều bàn tay vẫy tiễn có bàn tay của Hào. Tôi ân hận việc tối hôm trước đã từ chối "lệnh" của anh trai Hào. Nơi đảo xa, tôi chắc lắm niềm tin nơi người tôi thầm yêu. Một trong nhiều nguồn bảo đảm cho niềm tin ấy là "cuốn băng" tình cờ tôi thu được. "Bài đại số ba khó quá hẳn đi". "Đi chơi còn khó hơn...". "Tớ van hẳn...". "Van cái cục than. Hẳn có đồng ý làm chị dâu tớ không?". "Thì tháng nào tớ chả nhận, gủi ba là thư... Ngoéo tay nào?".

Ngày tôi ra quân về quê, làng đã khác. Con đường lớn mở qua làng, một thôn của làng thành phố của thị trấn mới. Cô bé đứng nẹp gốc cây với cũng đã khác rồi. Hào đã tốt nghiệp lớp trung cấp tài chính "cấp tốc", làm cán bộ phòng tài chính thị trấn. Chồng sắp cưới của Hào là con sếp to, cơ ngơi thành thang phố mới. Ngày



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

cưới Hào tôi đang hoang trọng trách anh cả. Dựng rạp, trang trí, đón khách. Chỉ đến lúc đoàn nhà trai bước qua cổng hoa tôi bỗng thấy như có bàn tay thọc bóp lồng ngực. Tôi đi tắt lối vườn về nhà đổ vật xuống giường. Tôi kịp sập cánh cửa sổ trước khi cô dâu lộng lẫy xiêm áo đi qua. Chưa ai biết cửa sổ mở ra ngô bỗng dưng khép chặt giữa giờ hoàng đạo ngày đẹp trời...

Hường về thăm nhà sau đợt lưu diễn nước ngoài. Sang chơi, hẳn khoe vừa ở bên nhà thím Sử chén hết cả bát dưa chua. Tôi nhìn trộm Hương, may kim được tiếng reo. Khỏi nói niềm vui của thím Man khi biết con gái đã có chồng thêm ăn của chua.

Chiếc bàn học vẫn kê chỗ ngày xưa, bớt đi nhiều sách vở, thêm bộ ấm chén. Hương ngồi nhìn, xoa xoa những dấu khắc một lúc rồi ra đứng bên cửa sổ. Hai bàn tay Hương nắm xoay xoay từng chiếc song cửa như thợ mộc kiểm tra độ khít mộng tròn, ít lâu sau ngày ở cửa chái có song có cánh, Hào bày trò thi bàn tay đẹp, úp bàn tay xuống mặt bàn, cong năm ngón lên. Thành Trí làm trọng tài. Liên và Hương đồng giải nhất, Bình với Hào đồng giải nhì. Không có giải ba. Bọn con gái hết lối cãi. Đi cấy, đi mò cua bắt ốc, bèo cám, bếp núc... Hương vất vả hơn cả mà bàn tay vẫn mịn màng những ngón búp măng cong chữ "C" ngược. Sách nhân tướng học có chỉ dẫn người có bàn tay mịn ấm, ngón tay thon dài là dấu hiệu bẩm sinh năng khiếu nghệ thuật. Tôi ngắm thấy đúng với Hương. Giữa năm lớp mười, sau cuộc liên hoan học sinh đàn và hát dân ca Hương được tuyển vào trường nghệ thuật.

Hường quay ra, hai mắt chợt đổ hoe. Tôi sán lại, thực sự lo lắng.

- Hẳn làm sao thế?
- Không làm sao. - Hương gượng nụ cười- Hẳn sướng thật đấy. Có cửa sổ được mở suốt ngày.

Tôi cố nín cười.

- Thì vẫn như ngày xưa, cửa sổ không bao giờ khép. Như thế là sự sướng của tớ đến mức hẳn phải mừng bằng mắt đổ hoe. Nghệ sĩ thật quá đa cảm. Xin đủ cho.

- Tớ nói thật đấy. Nhà tớ quanh năm không dám mở cửa sổ. Mở cửa ra, ngày cũng như đêm khỏi bụi nong nặc hồi hám. Mở cửa ra là ập vào mắt đủ trò kịch cớm, lố lằng. Người ta ôm ấp, làm tình ngay trước cửa nhà mình. Người lớn thôi đành. Nhưng bọn trẻ rồi sẽ ra sao nếu ngôi nhà mở hoặc không bao giờ dám mở cửa sổ. Mà thôi - Hương nhìn nhanh ô cửa sổ- Tớ ra trạm xá với Mơ. Hẳn chuẩn bị quà mừng công dân trẻ nhất ngô nhé.

Vợ chồng Hương có ngôi nhà rất đẹp trên thành phố. Năm ngoái lũ bạn quê kéo đoàn lên chơi cả ngày. Bấy giờ thì tôi hiểu vì sao chồng Hương ngập ngừng nói "Đừng..." khi tôi muốn mở cửa sổ để nhìn thành phố từ một tầng cao. Biết bao giờ Hương mới giải toả được nỗi buồn không- dám- mở- cửa sổ. Biết bao giờ? Thế mà tôi suýt cười phá lên, nói nhạo cảm xúc chân thành của tôi khoe với Hương cửa sổ mở ra ngô không-bao-giờ- phải- khép là nói lên thôi. Có một buổi sáng thằng Trí nhao vào tót lên giường. "Anh khép chặt cửa sổ giúp em với". Mấy hôm rồi trời u ám, nắng đang lên ủa qua cửa sổ. "Sao phải khép", tôi gắt lên. Thằng Trí ngồi lên đưa tay quệt nước mắt: "Bố em bán con Tứ Khoáy rồi. Người ta vừa mang tiền đến. Thím Cao đội đá thuê bị ngã đập xương ống chân. Bố bột sắp đến ngày hẹn thảo, chân thím vẫn sưng, đau nhói. Lên bệnh viện, bác sĩ khám xong phân tung tung: "Lỗi nhà quê tham việc, phải mổ, đóng đinh. Chồng đủ mười lăm triệu thì đi cấy được". Lần trước bố bột và nửa tháng thím nằm viện chủ Cao đã phải cầm sổ đỏ cửa tin dụng. Lần này con trâu mộng đẹp nhất nhì cánh bãi phải ra đi. Tôi cũng từng chịu nỗi buồn chia tay những con vật mình nuôi nặng chăm bẵm. Lúc này có nói gì với thằng Trí cũng chỉ xới thêm nỗi buồn, tôi cài chặt cửa sổ đi ra ngô. Người chủ mới đã dong con trâu qua cổng. Chủ Cao đi theo mấy bước dừng lại đứng nép vào bờ cây vọng cách, nỗi niềm chia tay con vật bạn bè đồng cam lâm lũ tràn ra cánh tay run rẩy cả vòm cây. Tôi bám vai Tứ Khoáy tiễn nó qua đầu ngô. Trở vào tôi đứng nép ngoài cửa sổ, lắng nghe. Tiếng cái Bình nghèn nghẹn: "Nín đi. Nghe tớ nào. Nín đi..." Thằng Trí vẫn rấm rứt khóc. Cánh cửa bản dày dù đã khép chặt vẫn không ngăn nổi tiếng bước chân trâu dận trên mặt ngô. (Mấy năm sau, khi thằng Trí đã là em rể, tôi có kể lại buổi sáng ấy, con trâu nặng nề từng bước ra ngô. Đến chỗ cửa sổ nó dừng lại nghiêng đầu cọ mõm vào cánh cửa, khịt khịt mũi, lỳ ra. Ông chủ mới phải dết mõng Tứ Khoáy mới chịu bước. Thằng Trí thở dài hai mắt đổ hoe). Năm ngoái, đang tiết xuân phân ông giới đốc chứng nắng lửa gió tây. Nhiều nhà phải mang quạt điện ra dùng. Nhà tôi chỉ duy nhất không mở ô cửa chái phía ngô. Quân sang chơi toan mở cửa sổ bị tôi cản lại, nó trúng mắt: "Đổ hăm". Đành chịu tiếng "hăm", chịu cơn quái tính của ông giới. Tôi cần phải có thời gian để làm quen với cánh mỗi sớm mỗi chiều vắng bóng một người già đi qua cửa sổ. Cụ Tơ đã ngoài tám mươi nhưng vẫn xăm xắn đủ việc đỡ con cháu. Nhiều lứa trẻ trong ngô được cụ đón tay, bế ẵm. Cụ thuộc lâu truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên, có cả kho chuyện cổ tích. Đứa trẻ nào khó tính khó nết đến đâu được cụ bế ẵm, ru dỗ đều ngoan ăn ngoan ngủ. Buổi sáng ấy cụ Tơ đi chợ về muộn hơn mọi ngày. Bán mau gánh rau cụ đi thăm mấy người bạn già, rẽ vào chơi với đứa cháu ngoại. Cụ nán lại với tôi đang tra dấu bản lẻ cửa chái: "Tao nghe ngoài chợ bàn tán vợ chồng con Hào chẳng ra làm sao, con bé đẹp thế mà thằng chồng như không còn là người nữa. Chúng mày đừng trách giận nó..." Trong ngô, tôi và Hào được cụ Tơ cưng chiều nhất. Cụ thực lòng vun vén hai đứa. Tôi cầm tay cụ, nói cứng: "Thì cụ đã chẳng nói con người ta có duyên có số! Hào có là vợ ai chúng cháu vẫn là bạn bè, anh em một ngô". Cụ Tơ nhìn vào trong gian chái bàn tay khô gầy nắm chặt con song cửa: "Mày nghĩ thế là phải. Biết ăn biết ở. Ất có phúc có phần". Chúng nửa buổi chiều đứa cháu đạp xe ra ruộng ngô, gương mặt đầm nước mắt: "Cụ Tơ. Chú về... ngay..." Tôi phốc lên xe đạp gò lưng guồng hết sức.

Cụ Tơ nằm thanh thản như đang ngủ sau cơn đau tim đột ngột. Cụ đi cùng với mặt trời.

Chuông điện thoại đổ. Liên đang ở lại sáng tác văn học phía Nam lo lắng vì buổi chiều những bốn cuộc gọi

(Xem tiếp trang 24)

HỘI NGHỊ LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC LẦN THỨ III

KIẾN LẬP ĐỊNH HƯỚNG TƯ DUY MỚI

NGUYỄN CHÍ HOAN

MỘT khuôn khổ mới của hoạt động lý luận và phê bình, theo hướng triển nở mở ra trên tiến trình văn học chung của đất nước, là điều mà trong diễn từ đúc kết Hội nghị tại Tam Đảo lần này, diễn ra trong các ngày 4-5/6/2013, nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch UBQT Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, đã nêu rõ, với những căn cứ và đại cương thiết yếu về biện pháp: từ lộ trình thực tiễn đã thành nền nếp các Hội nghị LLPB năm năm một lần, đến hướng đi có tính đột phá nhằm nâng tầm chuyên nghiệp của phê bình và lý luận bằng kế hoạch tổ chức nghiên cứu - biên soạn thêm nhiều tài liệu lý thuyết mới, xây dựng một hệ giá trị mới (như gợi ý của Gs. Trần Đình Sử) khắc phục tình trạng "loạn chuẩn" về LLPB, và tăng cường đối thoại dựa trên các tiêu chí tiếp cận văn học xác định về tư tưởng, về nghệ thuật, và về ngôn ngữ, với niềm tin đối thoại làm nảy sinh trí tuệ.

Kể từ Hội nghị LLPB lần thứ Nhất vào năm 2003, lừng danh trong giới văn học là "hội nghị Tam Đảo", Hội Nhà văn Việt Nam đã đưa các hoạt động LLPB đi vào khu vực trung tâm của các hoạt động tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng cho sáng tác của Hội. Quá trình này đã tăng nhịp độ nhanh chóng kể từ sau Hội nghị LLPB lần thứ Hai tại Đồ Sơn năm 2006, một sự kiện lớn của giới văn học trong nước, quy tụ đông đảo nhất các nhà văn và những người làm LLPB đã hoạt động tích cực trong hai mươi năm vừa qua và kể cả trước đó nữa, một Hội nghị đặt ra mục tiêu lâu dài cho LLPB thúc đẩy nâng cao chất lượng sáng tác trong sự quan tâm đến quyền tự do sáng tạo cho nhà văn - điều mà bởi thế, cùng lúc, Hội Nhà văn Việt Nam đã mở liên tục hai cuộc thi tiểu thuyết triển hạn đến 2011, để thực hiện mục tiêu và tạo một địa bàn thực tiễn cho công việc LLPB của mình. Trong các năm sau đó, khoảng hai mươi cuộc hội thảo, tọa đàm văn học quan trọng đã diễn ra trong khuôn khổ hoạt động lý luận của Hội Nhà văn và các hoạt động ấy dần mở rộng về mặt tổ chức, trong sự hợp tác của các trường, viện và các địa phương trên phạm vi cả nước.

Sự mở rộng đó thể hiện kết quả trong Hội nghị lần thứ Ba này với các đại diện sung sức, nhiệt tâm và trẻ trung hơn hẳn từ các đại học lớn của khu vực ĐBSCL và Tp. Hồ Chí Minh, khu vực Tây Nguyên và Huế, khu vực Đông Bắc và Hà Nội, và Viện Văn học. Cùng với lớp các nhà LLPB lão thành, các đại diện của giới đại học là những người đặt vấn đề cho thực tế của hoạt động

LLPB, và việc Hội nghị lần này tập trung thảo luận những vấn đề như vậy, tức là khi LLPB nhìn lại chính mình trong quan hệ với đối tượng văn chương và việc đào tạo về văn học - thì đó là một dấu hiệu tiến bước tích cực.

Các nhà phê bình lão thành Nguyễn Văn Hạnh, Ngô Thảo, Trần Đình Sử, Phương Lưu, Phong Lê hoặc nhà lý luận Hồ Ngọc Đại nhìn nhận sâu sắc từ các góc độ khác nhau như từ sức ép ghềnh của bối cảnh kinh tế thị trường vào chuyển động của văn chương và LLPB. Theo ý kiến của các ông, hoạt động phê bình và nghiên cứu xây dựng lý luận văn học, dù là trên báo chí hay trong các trường đại học và viện nghiên cứu, hiện đang vướng mắc trên cả hai hướng cốt yếu, là khuynh hướng tư tưởng và đãi ngộ vật chất. Gs. Trần Đình Sử nêu nhận xét rằng ông không thấy có báo cáo nào nói rõ rằng được hưởng tư tưởng trong thực tiễn LLPB đương đại - thực trạng mà ông cho rằng có nguồn gốc sâu xa trong việc chúng ta vận dụng máy móc cả các tư tưởng nước ngoài lẫn các bài học từ truyền thống văn học dân tộc. Và ông đề nghị LLPB đi theo hướng xây dựng một hệ giá trị mới tương thích với thời đại chúng ta. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, cũng đầy nhiệt thành, tham luận của Gs. La Khắc Hòa hay của nhà thơ Inrasara nêu những luận chứng hoặc phương pháp có tính thực nghiệm nhằm tiếp nhận tích cực một số sáng tác được xem như thuộc về trào lưu "hậu-hiện đại" của những tác giả mới trong nước. Đây là một trong vài chủ đề từng bị coi là "nhạy cảm" cách nay chưa lâu, phần nhiều bởi nó gây sự giận cách lớn trong những người làm LLPB và công chúng quan tâm, và là một chủ đề không nhằm tìm kiếm sự đồng thuận. Đưa các chủ đề như vậy vào nghị trình Hội nghị, như nhà thơ Hữu Thỉnh ghi nhận, là một biểu thị của không khí cởi mở trong sinh hoạt phê bình, bầu không khí đã được kiến tạo qua hai kỳ Hội nghị và hàng loạt những hội thảo và tọa đàm văn học trong suốt những năm vừa qua, đồng thời cũng vạch rõ giới hạn mang tính chuẩn mực về văn hóa đối với những cái gì còn xa lạ với thực tiễn sáng tác và tiếp nhận văn chương ở Việt Nam.

Cũng trong các thảo luận nói trên, thế hệ của nhà phê bình và lý luận lão thành, nhận định chung về thực tại văn học trong bối cảnh xã hội hầu như đều dẫn đến một lưu ý quan trọng, như nhà phê bình Ngô Thảo nhấn

manh: ngày nay một phần lớn văn chương là do những người trẻ viết, và cần phải thấy những người phê bình của hệ hình văn chương đó hiện diện. Gs. Phong Lê, Gs. Hồ Ngọc Đại cũng đều đề nghị phải thấy đúng thực tế là chúng ta đang có một lớp hoàn toàn trẻ, hoàn toàn mới những người viết văn chương và người đọc văn chương.

Nhà thơ Hữu Thỉnh sau đó đã nhắc lại một điều ông từng nêu trên diễn đàn một hội thảo văn học quan trọng: thực ra chúng ta không có cái gọi là "vấn đề thế hệ", mà vấn đề luôn chỉ là có tài năng hay không. Thực sự thì quá trình chuyển giao giữa các lớp người làm LLPB đã thể hiện qua ba lần Hội nghị, một cách tự nhiên. Song, ở cuộc tụ hội lần này, các tín hiệu chuyển giao như vậy là rõ rệt hơn nhiều. Và sự hiện diện của lớp kế cận trong Hội nghị này thể hiện ý đồ định hướng của Hội Nhà văn Việt Nam đối với công tác lý luận: trong khi cả Lý luận và Phê bình đều đối mặt các thách thức khó khăn, sự lựa chọn một động cơ thúc đẩy được đặt về phía những "cổ máy" lý thuyết - những đại diện những trung tâm nghiên cứu văn học và các trường đại học. Tuy vậy, cũng không thể không nhắc tới sự hiện diện thường xuyên của một số nhà văn, nhà thơ trên lĩnh vực lý luận, phê bình văn học. Họ có điểm mạnh là có liên hệ "máu thịt" với thực tiễn sáng tác.

Những kiến giải và đề nghị vừa có tính thực tiễn, vừa khái quát và tích cực chủ động như trong các thảo luận của Hữu Đạt hay Phan Tuấn Anh về cải cách việc dạy và học môn ngữ văn, dạy và thực hành môn LLPB văn học, ở cấp phổ thông và cấp đại học chuyên ngành, đã đem lại những gợi ý hết sức sáng rõ và cụ thể cho một vấn đề lớn và khó lâu nay: xây dựng người đọc tiềm năng cho nền văn học nước nhà, đào tạo những cây bút phê bình văn học, lý luận văn học cho tương lai trước mắt và sắp tới.

Để cập toàn diện đến hoạt động LLPB đương đại, và dự kiến những bước đi thực tế tức thời, Hội nghị LLPB lần thứ Ba nhìn thẳng vào thực trạng còn hạn chế của phê bình văn học: nhà thơ Hữu Thỉnh, trong lời kết luận, đã nhắc lại ý kiến tham luận của nhà thơ Phạm Khải, để nhấn mạnh rằng chúng ta đã bàn rộng mà vẫn chưa đi sâu vào một vấn đề chính yếu là làm thế nào nâng cao chất lượng hiệu quả của LLPB.

Dấu thực tế thì, phê bình xưa nay chưa bao giờ tránh khỏi và cũng không hề né tránh sự phê bình.■

VÀI SUY NGHĨ VỀ DẠY VĂN, HỌC VĂN HIỆN NAY

HỮU ĐẠT

QUA thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận ra một điều đáng buồn là: Các sinh viên chuyên ngành văn học, bao gồm cả sinh viên thuộc hệ đào tạo chất lượng cao và khối Sư phạm Văn cho đến năm thứ hai và thứ ba vẫn có những hiểu biết rất hạn chế về văn chương không những về vốn tri thức mà cả về phương pháp nhận biết, phân tích tác phẩm nghệ thuật.

Một số đổi mới về phương pháp dạy văn trong những năm gần đây phần nào đã có tác dụng đến cách cảm thụ cũng như phân tích văn chương ở học sinh, nhưng không đáng kể. Đó là phương pháp đọc-hiểu tác phẩm văn học theo con đường phân tích văn bản. Tuy nhiên, những tri thức cơ bản phục vụ cho việc tiếp nhận cái mới của phương pháp này thì ở người học, sự trang bị lại còn quá mỏng. Do đó hiệu quả của nó dường như không phát huy được tác dụng. Ấy là chưa nói, những kết quả tiếp nhận của học sinh có khi còn chấp vờ, lộn xộn.

Nếu loại bỏ các yếu tố tác động mang tính xã hội thì về mặt chủ quan, sự thiếu say mê thậm chí chán nản ở người học đối với văn học chủ yếu xuất phát từ người dạy và chương trình giáo dục văn chương.

Do lúng túng về mặt lý luận, chúng ta đã không xây dựng được một chương trình hợp lý mang tính khoa học để có thể cung cấp cho người học một diện mạo đích thực của văn học Việt Nam hiện đại. Cả một nền văn học có thể nói là khá

phong phú được nhận diện một cách hơi hợt, khắp khiếm.

Điểm đáng lưu ý là, khi biên soạn chương trình giảng dạy văn học ở nhà trường, các tác giả biên soạn sách đã khá tùy hứng mà không tuân thủ theo các nguyên tắc khoa học nghiêm ngặt. Chẳng hạn, thể loại sân khấu được đưa vào giảng dạy quá ít lại thiếu hợp lý. Về mặt cá nhân, tôi rất yêu quý và tôn trọng tài hoa của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ, nhưng nếu giảng dạy sân khấu cho học sinh phổ thông mà chỉ đưa vở *Hồn Trương Ba da Hàng thịt* là rất sai lầm, mặc dù đây là một vở kịch hay, có tính triết lý sâu sắc. Một vở như vậy nên dùng vào việc giảng dạy ở bậc đại học mang tính chuyên ngành sân khấu, hoặc Sư phạm hay ĐHKHXH và NV; còn ở phổ thông nên chọn những vở ca kịch truyền thống (chẳng hạn, chèo hay tuồng). Bởi những vở diễn loại này ngôn ngữ nghệ thuật đã đạt đến trình độ cao, nội dung lại thâm thúy, sâu sắc có giá trị giáo dục con người về tính nhân văn, về cái đẹp... và hơn nữa nó còn là những di sản văn hóa truyền thống rất cần được thế hệ sau biết, hiểu và yêu quý nó. Tương tự, ở phần văn xuôi cũng như thơ ca, do tiêu chí lựa chọn không nhằm vào mục đích cụ thể nên việc giảng dạy tác giả văn học rơi vào tình trạng "thấy cây mà không thấy rừng".

Trong chương trình dạy văn ở nhà trường, một sai lầm nhỏ có thể sẽ dẫn đến những sai lầm lớn. Chẳng hạn,

chúng tôi cho rằng, phần giảng dạy Phong trào thơ mới của SGK là thiếu cơ sở khoa học bởi trong một thời lượng có 11 tiết dành cho nó thì người biên soạn đã dành tới 6 tiết giảng về Xuân Diệu (Chiếm quá 50% so với cả một phong trào thơ ca). Trong khi đó, các tác giả khác như Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Thâm Tâm, Thế Lữ, Nguyễn Bính mỗi người chỉ được giới thiệu có 1 tiết (hơn nữa Thế Lữ, Nguyễn Bính lại chỉ được giới thiệu ở phần đọc thêm)... Cho nên, một chương trình dạy văn như vậy có thể coi là khắp khiếm và đương nhiên sẽ đem đến cho người học một nhận thức lệch lạc về cả một giai đoạn văn học.

Nhìn theo chiều dài lịch sử, việc dạy văn của chúng ta thiếu một phương pháp cơ bản nên luôn tỏ ra lúng túng, bị động. Nói cho đúng, chúng ta lựa chọn tác phẩm giảng dạy cho học sinh hoàn toàn chưa đứng từ góc độ nghệ thuật văn chương với những nghiên cứu về thi pháp, ngôn ngữ, phong cách của từng dòng văn học mà thường bị chi phối bởi ý thức, tư tưởng xã hội của một thời. Do đó hết tả khuynh lại sang hữu khuynh, rồi trở nên bối rối và bế tắc. Đôi khi, để cân bằng trạng thái đó, người ta còn lăm lăm giữa sử học và văn chương. Chẳng hạn, trong chương trình Văn 12, học sinh còn được học cả văn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (qua bài *Những ngày đầu của nước Việt Nam mới*) mà lẽ ra bài này phải đưa vào chương trình dạy môn lịch sử. Sự nhầm lẫn này, còn gặp nhan nhản



trong các đề văn.

Trong dạy văn, việc sử dụng ý kiến của các nhà phê bình là rất cần thiết. Tuy nhiên, việc sử dụng thành tựu của lý luận phục vụ cho việc phân tích văn chương trong SGK phần lớn lại chỉ dựa vào ý kiến phê bình văn học, chứ không dựa vào thành tựu nghiên cứu khoa học do đó đã mắc những chủ quan và sai lầm.

Không chỉ ở phổ thông mà ngay cả ở đại học, cách dạy văn của chúng ta hiện nay đều rất cũ kỹ và lạc hậu. Để có thể thay đổi tình hình, chúng ta phải dạy văn theo loại thể, theo trào lưu văn học và theo phong cách chứ không dạy theo phân kỳ lịch sử như hiện tại.■

KỶ NIỆM 10 NĂM NGÀY MẤT NHÀ THƠ THU BỒN

NHẮC đến Thu Bồn, người ta nhắc đến một tài năng vạm vỡ, một sinh lực tràn đầy, một người triệt để trong ý nghĩ và hành động, một người luôn phát quang để vượt lên phía trước... Thu Bồn là nhà thơ tài hoa, một người dồn đúc nhiều tài năng trong một tài năng... Thu Bồn là một trong những nhà văn xuất sắc nhất trong thế hệ các nhà văn chống Mỹ, là nhà văn hàng đầu trong mảng văn học chiến tranh nhân dân và quân đội cách mạng". Đó là những lời đẹp đẽ của nhà thơ Hữu Thỉnh đã được đọc trong lễ tang của nhà thơ Thu Bồn, mười năm trước. Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và thành tựu sáng tác của ông là cơ sở cho sự đánh giá đó. Nhà thơ Thu Bồn là người có sức sáng tạo thật đáng khâm phục trong cả lĩnh vực văn xuôi và thơ. Và, ở thể loại nào Thu Bồn cũng ghi dấu ấn trong lòng bạn đọc. Nhắc đến Thu Bồn, người ta vẫn hay nhắc đến trường ca Bài ca Chim Chơ rao, một tác phẩm được xem như là

mốc son trong lịch sử trường ca hiện đại của văn học Việt Nam. Nó đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp sáng tác của Thu Bồn. Nhà thơ Thu Bồn mất đã mười năm nhưng hình ảnh của ông vẫn sống mãi trong kí ức của những người thân, bạn bè và công chúng yêu thơ. Sáng ngày 17-6-2013, tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam đã diễn ra **Lễ kỉ niệm 10 năm ngày mất nhà thơ Thu Bồn** với sự có mặt của đông đảo các nhà văn nhà thơ, bạn bè của nhà thơ.

Trong bài phát biểu của mình, nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đã nêu bật những đóng góp to lớn của nhà thơ Thu Bồn về mảng đề tài văn học cách mạng của nước nhà. Ông đã sống một cuộc đời khổ đau và hạnh phúc, đánh giặc và yêu thương đều ở mức quá cỡ. Trong con người dân thân và mạnh mẽ đó là một Thu Bồn vô cùng và cả tin và yếu đuối.

Các nhà thơ Vũ Quần Phương, Nguyễn Đức Mậu, nhà văn Nguyễn Chí

Trung, nhà thơ Vương Trọng... cũng dành phần nhiều tình cảm để nói lên những rung động của mình về thơ Thu Bồn qua những bản tham luận, những kỷ niệm với người bạn văn chương tài hoa Thu Bồn. Qua tất cả những câu chuyện ấy, người ta thấy hiện lên một Thu Bồn nội tâm, đậm chất. Ông đã sống một cuộc đời khổ đau và hạnh phúc. Những gì ông đã làm được trong văn chương không để gì ai cũng có được....

Trong buổi lễ kỷ niệm trang nghiêm và ấm áp này, Nhà xuất bản Hội Nhà văn cũng đã cho phát hành cuốn sách **Thu Bồn - Tráng sĩ hể... đầu bể**. Cuốn sách bao gồm một số bài thơ và các bài viết ngắn của nhà thơ Thu Bồn, cùng nhiều bài viết của anh em bè bạn văn chương viết về ông. Cuốn sách do các bạn văn chương biên soạn và in ấn để kỉ niệm 10 năm ngày mất của ông. Số tiền bán cuốn sách này sẽ được ủng hộ cho người con trai đang bị bệnh tật của Thu Bồn. ■



V.N Nhà thơ Thu Bồn.

THU BỒN MỘT TÌNH YÊU QUÁ CỠ

(Kỷ niệm 10 năm Anh đi xa, 17-6-2003 - 17-6-2013)

HỮU THỈNH

THẾ hệ các nhà văn chống Mỹ chọn Trường Sơn viết tiểu sử của mình. Trong rừng điệp, có một người đi đầu. Anh cao lớn, phong trần, dáng đi hơi chúi về phía trước. Do sức nặng của chiếc ba-lô, và cũng còn do sức nặng của cuộc chiến. Đó là Thu Bồn. Người mà năm 12 tuổi, đã được trao bó đuốc soi cho đồng chí đảng viên duy nhất của thôn là anh Ba Châu đi bóc xác những bà con bị giết sau trận càn của lính Pháp. Người đã được chú bé làng Đépapôlêch đứng soi đuốc suốt đêm cho anh viết *Trường ca Bài ca Chim Chơ rao*. Thỉnh thoảng anh lại bị giết mình vì tiếng nứa nổ trên tay chú bé. Người đã gửi đứa con đầu lòng, cháu Hà Thảo Nguyên bị nhiễm đi-ô-xin nặng, vượt Trường Sơn 3 tháng ra Bắc bằng một chiếc ba-lô đã được khoét thủng hai bên sườn để đứa trẻ có thể thở chân ra ngoài. Người kết thúc bài thơ viết tại chỗ trong tiếng vỗ tay sấm rền của cử tọa thủ đô Luanda trước sự chứng kiến của Tổng thống Netto, nhà lãnh đạo vĩ đại và nhà thơ lớn của nhân dân Ang-gô-la: Thu Bồn. Anh trở lại chiến trường sớm nhất, thử thách và vinh quang sớm nhất. Anh sống, khổ đau và hạnh phúc, đánh giặc và yêu đương đều quá cỡ. Một cá thể tràn trề sinh lực. Một bản năng tươi tốt và bền vững cho đến trang viết cuối cùng. Một người mà nắng gió và sóng dữ của đất Quảng cùng với bao nhiêu hiểm nghèo của đời lính đã đúc thành một khối thép sống, đủ sức làm thành những cơn bão trên trang viết, lại là người vô cùng cả tin và yếu đuối.

Còn nhớ, vào một ngày cuối những năm 60 của thế kỷ trước, được về thăm nhà mấy ngày, tôi tranh thủ về Hà Nội thăm một người anh kết nghĩa làm ở báo *Người giáo viên nhân dân*. Anh Phạm Phát. Trong câu chuyện, anh hỏi tôi:

- Em đã đọc *Tre xanh* của Thu Bồn chưa?
- Dạ, Thư viện Trung đoàn của em chưa có.
- Trước khi vào chiến trường em có tìm đọc. Có thể học ở đó rất nhiều. Vào trong ấy, gặp Thu Bồn cho anh gửi lời thăm. Anh và Thu Bồn cùng quê Quảng Nam và cùng học với nhau ở Đại học Sư phạm.

Vào thời chiến, đơn vị sơ tán, lại là một đơn vị dự bị chiến lược của bộ, nơi đóng quân thường xa khuất, nên việc tìm đọc một cuốn sách là rất khó khăn. Nhưng khó khăn hơn là làm sao gặp được Thu Bồn giữa mệnh mông chiến trường? Khi tôi vào tới Tây Nguyên và Mặt trận B5, thì Thu Bồn đã được chuyển ra Bắc điều trị. Phải mười năm sau, nguyện vọng ấy mới được thực hiện.

Cuối năm 1976, tôi được Tổng cục Chính trị gọi về chuẩn bị một danh sách các cây bút của quân đội sẽ được cử đi học Trường viết văn Nguyễn Du khóa I. Tôi được cho ở nhờ tạp chí *Văn nghệ Quân đội* - số 4 Lý Nam Đế. Ban ngày làm việc ở hội trường, tối lên ngủ nhờ trong phòng làm việc của anh Hồ Phương. Đối với các cây bút quân binh chủng chúng tôi hồi ấy, tạp chí *Văn nghệ Quân đội* là một cung đình. Cấp bậc thì thấp, văn chương chưa đâu vào đâu, tôi rất biết phận mình. Một tối mùa đông, trăng sáng và rất lạnh, tôi trần trọc không ngủ

được. Bỗng nghe vắng tiếng nhạc đầu đó vọng lên. Tôi vùng dậy khoác chân xuống ngồi bên ngoài hành lang, trước cửa phòng Thu Bồn, thu lu nghe nhạc quên cả rét. Tối một lúc, Thu Bồn có việc gì mở cửa ra ngoài. Nhìn thấy tôi cuộn tròn một đồng, anh quát:

- Ai, ai đấy. Ngồi đây làm gì?
- Dạ, dạ, em là Thỉnh đây, mới ở xe tăng lên. Em nghe kể anh một chút.
- Ủa, Thỉnh hả, sao ngồi đây. Dò, dò đi.

Phòng anh ấm quá. Ngăn nắp và đẹp theo kiểu lính. Một dàn Tex AKay xịn. Một chai rượu Tây. Một đĩa thịt lợn quay cánh gián, một đĩa muối tiêu. Trên cả tuyệt vời. Phải nói là vương giả mới đúng. Tôi ngồi dè dặt uống, dè dặt ăn, dè dặt nói. Còn Thu Bồn thì nâng chén rượu, đi lại, đứng đưa, đứng đưa.

Sáu năm sau bữa tiệc âm nhạc thịnh soạn ấy, tôi được về làm việc tại tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Cùng ở cơ quan nhưng anh Thu Bồn ở tổ sáng tác nên đi miết. Lúc thì Tây nguyên. Lúc thì chiến trường Campuchia. Lúc thì biên giới phía Bắc. Rồi sau đó anh xin vào biệt phái ở phía Nam. Năm 1985 anh bị rắc rối vì vấn đề sinh hoạt Đảng. Có một áp lực rất mạnh đòi phải xem xét vấn đề Đảng tịch của anh. Trong chỉ uỷ, tôi không đồng ý với những kết luận vội vàng về anh, một người mà tôi rất kính phục. Một người mới 12 tuổi đầu mà được đồng chí đảng viên duy nhất trong thôn trao cho lá cờ Đảng, và anh đã gìn giữ nó trong suốt những năm ngang dọc chiến trường, đến một trận đánh trên đồi E-ty chặn đường tiếp tế của địch từ Buôn Ma Thuột chạy về, anh trao nó cho một đồng đội tên Đoàn giờ cao lên để nghị binh địch, tạo điều kiện cho anh chỉ huy tiểu đội đánh quét sườn, giữ được trận địa cho đến ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Con người ấy không thể nào xa Đảng được. Tôi xin được vào thành phố Hồ Chí Minh tìm hiểu sự việc. Thu Bồn lúc đó đang ở tại số 8 Đặng Thái Thân. Anh đãi tôi một bữa bia hơi đồ đầy một thùng lớn. Bia uống bằng bát, hết một bữa tiệc của những tráng sĩ ngày xưa trước khi ra trận. Đến dự còn có Nguyễn Duy, Sơn Nam, Nguyễn Tiến Toàn, Hùng Kinh và một số người khác. Chính hôm ấy, tôi được nghe lần đầu:

*Lòng anh cơn nước đang ròng
Biến đau rút ruột của công chống chơ
Lấy khăn mà gói bờ vơ
Tay cầm nước mắt bao giờ sang sông.*

Phải đợi lúc Thu Bồn ngủ gà, rồi nghe anh đọc thơ mới sướng. Có cái gì xa xót, hoang dại và đắng cay. Giọng anh, thơ anh đầy tâm trạng lui về cõi mù khơi, thiên cổ, biến mọi người xung quanh thành những chiếc thuyền lênh đênh trên dòng vô định. Tôi mừng. Và thực sự xúc động. Thơ anh đã có một bước chuyển lớn. Dòng Thu Bồn qua bao thác ghềnh, xô bờ, dào dạt đã tới chỗ xoáy vực tâm tư. Người đọc còn chờ đợi gì hơn những nỗi niềm được nhà thơ hé mở:

*Khêu lên em ngọn lửa bùng
Lửa như muốn khóc ngập ngừng tro than.*

Tôi thường nói vui với Thu Bồn, anh là thi sỹ của *lao lực*, *lao tâm* và *lao tình*. **Lao tâm** xin nói ở đoạn dưới. Giờ xin nói *lao lực* và *lao tình*.

- **Lao tình:**
*Bao năm gối núi đầu hoá đá
Tiếng hát từng rung Ngũ Giác Đài
Bao phen xa xứ người thương nhớ
Trăng sáng mà em áo vẫn cài*

Nó là khổ thứ 5 trong bài *Hành Phương Nam* gồm mười khổ. Một bài thơ hay, rất Thu Bồn. Tại sao rất Thu Bồn? Ba câu trên hoành tráng quá, khí phách, trượng phu, lâm liệt quá. Lúc đầu, đọc tới câu thứ ba, tôi chờ đợi cứ tưởng tác giả sẽ đẩy tiếp cái lâm liệt, trượng phu, khí phách ấy lên nữa, ai dè, anh đột ngột hạ một câu trữ tình ngoại để làm đảo phách cả đoạn thơ, khiến cho khổ thơ vừa có cái hào khí vừa có cái đắm say, vừa sảng khoái vừa ám ảnh. Đây là một sự kết hợp của tráng ca và tình ca. Đáng yêu sao hình ảnh người yêu thương trực trong anh ở mọi phương trời.

- **Lao lực:** Tôi không hiểu vì sao anh lại rời căn nhà mất bao công phu chăm chút ở Đặng Thái Thân thành phố Hồ Chí Minh để lên lập trại ở đất Lố Ô. Đó là một mảnh đất toàn đá, cái khúc xương mà các nhà kinh doanh địa ốc nghiệp dư và chuyên nghiệp đã nhả ra. Trước sự ái ngại của tôi, Thu Bồn nói:

- Lên đây cho đỡ nhớ chiến trường.
- Tôi cự lại:
- Nhưng đây có phải là cái hòn non bộ đâu?

Anh cười lớn, ra vẻ "hầy đợi đấy" Mấy lần sau tôi lên, một quang cảnh khác hẳn. Thu Bồn với đôi tay và đôi vai của mình đã biến một khu sỏi đá thành một địa chỉ du lịch sinh thái. Anh dẫn tôi đi xem cơ ngơi của anh, và dừng lại rất lâu ở bức tường đá. Tôi chỉ còn biết chấp tay bái phục: Anh là bà Nữ Oa vá trời thật rồi.

Bây giờ là chuyện **lao tâm**.

Đêm đã khuya, đợi cho khách về hết, Thu Bồn bảo tôi vào phòng làm việc. Anh chỉ cho tôi một đồng bản thảo ngón ngang. Cái đã đánh máy xong, cái đang sửa mo-rát. Cái đang "cày" dở. Tất cả đều nặng trĩu. Và tự nó cất lên tiếng nói. Tôi đã báo cáo lại cái tiếng nói này, tiếng nói của những đứa con tinh thần đứt ruột của anh với những người có thẩm quyền. Không phải đợi lâu, bản báo cáo của tôi đã được chứng thực. Năm 1986, sáu tác phẩm tầm cỡ của Thu Bồn được xuất bản, những tác phẩm quan trọng nhất trong văn nghiệp của anh. Đó là:

- *Đỉnh núi* (tiểu thuyết)
- *Mất bố cầu và rừng phi tiền* (tiểu thuyết)
- *Vùng pháo sáng* (tiểu thuyết)
- *Cửa ngõ miền Tây* (tiểu thuyết)
- *Em bé vào hang cọp* (tiểu thuyết, 2 tập)
- *Dưới tro* (tập truyện ngắn)

Một năm xuất bản 6 tiểu thuyết và tập truyện ngắn. Tất cả đến mấy nghìn trang. Đó là một kỷ lục về sức làm việc phi thường của Thu Bồn cho đến nay chưa ai

MUỐN nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động lý luận phê bình (LLPB) văn học trong tình hình hiện nay, từ góc độ một nhà sư phạm trực tiếp tham gia giảng dạy lý luận văn học trên giảng đường đại học, chúng tôi cho rằng, cần giải quyết vấn đề từ gốc, đó là vấn đề đào tạo con người. Tất nhiên, ngay cả những người được đào tạo một cách cơ bản, chính thống trong giảng đường đại học và cả sau đại học, cũng chưa chắc đảm bảo năng lực thẩm định và cắt nghĩa tác phẩm, và đó cũng chính là trọng tâm phân tham luận của chúng tôi.

1. Mất cân đối về mặt cơ cấu dung lượng phân bổ dành cho các môn LLPB.

Đối với sinh viên Ngữ văn, đào tạo ra trở thành cử nhân nghiên cứu văn học như tại trường chúng tôi, có thể thấy dung lượng dành cho các môn LLPB là quá ít, so với các phân môn thuộc lịch sử văn học, và các môn bổ trợ khác. Ai cũng biết khoa nghiên cứu văn học có ba lĩnh vực nghiên cứu cơ bản là Lịch sử văn học, Phê bình văn học và Lý luận văn học (có thể kể thêm Phương pháp luận nghiên cứu văn học). Tuy nhiên, tỷ trọng phân bổ các phân môn thuộc ba bộ môn chính này là vô cùng chênh lệch. Phê bình văn học là một lĩnh vực chính, nhưng chỉ có một môn là *Phê bình và các xu hướng phê bình văn học hiện đại*. Lý luận văn học có 3 phân môn chính (Cơ sở lý luận văn học, Tác phẩm và thể loại và Tiến trình văn học) cùng một số môn có tính chuyên đề lý thuyết như *Thi pháp học*, *Văn học hậu hiện đại*... Dẫu sao, số lượng môn thuộc Lý luận văn học vẫn còn đảm bảo trong một dung lượng chấp nhận được, nhưng việc Phê bình văn học chỉ được giảng dạy chỉ trong 30 tiết, trong đó, chỉ 18 tiết lý thuyết, thì làm sao nhà nghiên cứu tương lai đủ năng lực và kiến thức nhằm thực hành phê bình? Do đó, đa phần sinh viên khi ra trường, nếu không làm ngành nghề khác, vẫn thực hành phê bình theo phương pháp tiểu sử học và xã hội học như ở trường phổ thông, dưng tới thơ không vấn, truyện không có cốt truyện, những thể loại hiện đại và hậu hiện đại là họ mất khả năng thẩm định, hoặc thẩm định với nhiều định kiến.

2. Sự phối hợp, ứng dụng lý luận văn học vào phê bình văn học còn chưa tốt.

Có một thực tế là, số phân môn thuộc lý luận văn học dành cho sinh viên Ngữ văn là không ít. Ở đây chúng tôi hiểu từ lý luận theo nghĩa lý thuyết (theory), tức không bó hẹp Lý luận văn học trong ba môn cơ sở (Tiền trình, Thể loại và Cơ sở LLVH), mà còn bao gồm mọi môn chuyên đề mang tính lý thuyết như *Tự sự học*, *Thi pháp học*, *Phân tâm học*, *Văn học so sánh*, *Văn học hậu hiện đại*... Tuy nhiên, học nhiều là một chuyện, nhưng năng lực áp dụng lý thuyết vào thực tiễn nghiên cứu lý luận và phê bình văn học lại là chuyện khác. Hầu như có thể khẳng định rằng, sinh viên Ngữ văn ra trường không khác mấy những người "tay ngang", trừ một số ít tự học và có tư chất đặc biệt, bởi đa phần sinh viên chưa áp dụng được lý thuyết mình học vào thực tiễn nghiên cứu, phê bình. Chưa bàn đến tư chất và đạo đức sinh viên, chỉ việc bố trí khung chương trình còn nhiều bất cập. Đó là, nếu như ba môn lý luận văn học có tính cơ sở được học từ khá sớm, thì những môn có tính chuyên đề như *Phân tâm học*, *Thi pháp*... lại được học quá muộn, vào lúc sinh viên vào học kỳ cuối, sắp ra trường. Điều này đem lại nhược điểm là, chưa kể thời gian đó sinh viên phải lo xin việc, thi học kỳ, làm khóa luận..., thì sự phân bổ này làm cho người học hầu như không có cơ hội áp dụng lý thuyết văn học vào thực tiễn đọc, học, viết, thi, làm niên luận, làm bài tập lớn, thảo luận ở các môn còn lại trong quá trình học từ năm 1 đến năm 3.

3. Quá trình thực hành nghiên cứu phê bình còn hạn chế

Nhìn chung, số môn học và số khối lượng giờ học của sinh viên Ngữ văn hiện nay là khá nặng nề. Một học kỳ các sinh viên phải học từ 9 đến 12 môn, sau khi chuyển qua học chế tín chỉ, số môn và số giờ học có giảm lại, nhưng bản chất thì vẫn thế do sự ghép môn học, tăng thời gian thực tế mỗi tiết học và số lượng

GIẢNG DẠY LLPB VĂN HỌC TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC - THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP

PHAN TUẤN ANH⁽¹⁾



Toàn cảnh hội nghị.

Ảnh: HỮU ĐỖ

tin chỉ cần tích lũy. Vậy thì, vấn đề đặt ra là, tại sao học nhiều thế mà sinh viên vẫn thiếu năng lực thực hành nghiên cứu, phê bình sau khi ra trường. Theo chúng tôi, dẫu học nhiều, nhưng sinh viên vẫn thiếu cơ hội cọ xát, cơ hội thực hành nghiên cứu đích thực. Đa phần các môn học vẫn theo kiểu cuốn chiếu, môn nào xong môn ấy, thầy dạy lý thuyết, trò ghi chép, học ôn thi để thi rồi thôi. Gần đây, theo học chế tín chỉ, chúng tôi thấy có nhiều hơn các cuộc thảo luận, xemina, nhưng những việc làm đó vẫn mang tính hình thức. Tức sinh viên vẫn không thực sự thực hành nghiên cứu, phê bình bằng văn bản, công tác họ sẽ làm trong tương lai (nếu đúng theo đào tạo). Nội dung đi thực tập của sinh viên cũng không gắn với việc thực hành nghiên cứu phê bình. Thường trong một tháng thực tập, sinh viên bị điều đi thu thập tư liệu văn học dân gian, đi điều tra tiểu sử nhà văn, đi thu thập tư liệu ở thư viện... tóm lại, đó là những việc cần thiết, nhưng nó không giúp sinh viên thao tác trực tiếp với văn bản văn học, nó không đòi hỏi sinh viên phải trình diện một văn bản nghiên cứu phê bình của chính mình.

4. Thiếu tính cập nhật lý thuyết nghiên cứu văn học mới

Nói về khung chương trình, có lẽ khoa Ngữ văn Đại học Khoa học của chúng tôi là nơi có sự cập nhật các lý thuyết nghiên cứu văn học mới rất thường xuyên và có tính mạnh dạn. Thi pháp học, Phân tâm học được giảng dạy trên dưới cả chục năm qua, Văn học so sánh và Văn học hậu hiện đại là những lý thuyết được giảng dạy đầu tiên, và cho đến nay, có lẽ vẫn là duy nhất ở Việt Nam (dành cho bậc đại học). Khoa chúng tôi còn là nơi tổ chức Hội thảo chuyên đề đầu tiên về văn học hậu hiện đại ở Việt Nam. Tuy vậy, so với thực tiễn vận động và phát triển của lý thuyết văn học thế giới, cũng như sự du nhập vào đời sống sáng tác và nghiên cứu ở Việt Nam, vẫn còn quá nhiều khoảng trống lý thuyết cần lấp đầy. Chưa kể những lý thuyết còn mới mẻ (ở Việt Nam) như hậu thực dân, môi trường luận, nữ quyền, đồng tính luận... một số lý thuyết thực ra đã được nghiên cứu từ rất lâu ở nước ta như Chủ nghĩa hình thức Nga, Chủ nghĩa cấu trúc, Tự sự học, Thông diễn học... vẫn chưa thể và chưa biết lúc nào có thể được đưa vào chương trình. Thực ra, chiếu theo trình độ của nghiên cứu phê

bình văn học Việt Nam đương đại, những phân môn được xếp vào chuyên đề chuyên sâu (dạy vào học kỳ cuối cùng), tức có tính "hàn lâm" và "chuyên nghiệp" nhất như *Thi pháp học*, *Phân tâm học*... thì đã có thể xếp vào những môn đại cương, tức kiến thức nền tảng cơ sở. Bởi vì những môn này một mặt đã quá phổ biến, được áp dụng quá rộng rãi, mặt khác nếu không học chúng ngay từ sớm, sẽ không có nền tảng để đi sâu vào các môn lý thuyết mới hơn. Tình hình đào tạo sinh viên Ngữ văn ở các trường Sư phạm còn thiếu thốn hơn các môn lý thuyết văn học mới (cả trên phương diện cập nhật và phương diện tổng số môn). Chính hiện trạng này tạo ra hệ quả là nhà nghiên cứu văn học tương lai không có đủ công cụ lý thuyết cần thiết để theo kịp với trình độ, tư duy và sự vận động của văn học đương đại. Họ không có được nhãn quan nghệ thuật đủ tinh nhạy nhằm phát hiện ra những cách tân, những đặc trưng mới của nền văn học thời đại mình đang sống. Tức là, phê bình và nghiên cứu chưa trở thành "bà đỡ" và "đôi cánh" cho sự vận động đổi mới của đời sống văn học.

5. Sự tương tác giữa người học với thực tiễn đời sống văn học còn lạc lõng

Có một thực tế khó tin thế này, nhiều sinh viên suốt cả chương trình học không hề gặp gỡ một nhà văn nào, chưa biết trụ sở Hội nhà văn địa phương nằm ở đâu, chưa bao giờ đọc một tờ báo tạp chí văn học nghệ thuật nào của trung ương và địa phương. Về cơ bản, họ chỉ nghe tiếp thu bài giảng ở lớp, mượn sách của thư viện để đọc và photo thêm các tài liệu ôn thi của khóa trước hoặc giáo viên cho. Ở đây chúng tôi đang nói đến những sinh viên chăm học, có kết quả khá trở lên và có hạnh kiểm tốt. Vấn đề đặt ra là, sinh viên dù học tốt, điểm cao, nhưng kinh nghiệm thực tiễn và sự nắm bắt đời sống quá rời rạc. Nhiều giảng viên dạy khoa Ngữ văn cũng chưa bao giờ viết nghiên cứu trên các tạp chí, không tham gia hoặc quan tâm đến các hoạt động của Hội văn nghệ trung ương và địa phương, cũng như không có bất kỳ mối quan hệ nào giữa nhà nghiên cứu và nhà văn. Thậm chí, nhiều người xem việc giảng viên dạy văn học mà tham gia Hội nhà văn, tham gia sáng tác và xuất bản tác phẩm là một việc làm kỳ khôi, lệch chuẩn. Chính những định kiến thiên cận và hẹp hòi như thế đã cắt đứt mối quan

hệ giữa người làm nghiên cứu phê bình với đối tượng nghiên cứu của họ.

Với mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả việc giảng dạy LLPB văn học ngay từ gốc, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

a. Tái cấu trúc chương trình giảng dạy LLPB trong giảng đường đại học

Cần nâng cao số lượng và cải thiện chất lượng các môn LLPB trong cấu trúc chương trình giảng dạy. Theo đó, Phê bình văn học cần nhiều phân môn hơn, ít ra là phải ba môn cơ bản: Phê bình văn học phương Đông, Phê bình văn học phương Tây và các xu hướng phê bình hiện đại, Phê bình văn học Việt Nam. Các môn thuộc lý luận/thuyết văn học cần đưa vào những phân môn mới như *Thông diễn học*, *Tự sự học*, *Chủ nghĩa hình thức Nga*... theo hướng đa dạng, phong phú, cho sinh viên có quyền lựa chọn. Nên giảm tải những môn học cơ sở, bổ trợ tỏ ra không nhiều ích dụng, hoặc tỏ ra thiếu hiệu quả. Cần giảng dạy thuyết văn học vốn đã trở thành công cụ phân tích văn học phổ biến và đạt nhiều ích dụng như *Thi pháp học*, *Phân tâm học*, *Tiếp nhận văn học*.

b. Nâng cao chất lượng thực hành phê bình văn học trong chương trình học

Trong quá trình học tập, sinh viên cần được thực hành phê bình văn học đích thực, thông qua các hội thảo khoa học, các bài tập lớn và trong kế hoạch thực tập. Cần đưa sinh viên về các tòa soạn báo và tạp chí văn học nghệ thuật nhằm thực tập. Bài tập tốt nghiệp chính là những bài báo của chính sinh viên đó, được đăng trên chính địa điểm báo thực tập, hoặc ít ra, được tổng biên tập nhận xét có chất lượng tốt, có thể sử dụng được. Cần tổ chức thường xuyên Hội thảo khoa học dành cho sinh viên, mời từ các giáo viên và nhà nghiên cứu phê bình có uy tín phản biện.

c. Nâng cao tính cập nhật những lý thuyết mới

Tất nhiên, chúng tôi ý thức được rằng, không phải lý thuyết văn học nào mới mẻ cũng có thể áp dụng ngay vào trong chương trình giảng dạy cho sinh viên. Tuy nhiên, nếu chưa đưa trực tiếp vào được khung chương trình, thì cần có sự đầu tư tìm hiểu, nghiên cứu, bàn luận và giới thiệu bằng những hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học mang tính chuyên đề, trước tiên là trong nội bộ giảng viên, sau đó đến các hội thảo khoa học sinh viên. Cần yêu cầu giảng viên và sinh viên tiếp cận thường xuyên hơn với các tạp chí nghiên cứu văn học và nghệ thuật có uy tín.

d. Thiết lập mối quan hệ tương tác giữa nhà nghiên cứu với nhà văn

Cần gần gũi hoạt động học tập, nghiên cứu phê bình của sinh viên với những hoạt động, công tác cụ thể của Hội văn nghệ nói chung và Hội nhà văn nói riêng ở địa phương. Cần tạo lập mối quan hệ giao lưu giữa sinh viên, giảng viên với những nhà văn thành danh ở trung ương và địa phương, thông qua những cuộc tọa đàm, hội thảo, nói chuyện, có thể bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Và muốn sinh viên làm tốt công tác trên, đòi hỏi người giảng viên phải đi tiên phong mở đường, tạo lập quan hệ và xây dựng kinh nghiệm nhằm giúp đỡ cho sinh viên.

(1) Khoa Ngữ văn - Đại học Khoa học Huế

có thể vượt qua. Trước đó, anh cũng đã lập một kỷ lục về thơ. Từ 1975 đến 1985, mười năm anh cho xuất bản 6 trường ca:

- *Quê hương mặt trời vàng* (1975)
- *Ba dan khát* (1976)
- *Campuchia hy vọng* (1978)
- *Oram 76 ngọn* (1979)
- *Người vắt sữa bầu trời* (1985)
- *Thông điệp mùa xuân* (1985)

Trong những năm chiến tranh, các nhà văn ở Trung Bộ nêu một phương châm sống rất quyết liệt: "sống rồi mới viết". Thu Bồn nghiêm túc đi đầu thực hiện phương châm này. Năm 1965 Mỹ đổ quân ào ạt vào miền Nam. Thu Bồn xin đi một chuyến 9 tháng đến khắp các chiến trường ác liệt của Tây Nguyên. Ngày 5 tháng 6 cùng năm, anh tham dự trận đánh trên đèo Thanh Bình. Diễn biến trận đánh đến lúc căng thẳng nhất, anh rời sở chỉ huy, lao xuống cùng đơn vị chặn đầu đoàn cơ giới địch, mặc kệ 29 chiếc trực thăng đang quần đảo trên đầu. Các chiến sĩ của ta cướp được một khẩu súng máy trên chiếc xe của địch, nhưng loay hoay mãi không biết tháo và bắn như thế nào. Thu Bồn nhảy phát lên xe, thao tác rất nhanh, dùng ngay khẩu Boronin Canada bắn xối vào những chiếc trực thăng, buộc chúng phải tăng độ cao bay dạt ra vòng ngoài. Hăng máu, anh hạ nòng súng, xả đạn vào bọn bộ binh đang lóp ngóp bò lên chiếm điểm cao trước mặt. Trong các nhà văn mặc áo lính, Thu Bồn là người duy nhất sử dụng thành thạo tất cả các loại súng bộ binh của ta và của địch.

Những "sống rồi mới viết" đối với Thu Bồn không có nghĩa là để lịch sử giải xong một bài toán khó rồi nhà văn mới "Nhớ lại và suy nghĩ". Anh có thể viết ngay tại chỗ trong lúc sự kiện đang diễn ra nóng bỏng. Tết Mậu Thân 1968, anh theo một cánh quân đánh vào Đà Nẵng. Sau khi nghe tin người yêu của một chiến sĩ Điện Ngọc bị địch bắn chết, anh viết ngay bài thơ *Đà Nẵng gọi ta* và sau một tiếng, bài thơ đã đến tay các chiến sĩ đang tiến vào thành phố. Một người từng "nhem nhức trong tro than làm rẫy, nhày nhựa trong những trận bom vui chí tử, lam lũ qua những trận đói, nhưng lòng vui phơi phới" như Thu Bồn, người ấy hoàn toàn có đủ tư cách cất lên tiếng nói hệ trọng nhất của hàng triệu con người đang sống chết cho tự do. Đã bao nhiêu lần, thơ của Thu Bồn qua Đài Tiếng nói Việt Nam tạo nên những vùng sóng, những đồng vọng sâu xa từ mọi miền Tổ quốc.

*Tôi cúi xuống hôn mảnh đất quê hương
Như hôn người yêu bao ngày xa cách
Tôi không khóc nhưng vẫn trào nước mắt
Con đã về đây với Mẹ - Mẹ quê hương*

Trong những ngày Bắc mất, có biết bao nhà thơ khóc Người. Nhưng hay nhất, cảm động nhất vẫn là Tố Hữu, Việt Phương, Thu Bồn, Trần Đăng Khoa, Hải Như, Viễn Phương của Việt Nam và Phléch Pita Rôđighét của Cu Ba. Trong bài *Gửi lòng con đến cùng Cha*, vị thế, tâm trạng, trải nghiệm của tác giả hoà quyện với máu và nước mắt của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Bài thơ khiến ta thương nhớ Bắc bao nhiêu lại càng thương nhớ miền Nam bấy nhiêu vì

*Bạn từ bãi biển Hi rôn
Bạn còn đến kịp để hôn Bắc Hồ
Mà con trông đợi Bắc vô
Ngắm phương Bắc nhớ thủ đô quận lòng.*

Thu Bồn hấp dẫn chúng ta về nhiều lẽ, nhưng quan trọng nhất là sự trung thực. Anh đã tiếp nhận và chuyển tải của cuộc sống đến chúng ta bằng một tài năng và nhân cách được tôi luyện qua lửa bỏng và nước lạnh. Và mọi thủ pháp mà của anh, dù bay bổng, phóng túng, tài nghệ đến đâu người ta vẫn nhận ra cái cốt lõi của chân tâm. Và hình như chỉ Thu Bồn mới đủ tài làm cho người ta tin rằng, những hình tượng hoàn toàn mang tính phóng dụ của anh, không chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, mà nó có gốc gác trong cuộc đời và số phận của anh.

*Độc huyền tráng sĩ xưa ca cầm
ta ôm xích đạo gầy vòng cung
môi hôn ngọn gió thơm hoa trái
núi cũng chiều ta đứng trập trùng*

*Bơi qua biển lửa ta về lại
gọi Thái Bình Dương đến dạo đàn
những cung xưa cũ lời em hát
còn cháy lòng ta lửa thử vàng*

Thu Bồn nói cái to tát, sắc sảo cũng làm ta tin yêu và cảm động, nói cái mảnh mai, riêng tư cũng làm ta cảm động, tin yêu. Và vì cái niềm tin ấy, thơ anh đã thành thứ của riêng của tất cả chúng ta. Và giống như các tài năng lớn, lẽ ra chúng ta phải gửi những lời ru đến nắm mộ của người đã khuất, thì ngược lại, chính cố nhân đã gửi lại lời ru an ủi chúng ta:

*Đừng hát nữa thu vàng em hãy ngủ
để anh nghe lá rụng có tìm mình
xào xạc đấy nhưng trời yên tĩnh lạ
tay mơ hồ đang chạm những lời ru.*

Hà Nội 17/6/2013

MƯỜI NĂM XA ẤY

VŨ QUÂN PHƯƠNG

VÓC hình cao lớn, nói năng hồn nhiên, ứng xử phóng khoáng. Viết nhanh, viết nhiều, vừa tiểu thuyết vừa thơ. Định là làm. Làm cật lực và chơi cũng lắm. Vào Nam ra Bắc, nồng nhiệt những bạn bè, văn chương, nghệ thuật. Tôi có cảm giác Thu Bồn luôn dư thừa sức lực, sức lực thể chất và sức lực tâm hồn. Cũng phải thân xác ấy mới đủ sức để chạy theo được những ý tưởng những cảm xúc luôn bề bộn trong lòng ông. Tôi đã nghe ông kể việc đi con bằng ba lô, vượt bom đạn Trường Sơn ra Bắc. Đứa bé thò chân qua hai lỗ khoét ở hai góc ba lô. Và ông thì đi bộ, đi xe quân sự nhiều tháng đường rừng. Hà Nội một năm nào đó, khi trả lời một bạn văn trách ông vắng mặt buổi nhậu đêm trung thu, ông nói: *minh ngồi với cháu ở nghĩa trang*. Gương mặt ông lúc ấy rất buồn và tôi cứ mãi hình dung bóng ông bất động bên mộ con trong cái nghĩa trang rộng bạt ngàn phần mộ dưới trăng đêm ấy. Cách đây vài năm, khi đi tìm những câu thơ hay cho ngày thơ Nguyễn Khuyến, nhà thơ Hữu Thịnh nhắc tôi hai câu của Thu Bồn, mà với tôi là rất lạ:

*Lấy khăn mà gói bơ vơ
Tay cầm nước mắt bao giờ sang sông.*

Lạ, trong chất hồn dân tộc đậm đui xót thương. Cả lời, cả cảnh, cả tình, cả ý rung rung nổi niếm một thuở xa xưa, thân gái dặm trường, dò sông bến nước. Lại, khi ốp thơ ấy vào vóc đặc và cá tính Thu Bồn, khi chiếu thơ ấy vào dòng cuộn cuộn ào ạt và cũng hơi xô bồ của các trường ca đậm hương vị Tây Nguyên, từ *Bài ca chim Chơ Ráo* đến *Ba dan khát*. Cái hay tiêu tao của câu thơ ấy như một nhắc nhở tôi lưu tâm tìm một khía cạnh khác. Lắng hơn, trầm hơn, rất sâu nặng tình đời trong thơ Thu Bồn.

Bạn đọc miền Bắc biết Thu Bồn khi trường ca *Bài ca chim Chơ Ráo* lần đầu được in trọn vẹn trong một số của tuần báo Văn nghệ Hà Nội năm 1965. Đầu trường ca tác giả để: *Kính tặng Miền Bắc*, cuối trường ca là ngày hoàn thành: *tháng 5-1963*. Những năm ấy các tác phẩm văn chương từ miền Nam gửi ra rất được trân trọng. Về thơ, bà con Miền Bắc khi ấy mới biết Giang Nam, Thanh Hải, Văn Công. Bây giờ biết thêm Thu Bồn, và sau đó nữa là Lê Anh Xuân, Nguyễn Khoa Điềm, Dương Hương Ly... *Bài ca chim Chơ Ráo*, ngót một ngàn câu thơ, được xếp trang khá đặc biệt trên mặt

báo Văn Nghệ để bạn đọc có thể tách ra, gấp lại, đóng thành tập thơ 32 trang khổ 13x19, lưu hành độc lập với tờ báo. Bạn đọc, bạn viết miền Bắc nồng nhiệt đón nhận tác phẩm và Thu Bồn nhanh chóng thành một tên tuổi tiêu biểu của thơ ca cách mạng miền Nam. Ưu điểm trước tiên của Thu Bồn thuộc về bút lực, sức cảm xúc mạnh, hơi thơ liến mạch. Câu chuyện đấu tranh phi thường của hai chiến sĩ Kinh và Thượng trong nhà tù Mỹ - nguy được kể bằng bút pháp biểu tượng, thấm đẫm cảm hứng lãng mạn, siêu thực. Vũ khí của nhân vật chính diện là tiếng hát. Các anh chiến thắng cực hình bằng tiếng hát. Làm rã ngũ hàng nghìn quân địch cũng bằng tiếng hát. Thu Bồn tạo được không gian thơ kỳ ảo cho tiếng hát cất cánh. Câu thơ chắc gọn và biến hóa, đặc biệt chất thơ rất nhiều hư ảo. Có thể thấy trong cách làm câu cho *Bài ca chim Chơ Ráo*, Thu Bồn đã tiếp nhận được thành tựu của *Bài thơ Hắc Hải* xuất bản năm 1959 ở Hà Nội. Thu Bồn năm ấy chưa đầy ba mươi tuổi. Bút pháp mới mẻ và đang hăm hở đi tới. Ông vận dụng sáng tạo của cổ tích của anh hùng ca cổ xưa. Hình ảnh hai vòng tay lửa ôm nhau của hai chiến sĩ phút hy sinh phi thực, phi thường, đầy bi tráng, có sức lôi cuốn mạnh của chủ nghĩa lãng mạn và cảm hứng siêu thực. Thành tựu của trường ca này còn là những gợi ý dò tìm về phương pháp sáng tác, có tác động trở lại đối với các nhà thơ trẻ miền Bắc khi ấy.

Thu Bồn thơ mạnh ở những mảng cảm hứng lớn, ôm trùm hiện thực rộng, chất liệu đời sống lạ, cho phép một ngôn ngữ phóng khoáng, một cảm xúc tung hoành, đắm vào lãng mạn, lấy bút pháp khoa trương làm rường cột cho kiến trúc cốt truyện và tạo nên không khí trữ tình cho không gian tự sự. Cái ấn tượng lực lưỡng trong hồn thơ Thu Bồn phát sinh từ đặc điểm đó. Đặc điểm làm nảy sinh một loạt trường ca để tài phong phú, phong vị rất Thu Bồn (*Bài ca chim Chơ Ráo* 1963, *Vách đá Hồ Chí Minh* 1970, *Quê hương mặt trời vàng* 1975, *Chim vàng chốt lửa* 1975, *Ba dan khát* 1976, *Campuchia hy vọng* 1978, *Người vắt sữa bầu trời* 1985, *Thông điệp mùa xuân* 1985...). Và chính nó, cái đặc điểm ấy, cũng làm mờ một khía cạnh khác trong cảm hứng thơ của Thu Bồn. Ấy là cái chất lạnh và thẳm, giàu phong vị truyền thống và nảy sinh từ

(Xem tiếp trang 18)



Dâng hương tưởng niệm nhà thơ Thu Bồn.

Ảnh: HỮU ĐỒ

ĐỌC SÁCH

TREO tình trên sông là tiểu thuyết đầu tay của Võ Ngọc Lan, một "kỳ nữ" của Huế, nhưng luôn phải sống xa Huế.

Lời tựa của GS. Hoàng Như Mai, cũng như Lời bạt của nhà thơ Lê Minh Quốc đều cho rằng *Treo tình trên sông* là một "tự truyện". Trước những lời kể chân thực không chỉ ở giọng điệu mà cả ở những tình tiết, tên đất, tên người mà chúng ta có thể kiểm chứng được, trước những éo le của số phận với những chuyện tình riêng không tô vẽ, ai cũng muốn biết tác giả đã "tự thuật" chân thực đến mức nào...

Chuyện đời chiếu nhân vật trong sách với nguyên mẫu ngoài đời chủ yếu chỉ để thỏa tính tò mò ai cũng có. Với *Treo tình trên sông* thì có lẽ người đọc "tò mò" hơn vì cuộc đời nhân vật Duyên quá thật là đặc biệt. Và khi *Treo tình trên sông* được một giáo sư tên tuổi như cụ Hoàng Như Mai gọi là "tự truyện" thì Duyên tức là Võ Ngọc Lan. Vì thế tôi mới gọi Võ Ngọc Lan là "kỳ nữ" của Huế.

Có người bảo, sức hấp dẫn của *Treo tình trên sông* chẳng qua là chuyện của "người đẹp", như tự truyện của Lê Văn Hối nào. Hơn nữa, vùng đất Kim Long từng nổi tiếng với câu ca: "Kim Long có gái mỹ miều / Trăm thương trăm nhớ, trăm liêu trăm đi." Duyên quả là một cô gái đẹp khiến nhiều chàng trai theo đuổi từ tuổi học trò, nhưng cái đẹp hình thức của Duyên không làm nên sức hấp dẫn của *Treo tình trên sông*.

Chỉ sơ qua đoạn đầu "lý lịch trích ngang" của Duyên đã thấy lắm điều khác thường, có khi đối chọi nhau như nước với lửa. Bố Duyên hoạt động từ đầu Cách mạng Tháng Tám, là liệt sĩ nhưng chồng cô lại là trung tá lính nhảy dù, rồi Trưởng ty cảnh sát của chính quyền Sài Gòn! Là con gái nhà nghèo ở Kim Long, nhưng sau khi bố mất, lại được sống trong Phủ Bà Chúa (do bố được là ông Bầu Huân, em của bà Chúa Nhất - con gái trưởng của vua Dục Đức)...

Vậy mà đây là quãng đời có thể nói là "yên ổn" nhất của Duyên. Cô rời Huế lúc

KHÔNG CHỈ LÀ CHUYỆN MỘT "KỲ NỮ" HUẾ

(Đọc tiểu thuyết *Treo tình trên sông*, của Võ Ngọc Lan, Nxb Hội Nhà văn, 2012)

NGUYỄN KHẮC PHÉ



20 tuổi, khi "bị" anh lính dù An (dân Bắc đi cư) đeo bám rồi vào sống ở Biên Hòa, Đồng Nai, Sài Gòn cho đến nay. Hơn nửa thế kỷ xa Huế, Duyên cũng có lúc được sống trong cảnh hạnh phúc, giàu sang, nhưng số phận trở trêu và thời cuộc rồi ren đã xô đẩy cô vào những hoàn cảnh éo le và cay đắng không kể xiết. Khi là vợ sĩ quan, cũng như trong 13 năm An đi tù, cô đã buồn bán đủ thứ hàng - kể cả hàng cấm, từ kim cương, vàng, đồ-la, xe cộ cho... đến sẵn mĩ (thời cả nước thiếu gạo phải ăn bọ bo...); đã tổ chức cho mấy đứa con và bạn bè vượt biên rồi bị tù, hai lần bị tịch thu nhà và nhiều lần chứng kiến chồng phản bội, hai lần xuống tóc trước cửa Phật, nhưng rồi

cực lại trở thành tín đồ của đạo Ki-tô! ...

Kể ra, ở một đất nước trải qua mấy cuộc chiến tranh khốc liệt, biết bao gia đình ly tán, đổ vỡ vì sự đối đầu ý thức hệ dai dẳng, không ít người cũng đã trải những hoàn cảnh éo le như Duyên, nhưng một điều rất đáng suy ngẫm là cho dù bị quàng quặt như thế, Duyên đã không gục ngã, không hư hỏng - cả khi sống trong nhung lụa, cũng như lúc bị xô đạp đến tận đáy xã hội và cả khi phạm pháp nữa! Hơn thế, Duyên còn nhiều lần "lập công" - đứng ra còn phải dùng từ tôn vinh cô hơn nữa với việc cô đã góp phần quan trọng khai sinh nhãn hiệu thuốc lá DONA bán chạy ở Đồng Nai một thời, rồi tiếp đó là xây dựng Nhà máy thuốc lá Nha Trang - tiền thân của Tập đoàn Khataco hùng mạnh hôm nay - trong đó, rất nhiều "thao tác" và "công đoạn" gian khổ, có ý nghĩa như là mũi thử nghiệm và xung kích phá vỡ bức tường "bao cấp" kiên cố thời đó. Vợ một Trưởng ty cảnh sát "ngụy" đang trong trại cải tạo, bản thân thì vừa ra tù vì tham gia tổ chức vượt biên mà được cử giữ chức Phó Giám đốc Nhà máy thuốc lá Nha Trang thì nghe như là chuyện bịa. Đã đành, cũng do "tổ chức" biết cô là con liệt sĩ, lại được một số nhân vật tên tuổi "đỡ đầu" như luật sư Trịnh Đình Thu, linh mục Hồ Bá Huê, nhưng người ta tin Duyên, trước hết vì cô có năng lực. Từ khi còn làm thuốc lá thủ công, lẻ tẻ, cô đã chịu khó tìm học bí quyết nhà nghề từ chuyên gia các nhà máy thuốc lá nổi tiếng ở Sài Gòn trước đây. Nói cách khác, cô thành đạt nhờ biết coi trọng chuyên môn, trung thực chứ không phải là những "mánh lới" lừa đảo mà cô từng là nạn nhân. Và chính là sự giáo dục, rèn cặp ngày ngày về mọi

đức tính người phụ nữ Việt Nam cần phải có mà mẹ Duyên, rồi "mẹ" Bông ở Phú Chúa và trường Đồng Khánh đã "gieo trồng" cho cô trong những năm ở Huế đã trở thành điểm tựa vô hình mà máu nhiệm, giúp cô đứng vững và vượt qua giông bão trong suốt cuộc đời mình, biết sống nhân ái và giàu lòng vị tha.

Cũng phải nói thêm, nếu *Treo tình trên sông* quả là tự truyện thì Võ Ngọc Lan không hề tô vẽ cho mình; tác giả không che giấu những lúc hèn yếu và những lầm lỗi của Duyên. Cũng với một "vợ bé" khác của chồng, Duyên bị chọc tức, không nên giận nổi, đã ném cả chiếc cốc vào mặt tình địch và chính Duyên cũng không trốn thoát được mối tình khắt khe với một chàng trai ít tuổi hơn mình, lại là con của một ân nhân...

Đây là chuyện tình riêng mà cũng là nghệ thuật tiểu thuyết. Cách thể hiện tâm lý Duyên như thế, cùng cuộc đời lắm nỗi truân chuyên của cô đã làm cho cô trở thành một nhân vật có góc cạnh và *Treo tình trên sông* có sức hấp dẫn bạn đọc, mặc dù cách viết của tác giả không có gì mới mẻ. Và chính cuộc đời truân chuyên của Duyên đã khiến cuốn sách không chỉ là chuyện một "kỳ nữ" của Huế mà là chuyện của một thời chưa xa trong hơn nửa thế kỷ qua, với vô vàn những mảnh đời thực ở "bên kia chiến tuyến" - trong đó có rất nhiều tên tuổi thiên hạ quen biết ở mọi tầng lớp, góp vào một cái nhìn toàn diện về những biến động của đất nước ta trong giai đoạn đặc biệt vừa qua.

Có thể đây là điều ngoài ý định của tác giả, nhưng giá trị chủ yếu của *Treo tình trên sông* có khi lại chính là đây. ■

TIẾNG CỦA THIÊN NHIÊN

(Đọc tập thơ *Nối đêm* của Nguyễn Thị Phước, Nxb Hội Nhà văn, 2013)

VĂN GIÁ

MỞI đây, nhân chuyến đi chơi lên vùng Tây Bắc cùng với mấy bạn văn, trong lúc trò chuyện dọc đường, tôi có nêu một nhận xét, rằng so với thời trước đây, thơ bây giờ ngày càng ít thấy có mặt đối song thiên nhiên; lý do là giờ người ta quá bận tâm đến đời sống vật chất, tiện nghi, đô thị, những không gian cá nhân khép kín, nên dần dần để mất người bạn thiên nhiên nguyên thủy của mình.

Nay đọc thơ của Nguyễn Thị Phước, tôi được an ủi ít nhiều. Phước sống và viết tại thành phố Vinh. Thơ Phước, trong phần thâm sâu nhất, từ trước cho đến tập *Nối đêm* này, vẫn là những đấng đót của kiếp phận đàn bà, là tiếng "hú gọi/ thao thiết/ man dại/ đắm say" (Bài ca của một con thuyền)... Nhưng kỳ lạ thay, hồn thơ này vẫn bảo toàn được vẹn nguyên những gió thơm, cánh đồng, cỏ hoa, rơm vàng, con đường, dòng sông, con thuyền, biển cả... Tâm hồn thơ của Nguyễn Thị Phước vẫn cộng thông mật thiết với không gian thiên nhiên xứ Nghệ "như tranh họa đồ" muôn thuở.

Đã lâu rồi tôi mới lại đọc được những câu thơ như thế này:

- Ước là bunn nuôi sen- thơm sen/ Là cỏ lẩn thêm-giữ dấu chân

(...) Có sông im lặng nói xanh/ Mây nói trắng/tóc nói/chờ... (Nối đêm)

- Con đường ấy gió trong nắng xanh/có đóa núi chênh vênh, thông reo và hoa dại/có hương cỏ từ trại bò xa ngái/những căn nhà nhỏ mà ấm/và có ngậm ngùi chuyện xưa (Con đường ấy...)

Một người vô tình trước thiên nhiên, hoặc bị nhiễm độc bởi không gian đô thị,

hoặc ghẻ lạnh với làng quê làm sao có được những câu thơ hoa cỏ thảo thơm đến thế.

Lần khác, khi Nguyễn Thị Phước nhìn thấy *Những sợi rơm trên phố*, như thể bắt được những câu thơ đẹp đẽ, thơm tho mà kiều hân: *Rơm vàng! Ở những sợi vàng/thơm như là thương đời lửa/thơm như là thêm bên lửa/thơm như để dành... người xa (...)* Mặc cho ai quên ai nhớ/ rơm vẫn thơm vàng đời rơm. Tôi, một kẻ gốc gác thôn quê, nói theo nhà thơ Nguyễn Bình, đã trót "dan díu với kinh thành", thấy tâm hồn mình lắm lúc cần trở. Đọc những câu thơ này, tưởng như lòng mình được gọi lại, được thanh tẩy. Tôi cho rằng, thiên nhiên là một ân huệ vĩ đại của tạo hóa ban tặng con người. Con người sống trong/ cùng/ nhờ thiên nhiên. Ấy thế mà, thật nghịch lý biết bao, bây giờ người ta đang hàng ngày hàng giờ xẻo thịt nó, bóc tử nó, tàn hủy nó, và thậm chí đứng dưng với nó. Những câu thơ của Phước như nhắc nhở chúng ta đang từng giờ từng phút được sống trong cái nôi của Bà mẹ thiên nhiên vĩ đại.

Nguyễn Thị Phước có một bài thơ văn xuôi rất đáng chú ý: *ý nghĩ bên cánh đào*. Nhà thơ cho rằng công chúa Ngọc Hân là một người đàn bà hạnh phúc nhất trên thế gian này, bởi vì chiều Ba mươi Tết, nàng đã nhận được một cành đào xứ Bắc do hoàng đế Quang Trung cho lính quất ngựa truy phong theo con đường ngựa trạm để mang vào cho nàng kịp đón Tết. Một hình ảnh suy tưởng: *Tôi tự hỏi: con ngựa trạm đã bay trên đường thiên-lý-hoa-đào ấy, bây giờ hậu duệ chúng ở đâu?/Hân đấy là những con ngựa dưng mãnh, đẹp và lãng mạn biết bao!* Tôi

muốn nói một ý khác, đứng trước cành đào, một hình ảnh thật đẹp, lại mang tính biểu tượng cho năm mới - mùa xuân - sự sống, tự nhiên tâm hồn nhà thơ đột khởi một liên tưởng thanh cao, bút ra khỏi đời sống thường nhật để cất cánh bay vào bầu trời tình ái mang chiều kích của bậc anh hùng với mỹ nhân. Trước thiên nhiên, và nhờ thiên nhiên, tâm hồn con người mới có thể cất lên những niềm hoan lạc mộng mơ như vậy.

Hồn thơ của nữ thi sĩ này về cơ bản, trong những niềm vui nỗi buồn, trong những khổ đau và tuyệt vọng, trong những lúc yếu mềm và can đảm, lúc nào cũng vậy, đều tìm đến thiên nhiên, tựa vào thiên nhiên, được thiên nhiên nuôi nấng, dịu dõ, chở che.

Trở về với thiên nhiên, tâm hồn nhà thơ trở về với nguồn cội, trở về với thanh sạch đầu nguồn, trở về với Bản nguyên sự sống.

Tôi muốn nói đến bài thơ nữa trong tập thơ này: *Gửi*.

Bài thơ hé lộ cho người đọc biết một tình huống: lần đó, trong lúc buồn rầu về phận người, buột miệng than van, thế là bị (người nào đó) mắng, người thơ cúi thân ra vườn khóc với cây và trò chuyện với cây. Những câu thơ bật ra se thắt:

- Này cây/cho ta sương là non/pha trà sớm mời người ta nhớ

- Này quả/ngon vừa thôi/người ấy chưa về... (Gửi)

Chẳng phải tiếng cầu cứu của người con đối với Bà Mẹ thiên nhiên nhân từ mà vĩ đại đó sao? Và đó cũng là tiếng của lòng người đang yêu thầm thì.

Trở lại với câu chuyện dọc đường Tây



Bắc được nhắc đến trên kia, anh bạn tôi bảo: gần đây, anh ấy rất thích nhìn ngắm những cái cây mùa xuân đang trở lộc, nhìn vào những búp non li ti đang cựa quậy khoe mình; khi đó niềm thích thú có khi còn hơn cả đọc một cuốn sách hay. Tôi tin là anh nói thật. Bởi cái mầm lộc ấy chính là sự sống mẫu nhiệm của thiên tạo. Sự sống thực của đời sống hoàn vũ bao giờ cũng lớn lao, quyền uy, linh diệu hơn tất cả cõi đời tục lụy và nhiều phiền muộn này.

Khi đã có một tâm hồn bén nhạy với thiên nhiên như vậy, thì ngay cả những câu thơ buồn bã nhất cũng tự nhiên tìm về phong cảnh: *Giờ tôi mang lòng ru ai/người cần lửa hồng/tôi còn than lời/Tôi về ru khói chiều mưa như sương (Ru).*

Và với nhà thơ Nguyễn Thị Phước, thiên nhiên còn như một cộng mệnh siêu thoát: *Đợi ngày búa ngái không còn thiêng/con hãy về thảo am học cỏ/chờ qua xanh rồi đến vàng (Trước bàn thờ Phật).* Một câu thơ điểm tỉnh đến se lòng...

Nhờ vậy, với tập thơ này, Nguyễn Thị Phước đã thiết lập được một cõi riêng khác so với người khác và vượt lên so với những gì đã có của chính mình. ■

MƯỜI NĂM...

(Tiếp theo trang 17)

hiện thực của đời. Nó là cái chất đã kéo con người Thu Bốn vốn phóng túng như ngọn gió rừng hoang dại, ngồi lặng trầm tư bên mộ con gần trọn một đêm trăng trung thu năm ấy.

Ở nhiều bài thơ ngắn và những đoạn trữ tình xen trong trường ca, cảm xúc Thu Bốn có một nét trội rất nội tâm ấy là tình quê hương xứ sở. *Chim vàng vẫn kêu trong một vùng dĩ vãng của rừng cây. Vững dĩ vãng của rừng cây. Đang đọc trời chữ, tôi bỗng dừng lại trước khóm tử này. Nó là một hình tượng. Con chim hôm nay thì hót trong rừng hôm nay, vùng dĩ vãng của rừng nằm ở hoài niệm của người: con chim hôm nay bỗng về hót trong thời gian cũ. Trên phương nằm ngang của trục thời gian quá khứ- hiện tại- tương lai, bỗng nhiên vòng xuống một chiều sâu của hoài niệm, của trải nghiệm, của nông nổi đời người. Thu Bốn có tiềm lực thơ theo mạch ấy nhưng ông ít khai thác nó, ít lắng nghe nó. Câu thơ ông thích bay trên đầu sự kiện - cao, đẹp, phóng khoáng - hơn là chìm sâu vào lòng nó - thâm trầm sâu sắc. Chỉ đôi khi, như tình thế tạo nên, một lần trú trong hầm bí mật dưới đất sâu:*

*Đầu cành cây cỏ ra hoa
Chắc là nở với lòng ta dưới này
Ta nghe trâu giục lũng cây
Có con chim sẽ đang bay ngang trời.
Một lần khác, Cho tôi về lại, tên bài thơ:
Cho tôi về lại với hàng tre râm mát
Nằm trên cỏ xanh trâu gặm ướm chiếu hôm
Cho tôi về với cánh đồng vàng gốc rạ
Những người thợ gặt đi rồi... Còn nỗi nhớ
mênh mông.*

Trâu gặm ướm chiếu hôm, gợi cảm nhưng cũng là câu dễ viết. Cái chất hồn nhiên gốc rạ sau vụ gặt mà nhớ mênh mông đáng quý hơn. Nó có nhiều nỗi niềm từng trải lẫn chìm trong đó. Thu Bốn thường ngang qua, như vu vơ mà đụng vào những vùng cảm xúc ấy. Câu thơ ông vẫn bước đều chân nhưng người đọc thì dừng lại và âm thầm dừng lại. Dừng lại với câu thơ mà để gặp hồn ông, để lắng nghe trong áp ứng ngôn từ cái phân hồn mà ông chưa bộc lộ.

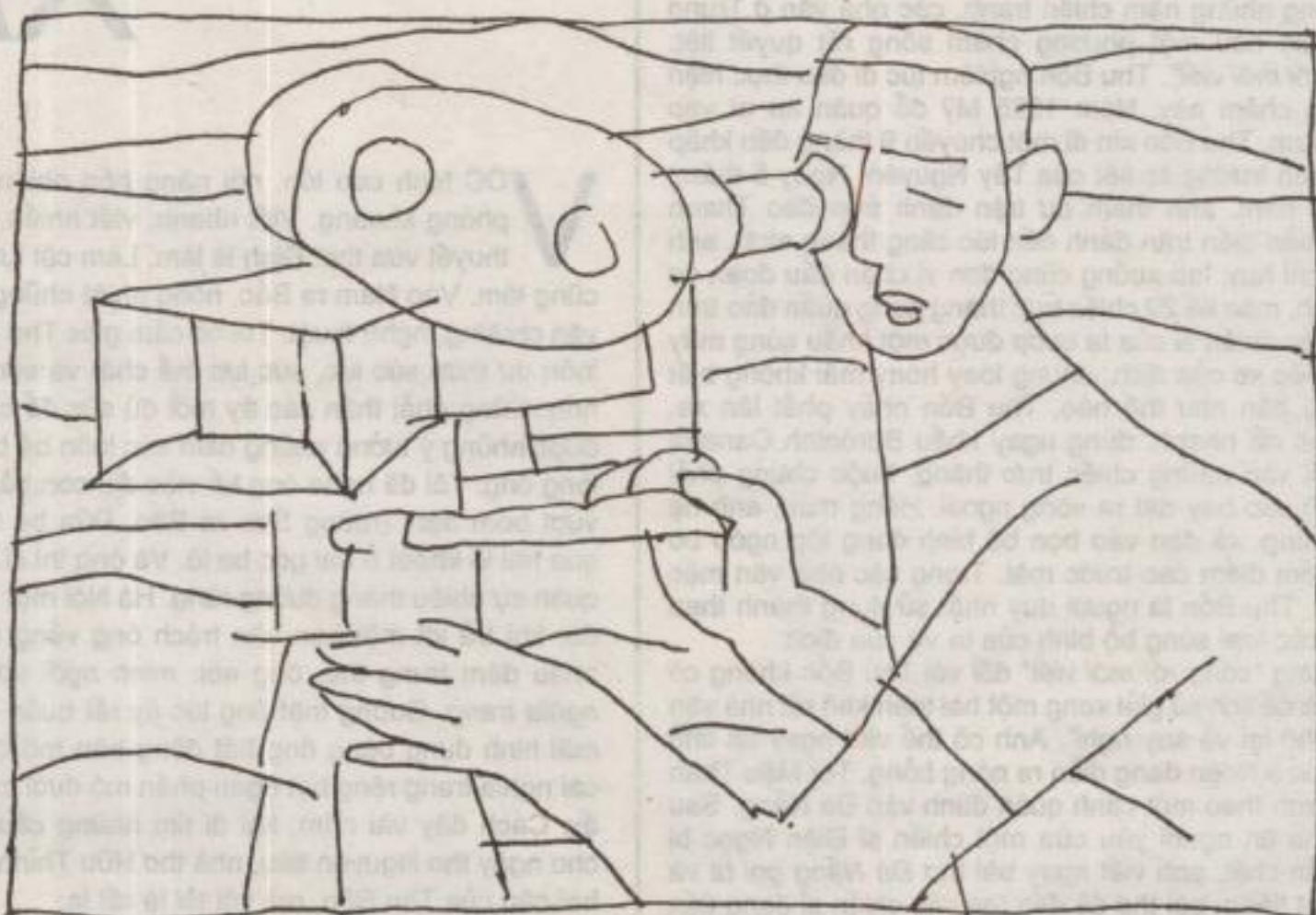
Một trưa năm nào đấy, ông rủ mười người bạn đến căn nhà nhỏ dưới chân đê Hoàng Hóa Thám gần Chợ Bưởi, mừng cuộc sống gia đình mới của ông. Ông kể hôm trước ông thuê xích lô dọn nhà cho cô dâu từ nam chợ Mơ về đây. Lúc xe rẽ từ đê Hoàng Hoa Thám xuống xóm thì lại lao xuống ao. Đường dốc, ông xích lô lại là thương binh, có một bàn chân gỗ, không ghi được xe. Rõ khổ, đồ đạc rã đã cạ lại cứ trôi lênh bênh dưới ao. Ông đương kim chú rể phải lội xuống vớt lên. Vớt của hồi môn, vớt cả ông lái xe, rồi mời ông ấy uống rượu với mình. Chuyện vậy nhưng ông kể vui lắm, giọng hồn nhiên như nói chuyện người ta. Mọi người cười, cô dâu cười hăng hái nhất. Bữa ấy vui mà cũng thoáng ngậm ngùi. Không biết có gì liên quan giữa cách kể chuyện mình thân nhiên như thế với những câu thơ lấp lánh nội tâm mà ông cứ lướt qua? Phải chăng ông muốn ghi cho nhanh những nét thời cuộc hay muốn đáp ứng một chức năng xã hội khẩn thiết của thơ ca mà chưa có lúc mình chuyện với mình về chính cuộc đời mình? *Bài ca chim Chơ Rao* thành công đầu đời chói lọi, làm nên tên tuổi ông, ở đây cái Đẹp, cái Cao Cả như chất men-thức đẩy con người nhập cơn say lý tưởng, cơn say chiến đấu. Thành tựu ấy là rất quý, Nhưng say gì rồi cũng có lúc tỉnh. Chính khi tỉnh rượu, lúc tàn canh là lúc con người cần tìm vào sự sâu sắc của nội tâm. Tìm vào sâu sắc mà nhận ra Đường trên mặt đất và Sức đi của lòng mình. Thu Bốn ở chặng *Tay cầm nước mắt bao giờ sang sông* là lúc ông đang nhập vào cõi sâu sắc của lòng mình mà chiêm nghiệm nhân gian.■

V.Q.P

CHUYỆN NGHỀ

CHÈNH VÈNH PHÓNG SỰ TRUYỀN HÌNH

NGUYỄN THẾ TƯỜNG



Tôi dùng từ "chênh vênh" là đúng nghĩa đen với trường hợp đầu tiên muốn kể: vượt đèo Lập Cập. Hẳn cái tên đèo với hai âm tiết vần trắc kia cũng đã phần nào tượng hình về con đèo và gợi được cảm giác cho bạn đọc về người vượt đèo...

Bữa đó là vào mùa mưa, chúng tôi vượt đèo Lập Cập vào Hóa Sơn làm phóng sự cho chuyên mục *Quảng Bình - đất nước - con người* của đài PTTH Quảng Bình. Nơi đó mảnh đất còn hoang, con người còn hủ hấu, có hàng nghìn con bò thả hoang trong rừng như...bò tốt và một gã đàn ông "hoang sơ" hơn cả vùng đất: đã 25 năm kiên nhẫn đào bới tìm vàng của nhà vua thế kỷ trước chôn giấu, theo một thông tin mơ hồ từ hải ngoại. Thời gian một ngày cả đi lẫn về cách Đồng Hới hơn trăm cây số. Tay lái Nguyễn Tiến Vinh, tay máy Bùi Dũng. Không may cho chúng tôi là con đèo mới được khai thông cho cơ giới trên nền đất thịt, lại vừa có một trận mưa, đường trơn đến độ người đi phải chống gậy mới khỏi trượt ngã. Xe Lancruse lên lưng chừng đèo thì bắt đầu chạy văng xê, khi húc vào vách núi, lúc lại như sắp lao xuống vực thẳm hoặc quay trượt tại chỗ, bùn vàng tung tóe. Ba thằng chúng tôi đã làm hết cách, nào chặt cây lót đường, rải cát để tăng ma sát, chèn đá dưới bánh xe... Trời càng về trưa khiến chúng tôi căng sốt ruột, mây xám lại ùn ùn kéo tới, cấp bách xem ra không kém tình huống hiểm nghèo 120 năm trước là bao nhiêu! Tôi và Bùi Dũng nhìn nhau lắc đầu, không khéo thì để quay đầu xe trở về tay trắng cũng không được. Bất ngờ, Nguyễn Tiến Vinh tuyên bố: hai anh đưa chai rượu đây cho em rồi đứng xa ra và nhắm mắt lại. Chúng tôi hiểu Vinh định làm gì. Tình thế tiến thoái lưỡng nan khiến cả nhóm không có quyền lựa chọn. Nhưng, để Vinh mạo hiểm một mình thì thật không nỡ. Từng ngang dọc với nhau trên các chuyến hành trình nhưng phải tới khi đối mặt với hiểm nguy mười phần mới hiểu được nhau ít nhiều. Lòng tự ái nam nhi cho chúng tôi thỏa thuận giải pháp cuối cùng: hai thằng tôi nhắm mắt lại (để khỏi la hét khiến Vinh mất bình tĩnh) nhưng cùng ngồi cả trên xe, lên cùng lên, rơi cùng rơi... Vinh tợp liến ba ngum rượu, chấp tay vãi tứ phương rất thành kính rồi ấn nút khởi động, cài số. Kết quả thì chắc các bạn đã đoán được. Riêng tôi lấy làm lạ là, từ cú thoát hiểm ấy đến nay, nhiều năm đã trôi qua mà tôi vẫn quên hỏi Bùi Dũng xem lúc ấy anh ta nhắm hay mở mắt. Còn tôi, kể từ tiết mục xiếc trên miệng tử thần ấy, tất cả mọi chương trình xiếc nhào lộn từ quốc gia đến quốc tế đều không còn đáng giá gì nữa...

Lần khác, cái sự "chênh vênh" lại không nằm ở con đường, mà nằm ngay trong hoạt động tác nghiệp. Số là có những vụ án dân sự, xử thì dễ, nhưng khi thi hành lại rất khó, đặc biệt nếu còn có sự nhiễu nhương được tạo nên bởi chính cơ quan thi hành án. Nhạc sĩ Hoàng Đình Luyện là một nhân sĩ đáng kính của huyện Lệ Thủy. Ông mất khi mới chuẩn bị bước vào thất thập. Quyền thừa kế của ông được chuyển cho người vợ. Nhưng trên mảnh đất ông được thừa kế lại có người thân thích họ hàng đang cư trú. Vụ việc dân sự xử đã hơn 10 năm mà thi hành án vẫn không xong. Sự nhùng nhằng còn rối rắm hơn khi mà trong một công văn gửi cấp trên, cơ quan thi hành án cấp huyện lại hồn nhiên phản bua rằng, sở dĩ khó thi hành án vì đương sự là người thân của một cán bộ chủ chốt ở huyện. Đài chúng tôi vào cuộc. Dẫn đầu là phó phòng Trọng Lãnh, cameramen Ngọc Hải, tài xế Suyền và tôi. Trời nắng nóng. Sau khi "dạo qua" vài cơ quan chức năng làm thủ tục trình diện, chúng tôi tiếp cận khuôn viên tranh chấp ven khu vực chợ Tréo. Lãnh cùng Hải tự tin vào bấm những cảnh đầu tiên và lập tức bị phản ứng quyết liệt từ phía gia chủ. Thấy động, tôi bàn với Suyền cứ "án binh" vòng ngoài làm "thê đội dự bị" sẵn sàng tiếp ứng. Quả nhiên lo xa không thừa, sau chừng 15 phút tranh cãi, cánh cổng gia chủ khép lại khóa chặt hải đồng nghiệp... nội bất xuất ngoại bất nhập. Sự việc còn đẩy đi xa hơn khi Trọng Lãnh rút thẻ nghề nghiệp để buộc đối tác phải tôn trọng luật báo chí thì... chẳng cần biết luật lệ gì, họ cầm thẻ nhét luôn vào túi. Trời càng trưa càng nóng, chợ tréo vẫn dần. Tình hình này chắc chắn phải nhờ cơ quan pháp luật can thiệp để giải cứu "bình nhĩ... Roayan" như trong phim Mỹ vậy. Tôi bảo Suyền đánh xe tìm đến cơ quan công an huyện Lệ Thủy gặp lúc các sĩ quan đang liên hoan cơm trưa sau hội nghị. Thông qua trực ban tôi cũng "vờ" được một đại úy lên xe. Hoàn toàn không cần vũ trang hay đao to búa lớn viên đại úy cũng dễ dàng buộc cổng nhà đương sự nhanh chóng mở ra, và, chúng tôi gặp lại người thân Trọng Lãnh - Ngọc Hải như những chiến sĩ về từ... chiến trường. Nhưng thẻ nhà báo thì chưa thu hồi được. Dẫu vậy chúng tôi cũng vội tìm tới quán ăn để an ủi cái dạ dày đã bắt đầu lên tiếng rồi đánh nước *mã hối*, thắng bại chưa rõ nhưng cũng được bài học đắt giá về công tác trinh sát, chuẩn bị địa bàn và tập hợp lực lượng...

Chênh vênh phóng sự truyền hình! Vui buồn một thuở hành nghề báo chí, nay ngồi nhớ, chép lại đôi dòng, bạn nghề đọc rồi có ngẫm ngời ra điều gì chăng!?■

LIÊN HOAN SÂN KHẤU KỊCH BERLIN 2013

SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA ĐỜI SỐNG ĐƯƠNG ĐẠI

KIỀU THU HUYỀN

Rõ ràng nếu so sánh sân khấu Đức với sân khấu Việt Nam nhiều người sẽ cười khẩy, khập khiễng, chuyện đùa như giỡn, chẳng cần nói nhiều. Nhưng có đi mới thấy cách làm của ta còn quá nhiều vấn đề. Vấn đề chính là chúng ta vẫn giữ cách làm sân khấu của mấy chục năm về trước, thậm chí còn cũ hơn cả mấy mươi năm trước, và khán giả ngày nay không thể tiêu hóa được món ăn cũ, không còn giữ được mùi vị thậm chí là có... mùi!

Tôi chú ý đến buổi thảo luận Xu hướng nghệ thuật sân khấu đương đại Đức. Và vô cùng ngạc nhiên khi đọc thông tin nhà hát Hebbel am Ufer, mới đi vào hoạt động từ năm 2003, nhưng mỗi năm nhà hát này có khoảng 120 buổi diễn được giới thiệu với khán giả. Quả là con số chưa bao giờ nghĩ tới, mà kể cả trong mơ cũng không dám nghĩ. Trương Nhuận nói: Cá nhân tôi cảm nhận sân khấu Đức là sân khấu chuyên nghiệp và đặc biệt được đẩy đến bình diện sân khấu của lí trí. Ở đây ít có sự xen kẽ của những yếu tố mang tính bí lụy, của những yếu tố mang sắc thái tình cảm suýt soát. Nếu như ở Việt Nam thể hệ đạo diễn thành danh định hình cách nghĩ, cách làm về kịch kinh điển biểu hiện ở sự lệ thuộc vào cảnh trí hoành tráng, mô tả như thực những lâu đài đỉnh đến, những mũ mào rối giáo trụ. Hoành tráng, to tát thế nhưng không chuyên chở được thông điệp gì mới hơn với xã hội, với người xem.

Xu hướng nghệ thuật đương đại phải là nội dung đương đại hay là hình thức đương đại? Tôi hỏi anh, dù biết câu trả lời đáng trả lời nhất là sân khấu đương đại phải là sự kết hợp hài hòa, không có một hình thức hiện đại nào lại tách biệt khỏi một thông điệp cũ, cũng như không thể có một thông điệp đương đại nào thể hiện dưới hình thức cũ. Lâu nay chúng ta vẫn nói "rượu mới bình cũ", chắc chắn nếu cứ tự an ủi thế, vẫn không vượt ra khỏi, không thoát ra, và cũng chẳng thể phát triển được.

Chuyện diễn viên của người ta thì khỏi phải nói, nhìn sang diễn viên mình đôi lúc có phần ngao ngán. Chỉ nói về đài từ thôi, Trương Nhuận mất nửa buổi nói chuyện: Cảm giác khi xem những vở diễn tại Liên hoan, diễn viên dùng hết nội lực để chuyển tải qua đài từ sân khấu. Tất nhiên sân khấu của họ chuyên nghiệp, bởi thế, không có sự sốt sạo nọ kia. Đôi khi cảm thấy rợn người khi đài từ của các diễn viên thể hiện những tính cách nhân vật mang tính quyết liệt, thậm chí bạo liệt! Những trạng thái ấy ở Việt Nam có lúc tôi rùng mình khi nghe NSND Minh Gái diễn trong *Hố Nguyệt cô hòa cảo*, hoặc cách đây cũng đã lâu NSND Lan Hương trong vai cô gái diêm vớ *Cuộc đời tôi*, hoặc NSUT Anh Tú trong vai bạo chúa *Mắc bết*.

Tôi không hiểu nhiều về đài từ, hay làm thế nào để có đài từ tốt, nhưng tôi biết rõ các diễn viên sân khấu nước ngoài họ đủ sức thăng hoa vì phía dưới sân khấu là chặt cứng khán giả nghe, thưởng thức, còn sân khấu Việt Nam nhiều buổi diễn hàng chục diễn viên phục vụ cho đám bảy khán giả.

Trương Nhuận kể: Ví dụ vở *Chiến tranh và hòa bình* do đạo diễn trẻ Sebastian Hartmann chuyển thể dàn dựng từ tác phẩm kinh điển của Lep Tolstoi cho sân khấu Leipzig dài 5 giờ đồng hồ. Vở kịch nghĩ giải lao 2 lần nhưng khán giả vẫn im phăng phắc nghe từ đầu đến cuối và chỉ khi vở diễn kết thúc, họ mới vỗ tay bày tỏ cảm xúc của

Tôi gặp Trương Nhuận - Giám đốc Nhà hát Tuổi trẻ khi anh vừa trở về sau một chuyến công tác xa. Anh khoe anh đi Đức, đi tham quan và học tập. Là một trong số 31 đại biểu của 26 quốc gia trên thế giới dự "Liên hoan Sân khấu Berlin lần thứ 50" từ ngày 3 đến ngày 20-5. 7 ngày ở Đức xem 7 vở, trò chuyện với chính ê-kíp sáng tạo của 7 vở diễn đó, rồi đủ các hoạt động nhưng đầy hứng khởi.

Nói rất nhiều, cũng không ít những lúc trầm ngâm nhưng tôi nhớ nhất là cái chẹp miệng của Trương Nhuận: "Nó khác mình và nó... đi xa hơn mình nhiều quá!". Nó - ở đây chẳng phải là cái gì xa lạ, là sân khấu của nước Đức đầy thôi.

mình một cách cuồng nhiệt, khán giả vỗ tay tới 20 phút. Điều lạ là không có khán giả nào mang hoa lên tặng diễn viên. Tôi tuyệt nhiên không nghe thấy tiếng xì xào chứ đừng nói là nghe thấy tiếng càn chắt hạt hướng dương, tiếng sột soạt của bim bim. Và để có một lớp khán giả như thế, bà Susanne Traub- đại diện của Viện Goethe Berlin có cho biết: Mất hàng trăm năm mới hình thành được những thói quen thưởng thức nghệ thuật cho sân khấu đích thực như thế. Nhìn lại ở Việt Nam, có thể nói sân khấu kịch đã vào Việt Nam từ đầu thế kỉ trước. Cũng đã một trăm năm trôi qua nhưng thói quen đến rạp hát thưởng thức, thói quen có được sự lịch lãm còn phải dần dần sàng lọc, hình thành. Khán giả Đức không chỉ thuần túy mua vé đi xem, họ còn có thói quen mua những sản phẩm kèm theo như DVD, program, những vật có tính chất lưu niệm về vở diễn được kí tặng như một thú riêng của từng cá nhân với nhà hát, với vở diễn.

Những điều anh nói đang là hiện thực của sân khấu chúng ta ngày hôm nay. Và trong câu chuyện anh có cho rằng, việc gửi người đi đào tạo về đạo diễn, về những phương pháp sân khấu khác nhau ở trên thế giới là điều rất cần. Xét trên một góc độ nào đó, sân khấu của chúng ta nhiều vở diễn, nhiều nhà hát vẫn còn bị lệ thuộc vào những trạng thái cảm xúc, bị lệ thuộc vào những góc độ *hỉ, nộ, ái, ố* một cách sâu đậm quá, có thể kém đi tính xã hội, thiếu nét tạo ra sự nhận thức cho khán giả về những thông điệp xã hội trong các vở diễn. Khi tới thăm quan học hỏi kinh nghiệm đào tạo tại Học viện kịch nghệ Berlin tôi thực sự ngạc nhiên là diễn viên của họ biết tất cả các kĩ thuật biểu diễn Múa rối, múa, hát, diễn xuất... So lại với cách đào tạo diễn viên ở nước mình mới thấy, những lỗ hổng trong đào tạo. Chỉ xét về đài từ thôi, nhiều diễn viên ra trường không nói được một câu nên hồn, vẫn còn uốn đi nắn lại mới có đủ hơi để nói cho tròn vành rõ chữ, hoặc diễn viên khi cần dụng đến nhảy là gần như không nhảy được. Hình thế thì béo và không biết nhảy là gì. Sự chuyên nghiệp có tính chất đa năng ấy cần được học ngay từ kỹ năng biểu diễn ở các trường nghệ thuật chứ không phải khi về

các nhà hát mới được đào tạo lại thì không còn đủ thời gian để phát triển.

Rõ ràng chúng ta còn thiếu quá nhiều thứ để tạo nên tính chuyên nghiệp nhưng cái khó bó cái khôn, cái nghèo quanh quẩn mãi. Diễn viên đổ lỗi cho sự mưu sinh, đạo diễn đổ lỗi cho kinh phí sản xuất thấp, người xem đổ lỗi cho nổi cơm chưa đầy, nghĩ đến đi xem kịch là tốt rồi, yêu cầu thưởng thức có quá cao không.

Tôi hỏi Trương Nhuận: "Chúng ta đang muốn tiến tới nền sân khấu đương đại nhưng anh đưa vở diễn dự liên hoan mà biết chắc hội đồng giám khảo sẽ chọn một vở diễn có thiết kế sân khấu hoành tráng thay vì sự đơn giản tối đa. Anh sẽ chọn đơn giản hay hoành tráng, chọn không có giải hay bằng mọi giá để có giải thưởng? Không trực tiếp trả lời câu hỏi của tôi nhưng anh bộc lộ thái độ rõ ràng: Đôi khi phải thay đổi từ ban giám khảo, người chấm thi. Đây là cái có vấn đề trong tổng thể phát triển chung, sự mới ở đây không cứ là tuổi tác bởi vì tôi đã chứng kiến trong làng sân khấu có những đạo diễn, nghệ sĩ rất nhiều tuổi nhưng đầu óc của họ mới, cách nghĩ, cách làm của họ cũng rất mới chứ nhiều người trẻ làm rất nệ cổ, thậm chí lặp lại những bước đi của đàn anh ở phía trước nhiều hơn là sáng tạo. Còn hình thức đơn giản, sự thể hiện sân khấu ra làm sao thật ra vẫn cứ quan trọng đầu tiên ở thông điệp trong kịch bản anh gửi gắm là cái gì và nghệ sĩ thể hiện tác phẩm ấy là ai. Nếu không phải là nghệ sĩ có tài, chắc chắn không thể chuyển tải được tư tưởng, cái mới mà đạo diễn thể hiện. Như vậy ở đây đòi hỏi một cuộc lột xác dần dần từ nhiều yếu tố.

Dù chưa một lần tới Đức, tôi Mỹ, nhưng tôi vẫn biết có nhiều cô đào Berlin, Hollywood mong một ngày được đứng trên thánh đường sân khấu, còn diễn viên ta, làm sân khấu để kiếm quảng cáo. Sự khác nhau có phải ở đó không? Không hoàn toàn đồng tình với ý kiến của tôi Trương Nhuận trầm ngâm nói:

Nếu chú ý kĩ còn có những nghệ sĩ, những gương mặt ít chịu sự tha hóa, mưu sinh hóa để đóng/ thể hiện ở những vai diễn quảng cáo rẻ tiền hay đánh mất hình ảnh. Họ chăm chút hình ảnh của mình hơn, chăm chút khả năng diễn xuất

và chăm chút sự xuất hiện trước công chúng. Tất nhiên không nhiều nhưng tôi vẫn thấy ở một số nhà hát, đơn vị nghệ thuật còn có những người như thế, và họ vẫn đau đầu khát khao tìm và thể hiện những vai diễn lớn, những tác phẩm lớn.

Tôi thì chưa tin lắm vào sự lột xác của các diễn viên nếu có một thể hệ đạo diễn thực sự tài năng. Hình như ở mình chưa có gì đồng bộ. Trong một cuộc nói chuyện với NSND Lan Hương, chị có than thở rằng, các diễn viên của ta, lúc mới đi học ở nước ngoài về, có thể nói là tràn trề hy vọng, nhưng chỉ sau 5 năm thôi, không thể và không còn nhận ra họ. Đem tâm sự đó nói với Trương Nhuận, anh cho rằng cái sự bị mòn đi cũng là một cái cần suy nghĩ, có thể sự tác động của môi trường, của lối diễn của cảm xúc và kinh nghiệm biểu diễn mang sức lớn, đôi khi tác động đến nghệ sĩ và họ không thay đổi được. Nhiều khi rất cần một lứa những diễn viên, đạo diễn, âm thanh, ánh sáng được đào tạo ở nước ngoài mang về những hơi thở khác. Ở Việt Nam, từng có những giai đoạn hoàng kim với những đạo diễn học ở nước ngoài về khao khát mong muốn cải tạo sân khấu nhưng hơi tiếc là họ chưa làm được nhiều. Sau này do sự thay đổi về không khí chính trị - xã hội, không còn các đạo diễn sân khấu đi học ở nước ngoài nữa cả một thời gian dài nên cũng có sự hẫng hụt về mặt kinh nghiệm, sự bị chậm lại so với sự phát triển của sân khấu thế giới đi quá xa, quá nhanh. Nhưng cũng đừng quá bi quan, gần đây một số đạo diễn ở Thành phố Hồ Chí Minh, ở phía Nam như tôi biết, họ đã tu nghiệp ở một số trung tâm sân khấu lớn ở thế giới với tràn trề làm những tác phẩm sân khấu thử nghiệm, họ đã có thay đổi lớn về mặt phong cách dàn dựng. Đó là điều cần ghi nhận và là tín hiệu hy vọng có sự đổi mới.

Có thể nói cùng với xu hướng thương mại hóa, các sân khấu của Việt Nam đang đi vào sự bội thực vở hài, thiếu những tác phẩm có chiều sâu trí thức, thiếu cái nghĩ ngợi đáng có dành cho người xem. Giữ gìn truyền thống chỉ là hình thức bảo tồn. Để phát triển được nếu vẫn bị câu nệ bởi vở bọc cũ kĩ, không đẩy lên tầm cao mới, không đưa được thông điệp gì mới với hình thức thể hiện mới thì chắc chắn sân khấu sẽ mất khán giả và khán giả quay lưng. Sự thực này có thể thấy rõ là nhiều đoàn nghệ thuật đã đánh mất khán giả trong vòng 10-15 năm nay và việc loay hoay cứu vãn quả là gian nan. Để tìm lại nó thật rất khó. Trương Nhuận tâm sự có phần cay đắng là: không thấy có một chương trình nào, một vở kịch nào ở "Liên hoan sân khấu Berlin lần thứ 50" thuần túy mang tính giải trí.

Chuyến tham quan và học hỏi kinh nghiệm tại Liên hoan sân khấu Berlin - một trong những Trung tâm hoạt động sân khấu lớn của thế giới - ít nhất cũng là một dấu ấn, là một sự thôi thúc thay đổi cách làm, cách tư duy đối với một người làm quản lý sân khấu đầy năng động ở nước ta như Trương Nhuận. Sân khấu thế giới truyền thống đáng tự hào, đáng tôn vinh nhưng nghệ thuật là phục vụ con người, những con người thời hiện đại muốn được xem, được thấy cuộc sống của họ từ các vở diễn, từ sự day dứt của diễn viên, và đặc biệt hơn thấy sự chuyển động của đời sống đương đại đang căng tràn, ứ đọng và thăng hoa dưới ánh đèn sân khấu. Tôi chờ đợi sự chuyển động của anh và Nhà hát Tuổi Trẻ sau những ngày anh ở Liên hoan sân khấu Berlin.■



Quảng cáo Liên hoan sân khấu kịch tại Berlin.

NGHỆ THUẬT

LỘNG CHƯƠNG NGƯỜI NGHỆ SĨ, CHIẾN SĨ

GIANG TRUNG HỌC

N GÀY 26 tháng 6 năm 2003, Nhà hoạt động sân khấu Lộng Chương đi xa ở tuổi 86, đến nay vừa tròn 10 năm. Cả cuộc đời hoạt động của mình, Lộng Chương đã sử dụng "kịch nghệ" như một loại "vũ khí" hiệu quả nhất của người chiến sĩ, với tâm nguyện cống hiến hết mình cho nền văn học, nghệ thuật của đất nước. Ngay từ thuở thiếu thời, tấm lòng và dòng máu sân khấu đã dẫn dắt Lộng Chương, khi ông còn là cậu học trò trung học, đặt bút viết vở kịch thơ đầu tay *Gió Ấi Bắc*, nói về Nguyễn Trãi tiễn biệt cha là Phi Khanh ở nơi biên ải. Trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, từ một tài tử "kịch nghệ", Lộng Chương đã bị cuốn vào phong trào xóa nạn mù chữ - một chủ trương lớn của Cách mạng khi ấy - bằng cách cùng bạn bè trong *Ban kịch Bình dân* (Nha Bình dân học vụ) tổ chức diễn kịch tuyên truyền.

Giai đoạn kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp, Lộng Chương đã lần xả làm mọi việc liên quan đến diễn kịch, nhằm tuyên truyền cổ động kháng chiến. Trong điều kiện lịch sử cụ thể lúc bấy giờ, không thể dàn dựng những vở kịch lớn, dài hơi, Lộng Chương đã chọn loại hình kịch ngắn làm vũ khí chiến đấu và sử dụng nó hết sức hiệu quả. Với lối viết giản dị pha chút hài hước, mang nội dung giáo dục, tuyên truyền nhẹ nhàng, dễ hiểu, dễ nhớ, kịch của Lộng Chương đã nhanh chóng đến với đông đảo quần chúng. Từ năm 1948 đến 1954, trong điều kiện bộn bề của kháng chiến, ông đã cho ra đời 17 vở kịch ngắn với nhiều đề tài khác nhau; nhưng đều hướng vào một mục đích là đáp ứng kịp thời, sát sao những yêu cầu trước mắt của Cách mạng. Về đề tài chiến tranh du kích - vấn đề trung tâm của thời kỳ đó - Lộng Chương đã viết bốn vở: *Lý Thời* (1948); *Du kích thôn Đồi* (1952); *Chiến đấu trong lòng địch* (1954, Giải thưởng Văn học 1954-1955) và *Đoàn quân tóc trắng* (1954). Để phục vụ chính sách thuế công thương nghiệp, ông nhanh chóng sáng tác kịch ngắn *Chính lý*. Thời kỳ đất nước tạm chia hai miền Nam, Bắc, ngay từ năm 1955, trước làn sóng đồng bào bị cưỡng ép di cư vào Nam, Lộng Chương lập tức cho ra đời một loạt tác phẩm *Giữa đường*, *Mưu giặc*, *Nhở chuyến bay*, *Ma hiện*, *Đòi con*... nhằm giác ngộ, nâng cao ý thức cảnh giác và kêu gọi đồng bào chống lại âm mưu của địch. Nói về thời kỳ hoạt động này của Lộng Chương, TS. Tôn Thảo Miên nhấn mạnh: "Toàn bộ những vở kịch của Lộng Chương...phản ánh tương đối đầy đủ thực tế xã hội lúc đó, cả về đấu tranh chính trị lẫn đấu tranh xã hội. Hầu như không có một biến động nào, lại không được phản ánh vào tác phẩm của Lộng Chương. Điều đó chứng tỏ ông là một tác giả hết sức gần gũi và gắn bó với phong

Lộng Chương (tên khai sinh là Phạm Văn Hiến) sinh ngày 5 tháng 2 năm 1918. Quê quán Châu Khê, Bình Giang, Hải Dương. Trước năm 1945, là nhân viên phòng thí nghiệm, Sở Tổng thanh tra Nông Lâm, bắt đầu làm báo, viết văn. Từ kháng chiến chống Pháp, chuyển sang hoạt động sân khấu.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1957, nguyên Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học, nghệ thuật đợt II- 2000.

Tác phẩm chính đã xuất bản: Hấu Thánh (Tiểu thuyết, 1942); Quấn (Kịch, 1960); A Nàng (Kịch thơ, 1961); Cửa mở hé (Kịch, 1969); Quấn (Kịch, 1984); Tinh sử Loa thành (Kịch) và Kịch Lộng Chương (Tuyển tập, 1997)...



Nhà văn - nhà viết kịch Lộng Chương.

trào, đồng thời cũng là một nghệ sĩ có tinh thần trách nhiệm và thái độ dũng cảm khi đi vào những vấn đề mới. Chúng ta ghi nhận những đóng góp của Lộng Chương ở thời kỳ này bằng những tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu cho nền kịch Việt Nam một giai đoạn...Cho đến nay, nhắc đến Lộng Chương, người ta vẫn không quên những vở như *Lý Thời*, *Du kích thôn Đồi*, *Chiến đấu trong lòng địch*, đã từng làm dư luận xôn xao một thời. Những vở đó thật sự có giá trị về mặt lịch sử. Đó là những cơ sở vững chắc để khẳng định vị trí và vai trò của Lộng Chương trong hoạt động sân khấu từ đó về sau"...

Giai đoạn chiến tranh chống Mỹ và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, tài năng của Lộng Chương mới thực sự nở rộ. Ngôi bút nghệ sĩ - chiến sĩ của ông xông pha trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội với những chất liệu tươi rói. Đặc biệt, tố chất hài trong ông đã dần trở nên nét với những vở kịch vui phục vụ phong trào sản xuất, đả kích những hủ tục, thói hư tật xấu đời thường như *Hỏi vợ*, *Yếm bùa trừ sâu*, *Mối lo của cụ Cửu*, *Ứng*...và, chất hài thâm thúy, uyên bác, đầy sức chiến đấu của "Cây hài sân khấu số Một" Việt Nam đã được khẳng định bằng hai vở kịch *Quấn* (1960) và *Quấn* (1984) của Lộng Chương - như đánh giá của Phan Kế Hoành và Huỳnh Lý "...đã vượt qua được sự thử thách khắc nghiệt của thời gian và trở thành một vở hài kịch tiêu biểu nhất, xuất sắc nhất của sân khấu Cách mạng nước ta từ năm 1945 đến nay". Một hài kịch khác cũng khá thành công của Lộng Chương là *Cửa mở hé*, mà ở đó, ông đã

dùng tiếng cười để chích vào cái ung nhọt Ngụy quyền miền Nam và xu thế đi lên của lịch sử, của chân lý. Chất hài trong kịch của Lộng Chương dù biểu hiện dưới hình thức nào, nội dung nào, thì hai đặc điểm thời sự và trào lộng đều rất rõ nét và hoà quyện thành một thể thống nhất, tạo nên một phong cách riêng biệt; là điểm mạnh đẩy sức chiến đấu trong sáng tác của Lộng Chương. Chiến đấu với giai cấp tư sản trong cái vòng tính toán luẩn quẩn trước công cuộc xây dựng xã hội mới, ông viết *Quấn*, *Đổi đầu heo*...Chiến đấu với những thói hư tật xấu trong cuộc sống đời thường, ông có *Hỏi vợ*, *Hoa giấy*, *Yếm bùa trừ sâu*, *Ứng*... Chiến đấu với bọn xâm lược, tay sai, ông cho ra đời *Bầu bán*, *Cửa mở hé*, *Ma tùy*... Sự kịp thời, nhanh nhạy khi Lộng Chương sáng tác những tác phẩm mang đầy tính thời sự chính là "...những chứng tích cho thái độ sống, thái độ chính trị và ý thức gần gũi với những vấn đề lớn của đất nước..." (PGS.TS Phan Trọng Thường).

Có một sự kiện lịch sử đã được báo chí kịp thời ghi lại, đó là khi nghe tin vụ thảm sát Phú Lợi, tác giả Lộng Chương (lúc bấy giờ đang mệt), đã thức trắng một đêm để hoàn thành kịch bản *Chặn tay chúng lại!* Đạo diễn, NSND Doãn Hoàng Giang kể: "... 5 giờ sáng kịch bản hoàn thành. Ngay ngày hôm đó, dưới sự chỉ đạo của anh, chúng tôi đã tập vở kịch ấy bằng tất cả lòng say mê và sự căm thù, đau xót của mình...5 giờ chiều vở kịch tập xong. 7 giờ 30 tối, xuống đường công diễn giữa phố Tràng Tiền - Hà Nội, trong không khí sôi sục của cả miền Bắc trước

đau thương của đồng bào, đồng chí miền Nam... Đó là vở kịch đầu tiên, tiếng nói phản nộ đầu tiên của giới sân khấu trong những ngày đầu tranh đấu...Lộng Chương đã có mặt như một người lính đi đầu với vũ khí chắc trong tay, sẵn sàng nổ những phát súng kịp thời và cần thiết". Mặt khác, cùng với sở trường hài, thể hiện đỉnh cao là *Quấn*, Lộng Chương còn là một trong số hiếm hoi các tác giả sáng tác được nhiều thể loại là Chèo, Tuồng, Cải lương, Rối...như *A Nàng*, *Đôi ngọc lưu ly*, *Tinh sử Loa thành*, *Cánh chim luân lạc*, *Đình Bộ Lĩnh*...

Về hoạt động sân khấu đa dạng và phong phú của Lộng Chương, Doãn Hoàng Giang viết: "Anh làm tất cả - tất cả những công việc gì có liên quan đến sân khấu. Anh làm với hết lòng mình, với hết sức mình, với tất cả những gì anh có. Anh bán đồ đạc gia đình để góp vào xây dựng một đoàn nghệ thuật. Ngôi nhà anh ở đã từng là nơi đi lại, ăn ngủ của mấy chục diễn viên nơi xa nơi gần. Với một chiếc xe đạp ở cái tuổi ngót nghét sáu mươi, anh vẫn đạp đi về dưới bom đạn của máy bay Mỹ, để đặt "những viên gạch đầu tiên" cho Đoàn Kịch Thanh Hoá. Anh vẫn đạp đi về con đường Hà Tây, Hà Bắc trong những ngày Mỹ bắn phá ác liệt để làm một "Tổng trấn lương Hà" cho hai đoàn kịch nơi đó. Anh làm việc đến phát ốm không chịu ngơi". Nhà nghiên cứu Chèo Hà Văn Cầu ước tính, số lượng tác phẩm của Lộng Chương phát trên chương trình Sân khấu truyền thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam "phải tới cả trăm", càng chứng tỏ ý thức công dân và tinh thần trách nhiệm cao của một người cầm bút, như *Chặn tay chúng lại*, *Ngô gia nào kịch*, *Mai sau*, *Bầu bán*, *Đêm trắng*, *Đêm hầm ngầm*, *Đường đạn thẳng*...

Với mảng hoạt động báo chí, Lộng Chương cũng là tác giả của nhiều kỳ sự, phóng sự, hàng trăm bài văn vắn, ca dao, nhằm động viên tinh thần chiến đấu và sản xuất của bộ đội, dân công, nông dân, công nhân...Ông viết văn vắn, ca dao ở mọi nơi, mọi lúc; viết bằng nhiệt tình của anh trí thức giác ngộ cách mạng, bằng lương tâm và trách nhiệm công dân, bằng trí thông minh và sự nhạy bén của mình. Ông còn viết rất nhiều tiểu luận, lý luận phê bình sân khấu, đăng trên báo chí đương thời. Nói về Lộng Chương, có thể khẳng định rằng, cả cuộc đời ông đã sống hết mình vì một nền nghệ thuật chân chính, vì hạnh phúc của nhân dân. Nhà hoạt động văn học, sân khấu, báo chí Lộng Chương - chính là sự hoà quyện bền chặt giữa con người nghệ sĩ và con người chiến sĩ - như nhận xét của GS Hà Văn Cầu: "...Con người có thể qua đi, tác phẩm có thể mòn mỏi, song anh vẫn còn mãi. Cái còn của anh thuộc về nhân cách, về đạo đức, về ứng xử, về thái độ đối với lịch sử và xã hội".

KHÚC SÔNG CHẢY XIẾT

Truyện ngắn của NGUYỄN VĂN ĐỆ

-H ẦN đấy! Tôi bất chợt giật mình, khựng lại. "Quái!" Có ai đó vừa thốt lên hai tiếng. Đúng là có hai tiếng đó vừa thốt lên bên tai tôi. Tôi nghe rất rành rọt và bất chợt giật mình cau mày nhìn về phía đám đông đang đứng cách tôi chừng mười bước. Họ vẫn tùm tùm dưới hàng dừa ngay bên con đường đất làng, xì xào và nháy mắt với nhau chỉ trỏ về phía tôi. Làng tôi ở ngay đầu lạch Trầm có những đoàn tàu thuyền đang buông neo và những mái nhà san sát bên dòng nước chảy xiết. Những người đang đứng kia đều là người làng. Vẫn là những khuôn mặt rậm rắng, thật thà chất phác và vẫn cái giọng nặng chịch vì ăn sống nói gió không lẫn vào đâu được. Thình thoảng tôi mới về làng. Trước kia, mỗi lần thấy chiếc xe con bóng nhoáng của tôi lăn bánh vào con đường cát rải đá dăm của làng là dân quanh đây mừng rỡ chạy đến, và khi tôi vừa bước ra khỏi xe là mọi người hoan hỉ đôi bắt tay: "ôi, chào bác Phan Tiến Đổ, bác từ tỉnh về đấy à, bác khỏe chứ ạ?". "Chào bác, cả làng mát mặt vì có bác đấy..." Phải nói đã từ lâu dân quê tôi bao giờ cũng mong ngóng được gặp tôi. Mỗi lần tôi về họ đều xúm xít xun xoe và không ngớt lời ca ngợi tôi, thậm chí còn họ tỏ ra nịnh bợ và đôi khi tặng bốc tôi làm cho tôi có lúc cảm thấy ngượng ngùng. Vậy mà hôm nay, vừa thấy bóng tôi, họ đã bĩu môi, buông lời bất nhã rồi dẫn ra, nhiều người nhìn đi chỗ khác có ý lẩn tránh. Tại sao vậy? Tôi lờ mờ nhận ra rằng hình như cái đám đông này đang nghĩ về tôi, phán đoán gì đó và xì xào nhận xét tôi. Bất giác tôi bước dần đến chỗ họ, muốn hỏi xem ai đã nhìn tôi, muốn nói gì về tôi và tại sao đã thốt lên hai tiếng khó chịu kia?

Tôi bị ốm cách đây ba tháng. Căn tai biến đột ngột làm tôi phải nằm viện dài ngày. Rất may, tôi đang là một trong những cán bộ cao nhất của tỉnh nên lúc tôi lịm đi, người ta đã kịp ra lệnh cho các bác sĩ giỏi nhất thành phố nhanh chóng cứu chữa. Sau đó tôi được đưa ra Hà Nội, nằm ở một bệnh viện lớn của Trung ương. Bây giờ tôi đã hồi phục, tôi đã được nghỉ dưỡng ít ngày và nhờ có chế độ chăm sóc đặc biệt, sức khỏe của tôi hiện rất tốt, tôi đã trở lại làm việc. Và, với cương vị của tôi, rồi người ta cũng sẽ kính cẩn và tung hô như trước đây. Tôi nghĩ như vậy, và cũng có người đã nói với tôi như vậy.

Bước vào phòng, tôi thả người một cách nặng nề xuống cái ghế rộng rãi sang trọng dành cho tôi trước bàn làm việc. Và tôi kịp nhận ra rằng mình đang đứng bên bờ của một vực xoáy... Cho đến bây giờ, khi chuẩn bị về hưu, nghĩa là sắp "Hạ cảnh an toàn" như người ta thường nói về những vị có chức sắc, tôi mới có dịp nhìn lại suốt quãng đời "lên như điều gặp gió" của mình.

... Năm ấy, tôi nhớ rất rõ, trong tình hình cơ chế mới ra đời, tỉnh Thanh Bình của tôi có nhiều vấn đề nổi cộm làm bức xúc dư luận. Không biết bắt đầu từ đâu, tình cho xây dựng một nhà máy chế biến măng non, chỉ sau một thời gian nhà máy đưa vào hoạt động, toàn bộ những cánh rừng luống, nửa của mấy huyện miền núi đều trở thành những đống tro. Rồi một cửa sông với dòng chảy của ngàn đời, người ta cho đắp ngăn lại để thực hiện sáng kiến "Sắp xếp lại giang sơn" làm thay đổi dòng chảy. Nhưng rồi chỉ sau một mùa bão lũ, hai con đê ở hai bờ sông bị sạt lở, trôi mất mấy làng liên, con sông biến dạng, cuối cùng tỉnh phải tốn bao công sức và tiền của mới khơi thông lại dòng cũ. Rồi ông giám đốc sở giao thông sang Nhật mua về một đôi tàu kém chất lượng, chưa xuất phát chuyến nào đã phải bán sắt vụn. Nhất là sau vụ một vị đứng đầu ngành kiểm sát trong một buổi tiệc đã cầm cốc bia hất vào mặt đồng sự. Rồi một ông đứng đầu một cơ quan báo chí chết trên giường ngủ của một cô tình nhân. Tất cả những việc đó xảy ra làm cho cả cán bộ kiểm tra Trung

ương cũng phải nhảy vào cuộc. Một số cán bộ phải điều chuyển công tác, trong tình hình như vậy, tôi liền được đề bạt vào một chức vụ quan trọng của tỉnh.

Người ta bảo rằng tôi gặp may. Tôi cũng cảm thấy thế. Mấy năm trước, khi rời quân ngũ về nhận công tác ở một Ban của tỉnh, tôi thấy những công việc mà tôi phải thực thi đối với tôi hoàn toàn xa lạ. Tôi nguyên là một cán bộ chính trị ở quân đội. Vợ tôi cũng là một người lính trở về sau chiến tranh. Cô là con một vị lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, sau này tôi biết đó là yếu tố chính để tôi lên chức rất nhanh. Nhưng quan trọng hơn là sau một thời gian công tác, tôi biết cách làm cho mọi người vừa lòng. Chẳng hạn, với cấp trên, tôi luôn tỏ ra kính trọng và lễ phép, không bao giờ làm méch lòng họ, với cấp dưới, tôi tỏ ra hoà nhã và thân mật, hoặc ít ra cũng giả vờ hoà nhã và thân mật. Tôi né tránh những cuộc tranh luận hoặc kiểm điểm về những khuyết điểm của người khác. Chính vì thế, trong các kỳ đại hội, tôi đã trải qua nhiều kỳ đại hội, số phiếu mà người ta bầu cho tôi rất cao. Cho đến khi tôi đứng vào một vị trí quan trọng, có quyền quyết định những vấn đề lớn về kinh tế của tỉnh, tôi mới nhận ra rằng, sự khôn khéo và kỹ năng sống giúp người ta tiến thân chứ không phải là tài năng. Hơn nữa, xét cho cùng, những năm ấy tôi vốn sống trong sạch, không nghĩ đến vụ lợi. Điều đó càng làm cho mọi người kính nể tôi. Đôi khi sung bái nữa. Có một chuyện, cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn chưa hết bàng hoàng... Vào một ngày giữa mùa lũ năm ấy, trời đang mưa dầm, nước sông Cái lên cao, tôi cần sang sông để kiểm tra con đê bên kia nghe nói có nguy cơ bị vỡ. Lúc này cùng đi với tôi ngoài cậu lái xe còn có Mương, một cán bộ giúp việc, đó là một thanh niên cao to, béo phì. Lúc xe chúng tôi đỗ xuống bên này bờ, bên sông không có thuyền. Cậu Mương tất tả lắm mới tìm được một chiếc xuồng nhỏ chỉ đủ chỗ cho hai người ngồi. Tôi bảo cậu lái xe ở lại còn Mương theo tôi qua sông. Mương tính ít nói, hiền từ và rụt rè như con gái. Cậu là đối tượng đang phấn đấu vào Đảng. Khi chiếc xuồng của chúng tôi ra giữa dòng, nước sông bỗng xoáy lên thành sóng làm chiếc xuồng chao nghiêng, nước tràn vào lại lảng cả chỗ tôi ngồi. Cậu Mương hoảng hốt nhìn quanh. Chiếc xuồng chìm dần. Trong một thoáng, cả tôi và Mương đều sợ hãi. Dòng nước càng xoáy lên dữ dội. Bỗng chốc, điều này thật bất ngờ, tôi thấy Mương buông cái dầm bơi trên tay rồi nhảy ào xuống dòng nước xoáy... Chiếc xuồng như trút đi một gánh nặng. Be xuống nổi lờ đờ trên mặt sông. Tôi ngồi đim mình trong lòng xuồng đầy nước gọi Mương, nhưng hai bàn tay Mương chỉ chơi vơi trước mắt tôi rồi chìm hẳn. Mãi sau này, khi cơ quan đã tổ chức an táng cho Mương xong người ta mới nói với tôi rằng Mương không hề biết bơi. Sở dĩ Mương nhảy xuống vì chiếc xuồng chỉ có thể còn chứa được một người, mà Mương thì to béo, nặng ục ịch. Chính vì thế anh đã nhảy xuống. Có lẽ anh nghĩ tôi phải sống, tôi đáng sống hơn anh, bởi tôi là cấp trên của Mương, một vị lãnh đạo đáng kính, thế thôi.

Sau cái chết của Mương, tôi trở nên trầm tĩnh một thời gian rồi mới trở lại bình thường. Tôi cố gắng trở thành một cán bộ kiểu mẫu. Tôi biết mọi người đang trân trọng tôi, chú ý đến tôi. Hằng ngày tôi đi làm việc rất đúng giờ, hợp hành không sai một phút và đặc biệt vào những dịp lễ tết hoặc phải xuất hiện chỗ đông người, bao giờ tôi cũng vận những bộ trang phục vừa giản dị, vừa trang nghiêm. Nhiều hôm, tôi dành thời gian cho việc tập đi lại sao cho thật ung dung, tập nói năng chững chạc và âm lượng phải có sức nặng. Nhất là mỗi khi lên truyền hình để trả lời phỏng vấn, hay phải đọc diễn văn trong một dịp kỷ niệm, tôi phải cho thư ký viết sẵn và đọc đi đọc lại để thuộc lòng tất cả trước khi ra mắt cử tọa. Tóm lại, tôi muốn tỏ ra mình là một vị lãnh đạo chuẩn mực. Và thực sự tôi đã từng là một người chuẩn mực. Một cán bộ liêm khiết và trong sáng.

Tôi liêm khiết bởi xét cho cùng, tôi không cần bận tâm nhiều đến quyền lợi cá nhân. Vợ chồng tôi không có con, chúng tôi cưới nhau hơn mười năm mới phát hiện ra rằng cô ấy không thể mang thai do đã trải qua nhiều trận sốt rét dữ dội. Vợ tôi từng là lính Trường Sơn. Chúng tôi đã khám qua nhiều thầy thuốc giỏi, đã uống nhiều loại thuốc đặc biệt, và thậm chí, vợ chồng tôi đã lên đi thập hương cầu tự ở một số ngôi chùa danh tiếng. Nhưng tất cả đều vô hiệu. Sự vô sinh làm cho vợ chồng tôi rất đau khổ, tôi dần vật suốt một thời gian dài. Đã có lần cô ấy đề nghị tôi li hôn để tôi tìm người khác nhằm có thể sinh nở. Nhưng vì chức vụ và danh dự đã làm tôi tự ái. Tôi quyết định không làm theo lời vợ.



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUÂN

NĂM CON RỒNG

Truyện ngắn của HỒ TĨNH TÂM

NHÀ có năm nàng, lão Sở vĩnh râu gọi là ngũ long công chúa.

Tên các nàng đặt rất nôm: Hai, Ba, Tư, Năm, Sáu. Tuổi các nàng cách đều nhau mỗi cô một tuổi. Nhan sắc các nàng cũng cách đều nhau kiểu xoắn như vẩy.

Cô Hai hăm lăm tuổi, nhỏ con nhất nhà, nhan sắc cũng đẹp nhất nhà theo lối tính ngược từ dưới tính lên. Cô Ba cao hơn chị một lóng tay, dáng người đậm dạp, có đôi mắt rất lẳng, hễ ai nhìn vào là lập tức nghĩ ngay rằng, chỉ cần háy mắt một cái là cô ta theo mình ngay tấp lự. Cô Tư dong dong, tóc đổ ngang mỏng một vạt đen nhánh, cặp mắt xa xăm như lạc hồn ở đâu đó. Cô Năm cao lớn gộc ghệch, nụ cười vô tư tới đổi, thấy gì, nghe gì cũng cười được. Nàng út tên Sáu, hăm một tuổi, trở mã rục rịch một cách chết người, khiến các cô chị, ai có bố bích tới thăm cũng phải e dè, phải lườm trước cô em để dẫn mặt.

Lão Sở vuốt râu nói với tôi:

- Tao quý mấy nhứt xứ, nhưng không coi mấy là ngoại lệ. Cứ tính như vậy nè: con Hai trăm lít, sau đó cứ mỗi đứa cộng thêm mười lít, còn cổ bàn thì sao cũng được, xứ mình bò, vịt thiếu gì! Cứ vậy mà tính tới.

Tôi xòe tay ra bấm đốt tính nhẩm. Kể từ ngày tôi với cô Hai hun nhau đã đời ở khu gò mả, tới giờ đã năm năm, mỗi năm mười hai tháng, mỗi tháng ba chục ngày, đổ đồng năm ngày tôi uống với lão Sở hai lít, vị chi đã tới bảy trăm hai mươi lít. Dư xăng quá trời! Có điều tôi kẹt độ. Lão Sở có tới năm cô, mà các cô càng về sau càng coi bất con mắt hơn, vậy mới chết, vậy mới khổ thân tôi.

Tôi dính cô Hai là kiểu chim dính nhợ. Hai đứa cùng tuổi, cùng tắm trưởng nhổng nhổng dưới kinh cây gáo từ hồi còn hay hụp hút mò tôm. Rễ gáo buông tua tua dưới nước, tôm càng núp nước xiết ở trống. Hụp xuống mò tôm, mò trúng tùm lum của nhau là chuyện thường. Lớn lên chút đỉnh mới biết mắc cỡ, nhưng cái chuyện mò tôm thì vẫn nhớ. Vậy mà đúng cái ngày cổ chận chận đôi, tôi với cổ lờ đường mắc mưa, phải chun đụt mưa dưới mái che mà đá ông Bá Hộ. Đang không giống nổ đùng đùng, sét đánh rẹt rẹt. Cổ sợ phát run, phát ốm tôi cứng khừ mà rên hự hự. Dứt mưa, hồng biết tại làm sao cổ lại hỏi: "Nhớ thời hai đứa mình mò tôm hông? Hồi đó dính tôm quá trời hai!". Cái mầu mò tôm của tôi nổi cộm lên hực hực. May mà năm đó có người đội cau đến nhà lão Sở, mai mối cổ cho gã thợ may. Chuyện hồng đâu tới đâu, nhưng tôi với cổ thì nhờ đó mà thắng lại được. Lâu lâu nhớ nước, có mò tôm thì cũng để cho vui, chứ chẳng ai tôm he bóc vỏ kho tiêu bao giờ.

Một phần cũng nhờ lão Sở thương tôi, quý tôi, hồng nỡ có ý bắt ép. Bởi tôi với lão là bạn xe bò cộc cạch, chuyên kéo cộ trâu chở lúa mướn ngoài đồng, chuyên tay lạng, tay chĩa đi đào mà lươn, đi xôm rần ngoài đồng. Dân xóm gọi lão Sở, bởi từ hồi còn trẻ lão đã để râu. Râu lão đẹp nhất xóm. Ai cũng kêu lão Sở, thành thử tôi không kêu không được. Còn lão Sở thương tôi,

quý tôi, là do từ nhỏ tôi đã đeo dính lão như cái đuôi để học mót nghề thầy nò. Lớn lên, tôi chỉ cần ngửi nước cũng biết cái vũng nào nhiều cá, ít cá. Liếc qua lỗ mà, tôi đoán ngay tróc con lươn, con rắn, con ếch ở trống chừng bi nhiêu lớn. Chỉ cần có cây móc trong tay, tôi dám thộp đầu con hổ chúa ngoài đồng. Tôi vừa là học trò, vừa là đệ tử lưu linh của lão trong hết thầy các món ăn chơi miệt vườn.

Cô trưởng nữ của lão Sở biết rõ điều đó hơn ai hết thầy. Ngặt nỗi các cô em của cổ, cứ càng lớn càng phơi phới khoe tươi như hoa móng gà. Như cô Sáu, mới hồi hôm này, tôi hẹn được cô cùng đi chợ huyện bán vịt, vậy mà không biết tự làm sao cô Hai biết được, cổ giành tuốt việc giết máy Coler đi chợ. Mảnh của tôi thành ra bết tét bết hết trơn hết tơi.

Nhém nhém buổi trưa nay, tôi đang ngồi dùng hột lúa lép nhỏ râu, thốt nhìn thấy lão Sở bơi xuống tới bến bông gáo, gọi vọng lên:

- Rảnh không mấy? Rảnh qua tao nhậu chơi! Có con ri cá gần hai ký nè!

Lão Sở túm đầu con ri cá gờ lên. Con rắn lớn cỡ bắp tay, cuộn vòng trên hai cánh tay của lão. Vậy là tôi vọt ngay theo, bụng dạ khắp khởi, mừng tới trời chết. Cô Hai còn đi đong lúa gia xã bên, giá gì cũng phải tới năm, sáu giờ chiều mới về tới. Cầu cho cô Ba, cô Tư, cô Năm đừng có ai ở nhà.

Vừa vuốt râu cười tùm tùm, lão Sở vừa nói:

- Con mẹ Hườn tát vũng, thấy con rắn, bỏ chạy tét lên bờ. Vậy là tao vớ được của trời.

Vuốt xoắn cho chòm râu vĩnh lên, lão Sở nháy mắt với tôi:

- Nhà có ngũ long công chúa, hèn cùng mình mấy ời! Tháng sau tao có tiền đồ xài chơi. Quán bà trên chợ huyện xin hỏi cưới con Sáu cho thằng cháu nó bên Mỹ. Nó biểu sẽ đi trước cho tao năm ngàn đô để đặt cọc dần chun. Năm ngàn đô là gần sáu mươi triệu phải không? Năm nay mà tao gả được bà đứa, coi như tao giàu sự nhứt xứ. Nghe đão trên thành phố có chỗ làm dịch vụ mai mối cho con gái xứ mình lấy chồng ngoại quốc. Tao giữ làm gì ở nhà cả bấy le le há mấy? Thuyền theo lái, gái theo chồng. Miến có đồ xài chơi thì Tây Tàu gì tao cũng gả rảo. Tụi nó sướng thân mà tao với bà cũng lên đời.

Tôi uống ly rượu thấy đắng nghét nơi cần cổ. Nhất là mỗi lần thoáng thấy cô Sáu ngoài vương sân. Cổ vận đồ bà ba, tím rím như bông lục bình. Quần Bà khôn róc đời. Bao nhiêu gái chợ đẹp hơn hổ không chọn, chọn ngay phúc cô Sáu nhà lão Sở. Vậy mới điên người chơi!

Mà cái lão Sở cũng ác. Gả ai không gả, lại gả ngay cô Sáu. Lão thừa biết là tôi chắm cô Sáu từ hồi năm tới giờ. Hay là lão biết tôi từng lén phét với cô Hai cách đây đã năm năm. Lão Sở vốn tính tướng xưa nay, đồ con ruồi nào bay qua mà lão không biết con đực, con cái. Kết sui gia với Quán Bà, không khéo lão Sở phát lên thành tư sản. Quán Bà giàu tới lòi con mắt thiên hạ. Lão Sở quả là tay cáo thật! Vậy mà cứ tưởng lão thiệt

thà, chân quê, chân đất.

Khi tôi ra ngoài nhổ thêm mấy bụi sả, tôi thấy cô Năm đang ngồi làm cá trên rễ cây còng nơi mí xẻo, tôi liền xán ngay tới.

- Cô Năm hay tin gì chưa?

- Tin gì?

- Cô Sáu sắp qua Mỹ theo chồng.

Năm dừng tay lạng da cá lóc, nổi tỉnh queo:

- Cháu Quán Bà chờ gì! Thằng đó năm ngoài về nước, ăn chơi thấy mà sợ. Phải nó vô tay tui, tui mới trị nổi. Con Sáu mà nhảm nhỏ gì với nó!

Cô Ba ở mé sân xẹt tới, liệng mấy lá nghệ xuống đất.

- Năm à! Xất sợi mấy lá nghệ kho cá. Kho lạt thôi! Mà cũng xảm xấp nước thôi!

Tôi theo cô Ba trở vô nhà. Tới nửa vương sân, cô Ba đứng chừng lại, nói:

- Bể giùm mấy trái xoài được hôn? Cá lóc kho nghệ, ăn với xoài bằm mới bắt.

Theo đuôi con mắt cô Ba, tôi lội lút ra sau mí vườn, leo lên cây xoài tương. Bể được một chùm ba trái, tôi đánh đu lẩn lẩn xuống cành xoài thấp là là sát đất. Năm xoài trên cành cây, tôi thả từng trái xuống. Cô Ba đứng dưới đất, ngửa mặt đưa hai tay hứng từng trái. Từ trên cao, tôi thấy rằng hai bầu ngực của cô nở vùn vùn như hai trái bưởi. Về khoản mỏng với ngực thì cô nhất xứ là cái chắc. Hai trái đầu cô ba chụp trúng ngon lành. Trái thứ ba thì cô chụp hụt. Trái xoài bự trắng vượt khỏi tay cô, chui tọt vào cổ áo rộng rinh, nằm kẹt cứng ở trống. Cổ ngồi thụp xuống, coi như không có tôi, tự nhiên mở banh nút áo dạng lòi trái xoài ra.

Đúng lúc đó cô Tư ở đâu trở tới, ngoắt tôi xuống.

- Anh Bảy, Tư thấy con của đình lú mũi ngoài bãi sinh giáp mí nước. Tư gọi Tía ra, anh Bảy phụ Tía bắt ghen!

Mới nghe nói có của đình lú mũi, lão Sở đã chạy bươn ra, phẳng phẳng lội ngay xuống bãi sinh. Tôi với lão liền ngửa được con của đình, hè hụi xúm khiêng lên bờ.

Vừa thở hồng hộc, lão Sở vừa vuốt râu, hể hả:

- Bữa nay vô mảnh lút dữ. Tao với mấy làm bảy trước bộ lòng. Mấy còn tiền đi mua thêm mấy lít. Nhớ hú Tám Cọt, Tư Chinh cho đủ bộ tứ. Chơi lết cang, xả cang, coi thử ai bứt gầu giăng lợ trước cho biết! Đùng mua rượu bà Hai Bì! Rượu của bà lạt hoét, vừa lạnh mồm vừa chua như giấm. Thiếu tiền nói con Ba, con Tư, con Năm, con Sáu đưa cho!

Không có một xu dính túi, nhưng tôi vẫn nhổ sào chống xuống ra đi. Sáu chân không lạch bạch chạy theo.

- Sáu qua giăng với anh Bảy!

Ngó lên bờ, tôi thấy cô Ba, cô Tư, cô Năm nguyệt mắt lườm cô em cóc cóc.

Nước kém lại ròng sát đáy, tôi dùng sào nạng chống xuống lướt trên sinh non nghe rẹt rẹt. Chừng lên bờ, hai chúng tôi lội sinh tới đầu gối. Sáu chia tay nhờ tôi kéo

NGUYỄN NGỌC QUẾ

Ngoài vòng phủ sóng

"Số máy thuê bao giờ không liên lạc được
Mong quý khách chờ...."

Thời mở cửa
Thành phố nhỏ nhoi
Tôi gọi cho con trai không gặp !

"Số máy này đã tắt
Xin quý khách gọi lại sau"
Thời hiện đại
Đất nước cách xa vài trăm cây số
Tôi gọi cho con gái, không gặp.

Ngôi nhà thênh thang
Đẹp như cung điện
Dàn điệu hòa rú rì phả lạnh
VTV-chớp hình trên 20 kênh
Thế giới ồn ã chen đua
Thi hoa hậu, bầu tổng thống.

Còn các con tôi ở đâu ?
Ra Bắc , vào Nam
Trời Âu, đất Á
Vòng bánh xe quay tít
Dặm trường bụi đỏ
Nhọc nhằn.

Mẹ cha ngồi ngóng cửa
Cô đơn đầy ấp chân trời
Nỗi nhớ thương
Nỗi giận hờn
Ngoài vòng phủ sóng.

Tiếng thở dài của đêm

Đêm bọc tôi như chiếc kén
Nghìn dặm xa, tắc gang gấn
Một dòng mơ, thức.

Một vì sao đang chết
Một con sông cạn kiệt
Một giọt sương loãng tan.

Tôi nghe tiếng thở dài của đêm
Mỏng manh
Nhịp buồn.

Động trên ngọn cỏ trong vườn
Bay cùng đám mây chim nổi
Lăn theo hạt bụi
Đến tận cùng thế gian.

Tiếng thở dài
Dồn đầy
Mệt nhọc.

Bám trong nụ cười méo mó của vợ
Lấn tiếng con mơ ú ở
Hạt mầm găng sức tách vỏ
Bật lên khúc gào của chủ mèo hoang.

Tiếng thở dài dọc bờ thế kỷ
Nuối tiếc ngày qua
Vỡ đau ngày tôi
Niềm vui một đời thật ít.

Vịnh sen

Đầm sen ấy kể đường cao tốc
Nhỏ như bàn tay
Góc khuất của mọi siêu thị nhà hàng

Vũng nước trời vun
Cỏ mượt xanh, mây trắng soi mình
Đòng đòng, chuồn chuồn nhảy múa
Sen bồng nở
Vời gió hè mát trong

Dòng xe ồn ã qua
Đêm và ngày
Nam và Bắc
Người và hàng
Chật cả không gian, thời gian

Chỉ có Sen thôi, chỉ có Sen
Nhân hạ đúng mùa, đúng cử
Hoa nở, lá nâng
Thả hương cho trời mong, đất nhớ

Chỉ có Sen thôi, chỉ có Sen
Ẩn trong bùn, lẫn trong cỏ
Mà tinh khôi như gặp lần đầu

Ta buồn chẳng lo miếng cơm manh áo
Bao lần đi qua đầm Sen

Sen vẫn nở mà tóc mình đã ủa!

Người say đắm

Vũ trụ đa chiều
Trần gian nhiều ngõ lối
Anh chỉ mơ về lối phố của em thôi

Em đi ông ả giữa đất trời
Sương như khói, áo màu sáng ảm
Và vắng trắng mỏng mảnh
Như lá cỏ mềm thăm thẳm trời cao.

Xa kia bấy trở nít
Đeo mặt nạ màu riu rít đùa nô
Phố đêm dài ảm ỉ
Những quẩy hàng lòe loẹt điện trung.

Vòng xoáy ganh đua ồn động quá chừng
Anh ước nghe lời em dịu ngọt
Rối cay đắng và lời chân thật
Như cách hoa rơi nhẹ tay người.

Em ơi ! Người anh say đắm
Tóc như mây, rặng rờ môi cười
Hãy đến lắng nghe anh hát
Mọi thánh thần nghìn năm cũng hết
Mọi vương quyền hóa cỏ dười chân em!

Vợ tôi là một phụ nữ đơn hậu, cô làm công tác ở Hội chữ Thập đỏ thành phố. Từ khi biết mình không thể có con, cô đã lập ra một quỹ Từ thiện để giúp đỡ những người nghèo khó. Những em bé mồ côi và những bệnh nhân dị tật do chất độc màu da cam. Hàng ngày sau buổi làm việc ở cơ quan, cô đến quỹ Từ thiện và có lẽ dựa vào uy tín của tôi, cô tranh thủ tiếp xúc với các doanh nghiệp làm ăn khá giả, thuyết phục họ đóng góp cho cái quỹ Nhân đạo.

Chúng tôi sống trong một căn hộ công vụ hai tầng, khoảng 60 mét vuông. Đồ đạc trong nhà cũng giản dị, một căn phòng riêng có cái bàn nhỏ kê gần giá sách và cái tủ quần áo, bên ngoài có bộ bàn ghế vừa dùng để uống nước và thỉnh thoảng tiếp khách ở quê lên, một gian bếp sát ngay công trình phụ. Vợ tôi thường nấu ăn vào buổi tối, mỗi khi chúng tôi ăn cơm và dọn dẹp xong là cô ấy lại đem sổ sách ở quỹ Từ thiện ra để cộng cộng trừ trừ. Thỉnh thoảng cô bảo tôi :

- Tháng này vợ chồng mình xung vào quỹ Từ thiện được tới chín trăm bảy trăm ngàn.

Tôi mỉm cười và gật đầu. Có hôm cô lại bảo:

- Đi đâu cũng có người nói: Vợ chồng mình sống như thời bao cấp ấy, cũ ghê...

Tôi nhỏ nhẹ:

- Thì cũng tốt chứ sao.

- Họ bảo. Mình sống như thế, sau này lên cõi Niết Bàn, sẽ được trọng vọng.

Tôi gật đầu:

- Thì vợ chồng mình vẫn được trọng vọng đấy thôi.

Chúng tôi sống như vậy trong suốt một thời gian dài, vợ chồng tôi đều cảm thấy yên tâm và dễ chịu. Cho đến một năm... Năm ấy tỉnh tôi bị bão lụt tàn phá nặng nề, mùa màng thất bát. Nhiều con đường lớn loang lổ, nhiều đoạn đê bị sạt lở, cầu cống bị hư hại, bờ biển bị xâm thực, có cửa sông lớn bị bồi lấp. Sau khi thiên tai tạm lắng, tỉnh lập một số dự án để xin kinh phí Trung ương. Nhưng rồi cho dù kế hoạch đã được duyệt, nhưng mãi mà vẫn chưa được rải ngân. Ví thế những công trình khắc phục bị chậm trễ. Mùa bão năm sau sắp đến gần, tôi ra Hà Nội nhiều lần nhưng cũng chỉ nhận được lời hứa, lòng tôi đôi khi đã thấy nản, tôi lo lắng và khó hiểu. Nhưng rồi một hôm, cậu Thanh, Giám đốc công ty xây dựng Ba miền nói với tôi:

- Anh thật thà lắm. Muốn chuyển được tiền về anh

phải để em đi theo, nhất định sẽ trôi chảy.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cậu có bí quyết gì?

Thanh bảo:

- Thì anh cứ cho em đi. Bí quyết ở trong tay em. Em biết cách "bôi trơn" để rải ngân nhanh chóng là được chứ gì? Miễn là rải ngân rồi, anh phải chỉ định cho công ty em thầu ba công trình lớn.

Tôi tặc lưỡi :

- Được - Tôi đồng ý.

Thú thật lúc bấy giờ, hai cái từ "bôi trơn" đối với tôi cũng còn xa lạ. Nhưng chuyển đi của tôi và Thanh thành công đến bất ngờ. Chỉ ngay hôm sau từ Hà Nội trở về, chính Thanh điện thoại thông báo cho tôi là tiền đã bắt đầu chảy vào các công trình mà trước đó tôi không thể nào khai thông được. Thanh nói :

- Anh trong sáng quá, em phải đến nhà riêng của ông ấy, em gặp cả vợ con ông ấy mới giải quyết được...

Tôi sốt sắng hỏi:

- Ông nào ?

Thanh nói như kêu lên:

- Trời đất! Cái ông có quyền quyết định chuyển tiền cho dự án ấy. Hôm sau em phải đưa anh đến chơi với gia đình họ. Trời ơi, vợ con ông ấy làm ăn khá lắm, anh chưa biết đâu.

Tôi bảo :

- Làm ăn là việc của họ, tôi quan tâm làm gì. Cái chính là tỉnh phải nhận được tiền đâu tư.

Thanh cười qua điện thoại :

- Thì đấy, có rồi, anh cho kiểm tra xem.

Tôi cho kiểm tra ngay. Đúng như Thanh nói và buộc tôi phải chỉ đạo cho Thanh ký mấy công trình tôi đã hứa với Thanh trước đó. Năm ấy khi các công trình đã làm xong, một hôm Thanh đến nhà tôi, ngồi với nhau một lúc khá lâu, Thanh ngập ngừng mở cặp đưa cho tôi một cái phong bì. Thanh nói, giọng dè dặt:

Phần của anh đấy.

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng vẫn mở phong bì ra xem, trong phong bì toàn đô la. Tôi nghiêm nét mặt nhìn Thanh. Thanh bảo:

Đây là luật làm ăn mà anh, chẳng nhẽ anh để bọn em mang tiếng là uống nước cả cạn.

Tôi khẽ lắc đầu, thốt lên :

Chết chết, luật nào thế này ?

Thanh bảo:

Luật bất thành văn. Thì lâu nay vẫn thế. Bộ phận giám sát, nghiệm thu có cả rồi. Gôm, không lo chu đáo cho các ông các bà ấy thì còn mệt lắm. Đây là phần anh em dành sau cùng đấy.

Đúng lúc ấy vợ tôi đi về, thấy hai chúng tôi đưa đi đẩy lại cái phong bì dày cộp, vợ tôi hỏi chuyện. Thanh trình bày với vợ tôi, vợ tôi bảo:

- Thôi, thế này, để em xung số tiền này vào quỹ Từ thiện của bọn em. Hối này, có một cơ sở gom được nhiều trẻ khuyết tật, đang bí tiền.

Năm sau, tỉnh triển khai kế hoạch xây dựng thành phố cấp I. Có một số công trình quan trọng cần rất nhiều vốn, tuy Trung ương đã hỗ trợ một phần nhưng không thấm vào đâu. Thanh bàn với tôi tỉnh nên đổi đất lấy công trình. Thế là hàng ngàn ha đất quanh thành phố phải chuyển đổi cho công ty của Thanh, Thanh chia lô bán nền. Công ty của Thanh xây cho tỉnh được mấy con đường lớn, vài toà nhà công sở. Nhưng mấy xã quanh thành phố mất đất nông nghiệp, nhiều bà con lao đao một thời gian, mãi rồi tình hình mới tạm ổn. Một lần Thanh đón đưa tôi đến chơi ở một khách sạn khá sang trọng. Tôi hỏi Thanh:

Đây là khách sạn tư nhân à?

Thanh cười, bảo :

Thì của tư nhân chứ sao. Chủ khách sạn là con của một quan tỉnh, chức vụ chưa bằng anh nhưng ông ta thức thời.

Chà - Tôi tặc lưỡi - Ông ấy làm cán bộ mà có cả khách sạn cho con, tiền đâu ra nhiều thế không biết.

Thanh nhíu mày:

Anh lạc hậu lắm. Không những ông ấy có khách sạn mà còn có một công ty xây dựng khá lớn, con cái và người nhà ông ấy quản lý hết. Mà anh ơi, ở đâu bây giờ cũng thế cả. Đấy, ngay số đất em lấy đổi công trình cho tỉnh, lãnh đạo ông nào chả có vài lô, chỉ có anh là em còn để dự khuyết đấy thôi...

Tôi trở mặt lắc đầu. Thanh cười bảo:

- Em biết một số cán bộ hồ hào suông nhưng "Hồn Trương Ba da Hàng Thịt" cả đấy anh ạ. Rất nhiều người lo rồi đất nước sẽ thay đổi theo hướng tư bản, cho nên không ít những vị có chức, có quyền đều chuẩn bị "vốn

(Xem tiếp trang 22)

giúp. Tay con gái làm ruộng gì đâu mà mềm oặt như cọng bún mới ra lò, nắm thấy nóng hôi hổi, chỉ muốn ngấm ăn một miếng cho đã.

Khi thấy tôi biểu ký sổ, Sáu đập vai tôi:

- Để đó Sáu trả cho.

Sáu vén áo, moi tiền lặn trong cặp quần ra trả.

Bà chủ quán ú nu, rung rinh cái nọng đầy những mỡ, cười hểnh hếch.

- Bụng cô Sáu trắng tươi mà vàng không hà! Mua thêm chỉ không cô Sáu?

Ràng ràng là Sáu chỉ đi theo tôi cho vui chứ có thấy hỏi mua thêm món gì nữa đâu. Như vậy là Sáu có ý với tôi. Vậy mà lão Sổ lại dám đòi xài đồ, đòi gả con gái cho Quân Ba. Bộ lão tưởng tiền Việt không xài được sao. Rõ là lão Sổ chơi không đẹp!

Tôi rủ Sáu lội bộ tới nhà Tám Cột, nhà Tư Chính. Sáu không nửa giờ xuống ống quần, cứ để bần sinh i sì như vậy mà lội theo tôi. Khi lội tắt qua vườn quýt nhà Hai Bi, tôi với tay bẻ một chùm trái vàng hươm, biểu Sáu ngồi nghỉ ăn cho đỡ khát. Sáu ăn ào ào không hề mắc cỡ, hết trái này tới trái khác. Hai vành môi tươi mát quýt, mọng lên nghe thơm phức, nghe thêm.

Nghĩ tới việc lão Sổ sắp gả Sáu qua Mỹ, tôi nói:

- Ở bên Mỹ làm gì có quýt đường mà ăn, hà cô Sáu?

Sáu toét miệng cười, trắng lóa:

- Hồi năm Quân Ba biểu nhà Sáu cả giỏ cam Mỹ, thơm ngon hết biết. Ở bên chắc hông thiếu thứ gì. Anh Tùng ảnh còn nói, bên đó người ta có bán cả mầm nôm, mầm lóc, cả đậu rồng chớ bộ!

Ghét thật! Chưa chi đã ca bên đó quả trời. Tôi bắt nổi quau.

- Thôi, đi lẹ còn về!

Sáu đập bốp bốp vai tôi.

- Hươm chút xíu! Bẻ thêm mấy trái rồi đi. Hồi gì mà như hồi ông Tà, ông Địa. Hồi tới người ta mắc quỳnh quàng rồi nà!

Khi chúng tôi quay trở lại lùm gừa mọc um tùm để lội xuống xuống, Sáu đi sau vấp rễ cây dưới sinh, nhủi người vào lưng tôi, chụp tay ôm eo ếch tôi cứng khừ. Hai mắt Sáu ánh lên nghịch ngợm.

- Thấy sao, Bảy?

- Thấy sao là làm sao?

- Làm sao nữa trời! Ngó thấy ông mụ nội! Hun đại người ta một miếng đi mờ!

Tôi đứng chết trân bởi quả bất ngờ. Chúng hiểu ra, tôi thật thà hỏi:

- Sáu cho hun thiệt hôn?

- Thiệt! Hun lẹ đi cha! Đờn ông gì nhát hất, thua cả thằng Đậu!

Máu tự ái cùng với nửa lít rượu xúi gân bắp của tôi căng lên bức bực. Tôi xoay người, vòng hai cánh tay, tính kéo xiết Sáu vào lòng, chợt nghe eo éo dưới lạch nước vọng lên tiếng gọi:

- Phải con Sáu không Sáu? Xuống phụ đẩy ghe giùm coi! Nước ròng sát đáy rồi nè!

Trời ạ! Bà Hai của tôi sao mà khéo về ngang qua đúng lúc! Lão Sổ sanh ra cả bấy rỗng rỗng chớ rỗng gì mà rỗng!

Tối đó tôi say chống gối, say quắc cần câu, say tới lịm luôn bất biết trên bộ ngựa nhà lão Sổ. Cả một bấy rỗng nằm con thoát bay thoát lượn. Con nào cũng cuộn lấy tôi, xiết lấy tôi, rồi vùng vẫy tự thoát ra, bay rồi cả mất. Mỗi con một vẻ, con nào cũng óng ngời lên. Lão Sổ ngồi trên ngai vàng, vuốt xoắn bộ râu cong vểnh lên, cười đắc chí. "Tao sanh ngũ long công chúa, rồi tao tha hổ ngồi không hốt tiến đồ xài chơi ghen mầy!".

Thấy bộ râu vểnh ngược lên của lão Sổ mắc ghét, tôi toan ngồi vụt dậy, cự cho lão một mách về tội hãm tiến đồ gả con đi xa, nhưng tôi chợt nhận ra lão Sổ đang thức ngồi uống trà với bà lão.

Căn nhà im ắng, chỉ có tiếng lão Sổ vẳng lên trầm đục:

- Thiệt tình tui cũng không muốn gả con Sáu, hay gả mầy chị nó đi xa. Con Sáu qua xứ người ta, lạ nước lạ cái, bộ vỏ thằng Tùng lại ăn chơi, tiêu xài bạt mạng như vậy, rồi cho con bà ơi!

Bà lão vừa chạm khăn rằn hỉ mũi rột rẹt, vừa nói:

- Hôm rày ông hông biết, chớ con Sáu đêm nào cũng chun vô mùng tui nằm khốc. Nó ban ngày giả đồ vui vẻ, chớ đêm hôm khuya khoắt, nó làm trời với tui dữ dẫn lằm. Nó dọa, hể ép nó với thằng Tùng, nó cắn lưỡi nó chết.

Tiếng lão Sổ giả đồ ho thúc thắc.

- Thì tui cũng chỉ nói lạt ráp cho vui, đừng thử dò bụng dạ mầy đứa nó, chớ hám gì tiền làm thuê làm mướn cho xứ người ta bà ơi! Đồng đất xứ mình rộng rinh, đã hết người, hết việc đâu mà sợ ế!

Tự nhiên tôi rùng mình sung sướng một cách vô cớ, nước mắt sống chảy ra giọt giọt. Lần đầu tiên trong đời, tôi nhận ra chính nước mắt của tôi có vị vừa mặn, vừa ngọt, vừa cay cay, nồng nồng tới lạ lẫm.

Nhắm nghiền mắt lại, tôi thấy rành rọt năm con rồng cuộn lấy nhau bay bổng lên cao, rồi từ từ tản ra, bay là là xuống thấp.

Con nào cũng y chang con nào. Vậy mới khổ!■

TRỊNH NGỌC DỰ

Ngoại ô bây giờ

Ngoại ô bây giờ ruộng mật bờ xối
Rau xanh mướt, lúa dào dạt lúa
Đồng bãi đi đâu, ngồn ngang đất đá?
Đồng đã thành dự án chung cư!

Đất đã liến dãi đất chia lô
Nhà đang xây tầng tầng trên ruộng cũ
Đất mua rẻ như bèo, nhà bán thành vàng thỏi
Đường làng ta xe máy chạy bốn bề

Con trai bây giờ ngóng sổ ghi đề
Con gái gọi nhau ra thành phố
Ruộng không còn, mẹ thành người ở rồi
Cha ngâm nga câu: "ăn mày là ai..."

Anh về làng nường hương lúa hương khoai
Hít hơi thở ngoại ô tìm nghe lời dân dã
Tránh cái nòng thị thành lại gặp cơn oi ả
Lặng nghe ai hát: ngoại ô bây giờ...!

Bạn quê

Tặng Nhân và Chính

Ơi rơm chiếu cời cuộn tròn tổ sâu
Mấy đứa úp thìa chân co chân duỗi

Mà đưa ta qua mùa đông bụng đói
Ủ dạ ta ấm khi lòng chơi vơi

Chống tre chiếu trải đêm suông ta ngồi
Đường thôn vắng vặc, áo quần vắt vai

Đan chum bắt lươn, buộc gàu tát cá
Thả bò lên núi dong chơi tối ngày

Bạn quê lớn lên mỗi người một ngã
Nhà tranh áo vá đâu được đến trường

Đưa đi công nhân, đưa vào bộ đội
Đưa thi làm ruộng đưa rời quê hương...

May mắn một ta tương cà đến lớp
Nửa khoai nửa gạo khắp khảnh đường xa

Rối tháng rối năm rối qua đại học
Nửa đời làm lính, nửa đời làm quan

Nửa đời thanh nhàn, nửa đời trần mạc
Đến thời tóc bạc làm dân thị thành

Ta đi ta đến một đời loanh quanh
Thấy buổi làm ăn, chán ngày ớn ả

Đua chen phố xá, lòng dạ bọn bề
Thênh thênh ta bước...

tim về bạn quê!

Mùa đông lạnh lẽo

Con đường quen
Tì tách ly cà phê đắng chát
Mát em đôi phía chân trời ngút ngát
Vị ngọt còn thơm trên đầu môi

Không thể nói là ta chia tay
Một mùa đông chưa bao giờ lạnh thế
Gió dài qua ngõ phố
Tuyết phủ trắng trong lòng

Anh mãi mê tìm một tình yêu
để cố quên một tình yêu khác

Chợt nhận ra
Điều ấy là vô ích!

Dọc con đường quen
Bâng khuâng ngọn liễu rủ

Không gặp nụ cười
Em đã đem theo về quê mẹ

Không gặp dáng thon thả
Vương trong chiều cuối năm

Nỗi nhớ như mưa rây suốt ba ngày tết
Cái rét cồn cào...

Em có còn trở lại?

NGỌC BÁI

Đi bộ cùng những người đi bộ

Những đoạn ngắn không giới đích
Ngày ngày gặp lại những bạn đường tự nguyện

Đi và thở
Trạng thái của những người ham sống
Nhờ cậy vào đôi chân

Những ngày thường cứu rỗi
Những ngày thường thanh sạch
Không vương bận rộn chen danh lợi
Đã thấy sợ những gì nhảm chán những gì gượng gạo
Mặn muối, thời ngạo mạn nhẹ thênh

Bình dân như mọi người bình dân
Bình thường như mọi người bình thường
Cùng nói những gì xưa chưa để nói
Xế ngày, xích lại gần nhau?

Chả giống thời ba lô hành quân vượt Trường Sơn
Chả giống thời vượt sông sâu suối xa ngàn cây số
Giờ vượt qua chính mình

Lâu lâu lại thấy vắng mặt một người
Kết thúc cuộc đi bộ như kết thúc một trò chơi
Đi và thở. Đi và...
Biết cuối con đường ai còn đi cùng nhau?

Âu Lâu

Không có tên trên bản đồ thế giới
Âu Lâu như bao làng quê đầu dải mưa nắng
Bao kiếp lại đi không mấy ai biết tên
Bao con đò đã vùi mình trong lòng cát
Người qua sông mang máng nhớ mang máng quên
Bến sông lặng lẽ tiễn đưa con thuyền

Thủy chung cùng vắng trăng khi mờ khi tỏ
Những đêm đông sương giá bạc bờ lau
Người ở như bóng cây
Người đi như gió thoảng
Tiếng gọi trưa vắng vắng gọi sóng bóng đỏ nan
Âu Lâu nghe mưa từ phía thượng nguồn

Nào ai biết tận ngoài biển cả
Có dòng nước đã từng chảy qua Âu Lâu
Đã xanh dưới trời xanh bỏ lại phù sa cho đồng bãi
Đã qua bao bến-phủ du dòng trong dòng đục
Âu Lâu trầm tĩnh như người ở ẩn
Phía thượng du xanh bóng tre pheo

Ru bóng

Đêm khép hờ cánh cửa tường thấy em
Mắt đêm từng giọt tích tắc căn phòng nhỏ
Ôm mộng mị gối chân ru mưa lạnh chập chờn
Bóng một mình ánh đèn khuya mơ ngủ

Ru thân thể ngọc ngà cách ngăn vơi vợi
Ru mái tóc ẩm hương bồ kết xóa bờ vai
Ru trái tim nóng nản, biết nói
Ru đôi môi lặng lẽ, biết buồn
Ru bàn tay mềm mại, biết yêu

Dòng sông mãi quên con thuyền
Bến bờ mãi quên tuổi đã
Mãi quên đường trăng mãi quên lối gió
Anh ru bóng mình anh ru bóng đêm suông

Chả biết vì sao bước chân chưa hết lang thang
Anh níu lại bóng ngày những cô đơn xa vắng
Chả biết vì sao mây không về ru đêm trắng
Bóng nghiêng em dạ khúc ru buồn

(Tiếp theo trang 21)

nguyên thủy" cho riêng mình. Tôi thở dài buồn bã. Hôm đó cơm nước xong, Thanh thu xếp cho tôi một phòng Vip, vừa ngã lưng vào ghế, đã có hai cô gái ăn mặc gợi cảm bước vào. Thanh bảo:

Tối nay em nào mà làm cho ông anh của anh cảm tình thì anh thưởng.

Một cô nhón cười dí ngón tay vào trán Thanh nói:

- Anh là thuộc loại hư...

Một cô sà vào lòng tôi nói:

- Các anh mà không hư thì bọn em sống cách nào.

Tối hôm ấy Thanh để cho cô gái xinh xắn hấp dẫn ở với tôi rất khuya, còn Thanh và một cô sang phòng khác lúc nào tôi không biết nữa. Và rồi trong lúc tâm trạng đang vẩn vơ, tôi đã thả mình cùng cô gái...

Sáng hôm sau trên đường về, tôi cau mặt bảo Thanh:

- Cậu nhảm quá, thế này thì gay. Thôi, một lần trót lỡ, cấm cậu hở ra đấy.

Thanh hỏi tôi:

- Vâng, em sao lại hở được. Nhưng anh đã xem phim Tế tướng Lưu Gò chưa?

- Xem rồi. Đây là một bộ phim hay - Tôi buột miệng trả lời.

Thanh cười:

- Đây, trong bộ phim ấy, ông vua Hồng Lịch có bao nhiêu cung tần mỹ nữ mà còn phải vào nhà thổ chơi gái điểm nữa là.

Tôi lắc đầu im lặng. Một lát tôi nói:

Nhưng mấy móc bòn này công nghiệp mất rồi, không mấy hứng thú.

Thanh cười:

- Ông anh lại thích hàng "độc" hả? Được. Sẽ có.

Một tuần sau, Thanh trúng thầu hai công trình lớn. Làm một cây cầu qua con sông Cái và xây khu Trung tâm thương nghiệp tỉnh. Tôi và Thanh vẫn cùng phối hợp để đẩy vốn vào công trình. Một lần tôi rủ Thanh về quê tôi chơi. Sau khi đi thăm bà con quen biết. Tôi và Thanh về nhà thờ họ Phan của tôi thấp hương. Thấy ngôi nhà thờ xập xệ, Thanh bảo:

- Để công ty tôi tài trợ xây lại ngôi nhà thờ của anh thật khang trang.

Bác Tùng, trưởng họ Phan thích lắm. Lúc ngồi uống rượu, bác Tùng nói:

- Cả họ Phan chúng tôi buồn vì chú Tiến Đỗ không có con. Mà ở ta, anh biết rồi. Tội thất hiếu lớn nhất là tôi không có con trai nối dõi.

Thanh bảo:

- Thế thì em sẽ thiết kế. Bác ủng hộ nhé.

Một hôm Thanh mời tôi đi nghỉ mát ở một thành phố biển. Được một ngày, Thanh bảo:

- Có một chị là giáo viên đã nghỉ hưu non, mới khoảng ba mươi tuổi, chị ta rất xinh đẹp, li dị chồng đã lâu, không muốn lập gia đình nữa, chị ta chỉ muốn có một đứa con với một người nào đó phải thật thông minh.

Không hiểu lúc đó tôi lẩn thẩn thế nào lại hỏi:

- Nhưng liệu chị ta có bí mật được không?

Thanh nheo mắt:

- Tuyệt đối bí mật.

Thế là ngay hôm đó cô ấy đến với tôi. Đúng như Thanh nói, cô đẹp và quyến rũ, rất dễ thương nữa, cô tên là Liên. Đêm đầu tiên, Liên gục vào vai tôi khóc miết, nước mắt đầm đìa. Sau đó cứ một tuần, vào chiều thứ bảy, Thanh lại đón xe đưa tôi đi gặp Liên. Có hôm tôi nóng lòng chờ đợi cuộc gặp gỡ như vậy.

Chừng ba tháng sau Liên báo tin cho tôi là cô đã có thai. Tôi vừa mừng vừa lo, thực ra mừng thì ít nhưng lo thì nhiều. Tôi gọi Thanh đến bảo:

- Cậu phải đưa cô ấy đi thật xa, lo chỗ ở cho cô ấy và tuyệt đối không được để chuyện này lộ ra.

Thanh đồng ý. Lập tức cậu ta mua cho Liên một căn hộ ở Hà Nội. Tôi thấy yên tâm. Mấy tháng sau Liên sinh con trai, tôi mừng lắm. Năm ấy tỉnh có nhiều công trình xây dựng, có một số giám đốc gặp tôi không thành, phải mua hợp đồng qua Thanh. Bấy giờ đã có tiếng xì xào. Nhưng tôi không sợ. Tôi vẫn đang được tiếng là liêm khiết.

Tôi cố giữ cho mình liêm khiết hoặc ít nhất cũng ra vẻ liêm khiết. Nhưng rồi có một công trình với số vốn thật lớn. Tỉnh cho hút bùn cửa sông Cái để xây cảng cá. Một số vị cũng có chức quyền muốn đưa người thân vào thầu nhưng Thanh bảo không được, nhất thiết phải để Thanh làm. Rồi con đường nhựa từ thành phố kéo xuống bãi tắm dài tới ba chục cây số, Thanh cũng bảo

tôi để cho cậu ấy ôm luôn. Nhưng công ty của Thanh thì công xong con đường thì đường hỏng. Một hôm có một nhà báo đến gặp tôi đưa ra một bài phóng sự điều tra. Tôi lo lắng gọi Thanh đến. Thanh bảo để Thanh làm việc riêng với nhà báo. Hôm sau Thanh nói với tôi là anh yên tâm, Thanh đã mua gọn bài phóng sự rồi. Có một việc mà đến bây giờ tôi nghĩ có lẽ mọi sự bắt đầu rồi bởi lên từ đó. Số là Thanh đòi tôi tìm cách đẩy cậu giám đốc thủy lợi (có lẽ không thuận với Thanh) về công tác ở một ban đoàn thể, thay vào đó là người anh em của Thanh. Tôi định không nghe theo, nhưng Thanh cố ép tôi, việc đó lòng nhùng nhai, cuối cùng tôi cũng phải thực hiện theo ý Thanh. Từ đó, tôi nhận ra mình đã quá đà, nhưng biết làm thế nào? Cách đây mấy tháng sinh nhật lần đầu của con trai tôi. Tôi giữ bí mật và chỉ có tôi cùng Thanh ra Hà Nội. Trong buổi tiệc có bốn người. Tôi, Thanh và mẹ con Liên. Liên bảo tôi:

- Cái nhà chỉ là để ở. Anh phải chuẩn bị cái gì cho con, kéo lúc về hưu lại tiếc.

Tôi bảo Thanh:

- Chú Thanh xem có công trình nào dư dật kha khá thì đưa cái phần của tôi cho cô Liên.

Thanh gật đầu:

- Tất nhiên rồi. Cái công trình nạo vét cửa lạch sông Cái, em đẩy lên vài ba triệu khối bùn là đủ lo cho mẹ con cô Liên một công ty. Bùn hút dưới sông lạch ai lặn xuống đó mà kiếm với tra, miễn là khi nghiệm thu anh lơ đi...

Nói rồi Thanh cười sảng khoái:

- Không ngờ ông anh lại "Tiến bộ nhanh gọn..."

Một hôm tôi đi công tác về. Vợ tôi đang chờ tôi ở nhà. Vừa thấy tôi ở cửa cô ấy đã ầm lên:

- Anh xem đây. Báo chí đăng đây này. Họ bảo chỉ cần hai công trình; Cái công trình nạo vét cửa sông, và cái con đường nhựa xuống bãi tắm các ông đã móc túi của cái tỉnh hai triệu rưỡi, dân này mỗi người hàng trăm ngàn...

Tôi ngồi phịch xuống ghế, đọc qua mấy bài báo phôtô vợ tôi vừa dí vào mũi tôi, người tôi lạnh đi. Một lát tôi bảo:

- Làm sao họ dám viết thế nhỉ?

Vợ tôi gầm lên:

- Còn làm sao nữa. Thanh tra vào cuộc rồi. Công an điều tra sắp gọi cậu Thanh, Giám đốc cái công ty xây dựng Ba miền, công ty ruột của anh đấy.

Nói rồi cô ấy hăm hăm mở tủ, lục soát khắp góc ngách trong nhà, câu: "Anh ăn tiền thì tiền đâu, tiền đâu?"

Tôi buồn bã và lo lắng vợ mấy tờ phôtô trên bàn cho vào cặp rồi sang cơ quan. Có mấy người đi qua tôi, nói với nhau: "Ông PTĐ đấy". Tôi chưa hiểu tại sao họ lại gọi tắt họ tên tôi, nhưng nhìn thái độ họ, tôi biết, tôi không còn được người ta kính trọng như trước đây nữa.

Người tôi lao đao khi vừa ngồi vào bàn và đọc lại mấy bài báo. Đất trời như quay cuồng trước mắt tôi. Tôi vội vàng đóng cửa rồi bảo cậu lái xe đánh xe ra cổng chờ tôi. Một lúc sau tôi bảo cậu lái xe đưa chìa khóa xe cho tôi và một mình tôi tự lái xe về làng.

"Hắn đấy". Hai tiếng đó làm tim tôi nhói đau. Càng đau hơn khi tôi nghĩ đến những lời lẽ cay nghiệt trong mấy bài báo. Nhưng tôi cố trấn tĩnh bước đi. Một lát sau tôi rẽ vào ngôi nhà thờ họ Phan. Tôi cần gặp bác Tùng.

Tôi nhớ hôm sức khỏe tôi đã phục hồi ở bệnh viện Hà Nội. Bác Tùng trưởng họ ra thăm tôi. Tôi đưa bác ấy đến nhà Liên chơi với con trai tôi. Lúc ngồi riêng với tôi, bác Tùng chột bảo:

- Tôi chưa tin. Chú phải đưa thằng bé đi xét nghiệm ADN.

Tôi cũng chột nhận ra có điều gì đó cần phải yên tâm hơn về thằng bé. Tôi nói dối Liên để tôi đưa con và ông trưởng họ đi công viên. Liên đồng ý. Tôi bắt tắc-xi cùng bác Tùng và thằng bé đến nơi làm xét nghiệm. Ngày hôm sau tôi được cơ quan cho xe đón về. Bác Tùng ở lại bí mật để lấy kết quả xét nghiệm.

Bác Tùng vừa nhìn thấy tôi, vẻ mặt bác cau có. Bác nói:

Thật tôi không ngờ. Dân xã ta bây giờ gọi chú là ông: PTĐ. Chú biết PTĐ là gì không? Là ông: Phấn Tội Đâu? Người ta bảo rằng trước khi chủ đặt bút ký công trình nào chủ cũng hỏi bên B là: Phấn tội đâu? Có phải thế không? Thật nhục nhã.

Nói rồi bác đi vào tay tôi cái phong bì bìa cứng

Đây, kết quả xét nghiệm ADN đấy.

Vừa nói bác Tùng vừa đóng sầm cửa rồi quay đi.

Tôi cầm cái phong bì trong tay bước nhanh ra xe. Một lúc sau chiếc xe của tôi chạy trên đường. Trời bắt đầu tối, ánh sáng của những ngọn đèn cao áp hắt xuống con sông Cái lấp lánh. Tôi mở phong bì ra và bật điện lên xem. Đất trời bỗng như đổ sập trước mặt tôi. Những thông số của kết quả xét nghiệm cho biết đứa con trai do Liên sinh ra không phải là con tôi. Đang uất ức, không hiểu sao tôi cầm điện thoại lên. Ở đầu dây bên kia có tiếng của Liên:

Ài gọi anh Thanh đấy ạ. Anh ấy say đang ngủ.

Chiếc xe của tôi đang chạy lên cây cầu lớn bắc qua con sông Cái. Tôi cho xe băng qua cầu, vượt một đoạn đê đến chỗ khúc sông ngày xưa cầu Mường đã vì tôi mà nhảy xuống, tôi rú mạnh ga cho xe lao xuống dòng nước xoáy... ■

N.V.Đ



Cả nước Việt Nam, có lẽ ít nơi nào hội tụ đầy đủ yếu tố thiên nhiên, địa lý, cảnh sắc, thổ nhưỡng, núi non, biển trời... đậm nét như vùng Quảng Ninh. Và con người nữa, hai mươi ba dân tộc anh em chung sống thuận hòa bên dòng chảy văn hóa trên miền đất xa xưa vốn đầy biến động. Tạo hóa trở trêu, hay công bằng chẳng biết, mà song song những tầng than đen, đá cháy là miền biển kỳ ảo - Kỳ quan thế giới vịnh Hạ Long với những trang sử đá chứa đựng nguồn trầm tích, địa chất, địa mạo có sức sống trường tồn đã hàng trăm triệu năm qua...

Hành trình vật thể từ quá khứ đến với thời hiện đại là hàng trăm di tích lịch sử, di tích văn hóa ở bến sông, mom núi, đầu ghềnh... Tại Trấn An Bang xưa (tức Quảng Ninh) còn lưu nhiều dấu ấn chống ngoại xâm, giữ yên bờ cõi như Cửa Suốt (Cửa Ông) xuất xứ là lều cỏ nơi thờ Hưng Nhượng Vương Trấn Quốc Tảng. Đời nay nhìn lại thấy đến Cửa Ông hiện diện đã gần bảy trăm năm. Khi quân Nguyên tràn sang nước ta bằng đường thủy, vua tôi nhà Trần phải thực hiện cuộc rút lui chiến lược, bỏ ngõ kinh thành, lui về Vạn Kiếp. Trấn Quốc Tảng rời ấp An Sinh (Đồng Triều) xin triều đình cho làm tướng tiên phong đánh giặc... Ngày quân Nguyên bị đánh tan, vua Trần tin tưởng giao cho ông trấn ải vùng An Bang hiểm yếu... Do có nhiều công với nước với dân, Đức ông Trần Quốc Tảng về tâm linh, về thân thế, ví như đã được phong thần. Các vua Trần đã có sắc phong gọi là Miếu Đức Ông...

Đây chỉ là một trong rất nhiều di tích mang đậm sắc thái lịch sử - văn hóa trên vùng đất này. Nơi đây có cả những di tích văn hóa - lịch sử được cấp bằng di tích Quốc gia đặc biệt, như quần thể non thiêng Yên Tử - Kinh đô Phật giáo Việt Nam; như bãi cọc Bạch Đằng với chiến tích chống giặc Nguyên lầy lũng, như Thương Cánh - chiến cảng Vân Đồn... Tất cả hơn 400 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh, mà nếu có điều kiện cùng thời gian làm hội thảo khoa học một cách chọn lọc về di tích lịch sử và văn hóa Quảng Ninh, cũng phải mất nửa tháng.

Rõ ràng tiềm năng du lịch nơi đây quá dồi dào. Nhưng dù thiên nhiên ban tặng, tức của trời cho, hay do tổ tiên tạo dựng, thì con cháu vẫn phải biết giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị. Nói thì chỉ có vậy. Song triển khai thực hiện, lại là cả một vấn đề của bao nhiêu con người; bao nhiêu cấp, và cũng là bấy nhiêu thăng trầm...

Còn nhớ hai mươi bảy năm trước, tỉnh Quảng Ninh dự định dựng một cụm tượng đài Bác Hồ với công nhân mỏ. Một đoàn họa sĩ, nhà điêu khắc do họa sĩ danh tiếng Trần Văn Cẩn dẫn đầu được mời từ Hà Nội về. Sau khi đi khảo sát khắp các nơi để tìm địa điểm, cuối cùng dự định tốt đẹp đó không thể thực hiện được vì toàn thị xã Hòn Gai gầy guộc bám theo bờ biển theo hình trăng khuyết khi ấy lầy lội than bụi, không có chỗ nào đạt yêu cầu về cảnh quan để dựng tượng đài... Còn hiện giờ thành phố Hạ Long - thị xã Hòn Gai xưa - đã vươn vai bùng thức. Mọi thủ tục để được nâng cấp là đô thị loại Một đã xong, chỉ chờ Chính phủ phê duyệt. Không chỉ có vậy, nếu nhìn ở quy mô cấp tỉnh, thì cả nước không tỉnh nào có tới bốn thành phố trực thuộc như Quảng Ninh hiện nay (gồm Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả và Móng Cái). Chỉ khái quát thế đủ thấy sự vươn dậy của Quảng Ninh ấn tượng tới mức nào...

NHỮNG ÂM VANG TỪ TRẦM TÍCH

Bút ký của PHAN THANH



Carnival Hạ Long đã trở thành thương hiệu ngang tầm với Liên hoan pháo hoa quốc tế Đà Nẵng, Festival biển Nha Trang, Tuần văn hóa Quảng Nam, Festival Huế

Cách đây chưa lâu, đài truyền hình Việt Nam phát hình ảnh lễ cắt băng khánh thành đường 18C đoạn từ Tiên Yên lên cửa khẩu Hoành Mô, sát biên giới Trung Quốc. Con đường này vốn có những kỷ niệm đặc biệt với tôi, bởi hồi trai trẻ tôi đã có lần đi qua đúng vào những ngày đạn lửa của cuộc chiến tranh biên giới... Đợt ấy nhà văn Võ Huy Tâm đang làm việc ở tuần báo Văn nghệ. Từ Hà Nội, ông về Quảng Ninh thực tế sáng tác, đi riêng một hướng, nhà văn Tô Ngọc Hiến lên với bộ đội trên chốt Pò Hèn, Thán Phún, thuộc huyện Quảng Hà, tôi đi cùng bộ phận tác chiến hỗn hợp của Đặc khu Quảng Ninh lên mặt trận Hoành Mô (Bình Liêu). Chiếc xe quân sự khó khăn lắm mới qua được đập Đồng Và vì mưa lũ, rồi gặp đoạn đường đất đá trập lổ, tất cả phải cước bộ... Đến khúc cua nguy hiểm có cái tên khá dung tục: Khe Bò Đái, một sĩ quan tham mưu chợt lên tiếng: Đặt ở đây giàn hòa lực B40 thì xe tăng đối phương chỉ mọc cánh mới vượt được phòng tuyến... Ngày đó từ Hòn Gai lên đến Móng Cái là cả một vấn đề. Còn bây giờ, nhìn con đường đẹp như dải lụa trải dài tít tắp, người ta dường như quên đi việc con đường đã từng vừa bị kéo dài thời gian thi công, vừa phải vượt qua nhiều trở ngại không đáng có...

Đồng dài về quá khứ chưa xa để thấy sức vươn lên hào hùng của thế hệ vùng đất nóng. Đây không đơn thuần chuyện cũ nói lại, mà chính là âm vang từ những trầm tích của một vùng đất. Tại vùng đất này, đã hơn một lần tôi viết về một vấn đề từ lâu đã hòa quyện vào cuộc sống xung quanh, nhưng thấy vẫn chưa đủ, chưa thấu đáo và chưa hay, đó là du lịch. Một di sản khổng lồ về du lịch văn hóa và tâm linh để lại mà đời này chưa được quan tâm khai thác là mấy. Nguyên nhân thì có nhiều, mà xem ra nguyên nhân nào thấy cũng có lý...

Đầu tiên là lâu nay người ta vẫn nghĩ Quảng Ninh là mảnh đất giàu có tài nguyên - vàng đen... Ai ngờ, vàng đen cũng sắp cạn kiệt. Bằng chứng là chỉ một, hai năm nữa thôi các mỏ khai thác than lộ thiên gần thành phố Hạ Long sẽ phải ngừng... Than sắp hết, chứ không

phải đã là khu mỏ thì than sẽ vô tận như cả vạn người vẫn tưởng! Tiếp đến là đến Đất. Nhưng cây cỏ còn mọc chứ đất có mọc được đâu! Đất quanh thị xã, thị tứ xẻ thành các ô, bán cũng sắp hết; còn đất đối Quảng Ninh thì đã từng có vị đại biểu Quốc hội tỉnh bạn trong lần đi thăm cửa khẩu Móng Cái, khi xe qua đoạn rừng hoang đồi trọc mệnh mông thuộc địa phận huyện Đầm Hà, Hà Cối, đã thốt lên: Quảng Ninh giàu có thật, chỉ cần ai đó đưa ra ý tưởng thực tế biến các quả đồi kia thành của cải cũng có thể phong anh hùng được rồi!... Điều mơ ước đó rất đáng quý, song để biến thành hiện thực, khó như hái sao trên trời, cho nên cuối cùng người ta vẫn chỉ còn cách quay trở lại mặt đất...

Xung quanh vấn đề này, chúng tôi từng được nghe ở nhiều nơi cùng một ý kiến trùng lặp: Tiềm năng du lịch Quảng Ninh quá lớn, nhưng chưa được phát huy. Cũng đã có nhiều ý kiến trực diện hơn, rằng cần đầu tư trở lại cho du lịch. Không ai phản đối. Song phải đến hai năm trước, trong một cuộc họp cán bộ đầu ngành của tỉnh cùng các cơ quan báo, đài; đồng chí Bí thư tỉnh ủy, khi đó mới được Trung ương cử về Quảng Ninh, sau khi đã kiểm tra, rà soát tình hình, nắm bắt các vấn đề, đã phát biểu thẳng thắn: "Nhiều người nói đến du lịch, nhưng du lịch chỉ thu ngân sách được 30 tỷ... thử hỏi ba chục tỷ sao đáp ứng được cho một ngành kinh tế quan trọng...!". Bao nhiêu người ngối hóp ớ ra; rồi ai cũng nhận thấy vấn đề cốt lõi vẫn là ở tầm chiến lược, và bây giờ nó đã được đặt lên bàn chủ tọa...

Và rồi từ tư duy đó, hàng loạt các động thái cụ thể nhằm triển khai những giải pháp cho du lịch Quảng Ninh đã được tiến hành từ trên xuống dưới, từ chủ trương đến tổ chức thực hiện... mà Hội nghị đầu tư Quảng Ninh - 2012 tổ chức hồi tháng 2 năm 2012 vừa rồi có thể coi như bước đột phá. Hội nghị mang tầm quốc gia có mặt hàng trăm nhà đầu tư, các tập đoàn kinh tế lớn cả trong, ngoài nước, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tới dự và chỉ đạo...

Trong câu chuyện với ông Hà Quang

Long, Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch Quảng Ninh, người được cánh báo chí gần gũi bình chọn (nội bộ) là gương mặt nổi trội giữa không khí hội hè mệnh mang tung bùng, phấn chấn của những dịp lễ hội Quảng Ninh vừa rồi, chúng tôi được biết trong 4 tháng đầu năm 2013, lượng du khách đến Quảng Ninh tăng 17% so với cùng kỳ năm 2012 với trên một triệu lượt người... Còn trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch 2012 - 2020 và tầm nhìn đến 2030, Quảng Ninh sẽ có 4 Trung tâm; Du lịch Hạ Long, Trung tâm du lịch Vân Đồn, Trung tâm du lịch Móng Cái - Trà Cổ, Trung tâm du lịch Uông Bí - Đông Triều - Quảng Yên, cùng chủ trương mở rộng, phát triển không gian du lịch biển đảo Vân Đồn - Cô Tô - vịnh Bái Tử Long... Đây sẽ là cơ hội tốt để ngành du lịch Quảng Ninh phát huy được hết các thế mạnh của mình. Tuy nhiên, nếu suy nghĩ một cách nghiêm túc và trách nhiệm, mới thấy du lịch Quảng Ninh tuy có nhiều tiềm năng song cũng không ít thách thức. Theo sơ đồ dành cho các tua lữ hành thì các điểm đến cùng danh thắng ở đây rất hoành tráng, phong phú. Các hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch cả ở trong và ngoài nước cũng đã được quan tâm nhiều hơn. Tuy nhiên để thật khách quan về hiệu quả, cần lưu ý tới ý kiến của một quan chức Tổng cục du lịch khi ông trả lời trên báo chí: "Nếu so sánh doanh thu 4.000 tỷ đồng trên 6 triệu khách đến Quảng Ninh năm qua như ngành du lịch Quảng Ninh công bố, thì mỗi khách đến đây mới chỉ tiêu bình quân có 32 USD...". Một con số quá ít ỏi đối với một địa phương có tiềm năng du lịch lớn và đa dạng như Quảng Ninh khiến người trong cuộc không khỏi suy nghĩ. Và cũng trong Hội thảo Tuần Hạ Long 2012 dành cho khách du lịch châu Âu, một nhà báo người Đức cho biết: "Tôi phỏng vấn một số du khách người Pháp, Italia... họ đều cho rằng thích đến Ảng Kô ở Campuchia hơn đến vịnh Hạ Long, dù kinh phí tốn kém hơn... Tuy nhiên ai cũng công nhận nét đẹp kỳ vĩ của Vịnh Hạ Long... Các bạn Việt Nam cần xem lại, du lịch đem đến nhiều lợi nhuận, song rất nhạy cảm...". Tất cả những điều đó đang là trách nhiệm đặt lên vai Giám đốc Hà Quang Long và các đồng nghiệp của mình.

Vâng, bao giờ cũng vậy, bên cạnh cái hay là cái khó, bên cạnh tiềm năng là những thách thức. Cánh cửa hội nhập mở ra đem đến một luồng gió mới cho đất nước nói chung và ngành du lịch nói riêng, song đi cùng với đó cũng là vô vàn những vấn đề đòi hỏi sự nhận thức đúng đắn và những nỗ lực vượt bậc của mỗi người, mỗi ngành; đặc biệt là ngành du lịch, một ngành lâu nay vẫn được coi là "công nghiệp không khói", một kho tài nguyên vẫn đang chờ được đánh thức. Và không phải chỉ đến bây giờ, mà đã từ nhiều năm qua, với tầm nhìn của những người lãnh đạo, với sự năng động của những người làm công tác quản lý, nhiều hoạt động du lịch Quảng Ninh như lễ hội Yên Tử, rồi carnival Hạ Long đã trở thành một "thương hiệu" ngang tầm với Liên hoan pháo hoa quốc tế Đà Nẵng, Festival biển Nha Trang, tuần văn hóa Quảng Nam, Festival Huế... Tất cả những thứ đó đang ngày một làm đầy thêm những tiềm năng trầm tích của một vùng đất vừa phong phú, vừa đậm nét cả về thiên nhiên lẫn con người, để từ đó cất lên những tiếng ngân vang...■

Học giả Nguyễn Hiến Lê sinh năm 1912 ở làng Phương Khê, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội). Năm 1934, ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Công chính Hà Nội rồi vào làm việc tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Từ đây, ông đã gần bó quăng đời của mình với Tây Nam bộ và Sài Gòn. Sau Cách mạng tháng Tám, rồi toàn quốc kháng chiến, ông bỏ đời sống công chức, tản cư về Đồng Tháp, Long Xuyên và đi dạy học. Năm 1952 thôi dạy, ông lên Sài Gòn sinh sống bằng ngòi bút, mở nhà xuất bản và biên dịch sách, sáng tác, viết báo.

Là một nhà văn, dịch giả, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo dục và hoạt động văn hóa, ông đã để lại cho cuộc đời 120 tác phẩm sáng tác, biên soạn và dịch thuật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, văn học, ngữ học, triết học, lịch sử, du ký, danh nhân, chính trị, kinh tế... Năm 1980 ông về lại Long Xuyên và bắt đầu viết *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê*, đến

bà Nguyễn Thị Liệp mang về nhang khói tại khu đất nhà nằm trên đường Tôn Đức Thắng - Thành phố Long Xuyên.

Việc hỏa táng và làm tang lễ, ma chay đơn giản là ý nguyện của Nguyễn Hiến Lê lúc sinh thời. Trong một bức thư gửi nhà thơ Bằng Bá Lân để ngày 18 tháng 7 năm 1981 ông từng viết: *"Thời xưa mong giữ được mộ 100 năm, thời nay tôi sợ không được vài chục năm. Cho nên tôi tính chết thì hỏa táng, đồ đạc mặc cho con cháu ở xa. Và cũng giỗ, tôi cũng bảo đẹp bát đĩa! Không ngờ cái tục lệ thiêng liêng mấy nghìn năm của mình bây giờ chỉ trong có mấy năm mà thay đổi hẳn. Ngay cả tâm trạng của mình cũng thay đổi nữa!"*

Di cốt của Nguyễn Hiến Lê đựng trong một cái tín sành và chôn vào tháp bảo đồng trước sân nhà bà Liệp, nơi sinh thời ông vẫn hay ra đây cuốc đất, trồng hoa trong những ngày về nghỉ ngơi ở Long Xuyên. Tháp hình lục giác, có 3 tầng tượng trưng cho tam quy: Phật,

bà Liệp xong thì hai ngày sau, di cốt của ông Nguyễn Hiến Lê được đưa từ Long Xuyên sang và đặt ngay phía trên phần mộ bà Liệp. Tháp vẫn được xây giống hình dạng ở Long Xuyên với hoa sen có 3 cánh nở tươi và cần tằm bia cũng từ bảo tháp đồng ở Long Xuyên mang qua. Vậy là, sau 15 năm sinh ly tử biệt hai người lại được kề cận mãi mãi bên nhau.

Theo lời của cô út - người phụ nữ có 37 năm làm công quả ở chùa Phước Ân và hằng ngày nhang khói khu nghĩa trang trong khuôn viên nhà chùa thì từ khi ông Nguyễn Hiến Lê được cải táng ở đây, năm nào cũng có nhiều đoàn người từ khắp nơi đến viếng mộ. Có người đến do cảm phục tài năng văn chương của ông; Có người là học trò cũ; Cũng có người là thân nhân gia đình ông... Thậm chí có những đoàn khách đến chùa, mặc trên người chiếc áo sau lưng có in hình ông...

Đang trò chuyện với cô út thì tôi bắt gặp một đoàn khách từ An Giang qua tháp hương cúng tế phần mộ ông

thức của tôi có được hôm nay là nhờ vào những quyển sách của Nguyễn Hiến Lê. Tôi trọng ông là trọng tài năng và trọng nhân cách sống giản dị của ông. Nhất là chuyện ông từ chối giải thưởng của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu". Cùng đi với bác sĩ Khương Trọng Sầu là ông Trang Lâm - một thầy giáo về hưu ở Mỹ Hòa Hưng (Chợ Mới - An Giang). Ông Lâm kể: "Di tôi là học trò ruột của cô Năm Liệt khi đó là Hiệu trưởng trường nữ Long Xuyên. Thấy tôi thích đọc sách của Nguyễn Hiến Lê và ái mộ ông nên di tôi xin với cô Năm Liệt cho tôi đến nhà diện kiến ông Nguyễn Hiến Lê. Đó là một ngôi nhà sàn cổ có ba gian, lợp ngói âm dương, nằm trên đường Gia Long, sau giải phóng là số 92, đường 26 tháng 3 (hiện nay là đường Tôn Đức Thắng) - Long Xuyên. Bên phải là vườn hoa có một căn nhà gạch, khoảng năm sáu mươi thước vuông. Trong phòng bày biện rất đơn giản. Một cái giường ngủ không lót

ÂU CŨNG LÀ DUYÊN NỢ

Ghi chép của HỮU NHÂN

tháng 9 năm 1980 thì hoàn thành. Đồng thời ông tách những đoạn nói về văn nghiệp ra riêng, sửa chữa, bổ sung và biên tập lại thành cuốn sách *Đời viết văn của tôi*. Tác phẩm này được sửa chữa xong vào năm 1981, sau đó sửa chữa thêm và hoàn chỉnh vào năm 1983.

Sự nghiệp của ông Nguyễn Hiến Lê, có thể nói là bắt đầu từ Đồng Tháp Mười. Bởi lẽ, tác phẩm đầu tay của ông là một cuốn du ký khoa học có tên là *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*. Quyển sách được viết nhân một chuyến ông về Hà Nội thi lấy bằng kỹ sư thì nhận được đề nghị của Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Thanh Nghị (Vũ Đình Hòe). Sách viết xong nhưng gửi ra Hà Nội không được vì chiến tranh, bản thảo bị mất trong Đồng Tháp Mười. Năm 1954 ông viết lại, xuất bản trong năm đó và được tái bản nhiều lần.

Ngoài tài năng và nhân cách, Nguyễn Hiến Lê còn có một hạnh động đáng cho người đương thời và hậu thế khâm phục. Đó là việc ông từ chối nhận giải thưởng và các danh hiệu của chính quyền Sài Gòn trao tặng. Những năm 60, 70 của thế kỷ XX, chính phủ Sài Gòn đã trân trọng ông (cùng với Giản Chi) *Giải thưởng văn chương toàn quốc* (1967) và *Giải tuyên dương công trạng* (Văn hóa - 1973) với danh hiệu cao quý đương thời, cùng một ngân phiếu lớn (1 triệu đồng, tương đương 25 lượng vàng). Ông đã công khai từ chối với lý do "dùng tiền ấy để giúp nạn nhân chiến tranh" và bản thân tác giả không dự giải.

Nguyễn Hiến Lê kết hôn lần thứ hai với bà Nguyễn Thị Liệp ở Long Xuyên vào năm 1956. Đây là kết quả của tình bạn bè giữa hai người từ những năm 1939 khi Nguyễn Hiến Lê mới vào Tây Nam bộ làm việc. *Làm lễ cưới rồi, tôi vẫn ở Sài Gòn điều khiển nhà xuất bản, hai ba tháng lại về Long Xuyên nghỉ nửa tháng. Nhà ở Long Xuyên có vườn rộng, cây cao bóng mát, rất hợp cho tôi vì viết lách làm cho trí óc tôi thường căng thẳng, sinh ra mất ngủ, đau bao tử. (Hồi ký Nguyễn Hiến Lê - Chương 23)*. Cuộc hôn nhân này kéo dài tới năm 1984 khi ông Lê mất. Hai cốt của ông được con cháu hỏa táng tại đài thiêu Thủ Đức và được



Các văn nghệ sĩ Đồng Tháp bên mộ học giả Nguyễn Hiến Lê.

Pháp, Tăng. Bên dưới to rộng, bên trên nhỏ lại với nắp là tượng một bông sen có 3 lớp cánh nở tươi. Tín tro có ảnh của ông được đặt ở tầng dưới cùng, trong một hộp xây hướng vô nhà, có kính che bên ngoài. Sau đó được thay bằng đá cẩm thạch có in ảnh của ông hình bầu. Có lẽ bà Nguyễn Thị Liệp sợ kính che bể sẽ làm hư tín tro quý của chồng nên mới thay kính bằng đá cho chắc chắn.

Lo hậu sự cho chồng xong, bà Liệp giao nhà cửa và phần mộ ông lại cho hai người cháu gái trông nom và vào chùa Quảng Đức - Long Xuyên tu hành với pháp danh Thích nữ Huệ Đức. Bà là đệ tử của sư ông Thích Nhựt Phú trụ trì chùa Phước Ân ở rạch Cai Bường, xã Vĩnh Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp. Vì vậy, khi bà Liệp qua đời tại Long Xuyên vào năm 1999, theo di nguyện để lại, hai người cháu của bà đã xin với hòa thượng Thích Nhựt Phú cho phép được an táng bà trong khuôn viên chùa Phước Ân. Ngày 28/5 âm lịch năm Kỷ Mão (1999), an táng

Nguyễn Hiến Lê. Hồi chuyện mới hay những người này chẳng phải họ hàng, quen thân gì cả mà tìm đến đây do kính trọng ông. Bác sĩ Khương Trọng Sầu - nguyên Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa An Giang, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học Y tế An Giang bộc bạch tình cảm của mình: "Tôi quý ông Nguyễn Hiến Lê từ trước năm 1975 khi gia đình mình còn sống ở Sài Gòn. Quý ông là do đọc những tác phẩm của ông thôi. Chờ mình có được gặp đâu. Sau năm 1975, tôi về công tác ở An Giang. Khi đọc sách ông, tôi đều thấy ở dòng chữ cuối cùng lúc nào cũng ghi ngày tháng và địa điểm viết tại Long Xuyên. Dò hỏi mãi mới biết chuyện tình của ông và bà Nguyễn Thị Liệp. Tình cờ bữa nọ tôi quen được với một người cháu của cô Năm Liệt thì mới hay tin ông đã qua đời. Thấy tôi quý trọng ông Lê nên người này có tặng tôi mấy quyển sách còn sót lại trong tủ sách gia đình mình có cả chữ ký tác giả. Có thể nói rằng, một phần kiến

chiếu. Một cái bàn thờ mẹ ông kê bằng một tấm ván. Phía trước là chiếc võng bố mắc trên một cái giá gỗ. Lúc đó tôi chỉ mới 15 tuổi, còn rụt rè khép nép nên chỉ biết chào hỏi rồi ngồi nghe ông khuyên bảo chuyện học hành. Cũng chính nhờ vào lần gặp gỡ đó, sau này tôi đã quyết định đi theo con đường dạy học như ông. Đó là vào khoảng mùa hè năm 1974.

Năm 1983, hay tin ông yếu nhiều, gia đình cô Năm Liệt chuẩn bị đưa lên Sài Gòn chữa trị, tôi có ghé qua một lần nhưng chỉ đứng từ xa nhìn ông nằm chơ không có điều kiện trò chuyện. Nhưng đầu sao, với tôi đó cũng là một niềm hạnh phúc của cuộc đời mình".

Nghe chuyện của bác sĩ Khương Trọng Sầu và thầy giáo Trang Lâm, tôi càng quý trọng hơn tài năng, nhân cách và sức lan tỏa của học giả Nguyễn Hiến Lê. Đã bước qua năm thứ 14 kể từ ngày di cốt ông được cải táng về chùa Phước Ân cho đến nay mà tôi và hẳn nhiều bạn bè văn chương khác ở Đồng Tháp không hề hay biết. Nghĩ lại, mình cảm thấy thẹn với tiền nhân và với cả chính mình. Cuộc đời ông như một sự sắp đặt kỳ lạ của tạo hóa. Ông bắt đầu văn nghiệp bằng một quyển sách viết về Đồng Tháp, như trong lời tựa quyển sách ông viết: *bác Ba tôi từ năm 1913 hay 1914, phải lên về làng Tân Thạnh (làng Tân Thạnh lúc đó thuộc tỉnh Long Xuyên, nay là xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp) ở ven Đồng Tháp Mười để tránh bọn mật thám Sài Gòn, rồi lập nghiệp ở đó, nên biết được cảnh hoang vu của Đồng Tháp hồi đầu thế kỷ, kể cho tôi nghe nhiều chuyện về dân tình, lối sống, thổ sản miền đó; sau đó tôi lại đi do trong Đồng Tháp trong một thời gian rồi đi kinh li nhiều lần từ Hồng Ngự tới Tân An; về Sài Gòn tôi đọc thêm được nhiều tài liệu của Sở Thủy lợi, mua được cuốn La Plaine des Joncs của V. Delahaye, nhờ vậy tôi biết được khá nhiều về Đồng Tháp*. Cuốn sách phải ba chìm bảy nổi theo thời vận của nước non hồi ấy mới đến được với người đọc cũng như cuộc đời ông sau khi mất phải đến ba lần thay đổi, học giả Nguyễn Hiến Lê lại trở về an nghỉ vĩnh hằng trong một ngôi chùa ở Đồng Tháp. Âu cũng là duyên nợ...■

THÔNG TIN - TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG ỦY TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA: TRIỂN KHAI CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH NĂM 2013



Thực hiện Hướng dẫn số 13-HD/ĐU ngày 22/02/2013 của Đảng ủy Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Đảng ủy Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPT) đã tổ chức triển khai việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2013.

ĐỢT sinh hoạt chuyên đề này nhằm mục đích làm cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức lao động tiếp tục nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, thúc đẩy mạnh mẽ việc làm theo tấm gương đạo đức của Người. Với yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp cần nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và coi đây là việc làm thường xuyên, liên tục của mỗi cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức lao động; Kết hợp chặt chẽ việc học tập với làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đặc biệt nhấn mạnh việc làm theo một cách thiết thực, cụ thể; Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm, chuyên đề với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, các cuộc vận động ở đơn vị, cơ sở; Đồng thời mỗi cán bộ, đảng viên liên hệ bản thân, xây dựng kế hoạch, việc làm cụ thể theo tấm gương của Bác.

Chuyên đề Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2013 tập trung vào phong cách quần chúng, dân chủ nêu gương, gắn với chủ đề xuyên suốt: "Suốt đời phấn đấu cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng,

cuộc sống riêng giản dị". Đồng thời đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác tiếp tục đi vào nền nếp sinh hoạt chi bộ, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) về "Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay"; Tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên về học tập và làm theo phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Nằm trong chương trình Hội nghị học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng (khoá XI), thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương Đảng (khoá XI) và tuyên truyền góp ý vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 được tổ chức vào ngày 14/5/2013, Hội nghị còn dành phần lớn thời gian để giới thiệu về chuyên đề Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2013. Nội dung lần này được PGS.TS Nguyễn Viết Thông - Tổng thư ký Hội đồng lý luận Trung ương nhấn mạnh với các nội dung: việc học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh của đội ngũ cán bộ, đảng viên là một việc làm rất quan trọng và cần thiết đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay. Đây là trách nhiệm, đồng thời là vinh dự của người cán bộ cách mạng. Do vậy, học tập và làm theo phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương của Người, mỗi người cán bộ, đảng viên cần chú ý 5 vấn đề cơ bản:

Một là: Trong mọi hoạt động lãnh đạo và quản lý, cán bộ, đảng viên phải luôn luôn phát huy vai trò độc lập, tự chủ, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, lấy lợi ích của Đảng, của nhân dân làm cơ

sở cho hoạt động của mình.

Hai là: cán bộ, đảng viên phải luôn gần dân, sâu sát với dân, nắm bắt được nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Ba là: cán bộ, đảng viên phải rèn luyện, điều chỉnh cách nói, cách viết, cách làm việc, cách lãnh đạo cho phù hợp, biết phát huy vai trò của dân để làm lợi cho dân.

Bốn là: quá trình xây dựng và thực hiện mọi kế hoạch công tác, cán bộ, đảng viên phải điều tra, nghiên cứu cụ thể, tỉ mỉ, phải động viên và phát huy được mọi tiềm năng, sức mạnh của quần chúng.

Năm là: cán bộ, đảng viên phải luôn gương mẫu trong công tác cũng như trong đời sống sinh hoạt hằng ngày.

Để triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 03-CT/TW, Đảng ủy NPT còn đưa ra một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2013, Một là: Đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, trở thành ý thức tự giác trong toàn Đảng bộ; Hai là: Các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo đưa việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành sinh hoạt thường xuyên, quan trọng của các chi bộ, đảng bộ; gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Tổng công ty, đơn vị và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI liên hệ với tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và việc thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm; Ba là: Rà soát, xây dựng và tổ chức thực hiện các chuẩn mực đạo đức, gắn với văn hoá doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng chi bộ, cơ quan, đơn vị theo yêu cầu Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị. Hoàn thành việc xây

dựng tiêu chuẩn đạo đức theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; Bốn là: Ở mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, ban thường vụ cấp ủy, lãnh đạo và bí thư cấp ủy, người đứng đầu chỉ đạo lựa chọn một số vấn đề bức xúc thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống để bàn biện pháp phấn đấu, khắc phục, tạo chuyển biến, đẩy lùi, tiến tới giải quyết dứt điểm; Năm là: Gắn việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị với thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp một cách hiệu quả, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị; Sáu là: Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu đã thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, làm luớt, hoặc thiếu quan tâm, triển khai hình thức; nêu cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu, thực hiện các chuẩn mực đạo đức, Quy định về những điều đảng viên không được làm và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

Nằm trong sáu giải pháp được Đảng ủy NPT đưa ra để nhằm triển khai tốt đợt sinh hoạt chính trị này đó là chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, trụ sở làm việc để biểu dương, nhân rộng kịp thời những điển hình tiên tiến, những cách làm hay, sáng kiến tốt; đồng thời phê phán, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, lệch lạc, nói không đi đôi với làm; tạo không khí phấn khởi, động viên cán bộ, đảng viên, công nhân viên người lao động tin tưởng, thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. ■

THÔNG BÁO ĐẶT MUA BÁO QUÝ III-2013

Trong quý III - 2013, báo Văn nghệ phát hành các số như sau:

Báo Văn nghệ: gồm 13 số (từ số 27 đến số 39), trong đó

Từ số 27 đến số 34 ra báo bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ X 8 kỳ = 78.400đ

Số kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9, gộp 2 số 35+36 = 48 trang. Giá bán 28.000đ

Các số từ 37 đến 39 ra bình thường

3 kỳ X 9.800đ = 29.400đ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Quý III là 135.800đ

(Một trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng)

Báo Văn nghệ Trẻ: gồm 13 số, từ số 27 đến số 39, trong đó

Từ số 27 đến số 34 ra báo bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ X 8 kỳ = 78.400đ

Số kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9, gộp 2 số 35+36 = 48 trang. Giá bán 28.000đ

Các số từ 37 đến 39 ra bình thường

3 kỳ X 9.800đ = 29.400đ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Trẻ Quý III là 135.800đ
(Một trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng)

Tổng cộng tiền báo Quý III của các ấn phẩm báo Văn nghệ là 271.600 đ

(Hai trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm đồng)

Bạn đọc và các tác giả có nhu cầu mua báo có thể đăng ký với bưu điện hoặc các điểm phát hành gần nhất, hoặc liên hệ trực tiếp với bộ phận phát hành của tòa soạn theo địa chỉ:

Toà soạn Báo Văn nghệ, số 17 Trần Quốc Toản – Hà Nội,

Điện thoại: (04) 62 702 642

VĂN NGHỆ

CUỘC THI VIẾT “DOANH NHÂN - NGHIỆP VÀ ĐỜI”

Nằm trong chuỗi những hoạt động nhằm hướng tới ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10/2013, Cty CP truyền thông báo Văn nghệ - A&C Media, báo Văn nghệ Trẻ, báo Kinh doanh và Pháp luật chính thức phát động cuộc thi viết “DOANH NHÂN - NGHIỆP VÀ ĐỜI”

Đây là cuộc thi viết về chân dung những Doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam sau 27 năm đất nước đổi mới. Họ là những con người lao động không biết mệt mỏi, đang gồng mình vượt qua những khó khăn, cống hiến trí lực, tâm tài không những làm giàu cho đất nước mà còn mang thương hiệu Việt Nam vươn ra toàn cầu.

THỂ LỆ CUỘC THI

ĐỐI TƯỢNG DỰ THI: Nhà văn, nhà báo, các cây bút chuyên và không chuyên trong và ngoài nước trên toàn quốc.

THỂ LOẠI BÀI VIẾT: Chân dung, phóng sự hoặc bút ký.

TIÊU CHÍ NHÂN VẬT:

Vượt qua khó khăn thách thức, đạt thành tích tốt trong kinh doanh.

Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Chính sách đãi ngộ tốt cho người lao động.

Đáp ứng Văn hóa Doanh nghiệp.

Sáng tạo và có tầm nhìn chiến lược.

QUY ĐỊNH: Tác phẩm không quá 3.000 từ.

DOANH NHÂN - NGHIỆP & ĐỜI



ĐƠN VỊ TỔ CHỨC & THỰC HIỆN:
CÔNG TY CP TRUYỀN THÔNG BÁO VĂN NGHỆ



Phone: 04. 62702637
E-mail: acmediavnn@gmail.com

Chưa được in trong sách hoặc các báo và tạp chí. Bản thảo vì tính trên một mặt giấy, sạch và rõ. Trong thời gian tham gia cuộc thi, tác phẩm không được gửi in sách, báo hay tạp chí nào khác.

HỘI ĐỒNG CHẤM GIẢI: Phó Tổng Biên tập báo Văn nghệ: Nhà văn Khuất Quang Thụy; Thư ký tòa soạn báo Văn nghệ: Nhà thơ Lương Ngọc An; Tổng Biên tập tạp chí Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài /Diễn đàn Đầu tư: Nhà báo Nguyễn Cao Cương; Giám đốc khối Tiền Phong Điện Tử, báo Tiền Phong: Nhà báo Đặng Vương Hạnh; Trưởng Ban Biên tập báo Văn nghệ Trẻ: Nhà văn Phong Điệp.

LƯU Ý

Ban tổ chức có quyền đơn phương quyết định loại bài viết nếu phát hiện có vi phạm các nguyên tắc về thể lệ tham dự cuộc thi.

Những bài thi tiêu biểu sẽ được đăng trên báo Văn nghệ Trẻ.

10 tác phẩm được giải sẽ thuộc bản quyền Ban Tổ chức và in sách làm quà tặng biếu cho 500 khách tham gia cuộc trao giải.

CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG:

01 Giải Nhất – Trị giá 20,000, 000 VNĐ

02 Giải Nhì – Trị giá 10,000, 000 VNĐ

03 Giải Ba – Trị giá 5,000, 000 VNĐ

04 Giải Khuyến khích – Trị giá 3,000, 000 VNĐ

THỜI HẠN: Nhận bài từ 25-06-2013 đến 25-09-2013.

BÀI DỰ THI GỬI VỀ: Công ty Cổ phần Truyền thông báo Văn nghệ, 17 – Trần Quốc Toản, Hà Nội. Hoặc địa chỉ Email: acmediavnn@gmail.com

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

• Tổng biên tập: NGUYỄN TRÍ HUẤN • Phó tổng biên tập: THANH ĐỨC TRINH BẢO • Phó tổng biên tập: KHUẤT QUANG THỤY

• Tòa soạn, Trị sự: 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trị sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

• Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvnn@gmail.com; vanhocnuocngoaiavn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 9.800 đồng.

THÔNG BÁO ĐẶT MUA BÁO QUÝ III-2013

Trong quý III-2013, báo Văn nghệ phát hành các số như sau:

Báo Văn nghệ: gồm 13 số (từ số 27 đến số 39), trong đó

Từ số 27 đến số 34 ra báo bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ X 8 kỳ = 78.400đ

Số kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9, gộp 2 số 35+36 = 48 trang. Giá bán 28.000đ

Các số từ 37 đến 39 ra bình thường

3 kỳ X 9.800đ = 29.400đ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Quý III là 135.800đ

(Một trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng)

Báo Văn nghệ Trẻ: gồm 13 số, từ số 27 đến số 39, trong đó

Từ số 27 đến số 34 ra báo bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ X 8 kỳ = 78.400đ

Số kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9, gộp 2 số 35+36 = 48 trang. Giá bán 28.000đ

Các số từ 37 đến 39 ra bình thường

3 kỳ X 9.800đ = 29.400đ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Trẻ Quý III là 135.800đ

(Một trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng)

Tổng cộng tiền báo Quý III của các ấn phẩm báo Văn nghệ là 271.600 đ

(Hai trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm đồng)

Bạn đọc và các tác giả có nhu cầu mua báo có thể đăng ký với bưu điện hoặc các điểm phát hành gần nhất, hoặc liên hệ trực tiếp với bộ phận phát hành của tòa soạn theo địa chỉ:

Tòa soạn Báo Văn nghệ, số 17 Trần Quốc Toản – Hà Nội,

Điện thoại: (04) 62 702 642

VĂN NGHỆ

CỬA SỔ MỞ RA NGÕ

(Tiếp theo trang 15)

nhỏ số máy vợ chồng Mơ. Tôi thông báo, chàng đang hò dô trợ sức nàng vượt cạn. "Chúc mừng mẹ Huệ. Em bé đầy tháng tớ sẽ về". Liên trở giọng nghiêm "Thế còn hân?...". Hân thế nào rồi? Thế còn hân?... là những câu hỏi thường trực ban đêm xa gần nhăm vào tôi. Thế nào thì tôi cứ phải đùa lên thôi: "Tớ đang chờ nhà văn, nghệ sĩ... bỏ chồng..." Liên cười, cúp máy. Tôi nhìn qua cửa sổ thấy thím Chiên đang ở trong vườn cam chọn quả sắp lễ. Sau tiết thu phân vườn cam chín vàng mề mơi con mắt. Lát nữa thôi, cụ Thợ, cụ Tơ, bà Gái... Các bậc tiền nhân của ngõ "bắp cây" sẽ nhận được tin vui. Cậu bé một mai tung tăng trên sân chơi ngoài ô cửa sổ là kết quả của mối tình đẹp như cổ tích. Một lần đi tham quan cố đô Quân làm quen được cô giáo dạy văn dòng dõi tôn thất. Cuối đợt tham quan theo "lệnh" của cô giáo Quân bàn giao chức trưởng đoàn ở lại "thăm thêm cho kỹ". Cô giáo đưa anh cán bộ đoàn về ra mắt ba mẹ. Chàng trai xứ Bắc đẹp như tài tử vấp phải những tiếng "ồ... thợ cây...". Mối tình thư - điện thoại kéo dài mười bảy tháng. Cho đến một chiều hè, bố mẹ và cô giáo bước vào ngõ "bắp cây".

Tôi nhao ra ngõ vì tiếng Quân như quát qua ô cửa chái: "Ra ngay. Có việc". Vợ chồng Quân, mấy cô cậu sinh viên đang nghỉ hè. Quân kéo tôi vượt lên.

Hào lại bị chồng làm nhục, không về nhà mà chạy lên chùa làng. Sư thầy thật tế nhị việc đời. Hỏi chuyện, an ủi Hào rồi điện thoại cho Mơ. Mọi việc sư thầy đã tính định. Tao gọi các em rồi mới gọi mày. Như lời sư thầy đêm nay mày là nhân vật quan trọng.

Lần này...? Tôi không nhớ là lần thứ bao nhiêu Hào phải trốn đòn chồng? Nhưng có ba lần tôi biết và thật oái oăm, đều biết qua ô cửa mở ra ngõ. Lần thứ nhất, giữa trưa Hào xách túi, sụp nón. Lần thứ hai xế chiều tôi đứng bên ô cửa sổ nhìn bọn trẻ chơi trò chơi trâu lá mít. Đột nhiên bọn trẻ dạt vào bên dậu. Hào đi như chạy vào ngõ, tóc rối bời. Hình như một bên mắt sưng húp. Lần thứ ba đêm trăng sáng, tôi ngồi đọc truyện ngắn mới nhất của Liên. Truyện viết về cô gái lấm lẩn một tình yêu. Cô bạn nhà văn khiến gã trai quê cay xè con mắt.

Chợt có bóng người ngoài cửa sổ. Tôi ngẩng lên, buột miệng: Hào. Tiếng bước chân rụt rè quay lại. Gương mặt buồn loang dấu nước mắt. Có cô bé xinh hơn khi hôn dỗi. Có người đẹp hơn, quyến rũ ta hơn khi người ấy buồn. Sự này đúng sai còn phải bàn, phải nghĩ... Chỉ mười ngoài song cửa là cô gái từng nép gốc cây với già, từng ngoéo tay... từng nhân của tôi, gửi cho tôi những lá thư... Tôi vươn tay sập mạnh cánh cửa. Bảy nhiều năm trời từ ngày tấm liếp thời treo lẩn đầu tiên ô cửa sổ mở ra ngõ sập kín đúng đêm trăng sáng.

Đêm nay... Mơ hay Hào đã nói thế nào mà sư thầy cho rằng tôi là nhân vật quan trọng? Hay là Quân gán cho? Quan quyết gì cái gã trai từng chịu chết mỗi tình đầu!

Chủ tiểu mở cổng mời chúng tôi vào thư phòng. Sư thầy ngồi bên bàn trà trông cho Hào đọc sách. Con gái Huệ thật khéo phép giao tiếp với giới tu hành. Mơ bước lên chấp tay né sang bên cửa.

Bạch thầy. Chúng con vâng lời thầy chỉ bảo ạ.

Sư thầy nâng tay áo cà sa đáp lễ, vui vẻ:

Ta đang chờ các con. Các con vào ghế đi. Vợ chồng Quân, mấy em vào ngồi cùng ghế dài với Hào. Tôi vào sau, ngồi đầu ngoài ghế.

Sư thầy đứng lên tự tay gấp cuốn sách trước mặt Hào.

Ta tặng con cuốn sách này. Con tự biết khi nào cần ngồi trước trang sách.

Hào đứng lên chấp tay nghẹn ngào:

Con cảm ơn thầy.

Con hãy khoan ngồi. Sư thầy nói - Cảm ơn con đã không giấu ta những chuyện riêng tư, thật tâm nguyện vọng. Ta thực lòng muốn tránh cho con sự dở dang nửa đời nữa đạo. Vấp ngã rồi hãy đứng lên giữ sạch bụi lấm, làm lành vết thương. Những người bạn thân thiết của con đều là những thiện nam tín nữ ta tin yêu. Ta xin lỗi đã giấu con gọi các bạn đến. Con đã đứng lên, nếu chịu lời ta hãy về cùng các bạn.

Hào nấc lên, đưa tay chùi nước mắt:

Con xin vâng lời thầy.

Vào sâu trong ngõ. Quân và các em vượt lên. Mơ

nhìn lướt qua Hào nhìn sang tôi. Tôi chịu lời ánh mắt cô gái Huệ tinh tường và tế nhị.

Ánh đèn trong gian chái hắt qua ô cửa sổ in vệt sáng ngang mặt ngõ. Hào dợm bước qua vùng sáng rồi quay lại đứng nép bên cạnh ô cửa. Hai bàn tay Hào nắm chặt đôi song cửa, thoáng nhìn vào trong rồi cúi gằm nhìn mặt ngõ. Tôi cảm giác Hào sẽ sụp xuống nếu không có song cửa để bám víu.

Hào này. Tôi chỉ nói được thế. Những câu hỏi, lời muốn nói ứ lại đau nhói lồng ngực.

Hào thôi nhìn mặt con ngõ, nước mắt tràn ra, rơi rơi. Tôi lần thấy trong nước mắt cô bé ngày xưa ra những xót hận, cả những é chề. Chỉ mấy tháng sau ngày cưới thằng Bá chồng Hào đã cặp bồ. Mụ kia có chồng làm to, từng là nhân tình của anh trai thằng Hào. Thằng em thế chân thằng anh để dựa thế lực để bề làm ăn. Ngõ nhà giữa phố mới còn là nơi ăn nhậu, cờ bạc. Thằng Hào thường rủ bạn gái, lắm khi ép cả vợ ăn mặc trốn trên gối chia bài, rót rượu. Đêm thua bạc lớn thằng Hào hô bạn ép Hào và đứa bạn gái lên tầng hai để giải đen. Hào lừa vợ được con dao, vung dọa, chạy thoát.

Chính là những giọt nước lã lã tròn gương mặt úp vào song cửa đã giúp tôi gạt đi những ngăn cản của quá vãng, vượt qua được những ngại ngùng. Tôi cầm bàn tay Hào, đỡ em ngẩng mặt ra vùng sáng.

Nín đi. Em đã trở về là tốt rồi. Chúng mình chưa hết cơ hội để nói với nhau. Khuya rồi. Em về đi.

Một quãng khó nhọc rồi Hào cũng thông thả được bước chân. Qua vòm cổng kết bằng cây vọng cách. Qua cây vối đang lên mầm cổ thụ. Hào dừng lại, nép bên gốc cây nhãn. Nhớ một lần Hường và Liên đổ tôi cây nhãn lồng mấy tuổi. Tôi lắc đầu nói đại, bị hai đứa véo tai, búng mũi: "Đầu óc đã nhầm cô nào mà quên cây nhãn ngõ nhà..." Thực ra hôm đó tôi đang buồn nỗi vắng bóng người già qua cửa sổ. Làm sao tôi quên bộ song cánh ô cửa sổ gian chái nhà "thằng tướng trận giả" bằng tuổi cây nhãn lồng nhà cô bé hay hôn dỗi. ■

T.V.T

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập: NGUYỄN TRÍ HUÂN ● Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO ● Phó tổng biên tập: KHUẤT QUANG THỤY

● Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehthuathvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa -

Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0856 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.